

TRỰC GIẢI KINH DƯỢC SƯ

No. 381

藥師琉璃光如來本願功德經直解

Nguyên tác Hán văn: Tì-kheo Linh Diệu, tông Thiên Thai soạn

Dịch sang tiếng Việt: Thích Thọ Phước

A. Lời tựa khắc bản kinh *Dược sư trực giải*

Ngài Tịnh Danh nói: “Vì tất cả chúng sinh bệnh nên ta bệnh, nếu bệnh của tất cả chúng sinh lành thì bệnh của ta mới lành.” Vĩ đại thay! Tâm từ sâu rộng, thương xót chúng sinh của Bồ-tát làm sao dò thấu được?

Kinh *Dược sư bản nguyện công đức* là phép lạ thoát khỏi mầm bệnh, là bí quyết nuôi sống tuệ mạng.¹ Thuở xưa, Đức Phật của chúng ta, nhân đi giáo hóa ở thành Quảng Nghiêm, nhận lời thỉnh cầu của Bồ-tát Diệu Cát Tường, Ngài nói kinh này để thích hợp với căn cơ của chúng sinh trong thời tượng pháp và mật pháp. Từ đó, tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch và truyền bá rộng rãi kinh này.

Pháp y che trùm khắp thiên hạ, đủ duyên, đúng thời, nên mọi người đều văn trì.² Bởi vì, kinh điển của Phật tuy đơn giản nhưng công đức rất lớn. Những năm gần đây, có sa-môn Linh Diệu ở Cổ Thanh Lương, Chiết Giang, khi nghỉ ngơi trong sân chỉ quán,³ lúc quanh quần giữa chốn thiên tịch,⁴ lấy vô ngôn để nói, dùng vô giải để giải, phân chia khoa mục, giải thích kinh ấy, đặt tên là *Trực giải*. Văn chương sáng tỏ, rõ ràng và vốn có khí chất của sao Đẩu, sao Ngưu. Nhân khi tôi đem các bản sơ giải của các nhà ra đọc lại, mới biết được bản giải thích của sa-môn Linh Diệu. Vì bản giải thích vượt ra ngoài hiểu biết của tôi, nên tôi không dám tùy tiện đánh giá, chọn lựa, mà chỉ kiểm tra những bản khắc nguyên vẹn hiện còn gần đây, cho khắc lại và lưu truyền mãi ở đời.

Tất cả chúng sinh vì nuôi nấng cố tật⁵ ba chướng,⁶ nên bị luân hồi sáu đường, không biết trải qua bao nhiêu số kiếp. Vì vậy, Thanh Đế Bảo Phật dốc hết tình thương nhỏ nhất, ngồi mười hai nguyện luân,⁷ tùy duyên phó cảm, nên tất cả chúng sinh đều được chữa trị, cứu giúp. Tốt

¹ Tuệ mạng 慧命 (S: Āyusmat): Pháp thân lấy trí tuệ làm sinh mạng. Cũng như sắc thân này, cần phải nhờ vào ăn uống mà nuôi sống thì pháp thân ấy cũng phải nhờ vào trí tuệ để trưởng dưỡng.

² Văn trì 聞持: nghe giáo pháp và ghi nhớ không quên.

³ Chỉ quán 止觀: ngừng dứt các vọng hoặc và phát sinh trí tuệ, đây là một trong nhiều pháp môn tu tập trọng yếu của Phật giáo.

⁴ Thiên tịch 篇籍: chỉ chung cho kinh, sách.

⁵ Cố tật 痼疾: chứng bệnh kéo dài khó trị.

⁶ Ba chướng 三障: phiền não chướng, nghiệp chướng và báo chướng.

⁷ Nguyện luân 願輪: bánh xe thệ nguyện. Có hai nghĩa: 1. Thệ nguyện rộng lớn của Bồ-tát kiên cố, có khả năng phá tan được tất cả ma chướng đối địch như bánh xe báu của Luân Vương, nên gọi là Nguyện luân. 2. Bản thân của Bồ-tát, trước sau xoay vòng trong thệ nguyện của mình, tinh cần không bao giờ ngừng, cho nên cũng gọi là Nguyện luân.

đẹp thay! Phương tiện từ bi của cổ Phật⁸ hay hơn nước thượng tri.⁹ Xa quá biết làm sao? Vì ý chí người thấp kém, lại không hiểu biết xa rộng nên mới có việc khẩn cầu ấy.

Từ đó, mọi người chỉ lấy trường thọ, giàu sang làm mục đích; giống như gánh cỏ gai mà vứt bỏ vàng bạc vậy. Thật đáng thương! Biết làm sao để thỏa mãn ý muốn điên đảo của tất cả chúng sinh trong ba cõi? Vì vậy, mới dùng phương tiện thiện xảo từng bước dẫn dụ, nhưng tất cả mục đích¹⁰ đều nhờ vào hành xử¹¹ sâu xa mà sinh ra. Than ôi! Nếu đạt được gốc ấy thì ngọn tự nhiên bị trừ diệt. Nếu để mất gốc ấy mà chỉ cầu các việc sống lâu, giàu sang v.v.. vậy thì, há chẳng phải không hiểu được ý nghĩa bản nguyên độ sinh của bậc Y Vương sao?

Ngày rằm tháng 7 năm Bính Dân, niên hiệu Trinh Hưởng thứ ba.

Tì-kheo Tuệ Kiên Giới Sơn ở chùa luật An Dưỡng, Hồ Đông, kính ghi.

B. Lối tựa kinh *Được sư trực giải*

Thánh giáo truyền đến Trung Quốc, theo thời gian, xuất hiện nhiều bộ chú sớ, như các bộ chú sớ về kinh *Kim cang*, kinh *Lăng-nghiêm*, có khoảng vài trăm bộ. Nhưng riêng kinh *Được sư*, không có bản giải. Vì sao? Ý của người xưa cho rằng, nhà Tần¹² thiêu đốt Kinh mà Kinh còn, nhà Hán¹³ nghiên cứu Kinh mà Kinh mất. Việc ấy nói ra dài dòng, có liên quan đến những người kém hiểu biết. Kinh ấy từ đầu đến cuối chỉ có ba pháp;¹⁴ giống như mặt trời, mặt trăng trên bầu trời, người có mắt đều nhìn thấy trực tiếp, rõ ràng, không có việc gì phải giải thích.

Tôi đã giải thích. Và sở dĩ gọi là thẳng (trực 直) vì không giải thích vòng vo. Vì giải thích vòng vo và cố gắng chứng minh thì câu chữ khăng khít, mạch lạc, nhưng trái lại nghĩa chính bị mờ tối, không chính xác. Tán gẫu chép thành văn, nói đùa cho là giảng, nên ba đức¹⁵ đều không sắp xếp theo thứ tự. Nay chỉ theo Kinh chỉ bày thẳng ba pháp: thể, tông, dụng; là ba nhân¹⁶ của chúng sinh, cũng chính là ba đức của Quả nhân.¹⁷ Dựa theo những sáng tác, biên soạn ấy, có thể hiểu biết, có thể thực hành. Giống như ánh sáng của mặt trời chỉ chiếu soi các loại sắc mà thôi. Vì vậy, tôi không dám chú giải quanh co, dài dòng. Vì chia chẻ Kinh điển cũng là giải, tức là không giải. Và quan sát ý của người xưa cũng không có việc phải giải thích.

⁸ Cổ Phật 古佛: tư tôn xưng các Đức Phật xưa, bày Đức Phật quá khứ, Bích-chi-phật, Phật Thích-ca, Phật Lô-xá-na v.v..

⁹ Thượng tri 上池: 即竹木上露水. Sương đọng trên cây trúc.

¹⁰ Mục đích 旨歸.

¹¹ Hành xử 行處: đối tượng quán tưởng tu tập.

¹² Nhà Tần 秦: 221-207 trước công nguyên.

¹³ Nhà Hán 漢: 206 năm trước công nguyên-năm 220 sau công nguyên.

¹⁴ Ba pháp 三法: đó là, giáo pháp, hành pháp, chứng pháp. Giáo là ngôn giáo do Phật hiển bày; Hành là chúng sinh tu hành giáo pháp của Phật; Chứng là chứng ngộ chân lí từ sự tu hành. Đây đủ ba pháp này được gọi là Giáo pháp hoàn bị.

¹⁵ Ba đức 三德: ba đức tướng của Đại niết-bàn: pháp thân, bát-nhã và giải thoát.

¹⁶ Ba nhân 三因: ba loại nhân quả trong quá trình tu tập của Bồ-tát, đó là: dị thực nhân, phúc nhân và trí nhân.

¹⁷ Quả nhân 果人: người đã đạt đến quả vị Phật.

Ti-kheo Linh Diệu, tông Thiên Thai, viết tại phương trượng Ngự Đường, vào ngày 7 tháng Giêng, năm Kỷ Dậu.

C. Chính thức giải thích Kinh

1. Tên Kinh

Kinh Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai bản nguyện công đức.

Đầu đề là cương yếu của một bộ Kinh, là ý chính của các nghĩa. Cho nên, không thể không tư duy tường tận, không thể không giải thích rõ ràng. Kinh này Đức Phật nói có ba tên gọi. Trong đó, một tên chỉ nói ‘*Trừ hết nghiệp chướng*’, một tên dẫn dò ‘*Chứng ngộ bảo vệ lưu truyền*’. Cả hai tên gọi ấy đều không thể chuyển tải hết ý nghĩa của Kinh này. Tên trước, tên sau đều vẫn còn nhưng không được nói đến.

Chỉ một tên ‘*Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai bản nguyện công đức*’ cũng đã bao gồm tất cả các ý nghĩa, tóm thâu cả bộ Kinh, và phù hợp với tông tướng-biệt tướng. Vì cho đó là hay, nên tìm tên, biết nghĩa và nắm nghĩa rõ ràng. Nếu muốn chỉ bày thẳng thì phải lấy người và pháp làm tên gọi; lấy hành xứ sâu xa của chư Phật làm thể; lấy hạnh nguyện phương tiện làm tông; lấy công đức cứu khổ, ban vui làm dụng; lấy sinh tô của Đại thừa làm giáo tướng.

1.1. Giải thích tên gọi: Tên thì có tên chung và tên riêng.

1.1.1. Tên riêng

Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai: là tên người.

Bản nguyện công đức: là tên pháp. Hai tên ấy đều đầy đủ bí tạng¹⁸ của ba pháp.

Được Sư: bởi vì chúng sinh trong chín giới¹⁹ có đủ báo bệnh, nghiệp bệnh, phiền não bệnh; vì nghi ngờ²⁰ đồng thể đại bi của Như Lai nên không đạt được đặc xuất thế đã đắc; và dùng pháp được²¹ giới, định, tuệ chữa trị các bệnh, nên gọi đó là Được.

Báo bệnh: chúng sinh mượn bốn đại để làm thân, nên chỉ cần một đại không điều hòa thì sinh ra trăm bệnh; bốn đại không điều hòa thì đột nhiên sinh ra bốn trăm lẻ bốn bệnh. Kinh *Kim quang minh* lại luận: “Bốn thời thân tiếp xúc với môi trường lạnh, nóng không điều hòa là gốc của khổ. Vì khổ bức bách thân càng nhiều nên sinh ra vô lượng ác bệnh bức não thân thể.” Nói, vì thiên hạ không có nên không có chúng sinh chịu tội; vì thiên hạ không có nên không có chúng sinh bị bệnh. Thế thì, nên dùng thuốc tam quy giới, thập thiện thuộc thế gian v.v.. để trị tâm bệnh,²² lại dùng thuốc vàng, đá, cỏ, cây v.v.. để trị thân bệnh.²³

¹⁸ Bí tạng 秘藏: kho bí mật. Giấu kín không truyền cho mọi người gọi là Bí; chứa đựng bên trong gọi là Tạng. Bí tạng nghĩa là diệu pháp của chư Phật khéo giữ gìn, không tuyên thuyết bừa bãi.

¹⁹ Chín giới 九界: chín cảnh giới của chúng sinh: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la, người, trời, Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát.

²⁰ Trong văn là chữ khoản 欸, nghi là chữ nghi 疑 mới đúng nghĩa.

²¹ Pháp được 法藥: thuốc pháp, dụ cho giáo pháp của Đức Phật có công năng dứt trừ bệnh khổ của tất cả chúng sinh.

²² Tâm bệnh 病本.

²³ Thân bệnh 病表.

Nghiệp bệnh: chúng sinh tạo các tội sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, năm nghiệp, mười ác v.v.. Những tội ấy liên quan đến nhân ác hiện hành, phát sinh ra từ bảy chi²⁴ thuộc thân và miệng, tạo thành vô biên đại tội. Thế nên, phải dùng các loại thuốc định vị đáo,²⁵ tứ thiên,²⁶ bát định,²⁷ v.v.. thuộc Dược giới để dứt trừ những nhân thô ác thuộc thân và miệng.

Phiền não bệnh, có ba: bệnh kiến tư, bệnh trần sa và bệnh vô minh. Để trị những chứng bệnh này, phải dùng hai mươi lăm vương tam-muội; tức dùng thuốc ‘không’ để trị bệnh kiến tư, dùng thuốc ‘giả’ để trị bệnh trần sa và dùng thuốc ‘trung’ để trị bệnh vô minh.

Tuy thuốc dùng để trị bệnh, nhưng nếu trị không đúng người thì thuốc trở thành hại người. Dù đó là đề hồ cũng biến thành độc dược. Giống như cừu y²⁸ dùng nhũ dược²⁹ để trị bệnh ma, ngoại đạo, tà kiến, chẳng những không được lợi ích mà trái lại còn làm hại chúng. Nay Dược mà gọi là Sư, chính là vì chú trọng đến người có thể dùng thuốc. Người có thể thực hành, nhưng không thể giảng nói thì đó là ‘dụng’ của một nước. Người có thể giảng nói, không thể thực hành là ‘thầy’ của một nước. Người có thể giảng nói, có thể thực hành là ‘báu’ của một nước. Đức Như Lai thực hành và nói đều siêu việt. Tuy đại y³⁰ không trị tiểu y.³¹

Chấp tay: một khi thuốc pháp đã thấm thì bệnh nặng lành liền; thế mới xứng đáng là thầy của người, là báu của một nước. Vì thế mới gọi là Dược sư. Trong kinh *Niết-bàn* gọi là Tân y; kinh *Pháp hoa* gọi là Lương y, hoặc gọi là Dược vương, hoặc gọi là Y vương, Đại Y vương, v.v.. thực chất, tên gọi thì khác nhưng nghĩa thì giống nhau.

Nhưng khi Đức Phật trị bệnh, Ngài tùy hiện mười thân,³² không bỏ sót nơi nào. Giống như cách trị bệnh của người Tàn, người Việt không cố định. Nếu trị báo bệnh thì hiện làm con

²⁴ Bảy chi 七支: ba ác nghiệp của thân và bốn ác nghiệp của miệng. Ba ác nghiệp của thân là sát sinh, trộm cắp, tà dâm; bốn ác nghiệp của miệng là vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lường thiệt. Vì có bảy ác chi phần nên gọi là Thất chi. Là bảy điều ác đầu trong mười điều ác.

²⁵ Trong văn ghi là định vị đáo 定未到, nghi có sự xáo trộn thứ tự giữa các chữ. Có lẽ nên ghi vị đáo định未到定 mới đúng.

²⁶ Tứ thiên 四禪 (S: Catvāri dhyānāni): bốn loại thiền định căn bản dùng để đối trị hoặc nghiệp và sinh ra các công đức. Đó là: sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền thuộc cõi Sắc, nên còn gọi là Sắc giới định.

²⁷ Bát định 八定: đó là: Sơ thiền thiên định, Nhị thiền thiên định, Tam thiền thiên định, Tứ thiền thiên định, Không xứ thiên định, Thức xứ thiên định, Vô sở hữu xứ thiên định, Phi tướng phi phi tướng xứ thiên định.

²⁸ Cựu y 舊醫: thầy thuốc ngày xưa. Trước khi Phật giáo thành lập, ở Ấn-độ đã có nhiều học thuyết ngoại đạo luận về các vấn đề nhân sinh các học thuyết đó đều được gọi là Cựu y. Phật giáo ra đời sau, đối lại với Cựu y nên gọi Phật giáo là Khách y (Tân y). Cựu y cũng là Y sư, nhưng vì không có pháp tùy thuận theo căn cơ chúng sinh mà chữa trị, cho nên vụng kém hơn Khách y.

²⁹ Nhũ dược 乳藥: là một thí dụ. Thí dụ cựu y và tân y cùng sử dụng Nhũ dược, nhưng bệnh thì có lợi và hại khác nhau. Thí dụ như, ngoại đạo nói thường và Phật cũng nói thường, nhưng hai thường ấy tà-chính khác nhau.

³⁰ Đại y 大醫: ý chỉ, đối với tất cả bệnh, tất cả nguyên nhân gây bệnh, tất cả thuốc trị lành bệnh đều có thể biết hết. Cho đến, biết hết nguyên nhân sinh ra bệnh, thuốc chữa lành bệnh v.v.. Thí như Bồ-tát biết tất cả bệnh, biết tất cả thuốc. Đó gọi là Đại y.

³¹ Tiểu y 小醫: chỉ biết bệnh, biết nguyên nhân sinh bệnh, biết thuốc trị lành bệnh, nhưng không biết tất cả bệnh, không biết nguyên nhân sinh ra tất cả bệnh, không biết thuốc chữa lành tất cả bệnh. Dùng thí dụ, hàng Thanh văn không thể biết được bệnh và thuốc trị bệnh. Đó gọi là Tiểu y.

³² Mười thân 十身: mười thân của Phật và Bồ-tát.

của trưởng giả Lưu Thủy, Thần Nông ở Chi Vực, Thương công người Việt, v.v.. siêng năng tìm tòi, học hỏi với tất cả các bậc danh y tài giỏi; biết thuốc có tính lạnh, nóng, ôn hòa; xét bệnh tính hư, thật, lạnh, nóng. Như khi ba việc³³ xuất hiện thì dùng ‘giả dược’ để trị bệnh điên đảo. Người bị bệnh cao hoang³⁴ bộc phát trong chốc lát mà có thể cứu sống lại,³⁵ thì đó cũng mới chỉ là thầy thuốc thế gian.

Nếu trị nghiệp bệnh thì hiện tượng đang nhập thiền sâu, đại định,³⁶ làm thiên vương ở ba cõi. Như hiện làm Thiên Nhân Trượng Phu Quán Thế Âm, Đại Phạm Thâm Viễn Quán Thế Âm; hoặc hiện làm tam tạng Như Lai v.v.. biết rõ thuốc pháp chữa trị các bệnh. Người nhiều tham dục thì trao cho thuốc bất tịnh; người nhiều sân nhuế thì trao cho thuốc từ bi; cho đến, tất cả những người đang trụ trong định thì đều trao cho thuốc phi phi tưởng; không để cho họ đắm vào vị ngọt thiền định mà bị ám chứng.³⁷ Thí như khi cưỡi ngựa, vừa thương ngựa, vừa thúc ngựa, tức phải điều khiển và bảo vệ ngựa cho thích hợp.

Không tương đồng: như đem pháp quán sô tức dạy cho người trông coi mã, là không hợp; lấy pháp quán bất tịnh dạy cho người thổi lửa, là sai lầm. Chắc chắn vì khả năng thiền định còn kém, nên mới áp dụng sai lầm như vậy.

Nếu đức Dược Sư muốn trị bệnh phiền não thì phải hiện pháp thân, báo thân, ứng thân để nói pháp. Tức dùng thuốc không quán để trị bệnh kiến tư; dùng thuốc giả quán để trị bệnh trần sa; dùng thuốc trung quán để trị bệnh vô minh. Giống như, dù đó là pháp chỉ quán hay pháp phá,³⁸ đều có thể áp dụng cho mọi đối tượng, thế mới gọi là Vô thượng dược vương.

Trong *Pháp hoa văn cú* nói, chỉ loại lương y thứ mười mới được gọi là Dược sư. Đức Phật Thích-ca chủ cõi Ta-bà, Đức Phật Dược Sư là bậc Chính giác ở phương đông, và chỉ Phật với Phật mới có thể áp dụng triệt để, chứ chẳng phải chúng sinh thuộc những địa dưới có thể nghĩ đến được; chỉ trừ những hàng Bồ-tát nhất sinh sở hệ đã lành bệnh mới có thể nhìn thấy được mà thôi. Lại nữa, phải biết, nếu đã nói công của Dược sư thuộc về nhỏ sạch khổ, thì nên xem công đó là dụng của đoạn đức. Nhưng, khi bệnh đã lành rồi thì tự nhiên được thanh thân và càng làm sáng tỏ thêm cho giải thoát đức.

Thầy thuốc mà có thân thể sáng đẹp thì được đặt tên là Lưu-ly Quang. Công dụng của thuốc tam quán pháp³⁹ có thể trị bệnh ba chướng và mở kho đại quang minh của ba trí.⁴⁰ Đó gọi là hết nhơ thành sạch, sạch quấy phát sáng.

³³ Ba việc 三事: quán sát quả báo ác sinh tử, tăng trưởng thiện căn, phá các phiền não.

³⁴ Cao hoang 膏肓: bệnh nặng không chữa được gọi là Bệnh nhập cao hoang.

³⁵ Cứu sống lại 肉骨: làm cho xương trắng sinh ra da thịt trở lại. Ý nói, chết rồi sống lại, xương trắng sinh ra thịt.

³⁶ Đại định 大定 (P: Mahaggata-samādhī): định căn bản thuộc hữu lậu thiện của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đối lại với Tiểu định của cõi Dục.

³⁷ Ám chứng 暗證: chuyên công phu tọa thiền, nhưng không am hiểu nghĩa lý của giáo văn.

³⁸ Pháp phá 破法: chúng sinh dùng tà kiến phá hủy chính pháp của Như Lai.

³⁹ Tam quán pháp 三觀法: không quán, giả quán và trung quán do tông Thiên Thai lập ra.

⁴⁰ Ba trí 三智: nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí.

Nếu thuốc thể gian chữa trị được báo bệnh mà có ánh sáng thì cũng giống như trong Kinh nói, tiêu phu vắc củ vào chợ; bên trong ẩn một nhánh quang minh, bên ngoài hiện người bán giỏi, nhưng xét kỹ ra thì chỉ có thân Dược thụ vương mới chữa trị được mọi chứng bệnh.

Ở Đông Độ, thân của Thần Nông giống như Lưu-ly, trong ngoài đều trong suốt. Nếu tám vạn bốn nghìn thảo dược ở thể gian như vàng, đá, cỏ, cây, đều uống được thì Kinh gì phải trị những bệnh gì? Bệnh thì có bệnh nguy hiểm và bệnh không nguy hiểm, nên nhất định lấy *Bản thảo*⁴¹ làm tiêu chuẩn cho cách sử dụng thuốc của Trung Quốc.⁴² Những người Tần, người Việt đầu tiên⁴³ uống nước thượng tri,⁴⁴ có thể nhìn thấy khắp vùng, xem bệnh biết bệnh, ấy là người có ánh sáng. Không phải người có ánh sáng ấy đều là do công hiệu của thuốc, mà là người ấy vốn sẵn có ánh sáng. Giống như người uống thuốc bổ thiên, đại thảo, nhân sâm, v.v.. thì mặt mày sáng sủa; người mù gặp thuốc thì được sáng mắt. Đây đều là hiệu lực của y dược thể gian, trị báo bệnh mà có ánh sáng.

Hiệu lực của thuốc giới, định, tuệ, sáu độ xuất thể gian đều có ánh sáng. Thí như khi ti-kheo thụ giới, lâm đàn bạch tứ yết-ma, thành tựu vô tác giới quang của mười phương chư Phật. Giống như mây, như lọng và rót vào đỉnh đầu người thụ giới, gọi là đắc giới. Nếu dùng thiên nhãn thì có thể thấy biết được. Nếu giới tròn đủ thì giới nói trong kinh *Phạm võng*⁴⁵ được gọi là Ánh sáng Độ nhất nghĩa.

Ánh sáng không phải màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, cũng không phải sắc, không phải tâm, không phải nhân, quả, pháp. Công hiệu khi uống thuốc giới này mà có ánh sáng, thì khi uống thuốc định cũng có công hiệu như vậy. Hai mươi tám vị trời đều từ định mà sinh ra, nhưng thân của mỗi vị trời tự có ánh sáng khác nhau, nên mỗi vị cũng có tên riêng; có vị tên Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Âm. Tóm lại, tất cả đều thuộc tính cực quang và đều nhờ công hiệu do uống thuốc định nên có ánh sáng.

Hoặc tu tập sáu độ có ánh sáng, như ánh sáng màu tía của Ca-diếp. Ti-kheo-ni vì thực hành bố thí mà sinh ra ánh sáng. Người trì giới thì tự nhiên có ánh sáng của giới sáng sủa. Tu tập nhẫn nhục thì sinh ra cực quang. Tu tập tinh tấn phát ra ánh sáng, tất cả chúng sinh thích nhìn. Vì Bồ-tát đốt thân làm đuốc cúng dường Phật, nên pháp giới gọi là chân tinh tấn. Tu tập thiền định có ánh sáng, như Tứ thiên, Đạo-lợi và tám định trên đều có ánh sáng. Ánh sáng của trí tuệ rất nhiều. Nếu người nào hợp chí nguyện, cùng phương pháp với Đức Phật hiện tại thì

⁴¹ Bản thảo 本草: tức *Thần Nông bản thảo kinh*. Là một quyển sách thuốc nổi tiếng ở Trung Quốc, thời cổ đại.

⁴² Trung Quốc 真丹: người Ấn-độ thường gọi nước Trung Quốc là Chân đan, Chấn đán, Thần đan v.v..

⁴³ Đầu tiên 鼻祖: tị tổ. Người bắt đầu một dòng họ, sáng lập một nghề, một học thuyết, một ngành hoạt động.

⁴⁴ Xem ct.7.

⁴⁵ Kinh Phạm võng 梵網經 (P: Brahmajāla-sutta): kinh được viết bằng tiếng Pāli, thuộc Kinh tạng của Nam phương Thượng tọa bộ, tương đương với kinh *Phạm động* và kinh *Phạm võng lục thập nhị kiến* trong Trường A-hàm 14.

giống như Bồ-tát Lưu-ly Quang trong kinh *Niết-bàn* phóng ánh sáng xanh và đi đến trước mặt Phật Thích-ca. Ánh sáng ấy gọi là trí tuệ.

Đây là nói công hiệu do uống thuốc sáu độ mà có ánh sáng.

Nếu do công hiệu uống thượng dược tam quán mà có ánh sáng thì gốc của ánh sáng ấy là bát-nhã; thường chiếu sáng, phá tan bệnh mờ tối và có ánh sáng lớn. Nhưng người đạt được ánh sáng bát-nhã ấy thì có cạn-sâu, lớn-nhỏ không giống nhau. Vì ánh sáng của mặt trời chiếu soi các loại sắc, nên giúp cho người đi trong đêm, người làm việc dưới hầm mỏ đều được thông suốt. Người lớn không biết công dụng của ánh sáng ấy, trẻ con đánh mất sự trong sáng của nhãn cầu. Đó là ánh sáng trí tuệ bát-nhã của Bồ-tát.

Khi mặt trời đã lặn thì mặt trăng chiếu soi làm cho đêm mát mẻ, trong sáng. Đuốc là dụ cho nguyệt ái tam-muội được nói trong kinh *Niết-bàn*. Hề mặt trời, mặt trăng xuất hiện thì ánh sáng của đuốc vô dụng. Giả sử gặp trăng non thì nhờ trăng non, và khi mặt trăng thánh hiện lặn rồi thì chỉ nhờ vào ánh sáng của sao. Người xưa nói: “Mùa xuân, sao treo trên am tranh”, ý chỉ ánh sáng của sao chiếu sáng đêm tối. Nếu mặt trời, mặt trăng và sao bị che tối thì phải nhờ ánh sáng của đèn. Ánh sáng của một ngọn đèn có thể xua tan ngôi nhà tối nghìn năm. Phản ánh sáng lọt qua bức tường⁴⁶ còn có thể giúp người thành đạt, hướng thấp đèn chiếu soi khắp nơi ư? Hoặc khi đèn chưa tắt mà nửa đêm hắc nguyệt,⁴⁷ mây và sương mù tối tăm, thì dù chỉ một tia chớp cũng có thể phá tan bóng tối. Hoặc chỉ một tia sáng mà có thể soi thấy muôn vật. Giống như ánh sáng của con đom đóm.

Đức Phật Dược Sư bồ xứ⁴⁸ cho các vị á thánh⁴⁹ đồng lòng giúp đỡ. Như Bồ-tát Nhựt Quang, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Dược Vương, Bồ-tát Dược Thượng vốn đồng tâm, đồng nghiệp với Đức Phật Dược Sư nên gọi là Tinh tú quang. Ngày xưa, lúc thái tử mới sinh, thân phát ánh sáng không dứt nên mới gọi là Nhiên đăng đĩnh quang. Hoặc khi tu tập thể đệ nhất pháp từ sát-na thứ hai dần nhập kiến đạo, khoảng thời gian ấy rất nhanh nên gọi là Điện đăng tam-muội. Ánh sáng đom đóm của tôn giả Ưu-ba-ly⁵⁰ là ánh sáng đom đóm của Nhị thừa, vì có

⁴⁶ Ánh sáng lọt qua tường 鑿壁分光: Do điển Khuông Hành đời Hán, nhà rất nghèo, không có tiền mua dầu đốt đèn học, phải đục tường nhà mình ra, để ánh sáng bên nhà hàng xóm lọt qua, rồi kê sách vào mà học.

⁴⁷ Hắc nguyệt 黑月 (S: Kṛṣṇa-pakṣa): nửa tháng không trăng. Pháp làm lịch của Ấn-trần căn cứ vào sự tròn, khuyết của mặt trăng mà chia mỗi tháng 2 phần: hắc nguyệt và bạch nguyệt.

⁴⁸ Bồ xứ 補處: Nhất sinh bồ xứ 一生補處 (Eka-jāti-pratibaddha): người còn bị sinh tử lần cuối cùng, nghĩa là sau đời sống hiện tại này sẽ được thành tựu Phật quả tại nhân gian. Bồ xứ nhằm chỉ cho địa vị Bồ-tát tối cao là Bồ-tát Đẳng giác, như trường hợp của Bồ-tát Di-lặc.

⁴⁹ Á thánh 亞聖: dưới bậc thánh.

⁵⁰ Ưu-ba-ly huỳnh quang 波離螢光: *Chứng đạo ca chú*, X. 63, tr. 278b09&278b10. Có hai vị tì-kheo phạm giới dâm và giới sát. Ba-ly huỳnh quang kết thêm tội. Người phạm giới dâm và sát đều là tội nặng căn bản. Huỳnh quang là ví Tiểu thừa giống như ánh sáng của đom đóm, không thể xua tan bóng tối. Thuở xưa, có hai tì-kheo cất một thảm am trong núi để tu tập, giữ gìn tính giới không khuyết phạm. Một hôm, một tì-kheo đi ra ngoài, một tì-kheo ở trong am thiền định, nhưng ngủ quên. Vì ngủ say, bị một phụ nữ đồn cúi cưỡng hiếp, nên trong lòng không vui. Sau đó, tì-kheo kia trở về, vị tì-kheo này mới kể hết sự việc. Vị tì-kheo kia nổi giận đuổi bắt người nữ. Người nữ sợ hãi rơi xuống hố sâu và chết. Vì thế, vị tì-kheo kia càng phiền não. Một vị vô tâm phạm giới dâm. Một vị vô tâm phạm giới sát. Hai vị tì-kheo ấy đều vô tâm phạm giới. Hai vị cùng nhau đến gặp đại đức Ưu-ba-ly xin sám hối. Tôn giả Ưu-ba-ly dùng Tiểu thừa kết tội. Khi

pháp duyên từ bi⁵¹ tùy thuận thế gian làm lợi ích cho chúng sinh. Vì thế, trí tuệ của hành Nhị thừa đều gọi là ánh sáng đom đóm, không bằng ánh sáng mặt trời.

Như quang minh đạt được ở trên, hoặc chia chẻ ‘không’ thì trong phần tức không, tức giả không đồng; nhưng chỉ duy nhất ánh sáng trí bát-nhã mới phá trừ được bệnh tiềm ẩn ba hoặc⁵² để hiển bày diệu lý ba đế.⁵³ Đó gọi là pháp vô vi mà có sai khác. Nếu cực quả Dược Sư được gọi là Lưu-ly Quang thì giống với Tây phương Vô Lượng Quang. Chiếu sáng suốt ngày đêm, rạng ngời xuyên cổ kim; phơi bày hết bát-nhã đức của kho đại quang minh.

Hỏi: Đã nói là chiếu sáng giống như bát-nhã, vì sao không đồng gọi là Vô Lượng Quang?

Trả lời: Lưu-ly nếu nói đủ thì phải nói Phệ Lưu-ly, dịch là Thanh Đế Bảo Dược Sư, ở phương Đông. Vì phương Đông thuộc màu xanh. Sắc thì hợp với màu xanh, hướng gì phương Chân là Giáp đầu của các động thuộc Mộc. Lại nữa, khi vừa thấy dấu hiệu phát sinh thì dùng thuốc trị bệnh liền, vậy không quý sao? Chết đi sống lại, không phải giống như phương Kim, được gọi là Tiêu sát.

Đây là do trong phần nói về tên pháp, nhờ liễu nhân, đại nguyện và phát tâm mà thành tựu bát-nhã đức.

Như Lai: tức là bản thể của pháp thân. Là chữ bản (本) trong tên pháp (法題). Vì dùng cảnh như như trí, trí như như cảnh, cảnh trí minh nhất, cảnh trí song vong mà tùy duyên cảm nhận để thành Chính giác, trị mọi thứ bệnh. Nếu thành tựu ứng thân Như Lai thì dùng giới, định, tuệ để chia chẻ thân thể ra. Tức dùng thuốc trí không để trị bệnh báo nghiệp, kiến tư cho chúng sinh; đó là Tạng Thông Dược Sư. Nếu thành tựu báo thân Như Lai thì dùng thuốc tam sự xuất giả đạo chủng trí để trị các bệnh trần sa cho chúng sinh; đó là Biệt Giáo Dược Sư. Nếu thành tựu pháp thân Như Lai thì dùng thuốc nhất tâm tam quán trí để trị bệnh nặng vô minh cho chúng sinh; đó là Viên Giáo vô thượng Dược Sư.

Nhờ ba Như Lai này mới có thể dùng thuốc tam trí quang để trị bệnh ba chương cho chúng sinh và đạt được ba danh hiệu Dược Sư. Có thuốc ba trí này, trị hết ba chương pháp giới, mới thành tựu được ba thân Như Lai. Ba pháp cần có nhau, nếu thiếu một pháp thì không thể được; hợp lại thì cả hai đều mỹ mãn, tách rời thì cả hai bị tổn thương. Lại nữa, tam Như Lai tức là bản thể pháp thân, có đủ ba. Ba bát-nhã tức là Bát-nhã Lưu-ly quang có đủ ba, mà ba Dược Sư. Lại nữa, công dụng của giải thoát có đủ ba; trong ba đó đều có đủ ba; chia ra thì thành chín.

ấy, tâm nghi ngờ của hai tì-kheo chẳng những chưa thông mà còn nghi ngờ hơn. Hai vị tìm đến gặp sám hối với cư sĩ Duy-ma-cật. Hai vị trình bày hết sự việc cho cư sĩ Duy-ma-cật nghe. Nghe xong, cư sĩ Duy-ma-cật quở trách: “Không khéo quan sát căn cơ mà nói pháp. Hai vị tì-kheo này tu tập Đại thừa đã lâu, vì sao đem biển cả mà so với dấu chân bò”. Tâm Tiểu thừa của tôn giả Ưu-ba-ly giống như ánh sáng của con đom đóm, ánh sáng ấy không thể xua tan bóng tối. Vì thế nên nói: “Ba-ly huỳnh quang tăng tội kết.”

⁵¹ Pháp duyên từ bi 法緣慈悲: là một trong ba duyên. Tư duy pháp lý của một vị bị đặng là tướng nhân, ngã. Thí dụ như từ bi. Hiểu rõ lý các pháp do nhân duyên sinh mà khởi từ bi bình đẳng, gọi đó là pháp duyên từ bi.

⁵² Ba hoặc 三惑: kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc.

⁵³ Ba đế 三諦: ba chân lý về thật tướng của các pháp, đó là Không đế, Giả đế và Trung đế.

Nhưng trong mỗi mỗi ba đó, luôn có chủ-khách, bên-giữa không giống nhau. Như khi nói về truyền Phật tâm ấn, thì tuy chín nhưng lại là ba kết hợp với ba. Đó chính là một hợp, một ly, tự tại thành tựu ba đức viên mãn.

Bản nguyện công đức: tức ba đức quả nhân⁵⁴ nói trên, được thành tựu viên dung ba pháp; và cũng vì viên dung ba pháp này mà có thể thành tựu ba đức quả nhân.

Bản chính là chính thể của pháp thân, hoặc gọi là bản chân, bản tính, bản tâm, bản giác, bản nguyên, bản tế, bản thể, bản địa, bản lai, bản trí, bản nguyện, bản minh, bản căn, bản nhiên, bản pháp, bản hữu, bản Như Lai tạng, bản địa rất sâu không giống nhau; mà chỉ chỉ cho bậc Chí thánh viên mãn đức bản rốt ráo. Nếu muốn nương vào bản để tu tập thì chẳng phải không giải thích rõ.

Tiếp theo, gọi là bản nhân, bản quả, bản quốc độ, bản thọ mạng, bản niết-bàn, bản cảm ứng, bản thân thông, bản thuyết pháp, bản quyền thuộc, bản lợi ích; giống như sách *Luận ngữ* nói: “Người quân tử chú trọng vào việc gốc, gốc vững thì đạo mới sinh.” Phạm tự hành, nhân quả, hóa tha, năng sở đều không xa lìa pháp thân đại bản này. Mười phương Bồ-tát nhờ thành tựu rốt ráo bản này nên gọi là Như Lai. Đó chính là hành xứ sâu xa của chư Phật mà trong các văn khác có nói.

Nguyện: là tông của liễu nhân.⁵⁵ Chính nhân⁵⁶ và kinh thể⁵⁷ đều như trên. Tuy gốc của mười giới⁵⁸ trùm khắp nhưng nếu không có liễu nhân phát tâm thì đó chỉ là tổ pháp thân;⁵⁹ và bị trời người xem thường, cho nên phải tu tập thành tựu báo trí, thì đó mới là đặc biệt. Nay dùng bốn thể nguyện rộng lớn, sáu độ để tu tập phúc-tuệ trang nghiêm thì bản giác hiện rõ ràng. Và ánh sáng của liễu nhân bát-nhã cũng gọi là Bản vô tận danh Lưu-ly quang. Kinh gọi đó là Vô lượng Bồ-tát hành, vô lượng Bồ-tát nguyện.

Công đức: hai chữ ‘công đức’ là gốc để thành tựu diệu. Theo cách thức ban tên thụ cho người sắp chết ở thế gian, nếu gọi là ‘tô’ là chỉ cho người có đức; nếu gọi là ‘tông’ là chỉ cho người có công. Tức lấy diệt ác, nhổ khổ làm công, lấy nuôi nấng, sinh thiện làm đức. Đức Như Lai trong giai đoạn tu nhân dùng sức vương tam-muội phá hết ác của ba chương, sinh hết thiện của ba đức. Sau khi đạt được cảnh trí sâu xa, lại dùng thuốc bản công đức trị bệnh khổ ba chương cho tất cả chúng sinh, ban diệu dược ba đức cho tất cả chúng sinh. Phàm tất cả những điều trong Kinh như nghe tên, thụ trì thần chú, v.v.. đều lấy nhổ khổ, ban vui làm ngôn giáo, và làm cho tất cả đều đắc đại giải thoát, thân nhiên thoát khỏi ràng buộc. Bệnh lành thì khỏe

⁵⁴ Xem ct.11.

⁵⁵ Liễu nhân 了因: nguyên nhân phát sinh sự hiểu biết, một trong 12 nhân.

⁵⁶ Chính nhân 正因: nguyên nhân chính yếu gọi là Chính nhân. Sức trợ giúp gọi là Duyên nhân.

⁵⁷ Kinh thể 經體: là thể của kinh. Là ý nghĩa chính của một bộ kinh.

⁵⁸ Mười giới 十界: mười thể giới mê và ngộ. Đó là: địa ngục giới, ngạ quỷ giới, súc sinh giới, tu-la giới, nhân gian giới, thiên giới, Thanh văn giới, Duyên giác giới, Bồ-tát giới, Phật giới.

⁵⁹ Tổ pháp thân 素法身: pháp thân chưa được trang nghiêm do chúng sinh hữu tình chưa tu đủ các công đức. Đây là thuyết do tông Thiên Thai lập ra, tương đương với “Lý tức Phật” trong Lục tức vị do tông Thiên Thai quán lập.

khoản, khổ hết thì chúng lạc. Đó là thuốc pháp được lợi ích và y vương được nêu công. Vì thế, mới khen ngợi công đức đó và đặt tên là Dược Sư.

Như vậy, nhờ công đức nhỏ nhỏ, ban vui trong khi tu nhân mà thành tựu Dược. Tức nhờ trong khi tu nhân nguyện-hạnh trang nghiêm tỏ rõ Lưu-ly Quang. Nhờ trong khi tu nhân tu tập vạn hạnh không lìa tính, đạt được Bản mà thành tựu Như Lai quả thượng.⁶⁰ Nếu không phải diệu pháp của ba đức thì không thể thành tựu diệu nhân của ba pháp. Nếu không phải diệu nhân cực quả thì không thể hoằng truyền ba pháp viên dung. Nhân và pháp tuy khác, nhưng bí tạng thì giống nhau. Lại nữa, nên biết, nhân hoằng truyền đạo chứ chẳng phải đạo hoằng truyền nhân. Vì thế, tên người đặt trước, tên pháp đặt sau.

Hỏi: Kinh này từ đầu đến cuối chỉ có duy nhất ba pháp bí tạng, vì sao ngôn giáo của tông và thể thì ít mà ngôn giáo của công và dụng thì nhiều?

Trả lời: Phải biết, đức Như Lai trải qua nhiều kiếp tu chứng cảnh và trí⁶¹ sâu kín, giống như người uống nước, tự biết lạnh nóng, mà không cần giảng nói dài dòng. Cũng giống như, dù giải thích cho người mù biết sữa là gì, thì có ích gì cho họ? Vì vậy, không cần nói nhiều, chỉ cần nói tóm lược là đủ rồi. Thậm chí, đối với quả của đồng thể đại bi, về sau mới dùng phương tiện nhỏ nhỏ, ban vui cho chúng sinh. Vì thế, công đức diệu dụng ấy đáng lẽ phải trình bày cụ thể. Huống gì, điểm chính yếu là trình bày ngắn gọn về tông và bản của việc nhỏ nhỏ, ban vui, để mọi người hiểu rằng tất cả đều do tông mà thành. Khi toàn thể đại dụng sinh khởi thì hành hành đều là thật tướng, sự sự đều là diệu tông. Cho nên, nhiều cũng là ba đức, ít cũng là ba đức; quan trọng là không phải nói nhiều hay nói ít.

1.1.2. Tên gọi chung

Kinh: tên gọi riêng vốn đã là một, chỉ duy nhất ba pháp là tên gọi chung.

Chữ kinh (經) tức là giáo kinh, hành kinh, lý kinh, tuy không nói nhưng có thể biết. Nghĩa của chữ kinh này trong *Diệu huyền quán kinh* sơ có nói đầy đủ. Nếu khảo xét nguồn gốc của kinh này, thì kinh này được Đức Phật Thích-ca nói trong thời Phương đẳng.⁶² Kinh này lần đầu tiên được sa-môn Tuệ Giản⁶³ dịch tại chùa Lộc Dã, thời vua Hiếu Vũ, đời Tống. Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ 11(615), đời Tùy, ngài Đạt-ma Cấp-đa dịch lại lần nữa.

Sa-môn Pháp Hành, v.v.. dịch lại kinh này ở phiên dịch quán Thượng lâm viên, phía nam sông Lạc, Đông đô. Đến đời Đường, tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch⁶⁴ và chính thức lưu truyền. Nhưng trong Kinh chỉ có Hiển giáo chứ không có Mật chú. Từ khi tam tạng pháp sư

⁶⁰ Quả thượng 果上: Trong thời gian tu hành gọi là Nhân vị. Nhờ công đức tu hành mà chứng đắc vị gọi là quả. Quả địa ấy đứng trên Nhân vị, nên gọi là Quả thượng.

⁶¹ Cảnh và trí 境智: Lý sở quán là cảnh. Tâm năng quán là trí.

⁶² Thời Phương đẳng 方等時: thời kì Đức Phật nói các kinh Phương Đẳng, là thời thứ 3 trong 5 thời phán giáo của tông Thiên Thai. Tức là thời gian sau khi thành đạo tám năm, Đức Phật nói các kinh thuộc hệ Phương Đẳng, như: kinh *Duy-ma*, kinh *Kim quang minh*, v.v.. trong 12 năm.

⁶³ Sa-môn Tuệ Giản 沙門慧簡: danh tăng dịch kinh Trung Quốc, sống vào đời Lưu Tống, thời Nam triều. Khoảng năm 457, Sư trụ ở chùa Lộc Dã ở Mật Lăng, chuyên về việc biên soạn và phiên dịch kinh điển.

⁶⁴ Huyền Trang dịch 師玄奘筆.

Nghĩa Tịnh dịch kinh *Dược Sư Lưu-ly quang thất Phật bản nguyện công đức*⁶⁵ đến nay, trong Kinh ấy mới có Mật chú.

Người đời sau lấy hơn bốn trăm chữ trong bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh, gồm bài thần chú và mấy trăm chữ trước thần bài chú, mấy trăm chữ sau thần bài chú... cho đến đoạn.... ‘*chứng được bồ-đề*’,⁶⁶ thêm vào trong bản dịch của ngài Huyền Trang. Vì thế, càng làm sáng tỏ công dụng nhỏ nhỏ, ban vui và làm cho hợp với Hiền giáo, Mật giáo, Viên giáo, Thông giáo.

1.2. Lấy hành xứ sâu xa của chư Phật làm thể

Đó chính là diệu cảnh tịch quang⁶⁷ rốt ráo của Quả nhân.⁶⁸ Diệu cảnh này ly trần, không thuộc nhân quả, nhưng là chỗ nương tựa của nhân quả; giống như Phổ quang minh trí trong kinh *Hoa nghiêm*, Tự giác thánh trí⁶⁹ trong kinh *Lăng-già*. Phổ trí mới được lập riêng sau Đẳng diệu.⁷⁰ Dù nói diệu cảnh ấy vốn không phải là nhân quả nhưng nó là chỗ nương tựa của Đẳng diệu và nhân quả. Diệu cảnh ấy chính là thật tướng của các pháp thuộc nhân Đại thừa, là thật tướng của các pháp thuộc quả Đại thừa. Thật tướng vốn không phải là nhân quả nhưng là đích đến của nhân quả.

Nhưng, nếu gọi là ‘hành xứ của chư Phật’, thì rõ ràng chẳng phải chỉ khi còn mê mờ vẫn có tổ pháp thân mà thôi, mà phải biết rằng có cả thật tướng và tất cả đều là thể. Nhưng nay vì muốn người tu hành nương vào ‘hành xứ của chư Phật’ phát tâm tu tập nên nhất định phải lấy quả giác⁷¹ làm nhân tâm;⁷² lấy vô lượng tịch quang làm quán thể. Vì thế, không thể cứ nói ‘thể’ khi còn mê mờ một cách chung được. Đó gọi là phải tuân theo phép tắc như trên.

Hai chữ ‘chư Phật’ đã trình bày trong phần giải thích tên gọi. Bốn chữ ‘Nhu Lai hành xứ’ cũng đã trình bày trong phần giải thích tên gọi. Còn chữ ‘bản’ (本) và những chữ còn lại sẽ trình bày trong phần giải thích văn.

1.3. Lấy nguyện hạnh phương tiện làm tông

Kinh ghi: “Vô lượng Bồ-tát hạnh, vô lượng Bồ-tát nguyện, vô lượng phương tiện thiện xảo của Đức Phật kia không thể nói hết.” Nguyện thì có chung và riêng. Nguyện chung thì có ba hoằng thệ. Nguyện riêng thì có mười hai hoằng thệ. Chư chẳng phải phép tắc liễu nhân, thi giác và quán chiếu. Đó gọi là tâm phát tăng-na⁷³ đầu tiên. Hạnh thì sáu độ nhờ sự phát tăng-na

⁶⁵ Kinh *Dược Sư Lưu-ly quang thất Phật bản nguyện công đức* 藥師琉璃光七佛本願功德經: Kinh do ngài Nghĩa Tịnh dịch tại chùa Phật Quang Nội, vào đời Đường.

⁶⁶ Cụ thể trong bản chữ Hán từ đoạn.. 復次，曼殊室利！彼藥師琉璃光如來得菩提時，由本願力，觀諸有情，遇眾病苦，瘦瘠、乾消、 cho đến đoạn.. 悉皆施與，勿令乏少。如是便蒙諸佛護念，所求願滿，乃至菩提。 Theo bản dịch của ngài Huyền Trang.

⁶⁷ Tịch quang 寂光: vắng lặng và chiếu soi, tức chỉ Lí đức và Trí đức. Tịch là sự vắng lặng của chân lí; Quang là sự chiếu soi của chân trí. Cảnh giới đã ngộ được chân lí, chân trí này gọi là Tịch quang điền địa.

⁶⁸ Quả nhân 果人: xem ct.18.

⁶⁹ Tự giác thánh trí 自覺聖智: trí tự nhiên của Đại Nhật Như Lai biết rõ các pháp vốn không sinh.

⁷⁰ Đẳng diệu 等妙: Đẳng giác và Diệu giác.

⁷¹ Quả giác 果覺.

⁷² Nhân tâm 因心: tâm thân thiện, nhân từ.

⁷³ Tăng-na 僧那 (S: Saṃnāha-saṃnaddha): bốn thệ nguyện rộng lớn của Bồ-tát.

này mà hoàn thiện. Nguyên thì nhờ sự phát tăng-na này mà hiển hiện. Thể thì nhờ sự phát tăng-na này mà chứng quả. Đó gọi là, cuối cùng dùng lòng đại bi để cứu nạn.

Như vậy, nhân và quả có đầy đủ vạn hạnh, các nguyện; và đó cũng chính là pháp tu tập của bậc thượng nhân⁷⁴ viên mãn. Cho nên gọi là vô lượng Bồ-tát hạnh, vô lượng Bồ-tát nguyện. Nguyên và hạnh đã đạt đến mức cùng tột thì báo&trí mới hiển hiện và trở thành diệu tông của Lưu-ly quang.

Lại nữa, vô lượng phương tiện thiện xảo: trong giai đoạn tu nhân, đức Như Lai dùng các phương tiện diệu-quyền để đoạn hoặc, chứng lý. Sau khi thành tựu quả vị, Ngài còn dùng các phương tiện đại quyền⁷⁵ cứu độ tất cả chúng sinh; như mười hai nguyện lớn và nghe tên cúng dường đều đạt được lợi ích v.v...

1.4. Lấy công đức nhỏ nhỏ, ban vui làm dụng

Kinh này từ đầu đến cuối chỉ nói đến việc nhỏ nhỏ, ban vui. Mười hai nguyện lớn đều y cứ theo bốn đề. Năm nguyện y cứ vào đạo đế và diệt đế, thì đó là sinh thiện và ban vui. Bảy nguyện y cứ vào tập đế, khổ đế, thì đó là diệt ác, nhỏ nhỏ.

Trong phần ‘công đức nghe tên’ thì trình bày về việc nhỏ ba độc ác, ban hai thiện lạc. Trong phần ‘thụ trì cúng dường’ thì các cứ theo sự rộng-hẹp để trình bày về công đức nhỏ nhỏ, ban vui. Trong phần ‘thần chú trong ánh sáng’ thì việc nhỏ nhỏ, ban vui đều được trình bày.

Cuối kinh, tuy giống như chuyển báo chương cuối thời tượng pháp nghiêng về nhỏ nhỏ, nhưng khi bị thể ấy gồm đủ ý nghĩa nhỏ nhỏ thì chắc chắn trở thành ban vui. Như vậy, từ đầu đến cuối đều nói ‘dụng’ của công đức nhỏ nhỏ, ban vui. Nhưng tất cả đều không lìa hành xứ sâu xa. Dù không luận bàn đến hành xứ sâu xa ấy nhưng chẳng phải là toàn thể đại dụng. Dụng ấy vốn đã mỏng, giống như người thấm thuốc a-già-đà, thì chắc chắn được giải thoát. Ở trong phần nói về tên pháp thì gọi là Công đức. Ở trong phần nói về tên người thì gọi là Dược sư. Không đúng như vậy sao?

1.5. Lấy sinh tô của Đại thừa làm giáo tướng⁷⁶

Tên người và tên pháp đã đồng với Bí tạng của viên diệu, thì pháp nghĩa của thể, tông, dụng đều hợp nhau. Khởi đầu cũng từ ‘viên’, kết thúc cũng từ ‘viên’; văn hiện tại chỉ xuất hiện một lần và được phán định giáo thuộc về tam giáo.⁷⁷ Và đó chính là hành xứ của chư Phật, ai dám nói không phải là viên thừa?

2. Giải thích văn kinh

2.1. Phần tựa

⁷⁴ Thượng nhân 上人 (S: Puruṣarabha): từ ngữ tôn xưng bậc cao tăng có trí thức hoàn toàn, xứng đáng làm thầy của chúng tăng và mọi người.

⁷⁵ Đại quyền 大權: phương tiện của chư Phật, Bồ-tát hiện các hình tướng khác nhau để tế độ chúng sinh.

⁷⁶ Giáo tướng 教相: tướng trạng khác nhau của giáo pháp do đức Thế Tôn thuyết giảng. Tức là sự sai khác hay điểm đặc trưng của mỗi giáo nghĩa. Nếu nghiên cứu, giải thích, phân biệt Giáo tướng này thì gọi là Giáo tướng pháp thích, gọi tắt là Pháp giáo, Giáo phán.

⁷⁷ Tam giáo 三教: Ba giáo pháp. Đây là các nhà phán giáo từ thời Nam Bắc triều về sau phân chia thánh giáo một đời của Đức Phật. Đó là: Đốn giáo, Tiệm giáo và Bất định giáo.

Văn kinh:

Đúng như thế, chính tôi được nghe! Một thời, đức Bạc-già-phạm du hóa, trải qua các nước, đến thành Quảng Nghiêm, ngồi nghỉ dưới tán cây Nhạc âm. Bấy giờ, có vô lượng đại chúng: tám nghìn vị đại bí-sô, ba vạn sáu nghìn vị đại Bồ-tát, vua, đại thần, bà-la-môn, cư sĩ, trời, rồng, tám bộ, nhân, phi nhân v.v.. cung kính, ngồi xung quanh Phật, nghe Ngài nói pháp.

Năm việc ấy là bằng chứng chung cho các kinh. Và lấy việc du hóa, trải qua các nước, nói pháp làm duyên khởi và làm lời tựa cho kinh này.

Bạc-già-phạm: có sáu nghĩa: tự tại, sí thanh, đoan nghiêm, danh xưng, cát tường, tôn quý. Trong năm trường hợp không nên dịch thì sáu nghĩa này phần lớn thuộc trường hợp không dịch. Nhưng, sở dĩ không gọi thẳng danh từ “Phật” mà gọi là Bạc-già-phạm, vì có hai nghĩa: một là vì hiển bày thanh đức của Thế Tôn quá nhiều; hai là nói rõ kinh này có đủ Hiền giáo, Mật giáo. Như vậy, tên gọi bao hàm sáu nghĩa và đức thì nhiều.

Tên gọi Bạc-già-phạm có nguồn gốc từ Mật bộ, như trong Du-già gọi là Ba-cát-ngõa-đế, Phát-cát-ngõa, Bạc-già-phật-đế, chính nay là nghĩa Bạc-già-phạm. Nhưng âm tiếng Phạn có nhiều cách phiên âm khác nhau. Bởi vì, kinh này không chỉ hiển bày bản nguyện công đức mà còn có lợi ích phá ác của Mật chú. Vì thế, mới có tên gọi theo Mật bộ.

Du hóa trải qua các nước: đủ biết đức Như Lai đi khắp thiên hạ, thành tựu đạo Vô thượng, hoàn toàn quên mình là kim luân tôn quý, là pháp vương vô thượng mà dùng đồng thể đại bi, lợi钝, xuống sông, xót thương, gấp rút giáo hóa chúng sinh. Vốn không có tâm luyến tiếc dừng lại một nơi nào.

Không tử là người của Đông, Tây, Nam, Bắc. Tô&Trương⁷⁸ là khách của Yến, Triệu, Tề, Sở. Giống như một đám mây trên cây ngô đồng xanh gió thổi hướng Đông thì bay về hướng Đông, gió thổi hướng Tây thì bay về hướng Tây. Kinh *Dịch* ghi: “Không màn đến nhà cửa, thức ăn. Tốt.”⁷⁹ Ý nói người ấy có trách nhiệm với bốn phương. Vì bậc đại thánh hiền, tự giác đã viên mãn, lại muốn người giác, hi sinh mình, tùy người và tùy duyên mà nhiếp hóa.

Kinh *Thư* ghi: “Ta là người giác ngộ trước tất cả nhân dân. Ta sẽ phải đem đạo ấy giác ngộ nhân dân ấy.” Hoặc kẻ nam, người nữ có sự thâm nhuần ân huệ của vua Nghiêu, vua Thuần không giống nhau. Hoặc đối với mình thì cố đùn đẩy, mà đối với người thì lại dón người vào đường cùng. Vì thế, không nỡ chỉ biết tiệc tùng suốt ngày.

Một chữ hóa (化) bao gồm nhiều nghĩa: hóa có về không, hóa sống thành chín, hóa phàm vào thánh, hóa thiên hợp viên, hóa quyền về thật. Sự hòa hợp của năm thời và sự chở đạo của nhất thừa đều nương nhờ vào Như Lai và sự phổ hóa của bốn tất⁸⁰ mà thành tựu việc giáo hóa.

Trải qua các nước: là đi qua mười sáu nước.

Đến thành Quảng Nghiêm: là dừng lại ở thành Tì-da.⁸¹

⁷⁸ Tô&Trương 蘇張: Tô Tần và Trương Nghi. Là hai thuyết khách thời Chiến Quốc.

⁷⁹ Kinh Dịch, quẻ Đại súc: 大畜, 利貞, 不家食, 吉, 利涉大川.

⁸⁰ Bốn tất 四悉: tứ tất-đàn.

⁸¹ Thành Tì-da 毗耶: tức Tì-da-ly, Tì-xá-ly, Phệ-xá-ly.

Ngồi nghỉ dưới tán cây: là nơi thuyết pháp, nghỉ ngơi.

Bấy giờ: là chỉ sáu năm tu tập khổ hạnh, thành tựu đạo Vô thượng. Nhờ vào cỏ, cây, quán sát căn cơ, theo cách: là nhìn cây, kinh hành. Nay Đức Phật du hóa, dừng chân cũng không rời bóng cây, gò mả. Vì ở dưới tán cây thì dễ sinh khởi ý nghĩ vô thường và không mắc phải những tai họa do sự che chở, quyến luyến.

Vì thế, mười hai hạnh đầu-đà⁸² trong luật Phật chế định, chỉ lấy gò mả, bóng cây làm nơi dừng nghỉ. Những nơi ấy giống như hạnh đàn⁸³ của Khổng tử. Như vậy, dù là Đức Phật hay Khổng tử, mỗi vị đều có cách chọn chỗ ở riêng.

Nhạc âm: loại cây ấy ở thành Tì-da-lê. Tuy gọi là Nhạc âm nhưng không hẳn là đã đúng. Vì nơi chốn biến chuyển theo pháp, cảnh tượng thay đổi theo tâm. Nếu người đời đến đó thì chỉ chịu khổ vì gió mưa rì rào; nhớ quê hương nghìn dặm. Vì thế, dù có âm thanh hay cũng biến thành cảnh khổ. Cũng giống như nói, nghe tiếng gió, tiếng hạc⁸⁴ đều là binh lính nhà Tấn.

Nay, nơi bậc Pháp vương đến, tuy đều chải gió gội mưa, nhưng Ngài lại thích ở những chỗ ấy, hướng gò ngồi dưới tán cây xanh tốt. Vì chịu cuồng phong thổi suốt ngày mà cảm giác như những làn gió mát. Âm thanh của những làn gió và cây bấu ấy đều phát ra các loại nhạc trời.

Cỏ bạt-sô có năm đặc tính, dụ cho tịnh chúng.⁸⁵ Có thể biết, chúng bí-sô, Bồ-tát thường theo Phật như hồ gió, như rồng mây, oai nghi giống như Phật. Dĩ nhiên, việc ấy là như vậy. Đến như quốc vương, thần dân có nước, có nhà, há không lo việc chính mà cũng đi theo và tập hợp dưới tán cây sao?

Phải biết, thái tử Tất-đạt là kim luân thánh vương, đức lớn khiến bốn phương quy phục, vạn nước xưng vương, giàu có như bốn biển, sang sánh ngang thiên tử, còn bỏ sự tôn quý, cam tâm tu khổ hạnh, hướng gò những người thấp kém hơn Ngài! Vì thế, những người thấp kém hơn Ngài như vua, đại thần đều noi theo bậc pháp vương, cũng không ham mê giàu sang. Đó gọi là ‘vua ấy đã phát thì đại thần cũng xả bỏ hẳn’, giống như cơn gió lửa qua thì tất cả cỏ đều ngã rạp. Tất cả đều có thể xem thường đời sống gia đình, quý trọng chính pháp theo Phật chuyển luân.

⁸² Hạnh đầu-đà 頭陀行 (S: Dhūta-guṇa): khổ hạnh tu tập để dứt bỏ sự tham trước y phục, ăn uống, chỗ ở, v.v... ngõ hầu điều phục thân tâm.

⁸³ Hạnh đàn 杏壇: tương truyền Hạnh đàn là nơi dạy học cho học trò của Khổng tử.

⁸⁴ Tiếng gió, tiếng hạc 風聲鶴唳: vào thời Đông Tấn (317-420), vua Phù Kiên (338-385) nước Tấn dẫn quân đánh phương nam, lấy hiệu là Bách vạn. Vua cho dàn trận ở sông Phì. Bấy giờ, Tạ Huyền, v.v.. dẫn tám nghìn tinh binh vượt sông đánh vua Phù Kiên. Quân nhà Tấn thua lớn. Quân Tấn tháo chạy tự đâm đạp lên nhau, rớt xuống sông chết không đếm xuể, và nước sông Phì không chảy được. Những binh lính sống sót vút giáo, bỏ giáp chạy suốt đêm. Mỗi khi họ nghe tiếng gió, tiếng hạc kêu, tất cả đều cho rằng truy binh đã đến.

⁸⁵ Tịnh chúng 淨眾: tăng chúng trì giới thanh tịnh.

Thí như quốc vương nói: Lấy gì làm lợi cho nước ta? Thì những đại phu lại nói: Lấy gì làm lợi cho gia đình ta? Người dân thường thì nói: Lấy gì làm lợi cho thân ta? Kể trên, người dưới chỉ biết tranh nhau kiếm lợi mà không quan tâm đến chính nghĩa.⁸⁶

Đến như các trời, rồng, tám bộ cũng quên hết đa phúc, đa năng, đa sâu, đa kỹ của chính mình và bị Phật lấn áp. Giống như khi Như Lai mới thành chính giác tại tịch diệt đạo tràng có bốn mươi một vị pháp thân đại sĩ và trời, rồng, tám bộ đời trước căn tính đã thuần thực, như bị mây đen che mặt trăng; giống như gió thổi ngã cây, làm cho cối thật báo trang nghiêm ngấn nấp.

Vậy, gọi cây ấy là cây Nhạc âm không xứng đáng sao?

Nghe ngài nói pháp: nghĩa là nói về công đức bản nguyện ở Tây Phương, nhưng cũng chính là nói duyên khởi của công đức bản nguyện ở Đông Phương.

2.2. Phần chính tông

2.2.1. Hỏi

2.2.1.1. Hỏi về sự sai khác của tên Phật

Văn kinh:

Bấy giờ, Mạn-thù-thất-lợi pháp vương tử nương oai lực của Đức Phật, đứng dậy, vén y để lộ vai phải, gối phải chạm đất, hướng về đức Bạc-già-phạm, cúi người, chắp tay bạch Đức Phật. Thế Tôn, cúi xin Ngài giảng nói danh hiệu của chư Phật giống với danh hiệu của Đức Phật kia.

Bấy giờ: là chỉ cho thời gian nói kinh Di-đà đã hoàn tất. *Giống với danh hiệu của Đức Phật kia*:⁸⁷ chữ loại (類) có nghĩa giống như chữ đồng (同), là: giống với danh hiệu của đức Như Lai ở Tây Phương.

2.2.1.2. Hỏi về công đức của pháp môn

Văn kinh:

Và bản nguyện công đức thù thắng của Đức Phật kia, để làm cho những người đang nghe pháp tiêu trừ nghiệp chướng; và muốn làm lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh trong thời tượng pháp.

Công đức của bản nguyện: chính là hỏi về sự bất đồng của pháp môn. Từ câu ‘*khiến cho những người đang nghe pháp*’, trở xuống mới nêu ra ý nghĩa của việc thỉnh cầu Đức Phật nói pháp. Ý nói, thỉnh Đức Phật nói pháp là vì tâm đại bi muốn làm lợi ích cho mọi người, chứ chẳng phải chỉ muốn hiểu rộng, vui nhiều mà thôi. Phải biết, ‘*hỏi về công đức của pháp môn này*’ là cách phá thừa đề⁸⁸ của một bộ kinh.

Thứ nhất, hỏi tên của Đức Phật, là thuộc trong đề mục ‘Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai’. Thứ hai, hỏi pháp môn, là thuộc trong đề mục ‘bản nguyện công đức’.

⁸⁶ 取利。《孟子·梁惠王上》：“王曰‘何以利吾國’？大夫曰：‘何以利吾家’？士庶人曰：‘何以利吾身’？上下交征利而國危矣！”趙岐注：“征，取也。”

⁸⁷ Giống với danh hiệu của Đức Phật kia 如是相類。

⁸⁸ Thừa đề 承題: trình bày ý nghĩa đề mục. Trong tám đoạn văn, thì đoạn thứ hai gọi là thừa đề.

Từ đây trở xuống, đức Như Lai khai thị trọn một bộ kinh, nhưng trong đó có hai chương chỉ hoàn toàn nói về công đức của danh hiệu Phật. Cho đến đoạn nói về ‘tượng quý, chuyển báo và lợi lạc’ mới nói về công đức của pháp môn.

Về ‘sự’ thì không nói điều gì khác ngoài đề mục. Như vậy mới hiển bày sự gồm thâu của tổng tướng và biệt tướng. Về ‘nghĩa’ thì chỉ có một, hoặc có trường hợp nói những việc khác ngoài đề mục để trừ chướng, làm lợi lạc. Thế thì, tổng tướng và biệt tướng khác nhau, không bao giờ nhiếp thâu nhau. Do đó, không chỉ văn không đúng mà lý cũng không đúng.

2.2.2. Trả lời

2.2.2.1. Khen ngợi

Văn kinh:

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi: Quý thay! Quý thay! Nay Mạn-thù-thất-lợi, ông đã vận lòng đại bi khuyến thỉnh Ta nói danh hiệu và công đức bản nguyện của chư Phật, là vì muốn nhổ sạch nghiệp chướng trôi buộc chúng sinh và làm lợi ích, an lạc cho các chúng sinh trong thời tượng pháp. Nay Ta sẽ nói, ông phải lắng nghe và tư duy kỹ.

Giải thích:

Hai câu: “Là vì muốn nhổ sạch nghiệp chướng trôi buộc chúng sinh và làm lợi ích, an lạc cho các chúng sinh trong thời tượng pháp.”: là giải thích rõ tâm đại bi khuyến thỉnh Đức Phật của Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi và lời khuyến cáo phải lắng nghe và tư duy kỹ của Đức Phật.

Nguyên hành công đức được nói trong Kinh này, tuy dường như bàn về sự nông cạn của thế đế, nhưng tất cả ý nghĩa giáo pháp cốt yếu ấy đều có gốc từ hành xứ sâu xa của chư Phật. Dùng tâm thật tướng để thực hành việc thế gian thì mọi việc đều là thật tướng. Dùng tâm viên diệu để lắng nghe Phật nói pháp thì mọi pháp đều là viên diệu. Nếu không tư duy kỹ thì sợ rơi vào trường hợp Kinh sâu nhưng hiểu cạn. Vì thế, Đức Phật phải khuyến cáo Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi.

2.2.2.2. Vâng lời

Văn kinh:

Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi thưa: Cúi xin đức Thế Tôn nói, chúng con rất muốn nghe.

2.2.2.3. Chính thức nói Kinh

2.2.2.3.1. Trả lời danh hiệu của Đức Phật Dược Sư Lưu-ly

Văn kinh:

Đức Phật nói với Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi: cách thế giới này hơn mười cang-già-sa cõi Phật về phương Đông, có thế giới tên là Tịnh Lưu-ly, có Đức Phật hiệu là Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, Ứng, Chính đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Bạc-già-phạm.

Giải thích:

Hai chữ ‘Cang-già’ là phiên âm của tiếng Phạn, chính là sông Hằng. Trong kinh *Dược Sư lưu-ly quang thất Phật bản nguyện công đức*, bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh, từ đoạn nói về ‘số

*cát trong bốn sông Căng-già*⁸⁹ cho đến đoạn nói về đức Thế Tôn thứ bảy,⁹⁰ chính là đoạn ‘*trải qua cõi Phật như số cát trong mười sông Căng-già*’⁹¹. Sông ấy tên là Thiên Đường Lai. Có hai nguyên nhân gọi sông ấy là Thiên Đường Lai.

Thứ nhất, do thiên nữ⁹² xuống trần làm chủ sông ấy và do thần thánh hóa tên, nên gọi là Thiên Đường Lai. Trong kinh *Đại phẩm* nói, có sông tên Thiên Phẩm, cũng chính là sông này.

Thứ hai, do nước của sông ấy từ hồ A-nậu-đạt chia làm nhiều dòng chảy xuống. Vì nó bắt nguồn từ trên cao, người dân không biết được nguồn của dòng nước ấy nên gọi sông ấy là Thiên Đường Lai. Như nước trong đất nước chúng ta (Trung Quốc) đều từ núi Tuyết đổ về. Núi Tích Thạch cao ngất trời, nước thấm vào trong đất, chảy đến cửa sông Hoàng Hà thì vọt ra, nên mọi người cho rằng nguồn nước của Trung Quốc. Nhưng chính mọi người cũng không biết nguồn nước ấy từ đâu chảy đến, mà chỉ nói nước của sông Hoàng Hà từ trên trời chảy xuống mà thôi. Vì dưới thì khó so lường được trên, sao chỉ gọi là nước ư? Nay sách *Ấn-độ mục chí* ghi, người ở trên đỉnh núi chỉ nhìn thấy dưới núi là một đám mây trắng; người ở lưng chừng núi nghe tiếng trẻ sơ sinh; còn người ở dưới núi thì nghe tiếng sấm, thấy mưa lớn mà không thể suy lường biết được.

2.2.2.3.2. Trả lời pháp môn bản nguyện công đức

2.2.2.3.2.1. Trả lời công đức bản nguyện

2.2.2.3.2.1.1. Nêu rõ mười hai đại nguyện

2.2.2.3.2.1.1.1. Nêu ra

Văn kinh:

Này Mạn-thù-thất-lợi, đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia khi đang thực hành Bồ-tát đạo có phát mười hai nguyện lớn, giúp cho tất cả chúng sinh cầu gì được nấy.

Giải thích:

2.2.2.3.2.1.1.2. Giải thích

Phàm các biệt nguyện⁹³ đều căn cứ theo bốn đế. Nguyện mà không y cứ theo bốn đế thì gọi là nguyện cuồng. Cho nên, mười hai nguyện của Đức Phật Dược Sư cũng chính là bốn đế. Hoặc nói, trong mười hai nguyện, mỗi một nguyện đều có đủ bốn đế. Thế nên, trong khổ thì phải thêm lạc, trong lạc thì phải bớt khổ. Trái nghịch và hòa hợp đều không suôn sẻ, cũng không thuận với bản văn hiện tại. Bản văn hiện tại thực sự là nghĩa của bốn đế. Cho nên, không thể giải thích theo những bản văn hỗn tạp, bừa bãi.

⁸⁹ Trong bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh có vài chữ khác với đây 過四瑯伽河沙佛土 T.14, tr.0409b06.

⁹⁰ T.14, tr. 0413a03.

⁹¹ Trong bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh đến Đức Phật thứ bảy, cũng chính là Đức Phật Dược Sư. Như vậy, đoạn văn kinh ‘*trải qua cõi Phật như số cát trong mười sông Căng-già*’ trong bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh này tương đương với đoạn văn kinh trong bản dịch của ngài Huyền Trang. Điều muốn nói ở đây chính là, trong bản dịch của ngài Huyền Trang thì đoạn văn kinh này xuất hiện ngay từ đầu, còn trong bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh thì đến vị Phật thứ bảy mới xuất hiện.

⁹² Thiên nữ 天女 (S: Devakanyā): người nữ ở các tầng trời cõi Dục. Thiên nhân từ cõi Sắc trở lên không có dâm dục nên không có tướng nam nữ.

⁹³ Biệt nguyện 別願: thế nguyện riêng của chư Phật và Bồ-tát.

2.2.2.3.2.1.1.2.1. Diệt đế, có hai nguyện

Văn kinh:

Nguyện lớn thứ nhất: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc a-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, thân Ta có hào quang sáng suốt, rực rỡ chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, dùng ba mươi hai tướng đại trượng phu và tám mươi tùy hình trang nghiêm thân ấy, khiến tất cả chúng sinh đều được thân giống như Ta.

Nguyện lớn thứ hai: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, thân Ta như ngọc Lưu-ly, trong ngoài sáng suốt, trong sạch không tì vết, ánh sáng rộng lớn, công đức vơi vơi, thân khéo an trú, diệm võng⁹⁴ trang nghiêm, sáng hơn mặt trời mặt trăng. Chúng sinh trong chỗ tối tăm đều nhờ ánh sáng ấy mà được hiểu biết và muốn đi đến đâu, làm các sự nghiệp gì cũng được.

Giải thích:

Hai nguyện này tương đương với nguyện thứ tư trong bốn nguyện lớn ‘Phật đạo vô thượng thế nguyện thành’.

Rực rỡ chiếu khắp: giống như đặc tính sáng suốt của Lưu-ly trong sạch.

Diệm võng trang nghiêm: chính là thành tựu báo thân Phật đạo. Giống như đài mây, lưới báu trong kinh *Hoa nghiêm*, như ánh sáng trong kinh *Pháp hoa* chiếu sáng lên thân thể. Nếu nói bốn đế thuộc Tiểu thừa lấy khổ, tập, diệt, đạo để làm thứ tự thì tạng giáo Thanh văn lấy khổ để làm cửa đầu tiên. Hoặc Duyên giác lấy tập để làm cửa đầu tiên. Bồ-tát lấy đạo để làm cửa đầu tiên. Bồ-tát Thông giáo lấy diệt để làm cửa đầu tiên. Bồ-tát Biệt giáo lấy ngoại giới đạo để làm cửa đầu tiên. Ở đây chỉ vì viên mãn Phật thừa nên lấy ngoại giới vô tác diệt để làm cửa đầu tiên.

2.2.2.3.2.1.1.2.2. Đạo đế, có ba nguyện

2.2.2.3.2.1.1.2.2.1. Căn cứ vào tuệ để nói đạo

Văn kinh:

Nguyện lớn thứ ba: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, Ta dùng vô lượng vô biên trí tuệ, phương tiện làm cho tất cả chúng sinh đều được tất cả những vật cần dùng, chớ để cho chúng sinh chịu sự thiếu thốn.

Giải thích:

Trí tuệ, phương tiện: tức chỉ cho Bồ-tát Tịnh Danh có phương tiện tuệ giải, có tuệ phương tiện giải; hai trí quyền-thật đều đầy đủ. Cho nên có thể làm cho những mong cầu của pháp giới chúng sinh đều được mãn nguyện, không để chúng bị thiếu thốn.

2.2.2.3.2.1.1.2.2.2. Căn cứ vào định để nói đạo

Văn kinh:

⁹⁴ Diệm võng 焰網: quang minh của Đức Phật lớp lớp chiếu sáng nhau không cùng tận, giống như màn lưới châu của trời Đế Thích.

Nguyện thứ tư: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có chúng sinh nào tu hành tà đạo thì Ta đều làm cho an trụ trong đạo bồ-đề. Nếu có người nào tu hành theo Thanh văn thừa, Độc giác thừa thì Ta làm cho họ đều được an lập trong Đại thừa.

Giải thích:

An trụ bồ-đề, an lập Đại thừa: tức là an trí những người học vốn đã có đủ ba học vào trong Bí mật tạng.⁹⁵ Nay vì làm cho những người tu tập theo tà đạo vào đạo bồ-đề, tức là làm cho chúng sinh tà định tụ⁹⁶ vào chính định tụ,⁹⁷ nên gọi là định học. Kinh *Pháp hoa* ghi:

Phật tự trụ Đại thừa

Sức định, tuệ trang nghiêm

Như pháp Ngài đạt được

*Dùng đó độ chúng sinh.*⁹⁸

Tức dùng chín loại đại thiện.⁹⁹ Thiện chính là an trụ nơi thật tướng. Tiểu thừa gọi đó là trí cũng được, gọi đó là định cũng được. Nhưng nguyện trước là tuệ, nguyện sau là giới. Nếu phán định thiện thuộc định, thì trên hợp với ý chỉ của Phật, dưới hợp với việc tu hành. Lại nữa, phẩm *Thánh hành* trong kinh *Đại Niết-bàn* ghi: “Chỉ lấy giới, định, tuệ để làm nhân tu chứng thiên hành.”¹⁰⁰ Nay dùng giới, định, tuệ để làm gốc rễ tu chứng diệt, lẽ nào không phù hợp sao?

2.2.2.3.2.1.1.2.2.3. Căn cứ vào giới để nói đạo

Văn kinh:

Nguyện lớn thứ năm: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có vô lượng vô biên chúng sinh, ở trong giáo pháp của Ta, tu tập Phạm hạnh, thì Ta khiến cho tất cả đều không hủy phạm giới, đầy đủ ba tụ tịnh giới. Giả sử có người hủy phạm giới, nhưng khi đã nghe danh hiệu của Ta rồi thì giới được thanh tịnh trở lại và không bị rơi vào đường ác.

Giải thích:

Trong *Đại kinh*, kinh *Căn bản*, kinh *Thập giới* đều có đủ ba tụ. Đó được gọi là không vỡ, không thùng, không thiếu, không lẫn lộn, cho đến vô thượng đạo giới. Nay nói không thiếu: chính là một loại sự giới trong tất cả luật nghi giới. Nói đầy đủ tam tụ: chính là ba-la-mật vô

⁹⁵ Bí mật tạng 秘密藏: pháp tạng rất sâu xa bí ẩn, chỉ Phật và Phật mới biết, chẳng phải là pháp môn thông thường ai cũng biết được.

⁹⁶ Tà định tụ 邪定聚 (S: Mithyātva-niyata-rāsi): loại chúng sinh nhất định rơi vào đường tà, là một trong ba định tụ. Tức chỉ cho nhóm chúng sinh nhất định bị đọa vào địa ngục, nhất định phải ở trong đường tà, vì tạo tác năm nghiệp vô gián. Hạng người này không có tính thành Phật, cũng không thể chứng ngộ.

⁹⁷ Chính định tụ 正定聚 (S: Samyaktva-niyata-rāsi): giai vị của hành giả đã an định trong niết-bàn tịch diệt.

⁹⁸ Đoạn kệ thuộc phẩm *Phương tiện* trong kinh *Pháp hoa*. 佛自住大乘, 定慧力莊嚴, 如其所得法, 以此度眾生. Trong bản văn này không có câu “如其所得法”.

⁹⁹ Chín loại đại thiện 九種大禪: chín loại thiện của Đại thừa. Đó là: tự tính thiện, nhất thiết thiện, nan thiện, nhất thiết môn thiện, thiện nhân thiện, nhất thiết hành thiện, trừ phiền não thiện, thử thể tha thể lạc thiện, thanh tịnh tịnh thiện.

¹⁰⁰ Thiên hành 天行: tu tập lý thiên nhiên thật tướng mà thành tựu được diệu hành; một trong năm hành tu của Bồ-tát.

thượng đạo viên mãn giới. Hai tông không và hữu thuộc Tiểu thừa, mỗi tông giải thích về giới khác nhau. Hoặc nói, giới thuộc tâm tụ, sắc tụ, phi sắc phi tâm tụ, gọi là tam tụ giới.

Nay tam tụ thuộc Đại thừa gồm có nhiếp luật nghi, nhiếp thiện pháp và nhiều ích hữu tình. Người phạm giới chắc chắn bị rơi vào đường ác. Giống như cây đa-la đã bị chặt thì không sống lại. Nay ở đây nói, vì nghe danh hiệu Phật nên không rơi vào đường ác: đó là do hai nguyên nhân quan trọng nên mới được sám hối. Một là nhờ công đức trì giới ngay buổi đầu tiên ở trong pháp hội Dược Sư. Hai là nhờ nghe tên của Phật Dược Sư. Giống như thuốc a-già-đa trị được tất cả bệnh. Cho nên, có thể làm cho chết đi sống lại và không phạm tội nặng.

Ba nguyện nói trên đều nương vào đạo để mà phát. Đó gọi là Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Nói vô lượng: tức bao gồm tám vạn bốn nghìn tam-muội đà-la-ni pháp môn, ba mươi bảy đạo phẩm, bốn giáo, sáu độ khác nhau. Nhưng nay chỉ nêu ra ba học, tức dùng ba học này tóm thâu hết tất cả pháp môn. Như trong *Đạo phẩm điều thích* và trong *Biện như tập chú* thuộc Chỉ quán cũng có dẫn vài điều để trình bày và kiểm chứng nguyện đó.

Do đó, có thể biết, những pháp môn nguyện học của Kinh khác chỉ vì chính mình; còn pháp môn của Kinh này thì đều vì lợi ích chúng sinh, nên giữa các Kinh không giống nhau.

Hỏi: Đã nương vào niết-bàn và thuận tu hành thì phải lấy giới làm đầu, vậy nay vì sao lấy tuệ làm đầu?

Trả lời: Nay đáng quý ở chỗ là viên mãn thánh đạo sở tu của Phật. Cho nên, trước đạt được hai trí quyền-thật và sau đáp ứng tất cả mong cầu của chúng sinh. Huống gì trong tam học, trí có thể đoạn trừ phiền não, trí có thể chứng lý, trí có thể giúp mình tự hành và giáo hóa người khác. Đây là việc gấp và quan trọng nên đặt trí lên hàng đầu.

2.2.2.3.2.1.1.2.3. Khổ và tập có bảy nguyện

2.2.2.3.2.1.1.2.3.1. Nếu ra ba khổ

2.2.2.3.2.1.1.2.3.1.1. Các căn không đủ

Văn kinh:

Nguyện lớn thứ sáu: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu chúng sinh nào thân hình thấp hèn, các căn không đủ, xấu xa khờ khạo, tai điếc, mắt đui, câm ngọng, tay chân tật nguyền, lưng gù, bị các chứng bệnh bạch lại, điên cuồng; mà khi đã nghe được danh hiệu của Ta rồi, thì tất cả đều được thân hình đoan chính, tâm ý thông minh, các căn đầy đủ, không có các bệnh khổ.

2.2.2.3.2.1.1.2.3.1.2. Nghèo khổ

Nguyện lớn thứ bảy: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu chúng sinh nào bị các chứng bệnh hiểm nghèo, không người cứu chữa, không người nương nhờ, không gặp thầy, không có thuốc, không bà con, không nhà cửa, chịu nhiều nỗi nghèo hèn khổ não; mà danh hiệu của Ta đã lọt vào tai một lần, thì những bệnh khổ ấy đều tiêu trừ, thân tâm an lạc, gia quyến, của cải đều được sum vầy, đầy đủ, cho đến chứng đắc Vô thượng bồ-đề.

2.2.2.3.2.1.1.2.3.1.3. Thân nữ

Nguyện lớn thứ tám: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có người nữ nào bị trăm điều xấu xa của thân nữ làm cho bức tức, phiền não, sinh tâm chán lìa, muốn bỏ thân gái; mà khi đã nghe được danh hiệu của Ta rồi, thì tất cả người nữ đều được chuyển thân gái thành thân trai, đầy đủ tướng trạng phu, cho đến chứng đắc Vô thượng bồ-đề.

Giải thích:

Ba nguyện vừa nêu trên và nguyện thứ mười, mười một và mười hai dưới đây đều nói tâm đại bi nhờ khổ của nguyện ‘chúng sinh vô biên thế nguyện độ’. Nhưng muốn làm cho thể của bi ấy được viên mãn thì ‘bi’ phải có ‘tử’. Vì vậy, sau khi đã nhờ khổ rồi, thì chắc chắn sẽ ban vui. Cũng giống như khi đang ngấm thuốc thì không những chỉ trị được bệnh mà còn làm cho thân thể khỏe khoắn. Và lại, chỉ trong lợi ích của việc ban vui thôi cũng có sự cạn-sâu khác nhau.

Người bị thiếu các căn thì được đầy đủ các căn; người nghèo khổ thì được sung túc; người nữ thì trở thành người nam. Cả ba trường hợp ấy đều là những tình huống đối lập nhau và thuộc lợi ích nông cạn của đối trị tất-đàn và vị nhân tất-đàn. Nếu thành tựu Vô thượng bồ-đề thì đó là lợi ích sâu xa của đệ nhất nghĩa tất-đàn.

2.2.2.3.2.1.1.2.3.2. Khoảng giữa nói tập đề

Văn kinh:

Nguyện lớn thứ chín: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, Ta sẽ làm cho các chúng sinh ra khỏi lưới ma, giải thoát tất cả sự trói buộc của ngoại đạo. Nếu có chúng sinh nào rơi vào rừng tà kiến rậm rạp, Ta đều dẫn dắt chúng trở về với chính kiến và từ từ khiến họ tu tập các Bồ-tát hành, chóng chứng Vô thượng chính đẳng bồ-đề.

Giải thích:

Ở đây hoàn toàn y chiếu vào tập đề phát nguyện ‘phiền não vô tận thế nguyện đoạn’. Nói tất cả trói buộc giống như rừng rậm, chính là chỉ cho tướng của phiền não vô tận. Vì, sau khi sinh khởi một niệm vọng thì các phiền não nổi lên như mây. Cũng chính là nói, năm độn, năm lợi, mười triền, mười sử, sáu mươi hai kiến, một trăm lẻ tám phiền não, cho đến, tám vạn bốn nghìn trần lao, sinh diệt phiền não, chúng sinh chìm nổi trong biển khổ không lúc nào ra khỏi, nên dụ như rừng rậm.

Mắt bị các sắc trói buộc, tai bị ma vương làm cho đắm chìm trong ái, tham luyến quyền thuộc; từng dùng lưới trời lồng lộng che trùm chúng sinh; đắm trước vào tà kiến của ngoại đạo, giống như cuồng phong bốc phát; xúc cảnh liền sinh; dẫn sinh vào ba hữu,¹⁰¹ khiến không ra khỏi; giống như bị trói buộc bởi rừng rậm. Cho nên nói, ma và ngoại đạo, là nói tất cả mọi người càng đắm chìm trong kiến tư. Nhưng công đức của một danh hiệu Dược Sư có thể điều phục hai luận ái và kiến; có thể phá trừ hết kiến tư chung và riêng. Vì thế nên nói, ra khỏi lưới là được giải thoát.

Hỏi: Công đức của danh hiệu Dược Sư chỉ phá trừ kiến tư thôi sao?

¹⁰¹ Ba hữu 三有: Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu.

Trả lời: Cả ba hoặc đều bị phá trừ. Trần sa hoặc chính là tập khí. Tên gọi Vô minh hoặc vì nó cùng bản chất với Kiến tư hoặc. Nhưng nói, phá kiến tư hoặc thì ba hoặc nội ngoại giới đều tiêu trừ.

Hỏi: Nương vào tập để phát bao nhiêu nguyện?

Trả lời: Nếu y chiếu theo lời các Tổ dạy về sự hình thành của hoặc, nghiệp và sự cấu thành của các tội, thì việc tạo các nghiệp ác được nói trong nguyện thứ mười một ở dưới cũng thuộc tập để. Ở đây dùng hình ảnh bị bức bách bởi đói khát của nguyện dưới để dẫn dò về báo khổ, tức là dùng kiến tư hoặc để chỉ bày thể của tập để.

Hỏi: Vì sao hai nguyện thuộc khổ để và tập để có nhiều-ít và không theo thứ tự?

Trả lời: Đức Như Lai tùy đối tượng mà lập thế, phát nguyện nên trước-sau, nhiều-ít đều không cố định. Sở dĩ, ở đây lấy một nguyện thuộc tập để xen vào trong sáu nguyện thuộc khổ khổ, chính là vì muốn chỉ cho biết khổ báo trước-sau đều do hoặc tạo ra. Nếu đoạn trừ được hoặc thì cũng giống như rút củi dưới đáy nồi, nên các khổ đều vĩnh viễn tiêu diệt. Huống hồ nói Được Sư chính là việc làm quan trọng cấp bách để nhổ trừ bệnh khổ hiện báo. Việc nhổ khổ thì được trình bày đầy đủ, tường tận trong sáu nguyện, nhưng việc đoạn tập thì chỉ nêu ra có một nguyện.

2.2.2.3.2.1.1.2.3.3. Nêu lại ba khổ

2.2.2.3.2.1.1.2.3.3.1. Sự trừng phạt

Văn kinh:

Nguyện lớn thứ mười: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu chúng sinh nào vướng vào pháp luật nhà vua, bị xiềng xích, đánh đập, bị nhốt trong ngục, hoặc sẽ bị giết, và bị vô lượng tai họa khác, bị lãng nhục, sầu muộn, tra tấn, v.v.. thân tâm chịu khổ. Nhưng nếu chúng sinh ấy nghe được danh hiệu của Ta và nhờ sức oai thần phúc đức của Ta thì tất cả đều được thoát khỏi tất cả khổ não.

Giải thích:

Câu ‘thân, tâm chịu khổ’ là tóm thâu tất cả các khổ nói ở trên. Nhưng ở trong phương pháp ‘đối trị’ thì khi nói ‘giải thoát khỏi tất cả ưu khổ’ tức là chỉ mới nói đến ưu khổ thuộc về thân và tâm mà thôi. Vì ở trong tâm gọi là ưu; ở trên thân gọi là khổ; ý căn gọi là ưu, năm căn gọi là khổ; sợ quả đời sau là ưu; chịu báo hiện tại là khổ; không có cách cứu giúp gọi là ưu, thân chịu đau đớn gọi là khổ.

2.2.2.3.2.1.1.2.3.3.2. Không có thức ăn

Văn kinh:

Nguyện lớn thứ mười một: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có chúng sinh nào bị sự đói khát bức bách, vì tìm cầu ăn uống mà tạo các nghiệp ác. Nếu chúng sinh ấy nghe danh hiệu của Ta, chuyên tâm thụ trì, thì trước tiên Ta sẽ dùng các thức ăn uống ngon lạ cho họ được no đủ, sau đó Ta dùng pháp vị an lạc rất ráo để làm cho chúng đều được an lạc.

Giải thích:

An lạc được gọi là niết-bàn, được dùng chung cho mười giới. Như địa ngục có sự an lạc của ấm và mát, nên cũng gọi là niết-bàn. Cho đến, niết-bàn của Nhị thừa thiên không¹⁰² đều không rất ráo. Chỉ có Như Lai mới được gọi là niết-bàn an lạc rất ráo.

Làm cho chúng được an lạc: từ xưa đến nay những người đói khát, người ác, họ vốn không có căn tính an lạc. Nay Đức Phật giúp họ gieo trồng căn tính an lạc. Những người không có căn tính an lạc Đức Phật còn giúp họ gieo trồng, hưởng gì những người vốn đã có thiện căn ư?

2.2.2.3.2.1.1.2.3.3.3. Không có y phục

Văn kinh:

Nguyện lớn thứ mười hai: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có chúng sinh nào nghèo đến nỗi không có y phục, bị muỗi mòng cắn đốt, bị nóng-lạnh, bị bức bách cả ngày lẫn đêm. Nếu những chúng sinh đó nghe danh hiệu của Ta, chuyên tâm trì niệm, thì Ta sẽ làm cho chúng được các thứ y phục tốt đẹp, những đồ trang sức quý báu, vòng hoa, hương bột, các thứ đồ chơi như trống, nhạc; tùy tâm muốn gì đều làm cho chúng đầy đủ.

Giải thích:

Những đồ trang sức quý báu: đó là đài mây, lưới báu, y trời và các xúc chạm tuyệt diệu ở cõi thật báo mà chúng sinh ưa thích. Tùy tâm muốn gì đều được đầy đủ: giống như trong kinh *Pháp hoa* nói: “đều ban cho xe lớn”. Hay như trong phẩm *Phổ môn* nói: “hiện thân hợp với mỗi loài”.

Sáu nguyện nhỏ khổ như đã nói ở trên, tuy không có nặng-nhẹ, nhưng thực tế, ở thế gian người thiếu căn, người nghèo khổ, người nữ thì rất nhiều, mà người phạm tội chết, người đói rét thì rất ít. Vì thế, trong phần nói về tâm đại bi, tuy nói cứu khổ như nhau, nhưng vẫn có trường hợp trước nhiều, sau ít. Lại nữa, sở dĩ tất cả mười hai nguyện đều gọi là ‘nguyện lớn’ là vì mỗi mỗi nguyện đều nhỏ sạch khổ, mỗi mỗi nguyện đều thành Phật đạo.

2.2.2.3.2.1.1.3. Lời kết của Phật

Văn kinh:

Mạn-thù-thất-lợi, mười hai lời nguyện vi diệu trên đó được đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, Ứng, Chính đẳng giác kia đã phát ra khi còn hành Bồ-tát đạo.

2.2.2.3.2.1.2. Trình bày công đức trang nghiêm

2.2.2.3.2.1.2.1. Kết luận chung

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, những nguyện lớn mà đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, Ứng, Chính đẳng giác kia đã phát ra khi còn hành Bồ-tát đạo, và những công đức trang nghiêm ở cõi nước của Ngài, nếu Ta nói trong một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể nói hết.

¹⁰² Thiên không 偏空: lí không mà Tiểu thừa chứng đắc. Vì chỉ biết Không mà chẳng biết Bất không nên gọi là Thiên không.

2.2.2.3.2.1.2.2. Trình bày tóm lược

2.2.2.3.2.1.2.2.1. Nói về y báo

Văn kinh:

Nhưng ở cõi nước của Đức Phật kia hoàn toàn thanh tịnh, không có người nữ, cũng không có đường ác và không có tiếng khổ, đất bằng Luru-ly, dây bằng vàng ngăn các đường, thành quách, cung điện, lầu gác, mái hiên, cửa sổ đều làm bằng bảy thứ báu. Ở cõi ấy công đức trang nghiêm giống như ở thế giới Tây phương Cực-lạc.

Giải thích:

Chữ ‘nhưng’ (然) là một từ diễn tả từ rộng đến hẹp. Bởi vì, gọi là công đức rộng lớn, tuy không thể nói hết, nhưng không gây trở ngại sự toát yếu của rộng lớn, mà chỉ vì muốn trình bày vắn tắt đặc tính của y báo, chính báo, nên mới nói là ‘nhưng’(然). Nói: ‘Cũng không có đường ác, cũng giống như cõi Tây phương’, chính là đối với thắc mắc đầu tiên của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Thắc mắc đó là “*cúi xin Ngài giảng nói danh hiệu của chư Phật giống với danh hiệu của Đức Phật kia và bản nguyện công đức ấy*”. Lại nữa, câu kinh ‘nghe Ngài nói pháp’¹⁰³ trong phần tựa, chính là giảng nói về pháp môn Tịnh độ.

2.2.2.3.2.1.2.2.2. Nói về chính báo

Văn kinh:

Ở cõi nước ấy có hai vị Bồ-tát ma-ha-tát, một vị tên là Nhật Quang Biến Chiếu, một vị tên là Nguyệt Quang Biến Chiếu. Hai vị ấy đứng đầu trong vô lượng vô số chúng Bồ-tát. Là hai vị được bổ xứ làm Phật tiếp theo, và đều có khả năng duy trì kho báu chính pháp của Thế Tôn Dược Sư Luru-ly Quang Như Lai kia.

2.2.2.3.2.1.2.3. Khuyến khích sinh về cõi kia

Văn kinh:

Vì thế, Mạn-thù-thất-lợi, nếu những thiện nam tử, thiện nữ nhân nào có tín tâm thì nên nguyện sinh về thế giới của Đức Phật kia.

Giải thích:

Sau khi Đức Phật khen ngợi công đức trang nghiêm của đức Như Lai ở Tây phương, Ngài hết lời khuyến khích chúng sinh nên phát nguyện sinh về cõi ấy. Nay Kinh này nói, ở Đông phương cũng giống như Tây phương, nên chắc chắn Đức Phật cũng sẽ khuyên chúng sinh phát nguyện sinh về Đông phương.

2.2.2.3.2.2. Trình bày rõ ràng công đức lợi lạc

Phần trình bày rõ ràng về công đức lợi lạc ở trên, cũng chỉ mới trả lời về danh hiệu và bản nguyện của Phật Dược Sư, chứ chưa trình bày rõ ràng công đức lợi ích danh hiệu và bản nguyện của Phật Dược Sư ở dưới. Vì thế, ở đây căn cứ vào ba đoạn văn kinh nói về danh văn, thần chú và tu cúng để trình bày rõ ràng công đức.

¹⁰³ Đây là lấy lại nguyên văn ở phần tựa. 而為說法.

Lại nữa, mượn lời thỉnh cầu của Bồ-tát Giải Thoát mà chỉ bày sự diệu dụng chuyển báo, thoát khổ của chúng sinh vào cuối thời kỳ tượng pháp. Nếu xét đại ý của sự đa dạng,¹⁰⁴ sự lặp lại, sự khen ngợi, sự lưu truyền thì cũng chỉ mới nói rõ hai chữ công đức trong danh hiệu và bản nguyện của đức Dược Sư Như Lai, chứ chẳng phải ngoài danh hiệu và bản nguyện ấy, có điều khác được nói; cũng chẳng phải ngoài đề mục chung, còn nói riêng về lợi lạc vào cuối thời kỳ tượng pháp. Giả sử có thể bỏ đề mục chung lập đề mục riêng thì cũng giống như cành nhánh khi đã đứt lìa khỏi gốc thì nhựa sống không lưu thông.

Hỏi: Sau hai chữ ‘bản nguyện’ ở trên cũng đã nêu ra bốn chữ ‘công đức trang nghiêm’, nay vì sao nhắc lại?

Trả lời: Ở trên chỉ mới giới thiệu danh hiệu và bản nguyện chứ không nói về công đức. Cho nên nói: “Nói không hết.”

Ở trên chỉ nói vắn tắt ‘cõi Đông phương cũng như cõi Tây phương’ mà thôi, chứ chưa từng trình bày chi tiết, rõ ràng công đức có công năng nhỏ nhỏ, ban vui của Đức Phật Dược Sư. Thế nên phải biết, văn kinh trên tuy trình bày tổng kết lại ý ấy nhưng cũng chính là nêu tóm lược ở phần sau cùng. Vì được giải thích đi giải thích lại nên ý nghĩa càng rõ ràng. Trong đây lại chia làm hai:

2.2.2.3.2.2.1. Công đức của văn và tu trừ hết ba chương

2.2.2.3.2.2.1.1. Công đức ban vui, trừ khổ

2.2.2.3.2.2.1.1.1. Căn cứ vào nghe tên để trình bày công đức

2.2.2.3.2.2.1.1.1.1. Công đức trừ ba độc

2.2.2.3.2.2.1.1.1.1.1. Chuyển ngu si

2.2.2.3.2.2.1.1.1.1.1.1. Chuyển tham si

Trong phần nói về trừ ba độc, thì trong mỗi mỗi độc trước tiên đều nêu ra ‘hoặc’ là gốc rễ của bệnh khổ. Tiếp theo nói nhân hoặc mà tạo nghiệp, nhân nghiệp mà chiêu cảm báo. Từ đó, dẫn đến trầm kha và rơi vào tình thế không thể cứu vớt được. Sau đó, dùng năng lực một loại ‘danh hiệu, bản nguyện’ của Đức Phật Dược Sư, giống như thuốc a-già-đà, khi uống thuốc đã thấm thì lành bệnh; bệnh rồi lành, lành rồi bệnh,¹⁰⁵ chết đi sống lại. Ấy là vì muốn làm nổi bật công năng của danh hiệu và bản nguyện. Một khi đã trừ khổ rồi, thì ban cho diệu lạc liền. Lạc chia thành lạc cạn và lạc sâu; cho nên, hoặc đạt được sinh thiện, hoặc đạt được đệ nhất nghĩa; và cho đến khi nào đạt được cứu cánh mới thôi. Ấy là muốn làm nổi bật danh hiệu và bản nguyện sau của Phật Dược Sư. Công đức thì không thể suy tính cho cùng, cho tận. Vì thế, trong mỗi mỗi chương đều giống nhau, nên không nhất thiết phải chia thành từng khoa nhỏ.

Văn kinh:

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Mạn-thù-thất-lợi đồng tử: “Mạn-thù-thất-lợi, có những người không phân biệt được thiện-ác, chỉ ôm lòng tham tiếc, không biết bố thí, không biết quả báo của

¹⁰⁴ Đơn-phức 單複: thiên tông (đơn), các tông phái khác (phức).

¹⁰⁵ Bệnh rồi lành, lành rồi bệnh: 敵體相翻.

việc bố thí, ngu si vô trí, thiếu các tín căn, tích chứa tài bảo, gìn giữ bo bo, thấy người đến xin, trong lòng không vui. Giả sử đã không được của rồi mà còn phải bố thí, thì như cắt thịt cho người vậy, đau đớn, luyến tiếc vô cùng. Lại có vô lượng người tham tiếc, chỉ biết tích trữ của cải, tự mình không dám tiêu xài, huống gì có thể bố thí cho cha, mẹ, vợ, con, nô tì, người giúp việc và những người hành khát. Những người ấy sau khi chết liền sinh làm ngạ quỷ, hoặc bàng sinh. Nhưng nhờ đời trước, khi còn ở nhân gian, những người ấy đã từng nghe qua danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, nay ở trong đường ác bỗng nhiên nhớ lại danh hiệu của đức Như Lai ấy. Khi đang nhớ đến danh hiệu Phật, liền chết và sinh lại làm người. Khi đã được làm người, lại nhớ đến đời trước, sợ khổ ở đường ác, nên không còn ham muốn dục lạc, muốn thực hành bố thí, khen ngợi người thực hành bố thí, không còn tham tiếc những thứ mình có, rồi dần dần còn có thể đem cả đầu, mắt, tay, chân, máu, thịt và các bộ phận trên thân thể bố thí cho những người đến xin, huống chi của cải là những vật dư thừa.”

Giải thích:

Tham tiếc, ngu si là nội hoặc; tích chứa nhiều của cải là tướng tham bên ngoài; giữ gìn bo bo là tướng tiếc bên ngoài; bản thân không dám tiêu xài là tướng ngu si bên ngoài, tất cả đều là nghiệp. Sinh làm ngạ quỷ, bàng sinh là nghiệp do tham tiếc. Vì chiêu cảm báo và nhân quả không sai. Khi xưa nghe qua, nay bỗng nhớ lại, tức gieo trồng có cạn, có sâu. Đạt được chia ra thành hai trường hợp dày và mỏng, nhưng vẫn hơn người không nghe được danh hiệu Phật. Vì vậy, chữ văn (聞) này tức nói từng bị tiêm nhiễm. Ý chỉ từng nghe danh hiệu Dược Sư. Ngày xưa bố thí ít mà xem như cắt thịt, nay bố thí máu thịt mà xem như nhổ bỏ nước bọt.

Phàm-thánh, trời-đất cũng là những chữ quan trọng trong kinh ấy.

2.2.2.3.2.1.1.1.1.2. Tà kiến

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, có những người tuy thụ trì các học xứ với Như Lai, nhưng lại phá giới. Có những người tuy không phá giới nhưng phá phép tắc. Có những người tuy không phá giới và phép tắc nhưng hủy hoại chính kiến. Có những người tuy không hủy hoại chính kiến nhưng bỏ sự đa văn, nên không hiểu được những nghĩa lý sâu xa Phật nói trong Kinh. Có những người tuy đa văn nhưng tăng thượng mạn. Vì tăng thượng mạn che tối tâm trí, nên cho mình đúng, người sai, lại còn nghi ngờ, hủy báng chính pháp và làm bạn với ma. Những người ngu si ấy chẳng những tự mình làm theo tà kiến mà còn khiến cho vô lượng chúng sinh bị rơi vào hố nguy hiểm. Những chúng sinh ấy chắc chắn sẽ bị quanh quẩn mãi trong các đường địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh không dứt. Nhưng nếu chúng nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai ấy, thì họ liền bỏ những ác hành, tu theo những thiện pháp và không bị rơi vào đường ác. Giả sử có những chúng sinh không thể bỏ những ác hành, không tu các thiện pháp, mà bị rơi vào đường ác, thì nên dùng bản nguyện, oai lực của đức Như Lai kia, khiến cho những chúng sinh đang ở trước mặt tạm nghe qua danh hiệu của Đức Phật Dược Sư. Nhờ nghe được danh hiệu Phật Dược Sư, nên vừa chết ở đường ác liền sinh lại đường người. Khi đã được

làm người lại đạt được chính kiến, tinh tấn tu tập, khéo điều hòa tâm ý; đồng thời, có thể bỏ đời sống gia đình, hướng đến đời sống không gia đình, ở trong giáo pháp của Như Lai, thụ trì học xứ, không có hủy phạm, được chính kiến, đa văn, hiểu được nghĩa lý sâu xa, trừ bỏ tâm tăng thượng mạn, không hủy báng chính pháp, không làm bạn với ma, dần dần tu tập các hạnh Bồ-tát, viên mãn nhanh chóng.

Giải thích:

Đoạn văn kinh trên nói về những thói xấu của chúng sinh đối với giới luật và giáo pháp, cho đến, bị tà kiến, bị rơi vào đường ác. Nhưng cuối cùng rồi chúng vẫn được thành Phật. Sở dĩ Đức Phật nhất định không bỏ rơi những chúng sinh ấy, mà còn làm cho chúng nghe được danh hiệu Phật, là vì ngay từ thuở ban đầu, ở trong giáo pháp của Như Lai, họ đã từng thụ trì giới, định, tuệ và học xứ. Những trường hợp khác đều có thể được cứu giúp và đều có thể biết được.

2.2.2.3.2.2.1.1.1.2. Chuyên bệnh tham

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có những người nào tham tiếc, ganh ghét, khen mình, chê người, thì sẽ rơi vào trong ba đường ác, trải qua vô lượng năm chịu đủ mọi khổ sở. Chịu khổ sở xong, chết liền, rồi sinh vào cõi người, làm trâu, ngựa, lạc đà, lừa; thường bị đánh đập, bị đói khát dày vò; thường bị đi đường xa, mang kéo nặng. Hoặc được làm người, thì sinh vào gia đình hạ tiện, làm kẻ nô tì, bị người khác sai khiến, mãi không được tự do. Nếu những chúng sinh ấy, khi làm người, đã từng nghe qua danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai; nhờ nhân lành ấy, nay nhớ lại, chí tâm quy y, nhờ thần lực của Phật, nên thoát khỏi các khổ, các căn lành lợi, trí tuệ, đa văn, thường cầu pháp thù thắng, thường gặp bạn lành, cắt đứt lưới ma, đập nát hạt vô minh, tát cạn sông phiền não, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, buồn lo, khổ não.

Giải thích:

Tính chất của ganh ghét do tham tiếc sinh ra. Vì tham lợi dưỡng, địa vị nên biểu lộ ra bốn nghiệp của miệng. Đó là khen mình, chê người. Giống như trường hợp thương quan đại phu Khuất Nguyên.

Người tham tài vật của người khác chắc chắn sẽ phải lấy thân, sức lực, máu, thịt của mình để trả nợ trước cho người, mà thường không được tự do. Người bị người khác đánh đập là vì thuở xưa người ấy chiếm đoạt tài vật của người khác, hoặc dùng dao, gậy, dọa lấy, hoặc dùng lời phi báng làm cho người khác bị liên lụy, bất an. Cho nên, nay sẽ dùng sự không tự do và chịu sự đánh đập để trả lại cho người.

2.2.2.3.2.2.1.1.1.3. Chuyển sự xấu xa của sân

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, hoặc có những người chỉ thích chống trái, chia lìa, tranh đấu, kiện tụng nhau, làm não loạn cho mình và người, tạo thêm các nghiệp ác thuộc về thân, miệng, ý; cứ làm những việc không đem đến lợi ích hết lần này đến lần khác, mưu hại nhau, hoặc cáo triệu các thần ở núi, rừng, cây, mã, v.v.. để sát hại chúng sinh; hoặc lấy máu, thịt chúng sinh

cúng tế được-xoa, la-sát-bà, v.v..; hoặc viết tên người mình thù oán, làm hình tượng người ấy, dùng chú thuật tà ác nguyên rửa người ấy; hoặc dùng chú thuật yểm người, dùng chú sai khiến quỷ khởi thi hủy hoại thân thể và hại mạng người. Những người bị hại ấy, nếu nghe được danh hiệu của Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai này thì những việc ác kia đều không thể gây hại. Người bị hại, kẻ gây hại đều lần lượt phát khởi tâm từ, làm lợi ích, an lạc, không có ý gây tổn hại, không có tâm hiềm giận, cả hai đều vui vẻ; đối với những vật dụng của mình tự biết đủ, không xâm phạm nhau và thường làm lợi ích.

Giải thích:

Thích sự ngang trái, chia lìa chính là tướng bên trong của tâm sân. Mọi người trên thế gian đều thích hòa hợp, nhưng những người này bị tâm sân sai sử. Vì vậy, nếu nặng về hòa hợp thì chiếm được lòng người; nếu lệch về trái nghịch thì xa cách người. Lúc nào cũng muốn gây hại với tất cả mọi người thì thành oán thù, tranh đấu, kiện tụng nhau. Lệch về trái nghịch là tướng sân bên ngoài. Tướng này chia làm hai: một thuộc về dương, là sinh khởi đấu tranh, kiện tụng. Hai thuộc về âm, là sinh khởi độc hại. Bởi vì, dương lực không đủ mà tâm sân càng mạnh bạo, thì dẫn đến phải nhờ chú khởi thi của âm trạng.¹⁰⁶

Lại nói, kiện tụng nhau liên tục: ý nói tất cả người thế gian đều mù quáng, nên khi va chạm với sân thì không một ai có trí tuệ. Nghe danh hiệu của Đức Phật mà không bị những điều ác gây tổn hại: ý nói, người bị hại khi xưa, nay không bị hại nữa. Như trong phẩm *Phổ môn* nói ‘chỉ’ khởi từ tâm, làm lợi ích cho nhau, còn Kinh này nói ‘đều’ khởi từ tâm, làm lợi ích cho nhau. Điều ấy chính xác là như vậy. Tâm từ chính là đối trị chướng ngại của sân. Không có sân hận tức là không thích trái nghịch, chia lìa.

Sở dĩ trong đây không nêu ra báo bệnh là vì khi tạo tội đến mức độ như vậy thì chắc chắn bị rơi vào ba đường. Tuy ở đây không nói, nhưng chúng ta vẫn có thể biết.

Đến đây đã trình bày xong ý nghĩa trừ ác bệnh ba độc để hiển bày công dụng của thuốc.

2.2.2.3.2.2.1.1.1.2. Công đức sinh hai thiện

2.2.2.3.2.2.1.1.1.2.1. Giúp sinh tịnh thiện

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có bốn chúng: bí-sô, bí-sô-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ba-tư-ca và những tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân khác, v.v.. những người có thể thụ trì tám phần trai giới, hoặc có những người thụ trì học xứ trải qua một năm, hoặc ba tháng; đem căn lành ấy nguyện sinh về thế giới Tây Phương Cực-lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ để nghe chính pháp nhưng chưa định.

Giải thích:

Hai chữ ‘chưa định’ chính là những người¹⁰⁷ cảm kích Đức Phật Dược Sư.

¹⁰⁶ Âm trạng 陰狀: chỉ câu thỉnh quỷ thần tiếp nhận lời thưa kiện.

¹⁰⁷ Những người 機: khả năng phát động khi gặp duyên, cũng tức là năng lực vốn có để thụ nhận giáo pháp của Đức Phật, hoặc chỉ cho đối tượng thuyết pháp của Phật.

2.2.2.3.2.2.1.1.1.2.1.1. Sinh Tịnh độ

Văn kinh:

Nếu người nào nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai thì khi qua đời sẽ có tám vị đại Bồ-tát từ trên hư không xuống chỉ đường, giúp cho những người ấy tự nhiên hóa sinh vào trong các hoa sen báu, đủ màu, ở thế giới Tây Phương Cực-lạc kia. Tám vị đại Bồ-tát đó là: Văn-thù-sư-lợi, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Vô Tận Ý, Bảo Đàn Hoa, Dược Vương, Dược Thượng, Di-lặc.

Giải thích:

Có thể biết, trong phần giúp sinh về Tịnh Độ, hoặc là Bồ-tát nguyện sinh về Tịnh Độ, hoặc là Bồ-tát phụ trợ ở cõi Tây Phương, hoặc là Bồ-tát có cùng hành nguyện với Phật Dược Sư, hoặc là Bồ-tát sẽ làm chủ cõi Ta-bà; tất cả những vị ấy đều có cùng một nguyện lực tiếp dẫn những người đời sau.

2.2.2.3.2.2.1.1.1.2.1.2. Hưởng báo người, trời

Văn kinh:

Hoặc có người nhờ nguyện lực của Đức Phật Dược Sư mà được sinh làm trời. Tuy sinh làm trời nhưng nhờ căn lành xưa, nên khi căn lành xưa chưa hết thì không bị sinh lại trong các đường ác khác. Khi tuổi thọ ở cõi trời hết, sinh lại cõi người, hoặc làm Chuyển luân vương, thống lãnh bốn châu, oai đức tự tại, khiến cho vô lượng trăm nghìn chúng sinh thực hành mười điều thiện; hoặc sinh vào dòng dõi Sát-đế-lợi, hoặc sinh vào dòng dõi Bà-la-môn, hoặc sinh làm cư sĩ giàu sang, có nhiều tài bảo, kho lương đầy ngập, hình dáng đẹp đẽ, người thân đông đúc, thông minh trí tuệ, dũng cảm mạnh mẽ, như Đại lực sĩ.

2.2.2.3.2.2.1.1.1.2.2. Chuyển thân nữ thành thân nam

Văn kinh:

Nếu có người nữ nào, sau khi nghe được danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai rồi chí tâm thụ trì thì đời sau không làm người nữ lại nữa.

Giải thích:

Bồ-tát tu hành mãn một a-tăng-già mới lìa được chướng ngại của thân nữ. Ở đây nói, chỉ nghe được danh hiệu của Phật là xa lìa được chướng ngại của thân nữ, vậy đức ấy như thế nào? Lại nữa, muốn sinh vào đường thiện, tuy chỉ căn cứ vào báo nhưng nội tâm phải có đủ nhân duyên thiện nghiệp thì mới đạt được kết quả.

Đến đây có thể biết được ý nghĩa và nguyên tắc chung để trừ hết ba chướng.

2.2.2.3.2.2.1.1.2. Căn cứ vào thần chú để trình bày công đức

Các Đức Phật dùng hai luân¹⁰⁸ Hiền-Mật để nhiếp hóa chúng sinh. Giống như người thầy thuốc dùng hai loại thuốc viên và thuốc tễ để trị bệnh. Bản nguyện công đức được nói rõ ở trên đều có cùng một mục đích là hiển bày việc trị bệnh ba chướng của chúng sinh. Công đức sinh ra

¹⁰⁸ Hai luân 二輪: Thực luân (Trai luân) và Pháp luân (Thuyết luân). Đại hội nhất định có thuyết pháp. Thuyết pháp là "Pháp luân", lại phải có Trai thực gọi là "Thực luân". Hai luân này phải nương nhau mà chuyển, giống như hai bánh xe của một chiếc xe, nên gọi là Nhị luân.

hai thiện,¹⁰⁹ giống như bày thuốc sắc và thuốc tể ra để dạy dỗ những người con điên loạn.¹¹⁰ Trong những người hiểu biết, có người tự uống thuốc, có người chê thuốc lạnh-nóng, rồi bỏ loại này, lấy loại kia một cách bừa bãi, và không chịu uống. Vị thầy thuốc thấy vậy nên mới giã, sàng, trộn và vo các loại thuốc lại thành một viên. Vì khi đã hòa trộn lại với nhau nên ở trong một mảy thuốc hàm chứa đầy đủ các khí chất của tất cả vị thuốc, mọi người có thể uống nó. Vậy nên, công dụng và hiệu quả như nhau. Vì thế mới có thuyết Mật luân thần chú.

Trong bản dịch của ngài Huyền Trang, đời Đường vốn không có hơn bốn trăm chữ, từ đoạn này... cho đến... ‘*đừng bỏ quên*’ đoạn ở sau.¹¹¹ Người đời sau lấy văn trong bản kinh *Dược Sư lưu-ly quang thất Phật bản nguyện công đức* do ngài Nghĩa Tịnh dịch bỏ tước vào trong bản dịch này, để làm sáng tỏ Kinh ấy. Hai luân Hiển-Mật đều vận hành nhịp nhàng thì cả hai đều tốt đẹp.

2.2.2.3.2.2.1.1.2.1. Trình bày ý

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, khi đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai đắc bồ-đề, do sức bản nguyện mà Ngài quan sát các chúng sinh, thấy chúng mắc phải những chứng bệnh khổ như gầy ốm, cần tiêu, da vàng, cảm nhiệt, hoặc trúng phải những thứ yếm đối, đầu độc, hoặc bị chết non, hoặc bị chết ngang; muốn những bệnh khổ ấy tiêu trừ và lòng mong cầu của chúng sinh được mãn nguyện.

Giải thích:

Cần tiêu: tác hại của nó giống như bệnh khát tiêu. *Du-già*¹¹² ghi:

Một giọt nước trong mát

Có thể trừ đói, khát.

Đây là nghĩa của chữ tiêu (消) vậy. Trị bệnh là công dụng. Câu “Mong cầu được mãn nguyện”: chính là sinh công đức lành.

2.2.2.3.2.2.1.1.2.2. Bắt đầu nói chú

2.2.2.3.2.2.1.1.2.2.1. Nhập định

Văn kinh:

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhập định Diệt trừ tất cả khổ não của chúng sinh. Khi đã nhập định rồi, trừ trong nhục kế của Ngài phóng ra ánh đại quang minh.

¹⁰⁹ Hai thiện 二善: hai loại thiện là chỉ thiện và hành thiện. Chỉ thiện: cái thiện tránh làm ác, xa lìa phạm tội. Hành thiện: cái thiện tu tập thiện căn, tích cực làm việc thiện.

¹¹⁰ Những người con điên loạn 狂子: đây là lấy theo thí dụ trong phẩm *Như Lai thọ lượng* thứ mười sáu của kinh *Pháp hoa*.

¹¹¹ Tức từ đoạn ‘*Nếu có người nữ nào, sau khi nghe được danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai rồi chỉ tâm thụ trì thì đời sau không làm người nữ lại nữa.*’... cho đến đoạn ‘*Vì thế, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có người nam, người nữ nào chỉ tâm, tha thiết cung kính, cúng dường đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai và thường trì tụng chú này thì đừng bỏ quên.*’ ở sau.

¹¹² Du-già 瑜伽: tức *Du-già tập yếu thí thực nghi quỹ* 瑜伽集要施食儀軌: 一滴清涼水, 能除饑與渴, 彈灑灌頂門, 悉令獲安樂。Nghĩa là: một giọt nước trong mát, có thể trừ đói khát, gảy nước lên đỉnh đầu, thả đều được an lạc.

2.2.2.3.2.2.1.1.2.2.2. Nói chú

Văn kinh:

Từ trong quang minh diễn nói đại đà-la-ni:

Nam mô bạc già phạt đế, bệ sát xã, lũ lô thích lưu-ly bác lặc bà, hắc ra xà giả. Đát tha yết đa gia, a ra ha hắc đế. Tam miệu tam bột đà gia, đát diệt tha. Ứm, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã, tam một yết đế tóa ha.

Giải thích:

Hai chữ ‘mật và chú’(密呪) đều có ý nghĩa. Đại sư Thiên Thai đã giải thích theo bốn tất-đàn nên không cần phải dẫn dài dòng. Như ở trước đã nói rõ, bản nguyện và công đức không hai, không khác. Nhưng bàn về chữ ‘mật’(密) thì càng làm sáng tỏ sự sâu kín. Cho nên, càng giải thích rõ ràng thì lại càng làm sáng tỏ sự bí mật mà thôi.

Ở đây, trước không bàn về chương cú. Phần trước của bài chú là lời quy kính và cũng được hiểu đó là giải thoát. Từ ‘đát diệt tha’ trở về sau mới là phần mật ngữ.

Nam mô: dịch là quy y.

Bạc-già-phạt-đế: là lời tựa chung. Ba chữ đầu ‘Bạc-già-phạm’ là tên gọi, gồm sáu nghĩa, cho nên không dịch. Còn đọc là Bà-già-phạm, Bà-già-phạt. Đây là sự sai lệch của âm tiếng Phạn. Trước chỉ có ba chữ, nhưng nay có nhiều chữ. Một chữ ‘đế’ là cách đọc kéo dài của âm tiếng Phạn. Trong Mật bộ, hoặc đọc là Ba-cát-ngõa, Phát-cát-ngõa-đế, tất cả đều là nghĩa này. Vì, vào niên hiệu Trọng lịch (...), pháp sư Huyền Trang sang Ngũ thiên trúc,¹¹³ học thông tiếng Phạn. Sau khi trở về Trung Quốc, Ngài dịch lại các kinh và bản dịch của Ngài gọi là tân dịch. Vì vậy, âm tự có đôi chút sai khác.

Bệ-sát-xã-lũ-lô: chính là Dược Sư Bệ-lưu-ly. Còn gọi là Phệ-lưu-ly hay gọi là Đế Thanh Bảo. *Bát-lạt-bà-hát-la-xà-dã:* đọc chung lại với nhau thì chính là Lưu-ly Quang Thế Tôn. *Đát-tha-yết-đa-da:* dịch là Như Lai. *A-la-ha-đế:* dịch là Ứng cúng. *Tam-miệu-tam-bột-đà-da:* dịch là Chính biến tri. Đọc ghép những từ đó lại với nhau thì gọi là quy y, tức gồm đủ sáu nghĩa ấy: Dược Sư, Lưu-ly, Quang, Như Lai, Ứng cúng, Chính biến tri.

Khi sắp nói chú này, trước hết phải quy kính. Đã quy kính rồi thì sẽ nói chú, cho nên nói đát-diệt-tha. Ba chữ này được dịch thành bốn chữ ‘tức thuyết chú viết’. Từ chữ Ứm (唵) trở xuống là chính thức nói mật ngôn.

Hàng Bồ-tát địa dưới khó biết được công dụng của chú này ở đâu. Thể của chú là trừ khổ, mãn nguyện. Đây cũng chính là hành xứ sâu xa. Âm thanh vắng vắng trong ánh sáng nhưng mới lạ, chẳng phải là tướng của văn tự; diệu nghĩa sáng tỏ ngoài ngôn ngữ nhưng cũng không lìa cửa văn; Hiện và Thật trong búi tóc phóng ánh sáng, ánh sáng ấy chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải sắc mà sắc, sắc mà chẳng phải sắc. Nay thanh mà chẳng phải thanh, chẳng phải thanh mà thanh; không phải ngay đây (不即), không phải lìa xa (不離), chỉ có Phật mới

¹¹³ Ngũ thiên trúc 五天竺: nước Ấn-độ xưa. Ngày xưa Ấn-độ chia làm năm khu vực: Đông thiên trúc, Nam thiên trúc, Tây thiên trúc, Bắc thiên trúc và Trung thiên trúc.

diễn bày tường tận chứ không ai có thể làm sáng tỏ hơn đây được. Chỉ một hạt linh đơn này mà có thể trị hết các bệnh ác thuộc ba chương.

Pháp thân tồn tại mãi mãi mà giải thích theo bốn tắt-đàn là chỉ dựa vào tướng bên ngoài mà thôi.

2.2.2.3.2.2.1.1.2.3. Kết luận và khuyến khích

2.2.2.3.2.2.1.1.2.3.1. Kết luận sơ lược về công đức

Văn kinh:

Bấy giờ, trong luồng ánh sáng nói chú ấy rồi, đại địa chấn động, phóng ánh sáng lớn, tất cả chúng sinh trừ hết bệnh khổ, hưởng được an vui.

Giải thích:

Trừ bệnh là công, hưởng lạc là đức.

2.2.2.3.2.2.1.1.2.3.2. Kết luận cụ thể và khuyến khích tu tập

Văn kinh:

Mạn-thù-thất-lợi, nếu thấy người nam, người nữ nào bị bệnh khổ thì nên nhất tâm và vì người bệnh ấy, mà tắm rửa, súc miệng sạch sẽ, tụng chú này một trăm lễ tám biến, chú nguyện vào trong thức ăn, thuốc, nước không có vi trùng, rồi đưa cho họ uống, ăn thì tất cả bệnh khổ đều được tiêu diệt. Nếu có ai mong cầu điều gì mà chỉ tâm tụng niệm chú này thì đều được như ý muốn, không bị bệnh khổ, lại được sống lâu, và sau khi qua đời được sinh về thế giới kia, đắc bất thoái, cho đến chứng được bồ-đề. Vì thế, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có người nam, người nữ nào chí tâm, tha thiết cung kính, cúng dường đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai và thường trì tụng chú này thì đừng bỏ quên.

Giải thích:

Trừ hết bệnh là công, sinh về thế giới kia là đức. So với những gì đã nói ở trước thì công đức không bằng nhau. Cho nên, đoạn kinh văn dưới đây, cũng là lời khuyến khích. Còn ở đây, căn cứ vào thần chú để hiển bày công đức đã được trình bày xong.

2.2.2.3.2.2.1.1.3. Căn cứ vào tu cúng để trình bày về công đức

Như trên đã nói, nghe danh hiệu và trì chú chỉ là lợi ích thuộc về miệng và tai. Dù cho gom lại thì cũng chỉ cùng làm cho sáng tỏ, cũng chỉ giải thích văn tự mà thôi, chứ chưa khởi quán hành, huân tu cứu cánh, nên rất khó đạt được hành xứ sâu xa. Thí như bị cơn khát hành hạ trong nhà lửa, tuy thấy nước trong, nhưng đó chỉ mới tạm yên lòng. Nếu không mức nước uống thì không hết khát. Vì thế, nay trình bày lại công đức tu tập năm phẩm quán hành như cúng dường, sao chép, thụ trì, giải nghĩa v.v.. cầu nước pháp tính của Phật để giải trừ cơn khát vô minh và đạt được lý sâu xa.

Nghe tên được lợi ích là thông hiểu kinh giáo; cúng dường đạt được công đức là tu tập theo kinh dạy; viên mãn bồ-đề là chứng quả theo lý kinh. Có sự thăng tiến là do việc tu tập tiến bộ và được chia làm sáu bước. Tức phải theo thứ tự từ pháp cạn đến pháp sâu. Trong đây lại chia làm hai: 1. Trình bày văn tắt về công đức; 2. Trình bày cụ thể về công đức.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.1. Trình bày văn tắt về công đức

2.2.2.3.2.2.1.1.3.1. Cúng dường sinh công đức thiện

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, hoặc người có tịnh tín nam, nữ nào nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, Ứng cúng, Chính đẳng giác; nghe rồi tụng trì; sáng sớm, đánh răng, tắm rửa, súc miệng sạch sẽ, rồi dâng hương, hoa, hương đốt, hương bôi, trời nhạc cúng dường hình tượng Phật. Còn đối với kinh điển này, hoặc tự mình chép, hoặc dạy người chép, nhất tâm tụng trì và lắng nghe nghĩa của kinh điển ấy. Đối với vị pháp sư giảng kinh thì cúng dường tất cả những thứ cần dùng, đừng để thiếu thốn. Nhờ làm như vậy nên được chư Phật che chở, mọi mong cầu đều mãn nguyện, cho đến chứng quả bồ-đề.

Giải thích:

Nghe được danh hiệu: là xác nhận việc nghe danh hiệu, hiểu nghĩa lý ở trước. Từ đoạn ‘nghe rồi tụng trì’ trở về sau là khuyên chúng sinh thực hành theo những gì đã hiểu biết, cầu nước tịnh pháp tính để tẩy trừ năm trü phiền não. Sau khi thực hành những việc ấy thì chắc chắn sẽ có đầy đủ công đức sinh thiện, diệt ác. Cho nên, mới có việc thầy-trò đền đáp lẫn nhau. Câu ‘cầu nguyện mãn’ đó là tạm nêu ra đức sinh thiện; sau đó, mới trình bày rộng rãi tướng mãn nguyện. Nói ‘cầu giàu sang được giàu sang, cầu con trai, con gái được con trai, con gái v.v.’. Cho đến, tâm bồ-đề chính là đệ nhất nghĩa ở trong sinh thiện. Tâm bồ-đề ấy tăng trưởng là nhờ đã dứt hết các lí: hành chứng, lý chứng, khởi hành.¹¹⁴

2.2.2.3.2.2.1.1.3.1. Truyền bá rộng rãi và diệt ác

2.2.2.3.2.2.1.1.3.1.1. Phát nguyện lưu truyền kinh

Văn kinh:

Bấy giờ, Mạn-thù-thất-lợi đồng tử bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn, con thệ vào thời kì tương pháp sẽ dùng các phương tiện làm cho những tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân, v.v.. nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, cho đến trong giấc ngủ, con cũng dùng danh hiệu của Đức Phật ấy, làm cho họ nghe được.

Giải thích:

Nghe giáo pháp của Phật, tu tập năm pháp, đạt được công đức rất lớn, liền phát tăng-na, lưu truyền bảo hiệu, làm cho mọi người luôn luôn lắng nghe và tu tập, cùng chứng bồ-đề.

Dùng các phương tiện: giống như Bồ-tát Quan Âm, phổ môn¹¹⁵ giáo hóa, hiện thân trong mười giới, nói pháp cho chúng sinh ở mười giới ấy nghe, khiến chúng nghe được danh hiệu Phật, khéo léo dẫn dụ dần dần, nâng đỡ khiến chúng nghe pháp.

¹¹⁴ Khởi hành 起行: những hành được phát khởi bằng ba nghiệp thân, miệng, ý. Nhờ tâm bồ-đề mà phát khởi các hành nghiệp như thân lễ bái cung kính, miệng xưng niệm hồng danh, tán thán Phật, ý quán sát nhớ nghĩ.

¹¹⁵ Phổ môn 普門: pháp môn phổ cập tất cả. Tông Thiên Thai cho rằng lí chân thật cùng khắp tất cả, không ngăn trệ, nên chư Phật, Bồ-tát nương lý này mà mở rộng vô lượng môn, thị hiện các thân hình, cứu khổ chúng sinh, thành tựu bồ-đề.

Cho đến trong giấc ngủ: hai chữ ‘cho đến’ là lời nói quá tóm lược. Hoặc vào mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông; hoặc khi đi, đứng, ngồi, nằm; hoặc khi nói, khi im lặng, khi làm việc, v.v.. đều làm cho mọi người nghe được danh hiệu Phật. Giả sử, những người ấy, dù vào bất cứ lúc nào, ở bất cứ nơi nào, nếu không thể nghe được danh hiệu Phật thì trong giấc ngủ cũng làm cho họ nghe được danh hiệu Phật. Chữ diệc (亦) được nói ở đây có ám chỉ sự đối lập giữa khi ngủ và khi thức. Nghĩa là khi ngủ còn được nói cho nghe, huống gì khi thức.

Đủ thấy, Bồ-tát Văn-thù trí bén, bi sâu, giúp cho những chúng sinh ngu muội đều được giải thoát mà không bỏ rơi ai. Ở đây có hai ý: 1. Đối với những phàm phu ngu si rong ruổi đó đây, không chút thanh thoi, nên phải qua giấc ngủ mới nói cho nghe được danh hiệu Phật; mà không nói cho nghe khi chúng đi, đứng, ngồi, nằm. 2. Đối với những người ác, chấp trước, tà kiến sâu nặng, khó tiếp thu Phật pháp, giả sử nói cho họ nghe, thì họ cũng xem thường, không chịu tin nhận. Vì vậy, trong giấc ngủ làm cho họ tiếp nhận, là chọn lúc khí chất trong sáng vẫn còn tự nhiên, danh hiệu Phật có thể lưu lại và bỗng nhiên sinh tâm tin sợ. Giống như muốn vớt vật trong nước sôi, cần phải dùng một cái bát thả xuống chỗ nước lạnh, rồi mới có thể đưa tay xuống dò tìm.

Vì thế, tất cả hiền thánh khi giáo hóa chúng sinh mộng寐 ở trong ba cõi phần lớn đều dùng các pháp môn mộng huyền để độ sinh. Như trong kinh *Kim quang minh* mộng thấy trống vàng mà nói pháp sám hối. Kinh *Đại Niết-bàn* mộng thấy la-sát mà siêng tu đạo nghiệp. Kinh *Tâm chuẩn đề* nói, vì mộng thấy mưa cơm đen¹¹⁶ cho là tướng diệt tội. Kinh *Phương đẳng* nói, vì mộng thấy mười hai vua mà vào cửa sám. Kinh *Địa tạng* nói, mộng thấy vào địa ngục mà phát đại nguyện. Kinh *Pháp hoa* nói, mộng thấy chứng thánh vị mà thành tựu tướng hoàng dương, lưu thông kinh điển. Hán Hiền Tông mộng thấy người vàng mà danh hiệu Phật lưu thông ở đời tượng pháp. Các vị quốc vương xưa mộng sắp bị xử tử mà tăng tiến đạo tâm hai mươi năm. Thái thú Nam Kha chín năm bãi tướng phong vương.

Quý thay! Các bậc thánh hiền gá mộng, dùng diệu pháp thức tỉnh người mộng. Lại nữa, làm sao biết đó chẳng phải là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát Văn-thù và đại nguyện trong phẩm Phổ môn? Việc điểm hóa người đang ngủ như dẫn ở trên cũng có đủ bốn tất-đàn và lợi ích của việc điểm hóa đó có thể biết được.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.1.2. Truyền bá rộng rãi và diệt ác

Văn kinh:

Thế Tôn, nếu người nào thụ trì, đọc tụng kinh này; hoặc giảng nói, khai thị cho người khác hiểu, hoặc tự mình chép, hoặc khuyên người chép, cung kính, tôn trọng, cúng dường các loại hoa, hương, hương bôi, hương xoa, hương đốt, vòng hoa, chuỗi hạt, cờ, lọng, kỹ nhạc; và

¹¹⁶ Mưa cơm đen 黑飯: vì nấu với lá Nam thiên chúc nên cơm có màu đen. Lá Nam thiên chúc là vua của loài thảo mộc, ăn vào thần khí sáng khoái, tuổi thọ tăng thêm. Đây vốn là thức ăn mà Đạo gia gọi là Thanh tịnh phạn.

dùng chỉ năm màu đan thành túi đựng kinh; vẩy nước quét dọn nơi sạch sẽ rồi đặt một cái tòa cao làm nơi an trí kinh.

Bấy giờ, có bốn đại thiên vương, quyền thuộc của họ và vô lượng trăm nghìn thiên chúng khác đều đến chỗ an trí kinh ấy cúng dường và bảo vệ.

Thế Tôn, nếu kinh này truyền đến nơi nào, có người thụ trì; hoặc nhờ bản nguyện công đức; hoặc nhờ nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, thì phải biết mọi người ở những chỗ ấy không bị chết ngang, không bị các ác quỷ, ác thần đoạt lấy tinh khí; giả sử người nào bị đoạt lấy thì cũng được hồi phục như cũ, thân tâm an lạc.

Giải thích:

Vì được thiên vương bảo vệ, nên ác quỷ không xâm hại được.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.1.3. Pháp vương ân khả

Văn kinh:

Đức Phật nói với Mạn-thù-thất-lợi, đúng vậy! Đúng vậy! Thật đúng như lời ông nói.

Giải thích:

Đến đây, trình bày văn tắt công đức đã xong.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2. Trình bày về công đức

Trong phần trình bày tóm lược công đức trước chỉ nói việc cúng dường. Dưới đây sẽ trình bày cụ thể cách thức cúng dường. Ở trước chỉ nói mãn nguyện mọi mong cầu, dưới đây sẽ trình bày rõ ràng cầu giàu sang, cầu sinh con trai, con gái đều được. Ở trên chỉ nói không bị ác quỷ đoạt lấy tinh khí, dưới đây sẽ trình bày rõ ràng các tướng diệt ác. Vì thế, mới trình bày rộng rãi công đức của tu tập, cúng dường. Trong đây chia làm hai:

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2.1. Trước trình bày cách thức

Văn kinh:

Mạn-thù-thất-lợi, nếu có tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân v.v.. muốn cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai thì trước tiên phải tạo lập hình tượng Ngài, trải tòa sạch sẽ và an trí tượng trên đó, rồi rải các loại hoa, đốt các loại hương, trang trí cờ lọng. Những người đến chỗ thờ ấy trong bảy ngày bảy đêm phải thụ tám phần trai giới, ăn thức ăn sạch sẽ, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch sẽ, nên sinh tâm thanh tịnh, tâm không giận hờn, nên sinh khởi tâm làm lợi ích, an lạc, từ bi, hỉ xả, bình đẳng với tất cả chúng sinh. Đồng thời, đánh trống, thổi nhạc, ca hát, khen ngợi, từ bên phải đi quanh tượng Phật, và nên nhớ nghĩ đến bản nguyện công đức của đức Như Lai kia mà đọc tụng kinh này, nghiền ngẫm nghĩa lý, giảng nói cho người khác biết.

Giải thích

Từ đoạn ‘tạo tượng, cúng dường..’ là làm sạch địa điểm, kết đàn v.v.. Từ đoạn ‘bảy ngày bảy đêm..’ trở về sau là làm sạch ba nghiệp. Trong phần ‘làm sạch ba nghiệp’ quan trọng là luận về sự khai-già của thân; luận về nói-im của miệng; và luận về chỉ-quán của ý. Thụ trì trai giới là già. Tắm gội, mặc y phục sạch sẽ là khai. Tâm không nhớ bản, giận hờn là chỉ. Tâm từ bi, bình

đẳng là quán. Đọc kinh, giảng nói là nói năng. Nghiền ngẫm nghĩa lý là im lặng.¹¹⁷ Trong phần luận về chỉ-quán của ý chia thành: cầu là tâm tham; trước là tâm si; nộ hại là tâm sân. Nghĩa là phải dùng dứt tâm ba độc. Ở trong chỉ-quán là pháp phân biệt sự sai lầm, phô bày sự đúng đắn.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2.2. Chính thức trình bày công đức

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2.2.1. Sinh công đức thiện

Văn kinh:

Nếu có ai mong cầu điều gì thì tất cả đều được toại ý. Như cầu sống lâu được sống lâu, cầu giàu sang được giàu sang, cầu quan vị được quan vị, cầu con trai, con gái được con trai con gái.

Giải thích:

Câu ‘tất cả đều được toại ý’ tức gồm bốn chính cầu¹¹⁸ xuất thế: bốn giáo thánh hiền, tam-muội, biện tài và nguyện sinh về nước Phật v.v.. Bốn sự mong cầu sau là thỏa mãn những mong cầu cạn cợt giàu sang, sống lâu theo thế gian. Ở đây có hai ý: 1. Trong Như Lai tạng có đủ vạn đức nên dù là những mong cầu cạn cợt còn đáp ứng được, huống gì những mong cầu xuất thế sâu xa ư? 2. Những pháp mong cầu điên đảo thuộc tam giới như thế, thường bị các bậc thánh hiền quở trách mà đức Dược Sư còn đều làm cho toại ý. Qua đó, đủ biết sự diệu dụng của Như Lai là dùng phương tiện thiện xảo để dụ dẫn từ từ. Nhưng vì những người không tin, không biết diệu đạo xuất thế, nên chỉ biết cầu những việc đưa đến quả báo cạn cợt ở thế gian như giàu sang, sống lâu v.v.. Họ lẽ lạy, cầu khẩn Như Lai, nên nếu Như Lai không giúp họ toại nguyện thì những người ấy mãi mãi không bao giờ xoay tâm, hướng về Phật. Cho nên, Đức Phật làm cho chúng sinh toại nguyện các cầu mong điên đảo trước. Khi đã được toại nguyện rồi, họ mới biết kính Phật, chuyên tâm với Tam bảo. Bây giờ, mới dẫn dụ họ xuất thế. Ở đây nói, chỉ có đức Dược Sư và ngài Quan Âm mới làm được việc ấy.

Người có hiểu biết nông cạn không biết được sự diệu dụng này, mà chỉ căn cứ vào tứ giáo pháp môn định tuệ để giải thích việc cầu giàu sang, sống lâu, cầu con trai, con gái. Câu ‘tất cả đều toại nguyện’ ý đã bao gồm tứ giáo định tuệ xuất thế v.v... Lại còn căn cứ tứ giáo xuất thế để giải thích bốn mong cầu, tức: 1. Ý nói rõ Đức Phật có nhiều lỗi.¹¹⁹ 2. Mất sự diệu dụng trong phương tiện thiện xảo của Như Lai. Huống gì vì mong cầu ấy có ích cho sự đạt được. Cho nên, người cầu với Ta đạt được kết quả, rồi đem công đức diệu ứng¹²⁰ của đức Dược Sư loan truyền rộng rãi, thì đó là việc đáng buồn cười.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2.2.2. Công đức diệt ác

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2.2.2.1. Diệt ác mộng

Văn kinh:

¹¹⁷ Im lặng 嘿: âm là ‘hắc’ dùng giống nghĩa chữ mặc (默).

¹¹⁸ Chính cầu 正求: tìm cầu chính đạo.

¹¹⁹ 彰佛有重煩之咎.

¹²⁰ Diệu ứng 妙應: sự ứng hiện không thể nghĩ bàn của Phật và Bồ-tát.

Lại nữa, nếu có người bỗng gặp ác mộng; như thấy các tướng ác, hoặc chim lạ bay đến, hoặc chỗ ở xuất hiện nhiều điều lạ. Nếu người ấy có thể đem những vật dụng tốt cung kính cúng dường Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia thì ác mộng, ác tướng, những điềm không lành đều biến mất và không thể gây hại.

Giải thích:

Ác mộng: Kinh Kim quang minh nói, mộng thấy mặt trời rơi, răng rụng, là điềm trẻ con chết v.v..

Ác tướng: như *Tả truyện* ghi: “Vừa gặp Lương Tiêu, liền nói: ‘Tôi sẽ bị giết và cắt từng mảnh. Lại nữa, tôi sẽ bị giết và chặt từng đoạn’ v.v..”

Chim lạ bay đến: như Mãi Thái Phó thấy chim bằng bay vào cửa v.v..

Chỗ ở xuất hiện nhiều điều lạ: Lã Thái Đài mộng thấy Triệu vương. Như Ý mộng thấy bị chó xanh cắn vào nách và rôn. Tương công mộng thấy công tử. Bành Sinh mộng thấy heo đứng như người và khóc v.v.. Đây là nói, quốc gia sắp bị diệt vong nên mới xuất hiện những hiện tượng lạ.

Hoặc có bốn loại mộng,¹²¹ sáu loại mộng.¹²² Kinh *A-hàm* nói có mười loại mộng.¹²³ Ở đây không cần thiết phải dẫn dài dòng.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2.2.2. Diệt sợ hữu tình và sợ vô tình

Văn kinh:

Hoặc người nào gặp các sự sợ hãi như nạn nước, lửa, binh đao, nguy hiểm, voi dữ, sư tử, hổ, sói, gấu, rắn độc, bọ cạp, rết độc, trùng độc, muỗi, ruồi v.v.. nếu người ấy có thể chí tâm, nhớ nghĩ đến Đức Phật kia và cung kính cúng dường thì tất cả mọi sợ hãi đều tiêu tan.

Giải thích:

Nước, lửa v.v..: là sợ thuộc vô tình.

Voi dữ, sư tử v.v..: là sợ thuộc hữu tình. Cả hai sự sợ ấy đều có thể sát thân, hại mạng. Cho nên, chúng là đại ác. Nếu giải thích theo bảy nạn,¹²⁴ bảy đại¹²⁵ trong phẩm *Phổ môn* thì đó chính là sự sợ hãi do đao gây, độc hại. Sợ thuộc về đất, nước, lửa có thể biết được.

¹²¹ Bốn loại mộng 四夢: bốn loại mộng được phân biệt theo nguyên nhân hiện khởi: 1. Tứ đại bất hòa mộng; 2. Tiên kiến mộng; 3. Thiên nhân mộng; 4. Tướng mộng.

¹²² Sáu loại mộng 六夢: đó là chính mộng, ngạc mộng, tư mộng, ngộ mộng, hỉ mộng, cụ mộng.

¹²³ Mười loại mộng 十夢: mười điềm mộng của vua Ba-tư-nặc, được ghi trong *Tăng Nhất A-hàm* 51. Đó là: 1. Một thấy ba cái phũ-la (bình) hai cái hai bên đây, cái ở giữa trống, hơi nước nóng của hai bình hai bên vọt lên giao nhau, nhưng không vào bình trống ở giữa. 2. Mộng thấy con ngựa, miệng đang ăn mà đột xương sống cuối cùng cũng ăn. 3. Mộng thấy cây lớn nở hoa. 4. Một thấy cây nhỏ ra trái. 5. Mộng thấy một người tìm sợi dây, sau đó thấy bầy dê, trong đó con dê đầu đàn ăn sợi dây. 6. Mộng thấy con chồn ngồi trên chiếc giường bằng vàng, ăn thức ăn trong bát vàng. 7. Mộng thấy bầy trâu lớn lại theo trâu con bú sữa. 8. Mộng thấy trâu đen từ bốn phía vừa rống vừa tiến đến, muốn húc nhau, chưa chạm thì trâu biến mất không biết ở nơi nào. 9. Mộng thấy áo nước lớn, ở giữa đục, bốn phía trong. 10. Mộng thấy dòng suối lớn, sóng màu đỏ.

¹²⁴ Bảy nạn 七難: nạn lửa, nạn nước, nạn la-sát, nạn đao gây, nạn quỷ, nạn gông cùm, nạn oán tặc.

¹²⁵ Bảy đại 七大: đó là: địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức đại.

Nguy hiểm: thuộc không đại. Sư tử, voi, xâm hại, phản loạn thuộc kiến đại và thức đại. Những sợ hãi vừa nêu ấy đều là diệt các điều ác ở thế gian mà thôi, không cần phải giải thích chúng theo nghĩa phiền não, nghiệp báo như trong phẩm *Phổ môn* nói.

Voi điên không có móc, sư tử ngoạm người, gấu hại mạng người, hổ, sói ăn thịt người, những việc sợ hãi kinh khủng như thế có thể biết được.

Rắn độc: như *Sưu thân kí* ghi: “Trong núi Mộng Tụ ở Lĩnh Nam có con rắn, mỗi khi nó thấy người thì liền tự vỡ thành những cánh hoa. Người đi đường không biết nhặt một cánh hoa thì những cánh hoa còn lại hợp thành con rắn và cắn người. Ở đất bắc có một con rắn biết kêu tên người. Khi nó kêu tên ai, nếu người ấy đáp lại thì tới đó nó đến ăn não người ấy.”

Trong Kinh nói, có loài rắn thất bộ,¹²⁶ nếu ai bị cắn thì chết liền.

Ác hiết: thường gọi Hiết hồ. Ở đất bắc thì có, ở phương nam thì không có. Cho nên, Lưu Vũ Tích được triệu về có chiếu chỉ vui treo trên tường, nhưng nhìn thấy trong bài thơ có chữ hiết. Tô Tử Chiêm trở về kinh đô vì đã lập được công, nhưng nhìn thấy trên câu chúc mừng có chữ hiết.

Nếu người nào chạm vào bộ cạp thì chất cực độc trên đầu đuôi nó có thể làm người bị thương. Khoảng niên hiệu Khai nguyên (713-769) đời Đường, có một chủ bạ¹²⁷ bỏ bộ cạp vô ống trúc mang qua Giang Nam. Vì thế, phương Nam cũng thường xuất hiện bộ cạp.

Rết độc, trùng độc: cả hai đều dụ cho sâu. Mỗi khi nổi sâu đều chủ yếu là hại người.

Quảng Nhã nói, đặt tính của rết độc là có khả năng không chế rắn. Một hôm, rết độc thấy con rắn lớn liền bám theo và ăn não của rắn. Trong Tam giáo, Châu Anh nói, rết độc khi gặp rắn có thể dùng mùi để không chế rắn.

Trùng độc: là loại động vật thân màu đỏ, nhiều chân, có thể bám lên tường. Ở Cao Ly, mỗi khi trời mưa loài trùng độc này bám đầy tường chùa.

Muỗi, ruồi: là những con vật nhỏ nhít, sao đủ sức gây ra sợ hãi? Vì lực của Dược Sư chỉ phá sợ hãi của muỗi, ruồi, vậy có phải là lớn-nhỏ chăng?

Việc này có hai ý: 1. Ở Nam kinh có miếu Lộ Cân Nương Nương. Tương truyền rằng, ở đó muỗi rất lớn. Ngày xưa, có hai chị em dâu đi lỡ đường thì trời tối. Vì người chị dâu sợ muỗi nên đến nhà người giảng mừng ngủ nhờ. Cô em dâu ngồi ngoài trời nên bị muỗi đốt gân, xương đều lòi ra, dẫn đến chết. Người dân ở đó lập miếu thờ cô ta, để biểu trưng cho sự trinh tiết. Thế nên, muỗi, ruồi tuy nhỏ nhưng cũng có thể làm người tổn thương. Thật đáng sợ! 2. Ngày xưa, khi đức Dược Sư tu tập hai mươi lăm vương tam-muội,¹²⁸ ngài dùng ba quán¹²⁹ viên mãn để phá trừ hết hai mươi lăm thứ: hữu, kiến, tư, vô minh, ác nghiệp, trần sa v.v.. Vì công lực của hai

¹²⁶ Rắn Thất bộ 七步蛇: là một loại rắn độc. Nếu người nào bị nó cắn thì đi bảy bước là chết, nên gọi là Thất bộ xà.

¹²⁷ Chủ bạ 主簿: tên một chức quan thời trước, trông coi việc sổ sách một địa phương.

¹²⁸ Vương tam-muội 王三昧 (S: Samādhi-rāja-supratīṣṭhito nāma samādhīḥ): tam-muội đứng đầu, tối thắng trong các tam-muội, là tên khác của định Thủ-lăng-nghiêm.

¹²⁹ Ba quán 三觀: ba pháp quán do tông Thiên Thai lập ra. Đó là: không quán, giả quán và trung quán.

mười lăm vương tam-muội rất lớn nên tất cả phiền não đều bị phá sạch. Như vậy, sợ nhỏ còn phá, huống gì sợ lớn! Giống như khi vồ con vật, sư tử đều dùng hết sức. Thế mới biết, không phải vì cầu Phật những việc sợ nhỏ mà Đức Phật không cứu khổ. Như nói ở trên, ở trong sinh thiện cầu giàu sang, sống lâu, cầu con trai, con gái đều làm cho tất cả toại ý.

Phải biết, ban vui, nhỗ khổ đều vận dụng như nhau mà không dối sức thì mới làm sáng tỏ Dục Sư. Hỏi lớn thì đáp lớn, hỏi nhỏ thì đáp nhỏ, thần ứng không có giới hạn.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2.2.3. Trừ nạn trộm cướp, xâm lăng

Văn kinh:

Nếu bị nước khác xâm lăng, bị nạn trộm cướp nổi lên, bị phản loạn, mà nhớ nghĩ, cung kính Đức Như Lai kia thì đều thoát khỏi những nạn ấy.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2.2.4. Phá giới không bị rơi vào đường ác

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có tịnh tín nam tử, thiện nữ nhân v.v.. thậm chí suốt đời không thờ vị trời nào khác, chỉ một lòng quy y Phật, Pháp, Tăng và thụ trì cấm giới. Những người ấy hoặc thụ năm giới, mười giới, bốn trăm giới của Bồ-tát, hai trăm năm mươi giới của bi-sô, năm trăm giới của bi-sô-ni. Nếu những người ấy hủy phạm những giới đã thụ, sợ bị rơi vào đường ác, có thể chuyên niệm danh hiệu, cung kính, cúng dường Đức Phật kia, thì chắc chắn không bị sinh vào ba đường ác.

Giải thích:

Bốn trăm giới, năm trăm giới: trong luật không nêu ra. Vì có người chưa từng xem qua văn luật mà thôi. Không cần phải cưỡng ép, không biết thì nói cho biết. Giống như, bị trật thì nắn bóp lại cho khớp.

2.2.2.3.2.2.1.1.3.2.2.5. Trừ những các khổ khi sinh

Văn kinh:

Như có người nữ lúc sắp sinh nở bị đau đớn khổ sở; nếu người ấy có thể chí tâm xưng danh hiệu, lễ bái, tán thán, cung kính, cúng dường Đức Như Lai kia thì các khổ đều tiêu trừ. Đồng thời, đứa trẻ sinh ra, các chi đầy đủ, thân hình xinh đẹp, ai thấy cũng thích, lanh lẹ thông minh, an ổn, ít bệnh và không bị phi nhân đoạt lấy tinh khí.

Giải thích:

Trong kinh này nói, cứu khổ cho người nữ, có ba trường hợp. Tuy trước sau nói khác nhau, nhưng tất cả hợp thành một môi, nên các khổ đều tiêu trừ. Đoạn kết ghi: “Không bị phi nhân cướp đoạt tinh khí”, giống với đoạn văn kinh trước nói tóm lược về cứu khổ: “Không bị ác quỷ đoạt lấy tinh khí”, cần phải đối chiếu chặt chẽ. Đó cũng chính là sự diệu dụng của việc nói pháp lên-xuống thông suốt của Như Lai.

Trên đây đã trình bày cụ thể về diệu dụng của công đức ban vui, cứu khổ.

2.2.2.3.2.2.1.2. Nêu ra công đức tông bản

Trên đây vừa trình bày cứu khổ, ban vui, diệt ác, sinh thiện. Tuy hiển bày công đức bằng nhiều lớp rộng, lược khác nhau, nhưng tất cả đều thuộc công dụng của hóa tha. Nếu công dụng

không có ‘thể’ thì đó là nguyện cuồng, hành vọng. Nếu công dụng không có ‘tông’ thì đó là phạm phu, ngoại đạo. Nay chỉ rõ ra chính thể là danh hiệu chư Phật, diệu tông là hành xứ sâu xa. Thể và tông này cũng chính là vô lượng phương tiện nguyện hành. Tông, thể đã lập thì tất cả công đức cứu khổ, ban vui được trình bày trước và sau đều có quả. Cuối cùng, toàn thể đại dụng của tha hóa có tông, có bản, chứ chẳng phải vì ý nghĩa trùng lập mà thuận theo.

2.2.2.3.2.2.1.2.1. Bản thể sâu xa

2.2.2.3.2.2.1.2.1.1. Dụng chính là thể sâu xa

Văn kinh:

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với tôn giả A-nan, như Ta đã khen ngợi tất cả công đức của Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia, và đó cũng chính là hành xứ sâu xa của chư Phật, rất khó có thể hiểu được.

Giải thích:

Công đức tức là hành xứ; còn gọi dụng tức là thể. Như nói, nước là sóng, sóng là nước. Hai vốn không có hai, mà đó là toàn thể đại dụng. Hành xứ của lục phạm¹³⁰ là ba cõi, giống như lao ngục. Hành xứ của hàng Nhị thừa là niết-bàn cạn, hẹp, không sâu. Hành xứ của Bồ-tát có thể gọi là sâu. Như nói, ‘Khi Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa’. Nhưng trí còn giới hạn thì không viên mãn cảnh của tam đế,¹³¹ không rốt ráo, nên không thể gọi là sâu xa.

Chỉ có Phật với Phật mới có thể biết thấu đáo thật tướng của các pháp. Vì biết rõ tận ngọn ngành nên gọi là hành xứ sâu xa. Phải biết chư Phật chính là ba trí¹³² của nhất tâm; hành xứ tức là nhất cảnh của ba đế. Đầu tiên, đức Như Lai dùng trí vô duyên duyên với cảnh vô tướng, dùng cảnh vô tướng giúp cho trí vô duyên; vô duyên mà duyên, đều là ba quán; không giúp mà giúp, ba đế rành rành, cảnh-trí đều quên. Nói cảnh và trí tức là thi và bản¹³³ hợp nhất. Giống như hộp và nắp vừa khít nhau. Khi tu đắc bốn đức thì bản có bốn đức và mỗi mỗi đều có đủ thường, lạc, ngã, tịnh. Vì nơi mà chư Phật mười phương du hành gọi là Thường tịch quang.

Cảnh ấy và thân, độ¹³⁴ là một, sắc và tâm không hai. Khi cảnh và trí khế hợp thì gọi là hành xứ sâu xa. Khi ‘không và hữu’ đều quên thì đó thật tướng của trung đạo. Khi đạt được nhất chân không nhiễm thì gọi là chân như. Khi đạt được linh trí¹³⁵ chiếu soi khắp nơi thì gọi là Phật tính. Khi ba nhân¹³⁶ hoàn toàn viên mãn thì gọi là nê-hoàn. Khi nhiễm và tịnh hòa lẫn thì gọi là pháp giới. Tất cả những trường hợp vừa nêu trên chỉ có một thể nhưng tên gọi thì khác.

¹³⁰ Lục phạm 六凡: sáu cõi phạm trong mười cõi, đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tu-la, người và trời.

¹³¹ Ba đế 三諦: đó là: không đế, giả đế và trung đế.

¹³² Ba trí 三智: đó là: nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí.

¹³³ Trong văn viết là mộc (木), nghi là viết sai; bản (本) mới đúng nghĩa.

¹³⁴ Thân và độ 身土: thân thể và quốc độ mà phạm phu hoặc Phật, Bồ-tát lãnh thụ. Tức chính báo và y báo.

¹³⁵ Linh trí 靈智: tức trí tuệ.

¹³⁶ Ba nhân 三因: đó là: chính nhân Phật tính, liễu nhân Phật tính và duyên nhân Phật tính. Ba nhân Phật tính do đại sư Thiên Thai Trí Khải y cứ vào kinh Đại Bát-niết-bàn 28 (bản Bắc) lập ra. Nghĩa là tất cả chúng sinh đều có ba nhân Phật tính này, nếu nhân này được hiển bày thì thành tựu Diệu quả tam đức.

Lấy bản thể của thật tướng chính ấn làm bốn chương sở quy cho kinh này. Sau khi chư Phật chứng thể ấy rồi, từ thể khởi dụng, dùng vô duyên nhô khổ, ban vui làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, đó gọi là công đức.

Toàn thể đại dụng: chẳng phải ngoài ‘dụng’ có ‘thể’, ngoài ‘thể’ có ‘dụng’, hai mà không hai, không hai mà hai. Công đức của ban vui, nhô khổ được nói ở trước đều từ ‘thể’ này sinh khởi. Đó gọi là tất cả ‘dụng’ đều từ pháp giới này sinh ra. Nay xét lại ‘dụng’ của ban vui, nhô khổ đã nói trước thì đó chính là hành xứ của Phật. Lại nữa, tất cả ‘dụng’ đều không trở lại pháp giới này.

Dụng trong kinh *Pháp hoa* thì gọi là Như Lai vào Vô lượng nghĩa xứ. Dụng trong kinh *Viên giác* thì gọi là vào Đại quang minh tạng. Dụng trong kinh *Kim quang minh* thì gọi là rong chơi trong pháp tính sâu xa của kim quang minh, vượt qua sở hành thanh tịnh của các Bồ-tát. Dụng trong kinh *Niết-bàn* thì gọi là an trí trong Bí mật tạng. Dụng trong kinh *Bát-nhã* thì gọi là dùng pháp bất trụ trụ trong Bát-nhã ba-la-mật. Không đi nhưng chẳng phải không đi, cảnh và trí hợp thành một và hợp với thật thể đức. Nhưng chính thể ấy chúng sinh và Phật vốn có. Nay nói hành xứ của chư Phật tức là hiển bày quả.

Như trên đã nói, thi và bản hợp thành một là diệu giác. Chính thể chẳng phải là tổ pháp thân của hàm sinh khi còn bị trói buộc. Vì mười giới bao quát tất cả, nên nếu ai không tu tập thành tựu trọn vẹn bảo trí thì đó mới là việc kì lạ. Như vậy, hành xứ tận cùng của chư Phật chắc chắn không phải chín giới, thất phương tiện¹³⁷ có thể ngược nhìn được. Vì thế, rất khó hiểu. Hoặc giải thích đầy đủ cho chúng sinh còn ở trong mê hoặc nghe. Hành xứ sâu xa của Phật có thể nói là không biết. Nặng-nhẹ, kẻ-chính chỉ lấy những văn từ hiện có in lên giấy trắng, sao có thể không lẫn lộn và mất ý nghĩa?

2.2.2.3.2.2.1.2.1.2. Căn cứ ba tuệ¹³⁸ phân biệt, hiển bày

2.2.2.3.2.2.1.2.1.2.1. Căn cứ vào sự khó tin hiển bày thể

Bởi vì, thật xứ mà Đức Phật chứng được không thuộc chín giới. Vì nếu căn cứ theo chín giới thì loài người khó tin, khó hiểu, khó nghe, và phải hỏi-đáp nhiều lần mới có thể làm sáng tỏ ‘thể’ cao sâu ấy được. Tức là giống với ý nghĩa trong kinh *Pháp hoa* phân biệt các pháp chỉ-quán và phân biệt sự sai lầm. Điều này chia làm ba: 1. Căn cứ vào sự khó tin mà hiển bày thể. Tin chính là tư tuệ. Bởi vì, học mà không tư duy thì dễ mắc phải sai lầm. Vì sau khi lắng nghe, tư duy kĩ nên có thể phát khởi lòng tin. Nếu không tư duy kĩ thì dễ sinh tâm hủy báng và bị rơi vào đường khổ. Há chẳng phải tin là tư tuệ sao?

2.2.2.3.2.2.1.2.1.2.1.1. Hỏi

Văn kinh:

Ông có tin không?

¹³⁷ Thất phương tiện 七方便: bày địa vị trước khi vào địa Kiến đạo của Thanh văn, đó là: Ngũ đình tâm quán, biệt tượng niệm trụ, tổng tượng niệm trụ, noãn pháp, đỉnh pháp, nhẫn pháp, thể đệ nhất pháp.

¹³⁸ Ba tuệ 三慧: đó là: văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ.

2.2.2.3.2.2.1.2.1.2.1.2. Trả lời

a. Rất tin lời Phật dạy

Văn kinh:

Tôn giả A-nan bạch Phật! Bạch đại đức Thế Tôn, con không sinh nghi ngờ với những Khế kinh do Như Lai nói. Vì sao? Vì tất cả thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp của Như Lai đều thanh tịnh. Thế Tôn, mặt trời, mặt trăng có thể rơi xuống, núi chúa Diệu Cao có thể sụp đổ, nhưng những lời chư Phật không có sự sai khác.

Giải thích

Chỉ tin chắc Phật nói không hư dối mà thôi, chứ tự mình không thể thấu hiểu tận tường thật tướng của các pháp và không thể thực hành được hành xứ như Phật.

Vì thế, tiếp theo sau Đức Phật nói: “*Nay các ông có thể thụ trì được, thì phải biết, đó đều là thân lực của Như Lai.*”

b. Không tin thì bị rơi vào đường ác

Văn kinh:

Thế Tôn, có những chúng sinh tin căn không đầy đủ, nên khi nghe nói đến hành xứ sâu xa của chư Phật thì liền suy nghĩ: ‘Làm gì chỉ niệm danh hiệu của một Đức Phật Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai mà đạt được nhiều công đức thù thắng như vậy?’ Chẳng những không tin mà chúng còn sinh tâm phỉ báng. Vì vậy mà chúng bị ở mãi trong cảnh đêm dài tăm tối, bị mất nhiều lợi lạc, bị rơi vào các đường ác và bị luân hồi sinh tử không dừng dứt.

2.2.2.3.2.2.1.2.1.2.1.3. Lời xác nhận

Văn kinh:

Đức Phật nói với tôn giả A-nan: “Nếu những chúng hữu tình ấy nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, rồi chỉ tâm thụ trì, không sinh nghi ngờ, mà bị rơi vào các đường ác thì chắc chắn không có việc đó.”

Giải thích:

Đức Phật nói, chỉ sợ chúng sinh vốn không có thiện căn, không thể nghe được danh hiệu Phật, nên mới lo lắng có chúng sinh phỉ báng và rơi vào đường ác. Nếu chúng sinh nào nghe được danh hiệu Phật thì đã gieo trồng thiện căn với nghìn, vạn Đức Phật. Sau khi nghe được danh hiệu Phật, có thể chí tâm thụ trì, tin sâu không nghi ngờ. Vậy, há có chúng sinh nào sau khi nghe danh hiệu Phật rồi, lại sinh tâm không tin, phỉ báng và bị rơi vào đường ác ư? Vì thế, nên nói: “*Chắc chắn không có việc đó.*”

Đoạn kinh này tuy nói sự quan trọng của việc nghe danh hiệu Phật, nhưng thực tế là giải thích ý khó tin nói trên.

2.2.2.3.2.2.1.2.1.2.2. Căn cứ vào sự khó hiểu hiển bày thể

Giải chính là tu tuệ. Thâm tâm nhập tu mới có thể hiểu rõ. Như nói: “Chỉ trừ hàng Bồ-tát nhất sinh sở hệ.” Há chẳng phải cùng tột của tu tuệ mới có thể hiểu rõ ư?

Văn kinh:

A-nan, sở hành sâu xa của chư Phật ấy rất khó tin hiểu. Nay ông có thể tin hiểu thì biết rằng đều là nhờ thần lực của Như Lai. A-nan, tất cả Thanh văn, Độc giác và những Bồ-tát chưa lên đến bậc Sơ địa, v.v.. đều không thể tin hiểu đúng như thật; chỉ trừ hàng Bồ-tát nhất sinh sở hệ.

Giải thích:

Đoạn kinh này nối tiếp ý của đoạn kinh trước chưa nói hết. Đến nay nói: “Lời nói của Ta.” Vì thế, không dám mong mỗi lòng tin của chúng sinh dài lâu. Bởi vì, chỗ sâu xa của Phật hành vốn chẳng phải là điều mà chúng sinh thuộc chín giới có thể biết được. Cho nên, xét khả năng của những chúng sinh ấy thì chúng chỉ mới có thể nghe được danh hiệu mà thôi. Còn để trở thành người có lòng tin hiểu viên mãn thì rất khó đạt được. Vậy sao có thể luận bàn đến việc tin hiểu của chúng sinh được? Đức Phật nói: “Này A-nan, sở dĩ ông có thể tiếp thu được lời dạy của Ta là vì nhờ oai thần của Phật.” Giống như quả núi đang treo trên sợi tơ sen, chỉ biết cạy vào lòng tin không nghi ngờ mà thôi. Há tự ông có thể hiểu được cảnh giới của Phật ư?

Lại nữa, nếu chẳng phải một người như tôn giả A-nan thì khó ai hiểu được, và tất cả hàng Bồ-tát Nhị thừa phương tiện tu tuệ chưa sâu đều rất khó hiểu đúng như thật. Kinh *Pháp hoa* phân biệt các loại báu, ý cũng giống ý đoạn kinh này. Đó là nói những cảnh ở xa và những việc mắt chưa bao giờ nhìn thấy qua.

Ở dưới sẽ trình bày việc viên tu, và chỉ có bậc sắp thành tựu Nhất nhân¹³⁹ mới có thể hiểu rõ. Đó chính là hàng Bồ-tát nhất sinh sở hệ và bậc Đăng giác hậu tâm. Nói, chỉ có những vị ấy mới có thể hiểu rõ. Kinh *Lãng-nghiêm* nói, chỉ bậc Đăng giác hậu tâm mới biết rõ ranh giới của sự giao xen ấy; cho nên mới thấy được sở kiến của Phật.

Bởi vì, Như Lai thành tựu thi giác, bản giác đã lâu và đang cư ngụ ở Thường tịch quang độ¹⁴⁰ để độ chúng sinh. Ngài rời khỏi tịch chiếu,¹⁴¹ từ thật khởi quyền, để xem xét căn cơ của tất cả chúng sinh và chỉ có bậc Bồ-tát Đăng giác thành tựu thi giác¹⁴² mới biết hết ‘thể’. Trên gắng kết với bản giác, thi giác mới xứng hợp. Cho nên, vào tịch chiếu, để khế chứng thật thể. Nhất nhân từ tịch chiếu này ra và Nhất nhân từ tịch chiếu này vào. Đó là ranh giới của đường nhận biết, trên là sự đan xen giữa ra và vào. Một cái tuy thấy đã lâu, một cái tuy mới vừa thấy, nhưng cả hai đều là thấy.

Cho nên, nói: “Chỉ trừ Bồ-tát nhất sinh sở hệ mới có thể hiểu được.” Kinh *Pháp hoa* còn chấp nhận có hai hạng người tín lực kiên cố có thể hiểu được. Nay kinh chỉ thừa nhận một hạng

¹³⁹ Nhất nhân 一人: Chính là Đức Phật. Đức Phật đặc đạo trong cõi người, là bậc tôn thắng nhất trong thế gian, nên được gọi là Nhất nhân.

¹⁴⁰ Thường tịch quang độ 常寂光土: Tịch độ mà pháp thân của chư Phật, Như Lai an trú; là một trong bốn độ do tông Thiên Thai chủ trương. Thế giới mà Phật an trú thuộc về chân như bản tính, không có sự sinh diệt biến hóa (thường) và sự nhiễu loạn của phiền não (tịch), đồng thời có ánh sáng trí tuệ (Quang) nên gọi là Thường tịch quang độ.

¹⁴¹ Tịch chiếu 寂照: vắng lặng, chiếu soi. Bản thể của trí là không tịch, có tác dụng quán chiếu, tức đường thể và chỉ quán của tọa thiền.

¹⁴² Thi giác 始覺: sự giác ngộ do trải qua sự tu tập mà có được.

người là bậc Đẳng giác tu cực. Thế nên biết, thật thể sâu xa của kinh này nhất định là quả đức viên cực của bậc Diệu giác, chứ chẳng phải là chúng sinh và Phật có đầy đủ tại triển chân như.¹⁴³

Sao người giải thích kinh không xem xét rõ ý thú trước sau, trái lại còn dẫn giải dài dòng; đồng thời, hoàn toàn không biết gì lý tức¹⁴⁴ và tùy tiện chú giải?

2.2.2.3.2.2.1.2.1.2.3. Căn cứ vào sự khó nghe để hiển bày thể

Văn kinh:

Này A-nan, khó được thân người, tin kính, tôn trọng Tam bảo cũng khó; nhưng nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai lại càng khó hơn.

Giải thích:

Năng văn còn khó, huống gì năng tín, năng giải. Vì thế mới xếp văn tuệ ở sau, để cho thấy rằng, vì hai tuệ¹⁴⁵ trước không thể đạt được. Đó là điều chẳng phải chúng sinh thuộc chín giới có thể nghe, tin và hiểu được. Tức hiển bày, thể ấy rốt ráo viên mãn cùng cực. Từ thể khởi dụng, công đức ban vui, nhỗ khổ đều có gốc, và cũng rốt ráo viên mãn cùng cực, chẳng phải hàng hạ địa có thể biết được.

2.2.2.3.2.2.1.2.2. Hành nguyện diệu tông

Văn kinh:

Này A-nan, vô lượng Bồ-tát hành, vô lượng phương tiện thiện xảo, vô lượng quảng đại nguyện của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia, nếu Ta nói trong một kiếp hay hơn một kiếp thì thời lượng kiếp có thể mau hết, chứ những hành nguyện, những phương tiện thiện xảo của Đức Phật kia không ai có thể nói hết được.

Giải thích:

Vả lại, ‘thể’ thật tướng của Đức Phật kia chúng sinh ở chín cõi khó thấy được. Tức Đức Phật không thể nói hết ‘tông’ tu thành nhân quả của Đức Phật kia. Vì chúng sinh ở chín cõi khó biết nên mới hiển bày ‘thể’. Vì Đức Phật nói không hết nên mới hiển bày ‘tông’. Riêng cực quả và pháp báo thì được diễn bày rõ ràng, tường tận. Nguyện là nhân. Đó chính là tâm phát nguyện ban đầu. Hành là quả. Đó chính là lòng đại bi cứu nạn sau cùng. Nhân&quả của tất cả thánh hiền Đại thừa đều không ngoài hai gốc nguyện và hành.

Nguyện chung thì có bốn hoằng thệ tâm; nguyện riêng thì nhiều vô lượng. Hành chung thì có sáu độ; hành riêng thì nhiều vô lượng. Theo quan điểm của Biệt giáo thì một tức vô lượng. Còn Viên giáo thì quan điểm ngược lại, vô lượng tức một. Cho nên, mới nương vào gốc hành xứ nhất thừa của chư Phật để phát khởi vạn hành. Tông của nhân quả chính là nhân của

¹⁴³ Tại triển chân như 在纏真如: chân như hay Như Lai tạng tự tính thanh tịnh tâm còn ẩn tàng trong sự trôi buộc của phiền não, nên gọi là Tại triển chân như.

¹⁴⁴ Lý tức 理即: giai vị đầu tiên trong sáu giai vị Tức Phật. Tức giai vị phàm phu vốn đầy đủ Phật tính. Tất cả chúng sinh đều có đủ Phật tính trung đạo là Lí. Lí này cùng với Phật tương tức không hai, đó là Tức. Như chúng sinh trong ba đường ác, tuy không may mắn thiện, nhưng vốn sẵn có Phật tính, đó là Lí tức, cho nên Lí tức Phật chỉ có đủ lí thể mà không có công đức trang nghiêm.

¹⁴⁵ Hai tuệ 二慧: đó là, tư tuệ và tu tuệ.

Đại thừa. Thật tướng của các pháp chính là quả của Đại thừa. Thật tướng của các pháp chính là tông của toàn thể này. Vì tông không lìa thể, nên chư Phật nói trọn kiếp cũng không hết.

Nếu bàn luận về phương tiện thiện xảo thì phải liên tưởng đến ‘dụng’ của ban vui và nhô khổ. Nay ở trong nguyện, hành của Như Lai này, diệu quyền là phương tiện đoạn hoặc hợp lý nhất, nên cũng thuộc tông. Đến như sau khi chứng quả, ban vui, nhô khổ lớp lớp như đã nói ở trước, mới là dụng của tông thành. Dụng ấy do tông thành mà sinh khởi. Sau khi chứng quả, giáo hóa chúng sinh, tức chẳng phải lòng từ bi yêu thương vốn dĩ những người cô độc như phàm phu và ngoại đạo.

Lại nữa, phải biết, kinh này trước-sau đều nói về dụng của công đức, mà đặc biệt là khoảng giữa. Chỉ bày thể của tông, tức là có diệu dụng tiếp nối trước, hiển bày sau. Trước trình bày công đức ban vui, nhô khổ xong, tiếp theo trình bày thể của tông, tức là đã hiển bày xong. Ban vui, nhô khổ trước đều đã tông thành mà sinh khởi toàn thể đại dụng. Pháp pháp sâu xa, sự sự Phật hành.

Lại nữa, sau khi hiển bày xong, đặc biệt chuyển báo chương cuối thời kì tượng pháp và cũng là toàn thể đại dụng. Dụng không lìa tông, ba pháp¹⁴⁶ nương tựa nhau mà không lìa nhau. Nếu ba pháp ấy chia lìa thì thành ba, thành chín; nếu ba pháp ấy hợp lại thì chỉ có một. Tuy công đức ban vui, nhô khổ thuộc thế gian có cạn, có sâu nhưng đối với thật tướng thì không trái nghịch nhau.

Đại sư Thiên Thai hiểu rõ ý Phật. Đại sư xem lời tựa trong các kinh, sớ; đồng thời, xem điểm giữa lời tựa và đầu đề để chỉ bày diệu dụng thể của tông là tiếp nối trước, bày tỏ sau. Ở Đông Thổ mọi người tin đức Ca văn¹⁴⁷ là không ngoa.

Lại nữa, hành xứ sâu xa của kinh này chính là chữ ‘bản’ trong đầu đề kinh. Người có thể thấu hiểu tường tận chính là chữ ‘nguyện’ trong đầu đề kinh, cũng chính là ‘tông’ của Như Lai nguyện hành. Người có thể thực hành chính là hai chữ ‘công đức’ trong đầu đề kinh, cũng chính là ‘dụng’ ban vui, nhô khổ của Đức Phật Dược Sư Lưu-ly quang được nói trước và sau. Người có thể ban vui, nhô khổ chính là hai chữ ‘Dược Sư’ trong đầu đề kinh.

Tông là tổng đối với biệt; biệt là biệt đối với tổng. Tổng và biệt tuy hai nhưng nghĩa chỉ là một.

2.2.2.3.2.2.2. Lợi lạc của việc làm đảo ngược báo chương thuộc cuối thời kì tượng pháp

Ban vui, nhô khổ được nói ở trên, tức là nói công đức làm sáng tỏ cho nhau, ba chương đều tôn giảm, chứng đắc nhất chân, nên không chỉ làm cho những người nghe được danh hiệu Phật tiêu trừ nghiệp chương mà thôi. Ở đây nói cứu giúp những người bị chết ngang, bị bệnh khổ tức là nói, chỉ trừ báo chương dẫn đến quả hiện tại chứ không liên quan đến hai gốc phiền não và nghiệp. Nói cứu chữa bệnh ngay là biểu thị việc làm lợi lạc cho các hữu tình vào thời

¹⁴⁶ Ba pháp 三法: đó là: giáo pháp, hành pháp và chứng pháp. Giáo là ngôn giáo do Phật hiển bày. Hành là chúng sinh tu hành giáo pháp của Phật. Chứng là chứng ngộ chân lý từ sự tu hành. Đây đủ ba pháp này được gọi là Giáo pháp hoàn bị.

¹⁴⁷ Ca văn 迦文: là cách gọi tắt của Thích-ca Mâu-ni, hoặc Thích-ca văn Phật.

tượng pháp. Cho nên, trước tiên căn cứ vào việc tu tập, cúng dường rộng hay hẹp để thay đổi báo chướng, giúp cho người còn, người mất được lợi ích, người bệnh được an lạc, rồi mới xả bỏ. Báo mạng¹⁴⁸ đã hết lại được kéo dài. Vì đa số bị chết ngang nên mong cầu Phật lực, thì mới có thể làm cho chết đi sống lại. Huống gì người bị tội nghiệp sâu dày, thì càng cần phải tu tập, cúng dường rộng lớn mới mong thoát khỏi báo khổ.

Sau phần chính thức trình bày lại thêm mục kết thúc. Đến đây nói về công đức nhỏ nhỏ của Đức Phật Dược Sư đã kết thúc. Vì thế cần phải đúc kết lại mới vào phần lưu thông. Phần lưu thông chia làm hai: 1. Trình bày lợi ích của việc thay đổi chướng; 2. Kết luận và giải thích ý nghĩa của việc cúng dường.

2.2.2.3.2.2.2.1. Trình bày lợi ích của việc thay đổi chướng

2.2.2.3.2.2.2.1.1. Trình bày tóm tắt việc tu cúng chuyên chướng

2.2.2.3.2.2.2.1.1.1. Trình bày

2.2.2.3.2.2.2.1.1.1.1. Qua đời chịu quả báo khổ

Văn kinh:

Bấy giờ, trong chúng có một vị Bồ-tát tên là Cứu Thoát, đứng dậy, kéo y để lộ vai phải, gối phải chạm đất, cúi người, chắp tay thưa Phật: “Đại đức Thế Tôn, vào thời kì tượng pháp, có những chúng sinh bị các hoạn nạn làm khổ sở, như bệnh tật liên miên, gầy yếu, không ăn uống được, môi họng khô rang, mắt thấy toàn màu đen, tướng chết hiện ra, cha mẹ, người thân, bạn bè quen biết vây quanh khóc lóc. Người bệnh kia vẫn còn nằm tại chỗ, mà thấy sứ giả Diễm-ma dẫn thần thức của họ đến trước mặt Diễm-ma pháp vương. Khi ấy có vị thần tên là Câu Sinh, là vị thần theo dõi, ghi chép những việc làm của tất cả chúng sinh. Tùy chúng sinh hoặc gây tội, hoặc làm phúc vị ấy đều ghi chép đầy đủ. Vị thần ấy đem những ghi chép ấy trình lên Diễm-ma pháp vương. Bấy giờ, vị Diễm-ma pháp vương kia mới hỏi những người ấy và tính toán những việc người ấy đã làm, rồi tùy theo chúng gây tội hay tạo phúc mà xử đoán.”

Giải thích:

Trước hết, trình bày bệnh khổ của báo thân; thậm chí không có cách gì cứu vãng được, chắc chắn phải chết không còn nghi ngờ gì nữa. Để hiển bày cúng dường Đức Phật Dược Sư một viên thuốc như núi Mao, tức chỉ công hiệu có thể làm cho người chết đi sống lại.

2.2.2.3.2.2.2.1.1.1.2. Tu tập, cúng dường, thay đổi quả báo

Văn kinh:

Bấy giờ, người thân và bạn bè của người bệnh kia, nên khuyến khích họ quy y với Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai và thỉnh chúng tăng đọc tụng kinh này, đốt đèn bảy tầng, treo thần phan tục mạng năm sắc, hoặc liên trong lúc ấy, làm cho thần thức người kia được tỉnh lại giống như đang nằm mộng, hiểu biết rõ ràng. Hoặc trải qua bảy ngày, hai mươi một ngày, ba mươi lăm ngày, bốn mươi chín ngày làm cho thần thức người kia tỉnh lại, giống như vừa tỉnh

¹⁴⁸ Báo mạng 報命: là thọ mạng do báo của nghiệp nhân quá khứ mà hình thành.

mộng, đều tự nhớ biết nghiệp thiện, nghiệp bất thiện và quả báo phải chịu. Vì thấy biết rõ quả báo của nghiệp, cho nên, dù cho bị tổn tính mạng cũng không dám tạo các nghiệp ác nữa.

Giải thích

Phan tên là Tục mạng. Kinh *A-hàm* ghi: “Vua A-dục bị bệnh, tự tay treo phan khắp các chùa; nhờ vậy mà tuổi thọ kéo dài thêm hai mươi lăm năm. Nhân đó, mới đặt phan ấy tên là Tục mạng.” Kinh *Phương đẳng* ghi: “Quan sát các đạo cụ phan, lọng, v.v.. đó gọi là Tuệ quán.” Các Kinh, Luận nói, mỗi lần gió thổi lay lá phan là đạt được một ngôi vị Chuyển luân vương. Đó là nói về phúc đức. Ở đây nói về phần trừ tai ương, kéo dài tuổi thọ, công dụng đều không giống nhau.

2.2.2.3.2.2.2.1.1.2. Khuyến khích

Văn kinh:

Vì thế, những tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân, v.v.. đều nên thụ trì danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai và tùy khả năng của mình cung kính, cúng dường.

Giải thích:

Tùy khả năng: tất cả những vật quý lạ trên đời và tất cả những thứ mình có. Đầu tiên, không đòi hỏi vào những lúc được mùa và mất mùa, Đức Phật chỉ thụ hưởng những vật dụng đạt được bởi lòng chí thành.

2.2.2.3.2.2.2.1.2. Trình bày cụ thể việc tu cúng chuyển chương

2.2.2.3.2.2.2.1.2.1. Trình bày cụ thể nghi thức tu cúng

2.2.2.3.2.2.2.1.2.1.1. Hỏi

Văn kinh:

Bấy giờ, tôn giả A-nan hỏi Bồ-tát Cứu Thoát: “Thiện nam tử, phải cung kính, cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia như thế nào? Còn phan tục mạng và đèn phải làm thế nào?”

2.2.2.3.2.2.2.1.2.1.2. Trả lời

2.2.2.3.2.2.2.1.2.1.1. Chỉ dạy cách làm phan và đèn

Văn kinh:

Bồ-tát Cứu Thoát nói: “Đại đức, nếu có người bệnh nào muốn khỏi bệnh khổ thì người thân phải giúp người ấy thụ trì tám phần trai giới trong bảy ngày bảy đêm, sắm sửa đồ ăn, thức uống và những vật dụng khác tùy theo khả năng cúng dường bố-sô Tăng. Đồng thời, ngày đêm sáu thời lễ bái, hành đạo, cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, đọc tụng kinh này bốn mươi chín biến, thắp bốn mươi chín ngọn đèn. Lại phải tạo bảy hình tượng đức Như Lai kia, trước mỗi tượng đều đặt bảy ngọn đèn, mỗi ngọn lớn như bánh xe và thắp sáng suốt bốn mươi chín ngày đêm để tắt. Lại phải may phan năm sắc, dài bốn mươi chín gang tay và phải phóng sinh các loài vật đến bốn mươi chín ngày.”

Giải thích:

Người bình thường phải trì giới suốt bảy ngày bảy đêm mới bằng tâm nữ trì giới một ngày, mới bằng người đồ tể trì giới một đêm. Đến bảy ngày đêm thì ba nghiệp thanh tịnh, tất cả

mọi mong cầu có thể cảm thông và thành tựu. Giống như khi ở trong thai, cứ bảy ngày tăng một lần; người chứng Sơ quả sinh lại bảy lần để đoạn trừ phiền não; và người chết bảy ngày chuyển động một lần. Huống gì bảy là số thiếu dương, có đường sinh khởi. Như trong *Thất phát*¹⁴⁹ nói, đến năm bảy tuổi thái tử nước Sở bị bệnh, rồi bỗng nhiên lành bệnh. Ở đây dùng con số này là ám chỉ cho việc sinh khởi bệnh khổ. Tất cả mọi việc đều phải thực hiện đến bốn mươi chín ngày: cần phải tinh tấn dụng công một thời gian lâu mới thông. Và lại, chương *Hệ từ*, thượng trong kinh *Dịch* ghi: “Số đại diện là số năm mươi.” Trong kinh này sử dụng số bốn mươi chín. Đây là con số dùng để cứu khỏi bệnh.

Phải tạo bảy tượng Phật: trong kinh *Dược Sư Lưu-li quang thất Phật bản nguyện công đức* nói, Đức Phật Dược Sư là Đức Phật thứ bảy.

Nay muốn cầu Đức Phật ấy cứu khổ thì phải thỉnh Ngài, là vì phù hợp chí nguyện, cùng phương pháp, gắng sức thực hành.

Mỗi ngón đèn lớn như bánh xe: giống thụ đăng ngày nay.

Bốn mươi chín gang tay: bàn tay và ngón tay của Phật dài một thước; tương tự như vậy, nên làm phan dài bốn trượng chín thước. Nếu tính luôn má bàn tay thì tay Phật dài hai thước. Vì thế, phải dùng loại phan dài mười trượng. Tùy điều kiện mà làm phan chứ không cố định như hai loại ấy.

Nên phóng sinh các loài vật đến bốn mươi chín ngày: Ở trước thì nói, trên cầu Tam bảo, là vận dụng hết sức cúng dường Tam bảo. Còn ở đây thì nói, dưới cứu giúp chúng sinh, là vận dụng hết sức cứu giúp chúng sinh. Vì chúng sinh bị bắt, mạng sống chỉ còn trong chốc lát, nên mua và thả chúng. Giống như ân đức tha hết cho những người phạm tội của các bậc đế vương đều quy về nhân đức và trường thọ; đức ấy không có gì lớn bằng. Huống gì chúng sinh bị bệnh và chết non là do sát sinh. Nay nói phóng sinh tức là nhân của trường thọ; cũng chính là lấy cái nhân thiện hôm nay để đổi các nghiệp ác ngày xưa, mà cầu thoát khỏi bệnh khổ. Không có việc gì tốt hơn việc này. Đã lễ bái, cúng dường Phật bốn mươi chín ngày thì cũng phải mua các loài vật phóng sinh bốn mươi chín ngày. Ở đây không phải nói phóng sinh bốn mươi chín loài vật. Lại cũng chẳng phải đặt các phẩm vật cúng dường lên lá phan dài.

2.2.2.3.2.2.2.1.2.1.2.2. Kết luận về công năng

Văn kinh:

Có thể thoát khỏi các khổ nạn, không bị chết ngang và không bị các ác quỷ bắt bớ.

Giải thích:

Vượt qua các khổ nạn: là đúc kết lại ý trước. Bị các tai họa làm cho khốn khổ và không bị chết ngang, không bị các ác quỷ bắt bớ. Kế tiếp sẽ nói về chín trường hợp bị chết ngang. Văn của kinh này trước sau phối hợp với nhau.

2.2.2.3.2.2.2.1.2.2. Sự thay đổi báo chướng

2.2.2.3.2.2.2.1.2.2.1. Thay đổi các nạn của vua

¹⁴⁹ Thất phát 七發: là một thể loại từ phú.

Văn kinh:

Lại nữa, đại đức A-nan, các vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi, khi có những tai nạn xảy ra, như: nạn dân chúng bị bệnh dịch, nạn bị nước khác xâm lăng, nạn trong nước bị phản loạn, nạn sao biến đổi quái lạ, nạn mặt trời mặt trăng che nhau, nạn mưa gió không đúng mùa, nạn quá mùa không mưa. Bấy giờ, những vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi kia nên sinh khởi tâm từ bi với tất cả chúng sinh, ân xá cho tội nhân và theo pháp cúng dường đã nói ở trước cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai. Nhờ căn lành này và do sức bản nguyện của đức Như Lai làm cho trong nước được yên ổn, mưa gió hợp thời, lúa thóc được mùa và tất cả chúng sinh không có bệnh dịch, được an vui. Đồng thời, trong nước không có thần được-xoa bạo ác v.v.. làm khổ não chúng sinh, tất cả các hiện tượng xấu đều ẩn mất. Ngoài ra, tuổi thọ, sức khỏe, bệnh tật, quyền lực của những vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi kia đều được thuận lợi.

Giải thích:

Bốn biển là nhà của thiên tử, thần thiếp đến ức triệu; một người được thưởng thì triệu người được nhờ; bốn phương có tội thì do một người gây ra. Do đó, nếu gặp năm thanh tốt hoặc nhân dân bị bệnh dịch thì mừng hay lo cũng chỉ có một mình vua. Cho nên, việc cần phải làm gấp trước là tìm người sám hối. Và lại, thuốc của đức Dược Sư phải chữa trị cho người ấy trước. Một là tìm cầu cho được bậc hiền giả; hai là tìm một vị vua anh minh, thì đó là đạo bình định thiên hạ.

2.2.2.3.2.2.2.1.2.2.2. Trừ khổ cho thần dân

Văn kinh:

Nếu các hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, thái tử, vương tử, đại thần, phụ tướng trong cung và thể nữ, bách quan, lê dân bị các bệnh khổ và bị những khổ nạn khác, cũng nên tạo lập thần phan năm màu, thắp đèn sáng liên tục, phóng sinh các loài vật, tung các loại hoa, đốt các loại hương quý, thì được lành bệnh và thoát khỏi các khổ nạn.

Giải thích:

Vì những thần dân ấy đều không có trách nhiệm nặng nề với đất nước nên chỉ lo buồn vì những bệnh khổ mà thôi.

2.2.2.3.2.2.2.2.2. Kết luận và giải thích ý nghĩa việc cúng dường

2.2.2.3.2.2.2.2.2.1. Giải thích nguyên nhân có thể thay đổi

Ở đây không nói, có thể thay đổi hết báo, mà chỉ vì bị chết ngang nên mới thay đổi mà thôi. Như vậy đã giải thích rõ ràng ý nghĩa ‘có thể thay đổi’ ở trên.

2.2.2.3.2.2.2.2.2.1.1. Chín trường hợp chết ngang

2.2.2.3.2.2.2.2.2.1.1.1. Trình bày tóm lược

2.2.2.3.2.2.2.2.2.1.1.1.1. Hỏi

Văn kinh:

Bấy giờ, tôn giả A-nan hỏi Bồ-tát Cứu Thoát: “Thiện nam tử, vì sao mạng sống đã hết mà còn có thể kéo dài thêm được?”

2.2.2.3.2.2.2.2.1.1.1.2. Trả lời

Văn kinh:

Bồ-tát Cừu Thoát trả lời: “Đại đức, há không nghe Như Lai nói có chín trường hợp chết ngang sao? Vì thế, nên Đức Phật khuyên chúng ta nên may phan tục mạng, thấp đèn, làm các việc phúc đức; vì làm các việc phúc đức nên sau khi thọ mạng này chấm dứt thì không bị trải qua các khổ hoạn.”

2.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2. Trình bày cụ thể

2.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.1. Hỏi

Văn kinh:

Tôn giả A-nan hỏi: “Chín trường hợp chết ngang đó là gì?”

2.2.2.3.2.2.2.2.1.1.2.2. Trả lời

a. Trình bày trường hợp chết ngang thứ nhất

Văn kinh:

Bồ-tát Cừu Thoát nói, nếu có những chúng sinh tuy chỉ bệnh nhẹ, nhưng vì không có thầy thuốc, không có người chăm sóc; giả sử, có gặp thầy thuốc nhưng vì cho uống nhầm thuốc nên bệnh không đáng chết mà bị chết ngang. Lại có chúng sinh tin theo những lời nói dối về họa-phúc của những thầy tà ma, ngoại đạo, bắt lương ở đời, rồi sinh sợ hãi, động tâm, không tự chủ; xem bói để tìm hiểu mối họa; sát hại các loài vật để giải bày với thần minh, kêu gọi yêu quái, xin được ban phúc, che chở, vì muốn kéo dài tuổi thọ; nhưng rốt cuộc không thể đạt được. Vì ngu si, mê muội, tin theo tà kiến điên đảo, nên bị chết ngang, rơi vào địa ngục, không có kì hạn ra khỏi. Đó gọi là trường hợp chết ngang đầu tiên.

Giải thích:

Trong trường hợp chết ngang đầu tiên có ba tình huống: 1. không có thầy thuốc; 2. không có người chăm sóc; 3. cho uống lầm thuốc. Tin theo những vị thầy tà kiến, điên đảo tạo các nghiệp. Tạo nghiệp thì có hai trường hợp: một¹⁵⁰ là chiêu cảm nghiệp xưa; hai là nghiệp gây tạo ngay đời hiện tại. Trong đó, nghiệp gây tạo trong đời hiện tại còn nặng. Đó chính là tội lỗi tự mình làm.

Giải bày với thần minh: chữ giải (解) là phiên thiết từ chữ 矮 (矮), là một hình thức văn viết dùng trong văn cúng tế. Chương *Nhân thế gian* của Trang Tử nói về ‘giải’ rằng: “Con trâu có long trắng trên trán, con lợn có cái mũi cao, người bị bệnh trĩ, không thể thích hợp để cúng sông.” Chú ghi: “Giải là một hình thức văn viết dùng trong văn cúng tế.” *Giao tự chí*, hạ thuộc *Hán thư* ghi: “Thiên tử từng chọn tháng giêng để giải từ. Cúng cho hoàng đế dùng một con chim kiêu¹⁵¹ và một con phá kính.¹⁵² Người xưa nói, giải từ là cúng tế để giải tội, cầu phúc. Vì thế, không nên chỉ đọc một chữ ‘giải’.

¹⁵⁰ Một: trong văn ghi là hai (二) nhưng nghi là một (一) mới phù hợp. 信邪倒,造業,二是夙感,一是現造。現造猶重

¹⁵¹ Chim kiêu 梟: chim kiêu ăn thịt mẹ.

¹⁵² Phá kính 破鏡: con phá kính ăn thịt cha.

b. Tám trường hợp chết ngang tiếp theo

Văn kinh:

Thứ hai bị giết bởi pháp luật của nhà vua. Ba là vì đam mê săn bắn, chơi bời, ham dâm, nghiện rượu, buông thả vô độ, phi nhân đoạt tình khí, nên bị chết ngang. Bốn là bị lửa thiêu chết. Năm là bị chết đuối. Sáu là bị các thú dữ ăn thịt. Bảy là chết vì bị rơi xuống vực thẳm. Tám là chết vì bị đầu độc, bị trù ẻo, yểm chú và quỷ khởi thi v.v.. Chín là chết đói, chết khát.

2.2.2.3.2.2.2.1.2. Kết luận và nói có vô lượng trường hợp chết ngang

Văn kinh:

Đó là chín trường hợp chết ngang mà Như Lai nói. Ngoài ra, còn có vô lượng trường hợp chết ngang khác, khó có thể nói hết được.

Giải thích:

Chết ngang đã nhiều vô lượng thì chẳng phải vì mạng căn hết. Và người chết yếu cũng nhiều vô lượng. Cho nên, cần phải trên cầu Phật Dược Sư để cứu sống trở lại.

2.2.2.3.2.2.2.2.2. Kết luận và nguyên nhân phải tu phúc, cúng dường

Văn kinh:

Lại nữa, A-nan, Diễm-ma vương kia là vị đứng đầu trong việc ghi chép tên tuổi ở thế gian. Nếu những chúng sinh nào bất hiếu, ngũ nghịch, phá hoại, sỉ nhục Tam bảo, hoại phép vua-tôi, hủy tín giới, thì Diễm-ma pháp vương kia kiểm sát tội nặng-nhẹ mà phạt chúng. Vì thế, nay Ta khuyên các chúng sinh thấp đèn, may phan, phóng sinh, tu phúc để thoát khỏi khổ ách và không gặp các nạn.

Giải thích:

Vì con người nhiều tội nghiệp, cho nên phải tu phúc, cúng dường, cầu cứu, ngỗ hầu mới không gặp các nạn.

3. Lưu thông

3.1. Chứng hộ lưu thông

Chứng: nhờ uống thuốc hay của đức Dược Sư mà chuyển đại ác thành đại thiện.

3.1.1. Dược-xoa chứng hộ

Văn kinh:

Bảy giờ, có mười hai vị đại tướng dược-xoa ngồi trong pháp hội. Mười hai vị đó là: đại tướng Tì-la, đại tướng Phạt-chiết-la, đại tướng Mê-xí-la, đại tướng An-đề-la, đại tướng Át-nễ-la, đại tướng San-đề-la, đại tướng Nhân-đạt-la, đại tướng Ba-di-la, đại tướng Ma-hô-la, đại tướng Chân-đạt-la, đại tướng Chiêu-đỗ-la, đại tướng Tì-yết-la.

Mười hai đại tướng dược-xoa ấy mỗi vị có bảy nghìn dược-xoa làm quyến thuộc, cùng lúc đồng thanh bạch Phật: “Thế Tôn, nay chúng con nhờ oai lực của Phật được nghe danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, nên không còn sợ bị sinh vào đường ác. Chúng con mãi mãi đều đồng một lòng, quy y Phật, Pháp đến trọn đời, Tăng và hứa sẽ che chở, làm việc đem đến nghĩa lợi, lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh. Dù ở bất cứ nơi nào, như trong thôn, thành, quốc, ấp, trong rừng vắng, nếu có người lưu truyền kinh này, hoặc có người

thụ trì danh hiệu của đức Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai và cung kính cúng dường thì quyền thuộc của chúng con sẽ bảo vệ những người ấy, làm cho họ đều thoát khỏi tất cả khổ nạn. Nếu có ai mong cầu điều gì thì chúng con đều giúp cho họ mãn nguyện. Nếu có người mắc bệnh nặng, cầu khỏi bệnh thì cũng nên đọc tụng kinh này và lấy chỉ năm màu kết tên của chúng con; đợi sau khi khỏi bệnh rồi thì mới mở kết ra.

Giải thích:

Mười hai vị đại tướng dược-xoa, mỗi vị có bảy nghìn quyền thuộc, cộng thành tám vạn bốn nghìn dược-xoa. Xưa kia, những dược-xoa ấy là tất cả những trần lao sinh diệt hung ác. Nay những dược-xoa ấy nhờ nếm được chút vị thần đan của đức Dược Sư nên ba chương tiêu trừ và tất cả đều thành tựu tám vạn bốn nghìn pháp môn tam-muội tổng trì diệu thiện.

Chúng con không còn sợ bị sinh vào đường ác: tức chứng minh đã chuyển ác thành thiện.

Dùng chỉ kết tên gọi: đây là phương pháp làm cho người bệnh bái lạy cầu mong cứu giúp.

Sau khi đã được mãn nguyện rồi thì mới mở kết ra: Ý ở đây muốn nói là phải đến cứu giúp. Nghĩa là tất cả chúng dược-xoa cũng phải bắt chước theo mười hai đại nguyện của đức Dược Sư Như Lai để cứu giúp tất cả chúng sinh. Đó là thế nguyện rộng lớn mà trên làm dưới theo.

3.1.2. Như Lai ẩn khuyến

Văn kinh:

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi các đại tướng dược-xoa: Quý thay! Quý thay! Các đại tướng dược-xoa, nếu các ông muốn báo đáp ân đức của Thế Tôn Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai thì phải thường xuyên làm lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh.

3.2. Kết danh lưu thông

Văn kinh:

Bấy giờ, tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, pháp môn này gọi tên là gì? Chúng con phải tụng trì như thế nào?

Đức Phật nói với tôn giả A-nan: Pháp môn này gọi là Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai bản nguyện công đức, cũng gọi là Thập nhị thần tướng nhiều ích hữu tình kết nguyện thần chú, và cũng gọi là Bát trì nhất thiết nghiệp chương.

Các ông nên thụ trì như thế.

Giải thích:

Tuy là có ba tên gọi khác nhau, nhưng chính yếu là thể hiện sự tôn trọng đức Giáo chủ. Cho nên mới lấy nhân Dược Sư và pháp Dược Sư làm đề kinh. Đề kinh ấy che trùm thi và chung, bao quát trước và sau. Tên gọi ấy có thể tóm thâu hết sự thật. Vậy còn có tên gọi gì hay hơn tên này sao?

3.3. Kết ích lưu thông

Văn kinh:

Khi đức Bạc-già-phạm nói lời ấy xong, tất cả đại chúng như các vị đại Bồ-tát, đại Thanh văn, quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, trời, rồng, dược-xoa, Kiện-đạt-phước, A-tổ-lạc,

Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, nhân, phi nhân v.v.. nghe Đức Phật nói như thế đều rất vui mừng, tin thụ và phụng trì.

Giải thích:

Đều rất vui mừng: là kết lại sự lợi ích. Tin thụ và phụng hành: là lưu thông.

Phụ lục

KINH ĐƯỢC SỰ LƯU-LY QUANG NHƯ LAI BẢN NGUYỆN CÔNG ĐỨC

Đúng như thế, chính tôi được nghe! Một thời, đức Bạc-già-phạm du hóa, trải qua các nước, đến thành Quảng Nghiêm, ngồi nghỉ dưới tán cây Nhạc âm. Bấy giờ, có vô lượng đại chúng: tám nghìn vị đại bí-sô, ba vạn sáu nghìn vị đại Bồ-tát, vua, đại thần, bà-la-môn, cư sĩ, trời, rồng, tám bộ, nhân, phi nhân v.v.. cung kính, ngồi xung quanh Phật, nghe Ngài nói pháp.

Bấy giờ, Mạn-thù-thất-lợi pháp vương tử nương oai lực của Đức Phật, đứng dậy, vén y để lộ vai phải, gối phải chạm đất, hướng về đức Bạc-già-phạm, cúi người, chắp tay bạch Đức Phật. Thế Tôn, cúi xin Ngài giảng nói danh hiệu của chư Phật giống với danh hiệu của Đức Phật kia.

Và bản nguyện công đức thù thắng của Đức Phật kia, để làm cho những người đang nghe pháp tiêu trừ nghiệp chướng; và muốn làm lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh trong thời tượng pháp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi: Quý thay! Quý thay! Nay Mạn-thù-thất-lợi, ông đã vận lòng đại bi khuyến thỉnh Ta nói danh hiệu và công đức bản nguyện của chư Phật, là vì muốn nhổ sạch nghiệp chướng trôi buộc chúng sinh và làm lợi ích, an lạc cho các chúng sinh trong thời tượng pháp. Nay Ta sẽ nói, ông phải lắng nghe và tư duy kỹ.

Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi thưa: Cúi xin đức Thế Tôn nói, chúng con rất muốn nghe.

Đức Phật nói với Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi: cách thế giới này hơn mười cang-già-sa cõi Phật về phương Đông, có thế giới tên là Tịnh Lư-ly, có Đức Phật hiệu là Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai, Ứng, Chính đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Bạc-già-phạm.

Này Mạn-thù-thất-lợi, đức Thế Tôn Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai kia khi đang thực hành Bồ-tát đạo có phát mười hai nguyện lớn, giúp cho tất cả chúng sinh cầu gì được nấy.

Nguyện lớn thứ nhất: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc a-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, thân Ta có hào quang sáng suốt, rực rỡ chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, dùng ba mươi hai tướng đại trượng phu và tám mươi tùy hình trang nghiêm thân ấy, khiến tất cả chúng sinh đều được thân giống như Ta.

Nguyện lớn thứ hai: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, thân Ta như ngọc Lư-ly, trong ngoài sáng suốt, trong sạch không tí vết, ánh sáng rộng lớn, công đức vòi vọi, thân khéo an trú, diệm võng trang nghiêm, sáng hơn mặt trời mặt trăng. Chúng sinh trong chỗ tối tăm đều nhờ ánh sáng ấy mà được hiểu biết và muốn đi đến đâu, làm các sự nghiệp gì cũng được.

Nguyện lớn thứ ba: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, Ta dùng vô lượng vô biên trí tuệ, phương tiện làm cho tất cả chúng sinh đều được tất cả những vật cần dùng, chớ để cho chúng sinh chịu sự thiếu thốn.

Nguyện lớn thứ tư: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có chúng sinh nào tu hành tà đạo thì Ta đều làm cho an trụ trong đạo bồ-đề. Nếu có người nào tu hành theo Thanh văn thừa, Độc giác thừa thì Ta làm cho họ đều được an lập trong Đại thừa.

Nguyện lớn thứ năm: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có vô lượng vô biên chúng sinh, ở trong giáo pháp của Ta, tu tập Phạm hạnh, thì Ta khiến cho tất cả đều không hủy phạm giới, đầy đủ ba tụ tịnh giới. Giả sử có người hủy phạm giới, nhưng khi đã nghe danh hiệu của Ta rồi thì giới được thanh tịnh trở lại và không bị rơi vào đường ác.

Nguyện lớn thứ sáu: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu chúng sinh nào thân hình thấp hèn, các căn không đủ, xấu xa khờ khạo, tai điếc, mắt đui, câm ngọng, tay chân tật nguyền, lưng gù, bị các chứng bệnh bạch lại, điên cuồng; mà khi đã nghe được danh hiệu của Ta rồi, thì tất cả đều được thân hình đoan chính, tâm ý thông minh, các căn đầy đủ, không có các bệnh khổ.

Nguyện lớn thứ bảy: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu chúng sinh nào bị các chứng bệnh hiểm nghèo, không người cứu chữa, không người nương nhờ, không gặp thầy, không có thuốc, không bà con, không nhà cửa, chịu nhiều nỗi nghèo hèn khổ não; mà danh hiệu của Ta đã lọt vào tai một lần, thì những bệnh khổ ấy đều tiêu trừ, thân tâm an lạc, gia quyến, của cải đều được sum vầy, đầy đủ, cho đến chứng đắc Vô thượng bồ-đề.

Nguyện lớn thứ tám: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có người nữ nào bị trăm điều xấu xa của thân nữ làm cho bức tức, phiền não, sinh tâm chán lìa, muốn bỏ thân gái;

mà khi đã nghe được danh hiệu của Ta rồi, thì tất cả người nữ đều được chuyển thân gái thành thân trai, đầy đủ tướng trượng phu, cho đến chứng đắc Vô thượng bồ-đề.

Nguyên lớn thứ chín: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, Ta sẽ làm cho các chúng sinh ra khỏi lưới ma, giải thoát tất cả sự trói buộc của ngoại đạo. Nếu có chúng sinh nào rơi vào rừng tà kiến rậm rạp, Ta đều dẫn dắt chúng trở về với chính kiến và từ từ khiến họ tu tập các Bồ-tát hành, chóng chứng Vô thượng chính đẳng bồ-đề.

Nguyên lớn thứ mười: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu chúng sinh nào vướng vào pháp luật nhà vua, bị xiềng xích, đánh đập, bị nhốt trong ngục, hoặc sẽ bị giết, và bị vô lượng tai họa khác, bị lăng nhục, sầu muộn, tra tấn, v.v.. thân tâm chịu khổ. Nhưng nếu chúng sinh ấy nghe được danh hiệu của Ta và nhờ sức oai thần phúc đức của Ta thì tất cả đều được thoát khỏi tất cả khổ não.

Nguyên lớn thứ mười một: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có chúng sinh nào bị sự đói khát bức bách, vì tìm cầu ăn uống mà tạo các nghiệp ác. Nếu chúng sinh ấy nghe danh hiệu của Ta, chuyên tâm thụ trì, thì trước tiên Ta sẽ dùng các thức ăn uống ngon lạ cho họ được no đủ, sau đó Ta dùng pháp vị an lạc rất ráo để làm cho chúng đều được an lạc.

Nguyên lớn thứ mười hai: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có chúng sinh nào nghèo đến nỗi không có y phục, bị muỗi mòng cắn đốt, bị nóng-lạnh, bị bức bách cả ngày lẫn đêm. Nếu những chúng sinh đó nghe danh hiệu của Ta, chuyên tâm trì niệm, thì Ta sẽ làm cho chúng được các thứ y phục tốt đẹp, những đồ trang sức quý báu, vòng hoa, hương bột, các thứ đồ chơi như trống, nhạc; tùy tâm muốn gì đều làm cho chúng đầy đủ.

Mạn-thù-thất-lợi, mười hai lời nguyện vi diệu trên đó được đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, Ứng, Chính đẳng giác kia đã phát ra khi còn hành Bồ-tát đạo.

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, những nguyện lớn mà đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, Ứng, Chính đẳng giác kia đã phát ra khi còn hành Bồ-tát đạo, và những công đức trang nghiêm ở cõi nước của Ngài, nếu Ta nói trong một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể nói hết.

Nhưng ở cõi nước của Đức Phật kia hoàn toàn thanh tịnh, không có người nữ, cũng không có đường ác và không có tiếng khổ, đất bằng Lưu-ly, dây bằng vàng ngăn các đường, thành quách, cung điện, lầu gác, mái hiên, cửa sổ đều làm bằng bảy thứ báu. Ở cõi ấy công đức trang nghiêm giống như ở thế giới Tây phương Cực-lạc.

Ở cõi nước ấy có hai vị Bồ-tát ma-ha-tát, một vị tên là Nhật Quang Biến Chiếu, một vị tên là Nguyệt Quang Biến Chiếu. Hai vị ấy đứng đầu trong vô lượng vô số chúng Bồ-tát. Là hai vị được bổ xứ làm Phật tiếp theo, và đều có khả năng duy trì kho báu chính pháp của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia.

Vì thế, Mạn-thù-thất-lợi, nếu những thiện nam tử, thiện nữ nhân nào có tín tâm thì nên nguyện sinh về thế giới của Đức Phật kia.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Mạn-thù-thất-lợi đồng tử: “Mạn-thù-thất-lợi, có những người không phân biệt được thiện-ác, chỉ ôm lòng tham tiếc, không biết bố thí, không biết quả báo của

việc bố thí, ngu si vô trí, thiếu các tín căn, tích chứa tài bảo, gìn giữ bo bo, thấy người đến xin, trong lòng không vui. Giả sử đã không được của rồi mà còn phải bố thí, thì như cắt thịt cho người vậy, đau đớn, luyến tiếc vô cùng. Lại có vô lượng người tham tiếc, chỉ biết tích trữ của cải, tự mình không dám tiêu xài, huống gì có thể bố thí cho cha, mẹ, vợ, con, nô tì, người giúp việc và những người hành khát. Những người ấy sau khi chết liền sinh làm ngạ quỷ, hoặc bàng sinh. Nhưng nhờ đời trước, khi còn ở nhân gian, những người ấy đã từng nghe qua danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, nay ở trong đường ác bỗng nhiên nhớ lại danh hiệu của đức Như Lai ấy. Khi đang nhớ đến danh hiệu Phật, liền chết và sinh lại làm người. Khi đã được làm người, lại nhớ đến đời trước, sợ khổ ở đường ác, nên không còn ham muốn dục lạc, muốn thực hành bố thí, khen ngợi người thực hành bố thí, không còn tham tiếc những thứ mình có, rồi dần dần còn có thể đem cả đầu, mắt, tay, chân, máu, thịt và các bộ phận trên thân thể bố thí cho những người đến xin, huống chi của cải là những vật dư thừa.”

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, có những người tuy thụ trì các học xứ với Như Lai, nhưng lại phá giới. Có những người tuy không phá giới nhưng phá phép tắc. Có những người tuy không phá giới và phép tắc nhưng hủy hoại chính kiến. Có những người tuy không hủy hoại chính kiến nhưng bỏ sự đa văn, nên không hiểu được những nghĩa lý sâu xa Phật nói trong Kinh. Có những người tuy đa văn nhưng tăng thượng mạn. Vì tăng thượng mạn che tối tâm trí, nên cho mình đúng, người sai, lại còn nghi ngờ, hủy báng chính pháp và làm bạn với ma. Những người ngu si ấy chẳng những tự mình làm theo tà kiến mà còn khiến cho vô lượng chúng sinh bị rơi vào hố nguy hiểm. Những chúng sinh ấy chắc chắn sẽ bị quanh quẩn mãi trong các đường địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh không dứt. Nhưng nếu chúng nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai ấy, thì họ liền bỏ những ác hành, tu theo những thiện pháp và không bị rơi vào đường ác. Giả sử có những chúng sinh không thể bỏ những ác hành, không tu các thiện pháp, mà bị rơi vào đường ác, thì nên dùng bản nguyện, oai lực của đức Như Lai kia, khiến cho những chúng sinh đang ở trước mắt tạm nghe qua danh hiệu của Đức Phật Dược Sư. Nhờ nghe được danh hiệu Phật Dược Sư, nên vừa chết ở đường ác liền sinh lại đường người. Khi đã được làm người lại đạt được chính kiến, tinh tấn tu tập, khéo điều hòa tâm ý; đồng thời, có thể bỏ đời sống gia đình, hướng đến đời sống không gia đình, ở trong giáo pháp của Như Lai, thụ trì học xứ, không có hủy phạm, được chính kiến, đa văn, hiểu được nghĩa lý sâu xa, trừ bỏ tâm tăng thượng mạn, không hủy báng chính pháp, không làm bạn với ma, dần dần tu tập các hạnh Bồ-tát, viên mãn nhanh chóng.

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có những người nào tham tiếc, ganh ghét, khen mình, chê người, thì sẽ rơi vào trong ba đường ác, trải qua vô lượng năm chịu đủ mọi khổ sở. Chịu khổ sở xong, chết liền, rồi sinh vào cõi người, làm trâu, ngựa, lạc đà, lừa; thường bị đánh đập, bị đói khát dày vò; thường bị đi đường xa mang kéo nặng. Hoặc được làm người, thì sinh vào gia đình hạ tiện, làm kẻ nô tì, bị người khác sai khiến, mãi không được tự do. Nếu những chúng sinh ấy, khi làm người, đã từng nghe qua danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai; nhờ nhân lành ấy, nay nhớ lại, chí tâm quy y, nhờ thần lực của Phật, nên thoát khỏi các khổ,

các căn lành lợi, trí tuệ, đa văn, thường cầu pháp thù thắng, thường gặp bạn lành, cắt đứt lưới ma, đập nát hạt vô minh, tát cạn sông phiền não, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, buồn lo, khổ não.

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, hoặc có những người chỉ thích chống trái, chia lìa, tranh đấu, kiện tụng nhau, làm náo loạn cho mình và người, tạo thêm các nghiệp ác thuộc về thân, miệng, ý; cứ làm những việc không đem đến lợi ích hết lần này đến lần khác, mưu hại nhau, hoặc cáo triệu các thần ở núi, rừng, cây, mả, v.v.. để sát hại chúng sinh; hoặc lấy máu, thịt chúng sinh cúng tế được-xoa, la-sát-bà, v.v..; hoặc viết tên người mình thù oán, làm hình tượng người ấy, dùng chú thuật tà ác nguyên rửa người ấy; hoặc dùng chú thuật yểm người, dùng chú sai khiến quỷ khởi thi hủy hoại thân thể và hại mạng người. Những người bị hại ấy, nếu nghe được danh hiệu của Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai này thì những việc ác kia đều không thể gây hại. Người bị hại, kẻ gây hại đều lần lượt phát khởi tâm từ, làm lợi ích, an lạc, không có ý gây tổn hại, không có tâm hiềm giận, cả hai đều vui vẻ; đối với những vật dụng của mình tự biết đủ, không xâm phạm nhau và thường làm lợi ích.

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có bốn chúng: bí-sô, bí-sô-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ba-tư-ca và những tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân khác, v.v.. những người có thể thụ trì tám phần trai giới, hoặc có những người thụ trì học xứ trải qua một năm, hoặc ba tháng; đem căn lành ấy nguyện sinh về thế giới Tây Phương Cực-lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ để nghe chính pháp nhưng chưa định.

Nếu người nào nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai thì khi qua đời sẽ có tám vị đại Bồ-tát từ trên hư không xuống chỉ đường, giúp cho những người ấy tự nhiên hóa sinh vào trong các hoa sen báu, đủ màu, ở thế giới Tây Phương Cực-lạc kia. Tám vị đại Bồ-tát đó là: Văn-thù-sư-lợi, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Vô Tận Ý, Bảo Đàn Hoa, Dược Vương, Dược Thượng, Di-lặc.

Hoặc có người nhờ nguyện lực của Đức Phật Dược Sư mà được sinh làm trời. Tuy sinh làm trời nhưng nhờ căn lành xưa, nên khi căn lành xưa chưa hết thì không bị sinh lại trong các đường ác khác. Khi tuổi thọ ở cõi trời hết, sinh lại cõi người, hoặc làm Chuyển luân vương, thống lãnh bốn châu, oai đức tự tại, khiến cho vô lượng trăm nghìn chúng sinh thực hành mười điều thiện; hoặc sinh vào dòng dõi Sát-đế-lợi, hoặc sinh vào dòng dõi Bà-la-môn, hoặc sinh làm cư sĩ giàu sang, có nhiều tài bảo, kho lương đầy ngập, hình dáng đẹp đẽ, người thân đông đúc, thông minh trí tuệ, dũng cảm mạnh mẽ, như Đại lực sĩ.

Nếu có người nữ nào, sau khi nghe được danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai rồi chỉ tâm thụ trì thì đời sau không làm người nữ lại nữa.

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, khi đức Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai đắc bồ-đề, do sức bản nguyện mà Ngài quan sát các chúng sinh, thấy chúng mắc phải những chứng bệnh khổ như gây ốm, càn tiêu, da vàng, cảm nhiệt, hoặc trúng phải những thứ yểm đối, đầu độc, hoặc bị chết non, hoặc bị chết ngang; muốn những bệnh khổ ấy tiêu trừ và lòng mong cầu của chúng sinh được mãn nguyện.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhập định Diệt trừ tất cả khổ não của chúng sinh. Khi đã nhập định rồi, trừ trong nhục kế của Ngài phóng ra ánh đại quang minh.

Từ trong quang minh diễn nói đại đà-la-ni:

Nam mô bậc già phật để, bệ sát xã, lủ lô thích Lư-ly bác lặc bà, hắc ra xà giả. Đát tha yết đa gia, a ra ha hắc để. Tam miệu tam bột đà gia, đát diệt tha. Ứm, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã, tam một yết để tóa ha.

Bấy giờ, trong luồng ánh sáng nói chú ấy rồi, đại địa chấn động, phóng ánh sáng lớn, tất cả chúng sinh trừ hết bệnh khổ, hưởng được an vui.

Mạn-thù-thất-lợi, nếu thấy người nam, người nữ nào bị bệnh khổ thì nên nhất tâm và vì người bệnh ấy, mà tắm rửa, súc miệng sạch sẽ, tụng chú này một trăm lẻ tám biến, chú nguyện vào trong thức ăn, thuốc, nước không có vi trùng, rồi đưa cho họ uống, ăn thì tất cả bệnh khổ đều được tiêu diệt. Nếu có ai mong cầu điều gì mà chỉ tâm tụng niệm chú này thì đều được như ý muốn, không bị bệnh khổ, lại được sống lâu, và sau khi qua đời được sinh về thế giới kia, đắc bất thoái, cho đến chứng được bồ-đề. Vì thế, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có người nam, người nữ nào chỉ tâm, tha thiết cung kính, cúng dường đức Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai và thường trì tụng chú này thì đừng bỏ quên.

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, hoặc người có tịnh tín nam, nữ nào nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai, Ứng cúng, Chính đẳng giác; nghe rồi tụng trì; sáng sớm, đánh răng, tắm rửa, súc miệng sạch sẽ, rồi dâng hương, hoa, hương đốt, hương bôi, trời nhạc cúng dường hình tượng Phật. Còn đối với kinh điển này, hoặc tự mình chép, hoặc dạy người chép, nhất tâm thụ trì và lắng nghe nghĩa của kinh điển ấy. Đối với vị pháp sư giảng kinh thì cúng dường tất cả những thứ cần dùng, đừng để thiếu thốn. Nhờ làm như vậy nên được chư Phật che chở, mọi mong cầu đều mãn nguyện, cho đến chứng quả bồ-đề.

Bấy giờ, Mạn-thù-thất-lợi đồng tử bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn, con thệ vào thời kỳ tượng pháp sẽ dùng các phương tiện làm cho những tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân, v.v.. nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai, cho đến trong giấc ngủ, con cũng dùng danh hiệu của Đức Phật ấy, làm cho họ nghe được.

Thế Tôn, nếu người nào thụ trì, đọc tụng kinh này; hoặc giảng nói, khai thị cho người khác hiểu, hoặc tự mình chép, hoặc khuyên người chép, cung kính, tôn trọng, cúng dường các loại hoa, hương, hương bôi, hương xoa, hương đốt, vòng hoa, chuỗi hạt, cò, lọng, kỹ nhạc; và dùng chỉ năm màu đan thành túi đựng kinh; vậy nước quét dọn nơi sạch sẽ rồi đặt một cái tòa cao làm nơi an trí kinh.

Bấy giờ, có bốn đại thiên vương, quyến thuộc của họ và vô lượng trăm nghìn thiên chúng khác đều đến chỗ an trí kinh ấy cúng dường và bảo vệ.

Thế Tôn, nếu kinh này truyền đến nơi nào, có người thụ trì; hoặc nhờ bản nguyện công đức; hoặc nhờ nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai, thì phải biết mọi người ở những chỗ ấy không bị chết ngang, không bị các ác quỷ, ác thần đoạt lấy tinh khí; giả sử người nào bị đoạt lấy thì cũng được hồi phục như cũ, thân tâm an lạc.

Đức Phật nói với Mạn-thù-thất-lợi, đúng vậy! Đúng vậy! Thật đúng như lời ông nói.

Mạn-thù-thất-lợi, nếu có tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân v.v.. muốn cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai thì trước tiên phải tạo lập hình tượng Ngài, trải tòa sạch sẽ và an trí tượng trên đó, rồi rải các loại hoa, đốt các loại hương, trang trí cờ lọng. Những người đến chỗ thờ ấy trong bảy ngày bảy đêm phải thụ tám phần trai giới, ăn thức ăn sạch sẽ, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch sẽ, nên sinh tâm thanh tịnh, tâm không giận hờn, nên sinh khởi tâm làm lợi ích, an lạc, từ bi, hỉ xả, bình đẳng với tất cả chúng sinh. Đồng thời, đánh trống, thổi nhạc, ca hát, khen ngợi, từ bên phải đi quanh tượng Phật, và nên nhớ nghĩ đến bản nguyện công đức của đức Như Lai kia mà đọc tụng kinh này, nghiền ngẫm nghĩa lý, giảng nói cho người khác biết.

Nếu có ai mong cầu điều gì thì tất cả đều được toại ý. Như cầu sống lâu được sống lâu, cầu giàu sang được giàu sang, cầu quan vị được quan vị, cầu con trai, con gái được con trai con gái.

Lại nữa, nếu có người bỗng gặp ác mộng; như thấy các tướng ác, hoặc chim lạ bay đến, hoặc chỗ ở xuất hiện nhiều điều lạ. Nếu người ấy có thể đem những vật dụng tốt cung kính cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia thì ác mộng, ác tướng, những điềm không lành đều biến mất và không thể gây hại.

Hoặc người nào gặp các sự sợ hãi như nạn nước, lửa, binh đao, nguy hiểm, voi dữ, sư tử, hổ, sói, gấu, rắn độc, bọ cạp, rết độc, trùng độc, muỗi, ruồi v.v.. nếu người ấy có thể chí tâm, nhớ nghĩ đến Đức Phật kia và cung kính cúng dường thì tất cả mọi sợ hãi đều tiêu tan.

Nếu bị nước khác xâm lăng, bị nạn trộm cướp nổi lên, bị phản loạn, mà nhớ nghĩ, cung kính đức Như Lai kia thì đều thoát khỏi những nạn ấy.

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có tịnh tín nam tử, thiện nữ nhân v.v.. thậm chí suốt đời không thờ vị trời nào khác, chỉ một lòng quy y Phật, Pháp, Tăng và thụ trì cấm giới. Những người ấy hoặc thụ năm giới, mười giới, bốn trăm giới của Bồ-tát, hai trăm năm mươi giới của bí-sô, năm trăm giới của bí-sô-ni. Nếu những người ấy hủy phạm những giới đã thụ, sợ bị rơi vào đường ác, có thể chuyên niệm danh hiệu, cung kính, cúng dường Đức Phật kia, thì chắc chắn không bị sinh vào ba đường ác.

Như có người nữ lúc sắp sinh nở bị đau đớn khổ sở; nếu người ấy có thể chí tâm xưng danh hiệu, lễ bái, tán thán, cung kính, cúng dường đức Như Lai kia thì các khổ đều tiêu trừ. Đồng thời, đứa trẻ sinh ra, các chi đầy đủ, thân hình xinh đẹp, ai thấy cũng thích, lanh lẹ thông minh, an ổn, ít bệnh và không bị phi nhân đoạt lấy tinh khí.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với tôn giả A-nan, như Ta đã khen ngợi tất cả công đức của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia, và đó cũng chính là hành xử sâu xa của chư Phật, rất khó có thể hiểu được.

Tôn giả A-nan bạch Phật! Bạch đại đức Thế Tôn, con không sinh nghi ngờ với những Khế kinh do Như Lai nói. Vì sao? Vì tất cả thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp của Như Lai đều

thanh tịnh. Thế Tôn, mặt trời, mặt trăng có thể rơi xuống, núi chúa Diệu Cao có thể sụp lở, nhưng những lời chư Phật không có sự sai khác.

Nay các ông có thể thụ trì được thì phải biết, đó đều là thần lực của Như Lai.

Thế Tôn, có những chúng sinh tín căn không đầy đủ, nên khi nghe nói đến hành xứ sâu xa của chư Phật thì liền suy nghĩ: ‘Làm gì chỉ niệm danh hiệu của một Đức Phật Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai mà đạt được nhiều công đức thù thắng như vậy?’ Chẳng những không tin mà chúng còn sinh tâm phỉ báng. Vì vậy mà chúng bị ở mãi trong cảnh đêm dài tăm tối, bị mất nhiều lợi lạc, bị rơi vào các đường ác và bị luân hồi sinh tử không dừng dứt.

Đức Phật nói với tôn giả A-nan: “Nếu những chúng hữu tình ấy nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, rồi chỉ tâm thụ trì, không sinh nghi ngờ, mà bị rơi vào các đường ác thì chắc chắn không có việc đó.”

A-nan, sở hành sâu xa của chư Phật ấy rất khó tin hiểu. Nay ông có thể tin hiểu thì biết rằng đều là nhờ thần lực của Như Lai. A-nan, tất cả Thanh văn, Độc giác và những Bồ-tát chưa lên đến bậc Sơ địa, v.v.. đều không thể tin hiểu đúng như thật; chỉ trừ hàng Bồ-tát nhất sinh sở hệ.

Này A-nan, khó được thân người, tin kính, tôn trọng Tam bảo cũng khó; nhưng nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai lại càng khó hơn.

Này A-nan, vô lượng Bồ-tát hành, vô lượng phương tiện thiện xảo, vô lượng quảng đại nguyện của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia, nếu Ta nói trong một kiếp hay hơn một kiếp thì thời lượng kiếp có thể mau hết, chứ những hành nguyện, những phương tiện thiện xảo của Đức Phật kia không ai có thể nói hết được.

Bấy giờ, trong chúng có một vị Bồ-tát tên là Cứu Thoát, đứng dậy, kéo y để lộ vai phải, gối phải chạm đất, cúi người, chấp tay thưa Phật: “Đại đức Thế Tôn, vào thời kì tượng pháp, có những chúng sinh bị các hoạn nạn làm khổ sở, như bệnh tật liên miên, gầy yếu, không ăn uống được, môi họng khô rang, mắt thấy toàn màu đen, tướng chết hiện ra, cha mẹ, người thân, bạn bè quên biết vây quanh khóc lóc. Người bệnh kia vẫn còn nằm tại chỗ, mà thấy sứ giả Diêm-ma dẫn thần thức của họ đến trước mặt Diêm-ma pháp vương. Khi ấy có vị thần tên là Câu Sinh, là vị thần theo dõi, ghi chép những việc làm của tất cả chúng sinh. Tùy chúng sinh hoặc gây tội, hoặc làm phúc vị ấy đều ghi chép đầy đủ. Vị thần ấy đem những ghi chép ấy trình lên Diêm-ma pháp vương. Bấy giờ, vị Diêm-ma pháp vương kia mới hỏi những người ấy và tính toán những việc người ấy đã làm, rồi tùy theo chúng gây tội hay tạo phúc mà xử đoán.”

Bấy giờ, người thân và bạn bè của người bệnh kia, nên khuyến khích họ quy y với Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai và thỉnh chúng tăng đọc tụng kinh này, đốt đèn bảy tầng, treo thần phan tục mạng năm sắc, hoặc liên trong lúc ấy, làm cho thần thức người kia được tỉnh lại giống như đang nằm mộng, hiểu biết rõ ràng. Hoặc trải qua bảy ngày, hai mươi mốt ngày, ba mươi lăm ngày, bốn mươi chín ngày làm cho thần thức người kia tỉnh lại, giống như vừa tỉnh mộng, đều tự nhớ biết nghiệp thiện, nghiệp bất thiện và quả báo phải chịu. Vì thấy biết rõ quả báo của nghiệp, cho nên, dù cho bị tổn tính mạng cũng không dám tạo các nghiệp ác nữa.

Vì thế, những tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân, v.v.. đều nên thụ trì danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai và tùy khả năng của mình cung kính, cúng dường.

Bấy giờ, tôn giả A-nan hỏi Bồ-tát Cứu Thoát: “Thiện nam tử, phải cung kính, cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia như thế nào? Còn phan tục mạng và đèn phải làm thế nào?”

Bồ-tát Cứu Thoát nói: “Đại đức, nếu có người bệnh nào muốn khỏi bệnh khổ thì người thân phải giúp người ấy thụ trì tám phần trai giới trong bảy ngày bảy đêm, sắm sửa đồ ăn, thức uống và những vật dụng khác tùy theo khả năng cúng dường bí-sô Tăng. Đồng thời, ngày đêm sáu thời lễ bái, hành đạo, cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, đọc tụng kinh này bốn mươi chín biến, thắp bốn mươi chín ngọn đèn. Lại phải tạo bảy hình tượng đức Như Lai kia, trước mỗi tượng đều đặt bảy ngọn đèn, mỗi ngọn lớn như bánh xe và thắp sáng suốt bốn mươi chín ngày đêm để tắt. Lại phải may phan năm sắc, dài bốn mươi chín gang tay và phải phóng sinh các loài vật đến bốn mươi chín ngày.”

Có thể thoát khỏi các khổ nạn, không bị chết ngang và không bị các ác quỷ bắt bớ.

Lại nữa, đại đức A-nan, các vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi, khi có những tai nạn xảy ra, như: nạn dân chúng bị bệnh dịch, nạn bị nước khác xâm lăng, nạn trong nước bị phản loạn, nạn sao biến đổi quái lạ, nạn mặt trời mặt trăng che nhau, nạn mưa gió không đúng mùa, nạn quá mùa không mưa. Bấy giờ, những vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi kia nên sinh khởi tâm từ bi với tất cả chúng sinh, ân xá cho tội nhân và theo pháp cúng dường đã nói ở trước cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai. Nhờ căn lành này và do sức bản nguyện của đức Như Lai làm cho trong nước được yên ổn, mưa gió hợp thời, lúa thóc được mùa và tất cả chúng sinh không có bệnh dịch, được an vui. Đồng thời, trong nước không có thần dược-xoa bạo ác v.v.. làm khổ não chúng sinh, tất cả các hiện tượng xấu đều ẩn mất. Ngoài ra, tuổi thọ, sức khỏe, bệnh tật, quyền lực của những vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi kia đều được thuận lợi.

Nếu các hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, thái tử, vương tử, đại thần, phụ tướng trong cung và thế nữ, bách quan, lê dân bị các bệnh khổ và bị những khổ nạn khác, cũng nên tạo lập thần phan năm màu, thắp đèn sáng liên tục, phóng sinh các loài vật, tung các loại hoa, đốt các loại hương quý, thì được lành bệnh và thoát khỏi các khổ nạn.

Bấy giờ, tôn giả A-nan hỏi Bồ-tát Cứu Thoát: “Thiện nam tử, vì sao mạng sống đã hết mà còn có thể kéo dài thêm được?”

Bồ-tát Cứu Thoát trả lời: “Đại đức, há không nghe Như Lai nói có chín trường hợp chết ngang sao? Vì thế, nên Đức Phật khuyên chúng ta nên may phan tục mạng, thắp đèn, làm các việc phúc đức; vì làm các việc phúc đức nên sau khi thọ mạng này chấm dứt thì không bị trải qua các khổ hoạn.”

Bồ-tát Cứu Thoát nói, nếu có những chúng sinh tuy chỉ bệnh nhẹ, nhưng vì không có thầy thuốc, không có người chăm sóc; giả sử, có gặp thầy thuốc nhưng vì cho uống nhầm thuốc nên bệnh không đáng chết mà bị chết ngang. Lại có chúng sinh tin theo những lời nói dối về họa-

phúc của những thầy tà ma, ngoại đạo, bắt lương ở đời, rồi sinh sợ hãi, động tâm, không tự chủ; xem bói để tìm hiểu mối họa; sát hại các loài vật để giải bày với thần minh, kêu gọi yêu quái, xin được ban phúc, che chở, vì muốn kéo dài tuổi thọ; nhưng rốt cuộc không thể đạt được. Vì ngu si, mê muội, tin theo tà kiến điên đảo, nên bị chết ngang, rơi vào địa ngục, không có kì hạn ra khỏi. Đó gọi là trường hợp chết ngang đầu tiên.

Thứ hai bị giết bởi pháp luật của nhà vua. Ba là vì đam mê săn bắn, chơi bời, ham dâm, nghiện rượu, buông thả vô độ, phi nhân đoạt tình khí, nên bị chết ngang. Bốn là bị lửa thiêu chết. Năm là bị chết đuối. Sáu là bị các thú dữ ăn thịt. Bảy là chết vì bị rơi xuống vực thẳm. Tám là chết vì bị đầu độc, bị trù ẻo, yểm chú và quỷ khởi thi v.v.. Chín là chết đói, chết khát.

Đó là chín trường hợp chết ngang mà Như Lai nói. Ngoài ra, còn có vô lượng trường hợp chết ngang khác, khó có thể nói hết được.

Lại nữa, A-nan, Diễm-ma vương kia là vị đứng đầu trong việc ghi chép tên tuổi ở thế gian. Nếu những chúng sinh nào bắt hiểu, ngũ nghịch, phá hoại, sỉ nhục Tam bảo, hoại phép vua-tôi, hủy tín giới, thì Diễm-ma pháp vương kia kiểm sát tội nặng-nhẹ mà phạt chúng. Vì thế, nay Ta khuyên các chúng sinh thấp đөн, may phan, phóng sinh, tu phúc để thoát khỏi khổ ách và không gặp các nạn.

Bấy giờ, có mười hai vị đại tướng được-xoa ngồi trong pháp hội. Mười hai vị đó là: đại tướng Tì-la, đại tướng Phạt-chiết-la, đại tướng Mê-xì-la, đại tướng An-đề-la, đại tướng Át-nễ-la, đại tướng San-đề-la, đại tướng Nhân-đạt-la, đại tướng Ba-di-la, đại tướng Ma-hô-la, đại tướng Chân-đạt-la, đại tướng Chiêu-đỗ-la, đại tướng Tì-yết-la.

Mười hai đại tướng được-xoa ấy mỗi vị có bảy nghìn được-xoa làm quyến thuộc, cùng lúc đồng thanh bạch Phật: “Thế Tôn, nay chúng con nhờ oai lực của Phật được nghe danh hiệu của đức Thế Tôn Được Sư Lư-ly Quang Như Lai, nên không còn sợ bị sinh vào đường ác. Chúng con mãi mãi đều đồng một lòng, quy y Phật, Pháp đến trọn đời, Tăng và hứa sẽ che chở, làm việc đem đến nghĩa lợi, lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh. Dù ở bất cứ nơi nào, như trong thôn, thành, quốc, ấp, trong rừng vắng, nếu có người lưu truyền kinh này, hoặc có người thụ trì danh hiệu của đức Được Sư Lư-ly Quang Như Lai và cung kính cúng dường thì quyến thuộc của chúng con sẽ bảo vệ những người ấy, làm cho họ đều thoát khỏi tất cả khổ nạn. Nếu có ai mong cầu điều gì thì chúng con đều giúp cho họ mãn nguyện. Nếu có người mắc bệnh nặng, cầu khỏi bệnh thì cũng nên đọc tụng kinh này và lấy chỉ năm màu kết tên của chúng con; đợi sau khi khỏi bệnh rồi thì mới mở kết ra.

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi các đại tướng được-xoa: Quý thay! Quý thay! Các đại tướng được-xoa, nếu các ông muốn báo đáp ân đức của Thế Tôn Được Sư Lư-ly Quang Như Lai thì phải thường xuyên làm lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh.

Bấy giờ, tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, pháp môn này gọi tên là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?

Đức Phật nói với tôn giả A-nan: Pháp môn này gọi là Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai bản nguyện công đức, cũng gọi là Thập nhị thần tướng nhiều ích hữu tình kết nguyện thần chú, và cũng gọi là Bạt trừ nhất thiết nghiệp chướng.

Các ông nên thụ trì như thế.

Khi đức Bạc-già-phạm nói lời ấy xong, tất cả đại chúng như các vị đại Bồ-tát, đại Thanh văn, quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, trời, rồng, dược-xoa, Kiện-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, nhân, phi nhân v.v.. nghe Đức Phật nói như thế đều rất vui mừng, tin thụ và phụng trì.

BẢN NGUYỆN DƯỢC SƯ KINH CỔ TÍCH

No. 1770

本願藥師經古迹

Nguyên tác: Thanh Khuru Sa-môn Thái Hiền¹⁵³ soạn

Dịch sáng tiếng Việt: Thích Thọ Phước

Quyển thượng

Tạm chia kinh này làm ba phần: 1. Đề danh; 2. Giáo nhiếp; 3. Bản văn.

1. Đề danh

Kinh này có ba tên gọi khác nhau: 1. Kinh *Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai bản nguyện công đức*; 2. Kinh *Thuyết thập nhị thần tướng nhiều ích hữu tình kết nguyện thần chú*; 3. Kinh *Thuyết bạt trừ nhất thiết nghiệp chướng*.

Trong đây, bản dịch vào đời Tống, vua Hiếu Vũ niên hiệu Đại Minh thứ nhất (457), lấy tên thứ ba, gọi là kinh *Bạt trừ quá tội sinh tử đắc độ*. Bản dịch vào đời Tùy, niên hiệu Đại nghiệp thứ mười một (615), dịch ở nhà dịch kinh, Thượng lâm viên, phía nam sông Lạc, Đông đô, lấy tên thứ nhất, gọi là kinh *Dược Sư Như Lai bản nguyện*. Nay bản dịch của tam tạng Huyền Trang vào đời Đường, niên hiệu Trinh quán (627-650), lấy tên thứ nhất, gọi là kinh *Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai bản nguyện công đức*. Đây là một bộ kinh mà tên gọi thứ nhất được lấy đầy đủ.

Văn và nghĩa của tên gọi thứ nhất có rộng, có lược. Văn và nghĩa của hai tên gọi sau cũng tương tự như vậy.

Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai: là đối tượng hướng về của mọi người.

¹⁵³ **Thái Hiền** 太賢: danh tăng kiêm học giả Hàn Quốc, thuộc tông Pháp tướng, người Tân La, Triều Tiên, hiệu là Thanh Khuru Sa-môn, cũng gọi là Thái Thiên. Sư đến đến Trung Quốc vào đời Đường học Duy thức với ngài Đạo Đăng chùa Tây Minh. Sư trứ tác rất nhiều, có soạn hơn 40 loại sách như Cổ Tích Kí v.v...không cầu nệ môn phái, có giữ sự công bằng, được người đời tôn kính. Sau, Sư về nước, truyền bá học thuyết Duy thức, người đương thời tôn Sư Hải Đông Du-già Tổ. Có lần, Sư tụng kinh cầu mưa tại Đại nội ở nước mình vào năm 753. Các sự tích khác của Sư đều không rõ.

Bản nguyện công đức: là đức được chiêu cảm. Có thể trừ các khổ là dụ cho danh xưng Dược Sư. Không có nhân duyên thì không cảm thông gọi là Lưu-ly Quang. Điều hành tu tập gọi là bản nguyện. Thắng quả chứng được gọi là công đức. Tức lấy nhân-quả của Như Lai làm tông. Khuyên chúng sinh quy y, thoát khổ làm thú. Vì thế, tên đầu lấy ‘đề’ làm xưng. Hai tên sau lấy ‘thú’ làm hiệu.

Kinh hay gọi đủ là Khế kinh, là một danh từ có thể giải thích được. Nói ‘Khế kinh’ là hợp với nghĩa. Có nghĩa: là vật xuyên thấu, giữ gìn pháp, làm cho pháp không bị rơi mất, cho nên gọi là Khế kinh.

Là bản nguyện công đức của Dược Sư Như Lai; là khế kinh của bản nguyện công đức. Vì vậy, trong lục hợp thích¹⁵⁴ thì đó là y chủ thích.

2. Giáo nhiếp

Các sư phía nam¹⁵⁵ nói: giáo pháp của Phật chia làm ba loại: một là Đốn giáo, hai là Tiệm giáo, ba là Thiên phương bất định giáo. Trong đó, Đốn giáo và Tiệm giáo thì theo lệ thường. Nay kinh *Dược Sư* thuộc Bất định giáo. Vì nói trong giới hạn tùy duyên nên khác với Đốn giáo, Tiệm giáo. Quan điểm này không hợp lý. Vì ngoài Đốn giáo và Tiệm giáo không có sự giác ngộ riêng. Vì thế, chớ cho rằng là Đại thừa, Tiểu thừa mà có giáo khác. Vì một khi Đức Phật đã nói trực tiếp với Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi về đặc tính nhân quả của Đại thừa, thì những điều Đức Phật nói đó phải là Đốn giáo. Lại nữa, nói Tịnh độ không có tướng che đậy. Và liễu nghĩa thứ ba thuộc Đại thừa giáo.

Văn kinh:

Đúng như thế, chính tôi được nghe! Một thời, đức Bạc-già-phạm du giáo hóa, trải qua các nước, đến thành Quảng Nghiêm, ngồi nghỉ dưới tán cây Nhạc âm. Bảy giờ, có vô lượng đại chúng, gồm tám nghìn vị đại bí-sô, ba vạn sáu nghìn vị đại Bồ-tát, vua, đại thần, bà-la-môn, cư sĩ, trời, rồng, tám bộ, nhân, phi nhân v.v.. cung kính, ngồi xung quanh Phật, nghe Ngài nói pháp.

Giải thích:

Bản văn chia làm ba phần: 1. Nhân duyên nói kinh; 2. Trả lời thắc mắc; 3. Nghe danh hiệu hoan hỉ thực hành.

3.1. Nhân duyên nói kinh

Đúng như thế, chính tôi được nghe v.v..: như lệ thường, nên biết.

Bạc-già-phạm: là danh hiệu của Đức Phật, gồm có sáu nghĩa. Sáu nghĩa đó là: 1. Tự tại: vĩnh viễn không còn bị các phiền não trói buộc. 2. Xí thịnh: như tám lụa trắng bị ngọn lửa trí

¹⁵⁴ **Lục hợp thích** 六合釋 (S: ṣaṭ-samāsāh): sáu phương pháp giải thích các từ tiếng Phạn phức hợp (những từ ngữ được hợp thành từ hai chữ trở lên). Về cách thực hiện, đầu tiên chia chẻ ra để giải thích (li thích), sau đó tổng hợp lại cũng để giải thích, nên gọi là Lục li hợp thích. Phương pháp này bắt nguồn từ các kinh tiếng Phạn, sau khi được truyền vào Trung Quốc thì nội dung có thay đổi ít nhiều. Lục hợp thích là: 1. Y chủ thích; 2. Tương vi thích; 3. Trì nghiệp thích; 4. Đối số thích; 5. Lân cận thích; 6. Hữu tài thích.

¹⁵⁵ **Các sư phía nam** 南地師: chỉ các sư thời Nam bắc triều. Từ giai đoạn này trở về sau các sư chia thánh giáo một đời của Đức Phật thành ba loại: đốn giáo, tiệm giáo và bất định giáo.

tuệ lớn đốt cháy. 3. Đoan nghiêm: được tổ điểm bởi những diệu tướng hảo. 4. Danh xưng: công đức viên mãn ai cũng biết. 5. Cát tường: gần gũi cúng dường chắc chắn sẽ được lợi ích. 6. Tôn quý: đầy đủ các công đức, làm lợi ích, an lạc cho chúng sinh và không lười biếng.

Luận *Phật địa*, tụng:

*Tự tại, Xí thanh và Đoan nghiêm
Danh xưng, Cát tường và Tôn quý
Sáu nghĩa sai khác như thế ấy
Nên biết, gọi chung là Bạc-già.*

Quảng nghiêm: phiên âm tiếng Phạn là Tì-xá-ly, hoặc Tì-da-li: ý chỉ, có đầy đủ các đặc tính, các điều kiện, các tiện nghi (chúng đức).

Đến thành Quảng nghiêm: ý chỉ, nơi chúng sinh thích cư ngụ. *Cây Nhạc âm*: khi những làn gió nhẹ thổi qua, cây phát những âm thanh hay giống như tiếng cung, thương, v.v.. nên gọi là cây Nhạc âm.

Chúng: có ba chúng: 1. Chúng Thanh văn; 2. Chúng Bồ-tát; 3. Chúng thế gian. Giống như trong văn kinh, có thể hiểu được. Trong ấy, chỉ cho hàng cư sĩ, là những người sống ở nhà.

Dạ-xoa: có nghĩa là đáng sợ hoặc oai thế.

3.2. Trả lời thắc mắc

Văn kinh:

Bấy giờ, Mạn-thù-thất-lợi pháp vương tử nương oai lực của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y để lộ vai phải, gối phải chạm đất, hướng về đức Bạc-già-phạm, cúi người, chấp tay bạch Đức Phật. Thế Tôn, cúi xin Ngài giảng nói danh hiệu của chư Phật giống với danh hiệu, và công đức bản nguyện thù thắng của Đức Phật kia để cho những người đang nghe pháp tiêu trừ nghiệp chướng; và muốn làm lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh trong thời tượng pháp.

Giải thích:

Từ đây trở xuống là phần trả lời thắc mắc.

Phần này có năm nghĩa, đó là: 1. Bồ-tát thưa hỏi thành tựu; 2. Pháp vương khen ngợi, chấp nhận thành tựu; 3. Đại chúng thích nghe thành tựu; 4. Như Lai nói pháp thành tựu; 5. Dạ-xoa báo ơn thành tựu.

3.2.1. Bồ-tát thưa hỏi thành tựu

3.2.1.1. Nhân duyên thưa thỉnh

Bấy giờ, Mạn-thù-thất-lợi pháp vương tử nương oai lực của Đức Phật:

Mạn-thù-thất-lợi: bản dịch đời Đường dịch là Diệu Cát Tường. Bồ-tát này được sinh ra bởi pháp và đặc pháp của Phật nên gọi là Pháp vương tử.

3.2.1.2. Oai nghi thưa thỉnh

Từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y để lộ vai phải, gối phải chạm đất, hướng về đức Bạc-già-phạm, cúi người, chấp tay.

Từ chỗ ngồi đứng dạy: ý chỉ từ chân tế¹⁵⁶ đứng dạy.
Vén y để lộ vai phải: ý chỉ làm việc đem đến lợi ích, an lạc.
Gối phải chạm đất: ý chỉ trụ ở thế gian.
Hướng về đức Bạc-già-phạm: tức hướng ra khỏi thế gian.
Cúi người: tức xa lìa mạn.
Chấp tay: ý chỉ chuyên tâm.

3.2.1.3. Chính thức thừa thỉnh

Bạch Đức Phật Thế Tôn, cúi xin Ngài giảng nói danh hiệu của chư Phật giống với danh hiệu, và công đức bản nguyện thù thắng của Đức Phật kia để làm cho những người đang nghe pháp tiêu trừ nghiệp chướng; và muốn làm lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh trong thời tượng pháp.

Giải thích:

Đoạn kinh này trình bày ba việc: 1. Hỏi danh hiệu của Phật; 2. Hỏi đại nguyện của nhân; 3. Hỏi công đức của quả. Nói pháp cho họ nghe rồi, sau đó mới nói tất cả lợi ích.

Trong thời tượng pháp: Kinh Đại tập ghi: “Có sáu loại kiên cố, đó là: trụ trong pháp thân kiên cố, trụ trong giải thoát kiên, trụ trong thiên định kiên cố, trụ trong đa văn kiên cố, trụ trong phúc đức kiên cố, trụ trong đấu tranh kiên cố.”

Trong sáu loại kiên cố ấy, được phân bổ trong hai giai đoạn: trụ trong pháp thân kiên cố thuộc giai đoạn đầu, là khi Đức Phật còn ở đời. Giai đoạn sau, là năm trăm năm, sau khi Đức Phật nhập diệt. Nếu theo thứ tự thì cứ mỗi một vòng năm trăm như vậy là năm trăm năm. Nói tóm lại, có ba thời kì: Một là thời kì chính pháp: thời kì này có năm trăm năm, gồm có hai loại kiên cố: trụ trong giải thoát kiên cố và trụ trong thiên định kiên cố. Hai là thời kì tượng pháp: gồm có hai loại kiên cố: trụ trong đa văn kiên cố và trụ trong phúc đức kiên cố. Ba là thời kì mạt pháp: là trụ trong đấu tranh kiên cố.

Theo thứ tự như vậy thì có đủ: giáo, hành, quả. Nếu chỉ có hai thì không có ‘quả’. Nếu chỉ có ‘giáo’ thì không có hành và quả.

Nay vì muốn làm lợi ích, an cho chúng sinh trong thời tượng pháp một nghìn năm sau nên mới thắc mắc như vậy.

3.2.2. Pháp vương khen ngợi và chấp nhận thành tựu

Văn kinh:

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi: Quý thay! Quý thay! Nay Mạn-thù-thất-lợi, ông đã vận lòng đại bi khuyến thỉnh Ta nói danh hiệu và công đức bản nguyện của chư Phật, là vì muốn nhổ sạch nghiệp chướng trôi buộc chúng sinh và làm lợi ích, an lạc cho các chúng sinh trong thời tượng pháp. Nay ta sẽ nói, ông phải lắng nghe và tư duy kĩ.

Giải thích:

¹⁵⁶ **Chân tế** 真際: lý thể dứt biệt các tướng sai biệt, đối đãi, hiện bày chân như pháp tính bình đẳng nhất như.

Từ câu “*Bấy giờ, đức Thế Tôn,... cho đến,... nói cho ông nghe.*” Ý chỉ, vì có thể ghi nhớ những gì đã nghe được, nên mới nói ‘quý thay’. Vì đáp ứng đúng lúc đang cần nên lại nói ‘quý thay’. Vì muốn làm cho người nghe nghiền ngẫm văn kinh nên nói ‘lắng nghe’. Vì muốn làm cho người nghe hiểu được nghĩa nên nói ‘tư duy kỹ’.

3.2.3. Đại chúng thích nghe thành tựu

Văn kinh:

Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi thưa: Cúi xin đức Thế Tôn nói, chúng con rất muốn nghe.

Văn kinh:

Đức Phật nói với Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi: cách thế giới này hơn mười cang-già-sa cõi Phật về phương Đông có thế giới tên là Tịnh Lư-ly, có Đức Phật hiệu là Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai, Ứng chính đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Bạc-già-phạm.

Giải thích:

3.2.4. Như Lai nói pháp thành tựu

3.2.4.1. Trả lời những điều đã thỉnh

3.2.4.1.1. Trả lời ba thắc mắc

Giải thích rộng rãi mười hiệu, giống như Du-già v.v...

Văn kinh:

Này Mạn-thù-thất-lợi, đức Thế Tôn Dược Sư Lư-ly Quang Như Lai kia khi đang thực hành Bồ-tát đạo có phát mười hai nguyện lớn, giúp cho tất cả chúng sinh cầu gì được nấy.

Giải thích:

3.2.4.1.2. Trả lời thắc mắc thứ hai

3.2.4.1.2.1. Nêu vấn đề

Kinh *A-tu-la* ghi: “Bồ-tát Lư-ly Quang gặp Phật Trí Thắng phát nguyện chung lần đầu tiên; đến khi ở trước Phật Bảo Định mới phát nguyện riêng.” Kinh *Thập phương chư Phật hiện tiền* ghi: “Ở trước Phật Thanh Long Quang phát mười hai thế nguyện.”

3.2.4.1.2.2. Nói rộng rãi

Văn kinh:

Nguyện lớn thứ nhất: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc a-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, thân Ta có hào quang sát suốt, rực rỡ chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, dùng ba mươi hai tướng đại trượng phu và tám mươi tùy hình trang nghiêm thân ấy, khiến tất cả chúng sinh đều được thân giống như Ta.

Nguyện lớn thứ hai: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, thân Ta như ngọc Lư-ly, trong ngoài sáng suốt, trong sạch không tì vết, ánh sáng rộng lớn, công đức vòi vọi, thân khéo an trú, diệm hồng trang nghiêm, hơn mặt trời mặt trăng. Chúng sinh trong chỗ tối tăm đều nhờ ánh sáng ấy mà được hiểu biết và muốn đi đến đâu, làm các sự nghiệp gì cũng được.

Nguyện lớn thứ ba: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, Ta dùng vô lượng vô biên trí tuệ, phương tiện làm cho tất cả chúng sinh đều được tất cả những vật cần dùng, chớ để cho chúng sinh chịu sự thiếu thốn.

Nguyện thứ tư: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có chúng sinh nào tu hành tà đạo thì Ta đều làm cho an trụ trong đạo bồ-đề. Nếu có người nào tu hành theo Thanh văn thừa, Độc giác thừa thì Ta làm cho họ đều được an lập trong Đại thừa.

Nguyện lớn thứ năm: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có vô lượng vô biên chúng sinh, ở trong giáo pháp của Ta, tu tập Phạm hạnh, thì Ta khiến cho tất cả đều không hủy phạm giới, đầy đủ ba tụ tịnh giới. Giả sử có người hủy phạm giới, nhưng khi đã nghe danh hiệu của Ta rồi thì giới được thanh tịnh trở lại và không bị rơi vào đường ác.

Nguyện lớn thứ sáu: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu chúng sinh nào thân hình thấp hèn, các căn không đủ, xấu xa khờ khạo, tai điếc, mắt đui, câm, ngọng, tay chân tật nguyền, lưng gù, bị các chứng bệnh bạch lại, điên cuồng; mà khi đã nghe được danh hiệu của Ta rồi, thì tất cả đều được thân hình đoan chính, tâm ý thông minh, các căn đầy đủ, không có các bệnh khổ.

Nguyện lớn thứ bảy: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu chúng sinh nào bị các chứng bệnh hiểm nghèo, không người cứu chữa, không người nương nhờ, không gặp thầy, không có thuốc, không bà con, không nhà cửa, chịu nhiều nỗi nghèo hèn khổn khổ; mà danh hiệu của Ta đã lọt vào tai một lần, thì những bệnh khổ ấy đều tiêu trừ, thân tâm an lạc, gia quyến, của cải đều được sum vầy, đầy đủ, cho đến chứng đắc Vô thượng bồ-đề.

Nguyện lớn thứ tám: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có người nữ nào, bị trăm điều xấu xa của thân nữ làm cho bức tức, phiền não, sinh tâm chán lìa, muốn bỏ thân gái; mà khi đã nghe được danh hiệu của Ta rồi, thì tất cả người nữ đều được chuyển thân gái thành thân trai, đầy đủ tướng trạng phu, cho đến chứng đắc Vô thượng bồ-đề.

Nguyện lớn thứ chín: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, Ta sẽ làm cho các chúng sinh ra khỏi lưới ma, giải thoát tất cả sự trói buộc của ngoại đạo. Nếu có chúng sinh nào rơi vào rừng tà kiến rậm rạp, Ta đều dẫn dắt chúng trở về với chính kiến và từ từ khiến họ tu tập các Bồ-tát hành, chóng chứng Vô thượng chính đẳng bồ-đề.

Nguyện lớn thứ mười: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu chúng sinh nào vướng vào pháp luật nhà vua, bị xiềng xích, đánh đập, bị nhốt trong ngục, hoặc sẽ bị giết, và bị vô lượng tai họa khác, bị lăng nhục, sầu muộn, tra tấn, v.v.. thân tâm chịu khổ. Nhưng nếu chúng sinh nào nghe được danh hiệu của Ta và nhờ sức oai thần phúc đức của Ta mà tất cả đều được thoát khỏi tất cả khổ não.

Nguyện lớn thứ mười một: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có chúng sinh nào bị sự đói khát bức bách, vì tìm cầu ăn uống mà tạo các nghiệp ác. Nếu chúng sinh nào nghe danh hiệu của Ta, chuyên tâm thụ trì, thì trước tiên Ta sẽ dùng các thức ăn uống ngon lạ cho họ được no đủ, sau đó Ta dùng pháp vị an lạc rốt ráo để làm cho chúng đều được an lạc.

Nguyện lớn thứ mười hai: Ta nguyện đời sau, khi Ta chứng đắc bồ-đề, nếu có chúng sinh nào nghèo đến nỗi không có y phục, bị muỗi mòng cắn đốt, bị nóng lạnh, bị bức bách cả ngày lẫn đêm. Nếu những chúng sinh đó nghe danh hiệu của Ta, chuyên tâm trì niệm, thì Ta sẽ làm cho chúng được các thứ y phục tốt đẹp, những đồ trang sức quý báu, vòng hoa, hương bột, các thứ đồ chơi như trống, nhạc; tùy tâm muốn gì đều làm cho chúng đầy đủ.

Giải thích:

Trong mục nói rộng rãi chia làm sáu cặp: Một là nhiều ích và tịnh uế, gồm nguyện thứ nhất và thứ hai. Vì Tịnh độ và tất cả chúng sinh đều giống như thân của Ta. Cho đến, chúng sinh ở thế gian và chúng sinh ở chốn tối tăm đều được toại ý.

Hai là xuất thế gian, gồm hai nguyện tiếp theo. Vì làm cho nhân thừa và thiên thừa đều không chịu sự thiếu thốn. Cho đến, người thực hành theo tà đạo, thì cũng tùy theo chủng tính của họ, giúp họ an trụ trong đạo bồ-đề thuộc Tam thừa. Hàng Bất định nhị thừa đều lấy Đại thừa để an lập.

Ba là giữ giới và giữ thân thể, gồm hai nguyện tiếp theo. Các giới trọng không bị khuyết và có đầy đủ ba tụ tịnh giới.

Trong đây nêu ra ý nghĩa của câu ‘thân hình thấp hèn, các căn không đủ’. Tuy đầy đủ các căn, nhưng chúng không thắng diệu và có sự thiếu khuyết. Nói ‘xấu xa’ là giải thích thân hình thấp hèn. Nói ‘khờ khạo’ là giải thích ý chí thấp hèn. Nói ‘đui, điếc, v.v...’ là giải thích mắt, tai, mũi, lưỡi, thân căn không đầy đủ. Nói ‘cuồng điên’ là giải thích ý căn không đầy đủ. Các chứng bệnh khổ là những bệnh thuộc về mũi, v.v... Nói bốn trường hợp ‘thân hình đoan chính, v.v...’ theo thứ tự như ở trên đã dịch.

Bốn là trừ khổ ở trong và ở ngoài, gồm hai nguyện tiếp theo. Một là có thể trừ diệt những khổ do ngoại duyên bức bách. Nói ‘không có người cứu chữa’ là nói không có thầy thuốc và không có thuốc. Nói ‘không có người để nương tựa’ là không có người thân v.v.. Nay có được Phật là thầy thuốc, Pháp là thuốc và được tài sản của bậc thánh, nên có thể trừ được bệnh, cho đến, được đầy đủ mọi thứ. Hai là có thể chuyển khổ của thân nữ do nội duyên gây ra. Như kinh *Niết-bàn* ghi: “Tất cả người nữ đều là nơi chứa chứa các điều xấu ác.”

Năm là mở trói buộc ở trong và ở ngoài, gồm hai nguyện tiếp theo. An trụ trong chính kiến để mở trói buộc của ác kiến; chứng đạo vô thượng thoát khỏi lưới ma; và dùng sức oai thần thoát khỏi giam cầm, hình phạt.

Sáu là tìm cầu thức ăn, y phục, gồm hai nguyện cuối. Dùng hương vị của pháp thực làm cho chúng sinh được no đủ; dùng diệu y, v.v.. làm cho chúng sinh được sung túc.

Văn kinh:

Mạn-thù-thất-lợi, mười hai lời nguyện vi diệu trên đó được đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, Ứng, Chính đẳng giác kia đã phát ra khi còn hành Bồ-tát đạo.

3.2.4.1.2.3. Tổng kết

Giải thích:¹⁵⁷

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, những nguyên lớn mà đức Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai, Ứng, Chính đẳng giác kia đã phát ra khi còn hành Bồ-tát đạo, và những công đức trang nghiêm ở cõi nước của Ngài, nếu Ta nói trong một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể nói hết.

Nhưng ở cõi nước của Đức Phật kia hoàn toàn thanh tịnh, không có người nữ, cũng không có đường ác và không có tiếng khổ, đất bằng Lưu-ly, dây bằng vàng ngăn các đường, thành quách, cung điện, lầu gác, mái hiên, cửa sổ đều làm bằng bảy thứ báu. Ở cõi ấy công đức trang nghiêm giống như ở thế giới Tây phương Cực lạc.

Ở cõi nước ấy có hai vị Bồ-tát ma-ha-tát, một vị tên là Nhật Quang Biến Chiếu, một vị tên là Nguyệt Quang Biến Chiếu. Hai vị ấy đứng đầu trong vô lượng vô số chúng Bồ-tát. Là hai vị được bổ xứ làm Phật tiếp theo, và đều có khả năng duy trì kho báu chính pháp của Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia.

Vì thế, Mạn-thù-thất-lợi, nếu những thiện nam tử, thiện nữ nhân nào có tín tâm thì nên nguyện sinh về thế giới của Đức Phật kia.

Giải thích:

3.2.4.1.3. Trả lời thắc mắc thứ ba

3.2.4.1.3.1. Bản xứ trang nghiêm công đức thành tựu

Những đại nguyện đã phát, cõi Phật trang nghiêm, nói không thể hết: nói rõ ràng giống trong như đại nguyện, quả cũng vô biên, và thân cũng phải dựa theo nguyện. Nói tóm lược về cõi nước ấy, thì có tám loại công đức thành tựu. Một là thành tựu không bị dính mắc các nhơ uế; như kinh nói ‘không có người nữ’. Hai là thành tựu xa lìa sợ hãi các điều ác; như kinh nói ‘cũng không có đường ác và không có tiếng khổ’. Ba là thành tựu thanh tịnh; như kinh nói ‘lấy lưu-ly làm đất’. Bốn là thành tựu đường đi thành hoa văn; như kinh nói ‘dây bằng vàng ngăn đường’. Năm là thành tựu cung điện trang nghiêm; như kinh nói ‘giống như cõi Tây Phương’. Sáu là thành tựu đại thánh không dứt; như kinh nói ‘có hai vị Bồ-tát sắp bổ xứ’. Bảy là thành tựu lợi lạc không gián đoạn; như kinh nói ‘đều giữ gìn chính pháp tạng của Đức Phật kia’. Tám là thành tựu nguyện sinh không chướng ngại; như kinh nói ‘nên nguyện sinh về thế giới của Đức Phật kia’.

Văn kinh:

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Mạn-thù-thất-lợi đồng tử: “Mạn-thù-thất-lợi, có những người không phân biệt được thiện-ác, chỉ ôm lòng tham tiếc, không biết bố thí, không biết quả báo của

¹⁵⁷ Không thấy lời giải thích, mà chỉ thấy gi: “thuật viết: tổng kết đã 述曰。總結也。”

việc bố thí, ngu si vô trí, thiếu các tín căn, tích chứa tài bảo, gìn giữ bo bo, thấy người đến xin, trong lòng không vui. Giả sử đã không được của mà còn phải bố thí, thì như cắt thịt cho người vậy, đau đớn, luyến tiếc vô cùng. Lại có vô lượng người tham tiếc, chỉ biết tích trữ của cải, tự mình không dám tiêu xài, huống gì có thể bố thí cho cha, mẹ, vợ, con, nô tì, người giúp việc và những người hành khát. Những người ấy sau khi chết liền sinh làm ngạ quỷ, hoặc bàng sinh. Nhưng nhờ đời trước, khi còn ở nhân gian, những người ấy đã từng nghe qua danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, nay ở trong đường ác bỗng nhiên nhớ lại danh hiệu của đức Như Lai ấy. Khi đang nhớ đến danh hiệu Phật, liền chết và sinh lại làm người. Khi đã được làm người, lại nhớ đến đời trước, sợ khổ ở đường ác, nên không còn ham muốn dục lạc, muốn thực hành bố thí, khen ngợi người thực hành bố thí, không còn tham tiếc những thứ mình có, rồi dần dần còn có thể đem cả đầu, mắt, tay, chân, máu, thịt và các bộ phận trên thân thể bố thí cho những người đến xin, huống chi của cải là những vật dư thừa.”

Giải thích:

3.2.4.1.3.2. Ngoại phương văn danh công đức thành tựu

Trong đây có năm môn, khiến cho những người nghe pháp trừ năm chướng ngại thực hành thí, giới và tu tập mười thiện nghiệp đạo sinh về nơi an lạc.

Một hiền bày trừ chướng ngại của phúc nghiệp thí tính, có ba trường hợp:

- Bị chướng ngại vì tự tính: như kinh nói, ‘*không biết thiện-các, ... cho đến..., người đến xin*’. Nói ‘không biết ác’ ý chỉ tham tiếc. Nói ‘không biết thiện’ ý chỉ không biết bố thí. Đó gọi chung là không biết thiện-ác. Vì ngu si, vô trí nên chỉ ôm lòng tham tiếc; vì thiếu tín căn nên không biết bố thí, v.v.. mà chỉ lo tích trữ cho nhiều và không chịu buông xả.

- Bị chướng ngại vì những lỗi lầm; như kinh nói, ‘*các chúng sinh kia sinh vào đường ngạ quỷ, súc sinh*’. Vì tham tiếc nên bị sinh vào đường ngạ quỷ; vì ngu si nên bị sinh vào đường súc sinh.

- Nghe danh hiệu Phật, được lợi ích thù thắng; như kinh nói, ‘*Do người kia khi xưa còn ở nhân gian..., cho đến..., hướng chi của cải là những vật thừa*’.

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, có những người tuy thụ trì các học xứ với Như Lai, nhưng lại phá giới. Có những người tuy không phá giới nhưng phá phép tắc. Có những người tuy không phá giới và phép tắc nhưng hủy hoại chính kiến. Có những người tuy không hủy hoại chính kiến nhưng bỏ sự đa văn, nên không hiểu được những nghĩa lý sâu xa Phật nói trong Kinh. Có những người tuy đa văn nhưng tăng thượng mạn. Vì tăng thượng mạn che tối tâm trí, nên cho mình đúng, người sai, lại còn nghi ngờ, hủy báng chính pháp và làm bạn với ma. Những người ngu si ấy chẳng những tự mình làm theo tà kiến mà còn khiến cho vô lượng chúng sinh bị rơi vào hố nguy hiểm. Những chúng sinh ấy chắc chắn sẽ bị quanh quẩn mãi trong các đường địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh không dứt. Nhưng nếu chúng nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai ấy, thì họ liền bỏ những ác hành, tu theo những thiện pháp và không bị rơi vào đường ác. Giả sử có những chúng sinh không thể bỏ những ác hành, không tu các thiện

pháp, mà bị rơi vào đường ác, thì nên dùng bản nguyện, oai lực của đức Như Lai kia, khiến cho những chúng sinh đang ở trước mặt tạm nghe qua danh hiệu của Đức Phật Dược Sư. Nhờ nghe được danh hiệu Phật Dược Sư, nên vừa chết ở đường ác liền sinh lại đường người. Khi đã được làm người lại đạt được chính kiến, tinh tấn tu tập, khéo điều hòa tâm ý; đồng thời, có thể bỏ đời sống gia đình, hướng đến đời sống không gia đình, ở trong giáo pháp của Như Lai, thụ trì học xứ, không hủy phạm, được chính kiến, đa văn, hiểu được nghĩa lý sâu xa, trừ bỏ tâm tăng thượng mạn, không hủy báng chính pháp, không làm bạn với ma, dần dần tu tập các hạnh Bồ-tát, viên mãn nhanh chóng.

Giải thích:

Hai là hiển bày trừ chướng ngại của phúc nghiệp giới tính, có ba trường hợp, giống như trước nên biết.

- Trong trường hợp thứ nhất: bị chướng ngại vì tự tính, có ba ý. Chướng ngại nhiếp luật nghi giới: như kinh nói, ‘phá thi-la và quỹ tắc’. Thi-la là biệt giải thoát. Quỹ tắc là khi đi, đứng, ngồi, nằm v.v.. phải an trụ trong chính tri. Chướng ngại nhiếp thiện pháp giới: như kinh nói, ‘hủy hoại chính kiến, bỏ đa văn và tăng thượng mạn...’. Chướng ngại hữu tình giới: như kinh nói, ‘còn khiến cho vô lượng chúng sinh bị rơi vào hồ nguy hiểm’.

- Bị chướng ngại vì những quá hoạn: như kinh nói, ‘bị quanh quẩn mãi trong các đường địa ngục, ngã quỷ, bàng sinh không dứt’.

- Nghe danh hiệu Phật, được lợi ích thù thắng: như kinh nói, ‘cho đến, ba tụ... viên mãn nhanh chóng’.

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có những người nào tham tiếc, ganh ghét, khen mình, chê người, thì sẽ rơi vào trong ba đường ác, trải qua vô lượng năm chịu đủ mọi khổ sở. Chịu khổ sở xong, chết liền, rồi sinh vào cõi người, làm trâu, ngựa, lạc đà, lừa; thường bị đánh đập, bị đòi khát dày vò; thường bị đi đường xa, mang kéo nặng. Hoặc được làm người, thì sinh vào gia đình hạ tiện, làm kẻ nô tì, bị người khác sai khiến, mãi không được tự do. Nếu những chúng sinh ấy, khi làm người, đã từng nghe qua danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai; nhờ nhân lành ấy, nay nhớ lại, chí tâm quy y, nhờ thần lực của Phật, nên thoát khỏi các khổ, các căn lành lợi, trí tuệ, đa văn, thường cầu pháp thù thắng, thường gặp bạn lành, cắt đứt lưới ma, đập nát hạt vô minh, tát cạn sông phiền não, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, buồn lo, khổ não.

Giải thích:

Ba hiển bày có thể diệt trừ chướng ngại của phúc nghiệp tu tính, cũng có ba trường hợp:

- Bị chướng ngại vì tự tính: như kinh nói, ‘tham tiếc, ganh ghét, khen mình, chê người’. Trong đây, tham tiếc có thể làm chướng ngại tu từ; vì không ban vui. Ganh ghét làm chướng ngại tu hỷ; vì không tùy hỷ. Khen mình, chê người làm chướng ngại tu bi; vì có thể gây ra não hại. Ba chướng ngại vừa nêu giống với chướng ngại xả tính; vì bị nhiễm ô. Vì cách nói ấy phù hợp với thứ tự, nên không trái nghịch nhau.

- Bị chướng ngại vì quá hoạn: như kinh nói, ‘bị rơi vào ba đường ác và phải chịu khổ’.
- Nghe danh hiệu Phật, được lợi ích thù thắng: như kinh nói, ‘cho đến vĩnh viễn phá trừ được bốn ma’. Giống như văn kinh, có thể hiểu được.

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, hoặc có những người chỉ thích chống trái, chia lìa, tranh đấu, kiện tụng nhau, làm náo loạn cho mình và người, tạo thêm các nghiệp ác thuộc về thân, miệng, ý; cứ làm những việc không đem đến lợi ích hết lần này đến lần khác, mưu hại nhau, hoặc cáo triệu các thần ở núi, rừng, cây, mả, v.v.. để sát hại chúng sinh; hoặc lấy máu, thịt chúng sinh cúng tế được-xoa, la-sát-bà, v.v..; hoặc viết tên người mình thù oán, làm hình tượng người ấy, dùng chú thuật tà ác nguyên rửa người ấy; hoặc dùng chú thuật yểm người, dùng chú để sai khiến quỷ khởi thi giết hủy hoại thân thể và hại mạng người. Những người bị hại ấy, nếu nghe được danh hiệu của Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai này thì những việc ác kia đều không thể gây hại. Người bị hại, kẻ gây hại đều lần lượt phát khởi tâm từ, làm lợi ích, lạc, không có ý gây tổn hại, không có tâm hiểm giận, cả hai đều vui vẻ; đối với những vật dụng của mình tự biết đủ, không xâm phạm nhau và thường làm lợi ích.

Giải thích:

Bốn hiền bày có thể diệt trừ chướng ngại của mười nghiệp đạo, cũng có ba trường hợp.

- Chướng ngại vì tự tính: như kinh nói, ‘*chỉ thích chống trái, ... cho đến, ... tăng trưởng bốn nghiệp ác*’. Thích chống trái: ba nghiệp đạo thuộc về ý, đều có thể làm cho người khác xa lìa các mong muốn. Tranh tụng nhau mãi: bốn nghiệp thuộc về ngữ, theo lý không tương ưng nhau, nên thường xảy ra tranh tụng. Náo loạn mình và người: ba nghiệp đạo thuộc về thân, khi quả của ba nghiệp đầy đủ thì làm náo loạn cho người. Nếu quả của ba nghiệp không đầy đủ thì làm náo loạn cho chính mình.

- Chướng ngại vì quá hoạn: vì chính mình làm điều ác nên chuốc lấy quả báo bị người khác mưu hại. Như kinh nói, ‘*cứ làm những việc không đem đến lợi ích hết lần này đến lần khác, ... cho đến, ... dùng chú sai khiến quỷ khởi thi để hủy hoại thân thể và hại mạng người*’.

- Nghe danh hiệu Phật, được lợi ích thù thắng: hiện tại còn bị chia lìa, hãm hại, huống gì chịu khổ ở tương lai. Văn kinh đã nói rõ có thể hiểu được.

Văn kinh:

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có bốn chúng bí-sô, bí-sô-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ba-tư-ca và những tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân khác, v.v.. những người có thể thụ trì tám phân trai giới, hoặc có những người thụ trì học xứ trai qua một năm, hoặc ba tháng; đem căn lành ấy nguyện sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ để nghe chính pháp nhưng chưa định.

Nếu người nào nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai thì khi qua đời sẽ có tám vị đại Bồ-tát từ trên hư không xuống chỉ đường, giúp cho những người ấy tự nhiên hóa sinh vào trong các hoa sen báu, đủ màu, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc kia. Tám vị

đại Bồ-tát đó là: Văn-thù-sư lợi, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế, Vô Tận Ý, Bảo Đàn Hoa, Dược Vương, Dược Thượng, Di-lặc.

Hoặc có người nhờ nguyện lực của Đức Phật Dược Sư mà được sinh làm trời. Tuy sinh làm trời nhưng nhờ căn lành xưa, và khi căn lành xưa chưa hết thì không bị sinh lại trong các đường ác khác. Khi tuổi thọ ở cõi trời hết, sinh lại cõi người, hoặc làm Chuyển luân vương thống lãnh bốn châu, oai đức tự tại, khiến cho vô lượng trăm nghìn chúng sinh thực hành mười điều thiện; hoặc sinh vào dòng dõi Sát-đế-lợi, hoặc sinh vào dòng dõi bà-la-môn, hoặc sinh làm cư sĩ giàu sang, có nhiều tài bảo, kho lương đầy ngập, hình dáng đẹp đẽ, người thân đông đúc, thông minh trí tuệ, dũng cảm mạnh mẽ, như Đại lực sĩ.

Nếu có người nữ nào nghe được danh hiệu của đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai rồi chí tâm thụ trì thì đời sau không làm người nữ lại nữa.

Giải thích:

Năm hiền bày trừ chương ngại của sinh về nơi an lạc, có hai trường hợp.

- Hiền bày trừ chương ngại thích sinh về nơi thanh tịnh. Như kinh nói, ‘sinh về thế giới Cực-lạc’. Trong đây người thụ trì tám phần trai giới trải qua năm, tháng. Sư Tĩnh Mai¹⁵⁸ nói: “Trải qua một năm: là nói sáu ngày mỗi tháng trong một năm. Sáu ngày ấy là ngày thứ tám, ngày thứ mười bốn và ngày thứ mười lăm của nửa tháng có trăng và nửa tháng không có trăng. Hoặc ba tháng: là nói không thể giữ sáu ngày trai mỗi tháng trong một năm, mà chỉ có thể giữ trai giới ba mùa trong một năm. Ba tháng trường trai đó là tháng giêng, tháng năm và tháng chín. Trong ba mùa¹⁵⁹ ấy, giữ trai giới, vào đầu tháng của mỗi mùa, ý chỉ thường tu thiện trong một năm.”

Như bản kinh dịch đời Tống ghi: “Thường tu sáu ngày trai trong một tháng và tu ba tháng trường trai trong một năm.” Luận *Đại trí độ*, quyển 13 ghi: “Sở dĩ nên giữ tám giới vào ngày trai là vì những ngày đó các quỷ dữ tìm người để đoạt mạng. Vì thế, các bậc thánh nhân ở kiếp Sơ chỉ dạy mọi người phải trì trai. Nhưng vào thời ấy, pháp trì trai không thụ tám giới mà chỉ lấy một ngày không ăn làm trai giới. Sau khi Đức Phật ra đời, Ngài mới chế ra tám giới.”¹⁶⁰

Hỏi: Năm giới, tám giới, giới nào thù thắng?

¹⁵⁸ **Sư Tĩnh Mai** 靜邁師: cao tăng Trung Quốc, sống vào đời Đường, người ở huyện Tử Đồng, tỉnh Tứ Xuyên. Sư nghiên cứu sâu xa các kinh, luận là một trong 11 vị đại đức chứng nghĩa trong đạo tràng phiên dịch của ngài Huyền Trang.

¹⁵⁹ Trong văn ghi chữ trừ (除), nghi là không đúng, phải chữ thời (時) hoặc chữ nguyệt (月) mới đúng. 或三月者不能一年月別六齋。但能一年持三長月。調即正月五月九月,三除之中,各初月齋,即表一年,常修善也。

Cũng ý này, nhưng trong *Dược sư kinh* số, T.85, no. 2767, tr.0319a09, ghi 隨世惡日教持齋受戒。戒復一年者。調一年中月別六日常持八分齋戒。調白月八日十四十五日。黑月亦爾。或復三月者。調未能一年常持月六。但經一年持三。長月調正月即春分。四月之初月。五月即夏分。四月之初月。九月即冬分。四月之初月。以彼天竺國法一年但有三時。三時之中各於初月持齋戒。即表一年常修善也。

¹⁶⁰ Nguyên văn trong luận *Đại trí độ* ghi: 是日惡鬼逐人,欲奪人命,疾病、凶衰,令人不吉。是故劫初聖人教人持齋,修善、作福,以避凶衰。是時,齋法不受八戒,直以一日不食為齋。後佛出世,教語之言:「汝當一日一夜,如諸佛持八戒,過中不食,是功德將人至涅槃。」

Trả lời: Vì mỗi loại giới đều có nhân duyên nên cả hai loại giới ấy đều đồng nhau.

Hỏi: Niệm danh hiệu Phật mười lần còn được vãng sinh, hưởng gì niệm suốt một năm, vì sao không đạt được định?

Trả lời: Vì dững mãnh và do dự có sự sai khác.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Lúc lâm chung mà tâm dững mãnh thì hơn dụng công một trăm năm”, tự nhiên hóa sinh. Kinh *Niết-bàn* ghi: “Am-là thụ nữ”, là người nữ sinh ra từ hoa của cây am-la nên gọi là thấp sinh. Vậy ở Tịnh Độ sinh ra trong hoa sen sao gọi là hóa sinh?

Sư Tịch Mai nói: “Trước khi gá sinh vào thì cây có khí ẩm ướt. Hoa sen ở Tịnh độ hóa sinh cùng với người.”

- Hiện bày có thể trừ chương ngại muốn sinh về cõi uế. Như kinh nói “hoặc có người nhờ nguyện lực của Đức Phật Dược Sư mà được sinh làm trời, v.v..”. Trong đây lại có bốn: sinh làm thiên luân vương bằng thân nam tôn quý, thù thắng. Như trong văn kinh nói, có thể hiểu được.

Quyển hạ

Văn kinh:

Bấy giờ, Mạn-thù-thất-lợi đồng tử bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn, con thệ vào thời kì tượng pháp sẽ dùng các phương tiện làm cho các tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân v.v.. nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai; cho đến trong giấc ngủ, con cũng dùng danh hiệu của Đức Phật ấy, làm cho họ nghe được.

Thế Tôn, nếu người nào thụ trì, đọc tụng kinh này; hoặc giảng nói, khai thị cho người khác hiểu; hoặc tự mình chép; hoặc khuyên người chép, cung kính, tôn trọng, cúng dường các loại hoa, hương, hương bôi, hương xoa, hương đốt, vòng hoa, chuỗi hạt, cò, lọng, kỹ nhạc; và dùng chỉ năm màu đan thành túi đựng kinh; vậy nước quét dọn nơi sạch sẽ rồi đặt một cái tòa cao làm nơi an trí kinh.

Bấy giờ, có bốn đại thiên vương, quyền thuộc của họ và vô lượng trăm nghìn thiên chúng khác đều đến chỗ an trí kinh ấy cúng dường và bảo vệ.

Thế Tôn, nếu kinh này truyền đến nơi nào, có người thụ trì; hoặc nhờ bản nguyện công đức; hoặc nhờ nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai, thì phải biết mọi người ở những chỗ ấy không bị chết ngang, không bị các ác quỷ, ác thần đoạt lấy tinh khí; giả sử người nào bị đoạt lấy thì cũng được hồi phục như cũ, thân tâm an lạc.

Giải thích:

3.2.4.2. Khuyên chúng sinh làm lợi ích

Trong đây có năm điều:

3.2.4.2.1. Thệ nguyện tịnh giác

Như kinh nói, “Con thệ vào thời kì tượng pháp sẽ dùng các phương tiện làm cho các tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân, v.v.. nghe được danh hiệu của Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang

Như Lai”. Nhờ thụ trì, cúng dường kinh này nên được các trời bảo vệ, che chở và không gặp các nạn, không bị chết ngang.

Văn kinh:

Mạn-thù-thất-lợi, nếu có tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân v.v.. muốn cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai thì trước tiên phải tạo lập hình tượng Đức Phật kia, trải tòa sạch sẽ và an trí tượng trên đó, rồi rải các loại hoa, đốt cả loại hương, trang trí cờ lọng. Những người đến chỗ thờ ấy trong bảy ngày bảy đêm phải thụ tám phần trai giới, ăn thức ăn sạch sẽ, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch sẽ, nên sinh tâm không nhớ bản, tâm không giận hờn, nên sinh khởi tâm làm lợi ích, an lạc, từ bi, hỉ xả, bình đẳng với tất cả chúng sinh. Đồng thời, đánh trống, thổi nhạc, ca hát, khen ngợi, từ bên phải đi quanh tượng Phật, và nên nhớ nghĩ đến bản nguyện công đức của đức Như Lai kia mà đọc tụng kinh này, nghiền ngẫm nghĩa lý, giảng nói cho người khác biết.

Cầu những điều mình muốn đều được toại ý. Như cầu sống lâu được sông lâu, cầu giàu sang được giàu sang, cầu quan vị được quan vị, cầu con trai, con gái được con trai con gái.

Lại nữa, nếu có người bỗng gặp ác mộng; như thấy các tướng ác, hoặc chim lạ bay đến, hoặc chỗ ở xuất hiện nhiều điều lạ. Nếu người ấy có thể đem những vật dụng tốt cung kính cúng dường Thế Tôn Dược Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia thì ác mộng, ác tướng, những điềm không lành đều biến mất và chúng không thể gây hại.

Hoặc người nào gặp các sự sợ hãi như nạn nước, lửa, binh đao, nguy hiểm, voi dữ, sư tử, hổ, sói, gấu, rắn độc, bọ cạp, rết độc, trùng độc, muỗi, ruồi v.v.. nếu người ấy có thể chí tâm, nhớ nghĩ đến Đức Phật kia và cung kính cúng dường thì tất cả mọi sợ hãi đều tiêu tan.

Nếu bị nước khác xâm lăng, bị nạn trộm cướp nổi lên, bị phản loạn, mà nhớ nghĩ, cung kính đức Như Lai kia thì đều thoát khỏi những nạn ấy.

Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi, nếu có tịnh tín nam tử, thiện nữ nhân v.v.. thậm chí suốt đời không thờ vị trời nào khác, chỉ một lòng quy y Phật, Pháp, Tăng và thụ trì cấm giới. Những người ấy hoặc thụ năm giới, mười giới, bốn trăm giới của Bồ-tát, hai trăm năm mươi giới của bí-sô, năm trăm giới của bí-sô-ni. Nếu những người ấy hủy phạm những giới đã thụ ấy, sợ bị rơi vào đường ác, có thể chuyên niệm danh hiệu, cung kính, cúng dường Đức Phật kia, thì chắc chắn không bị sinh vào ba đường ác.

Như có người nữ lúc sắp sinh nở bị đau đớn khổ sở; nếu người ấy có thể chí tâm xưng danh hiệu, lễ bái, tán thán, cung kính, cúng dường đức Như Lai kia thì các khổ đều tiêu trừ. Đồng thời, đứa trẻ sinh ra, các chi đầy đủ, thân hình xinh đẹp, ai thấy cũng thích, lanh lẹ thông minh, an ổn, ít bệnh và không bị phi nhân đoạt lấy tinh khí.

Giải thích:

3.2.4.2.2. Như Lai thuật thành

3.2.4.2.2.1. Cúng dường

Có ba cách cúng dường: Một cúng dường bằng tài vật: như kinh nói, “tạo lập hình tượng Phật, ... cho đến, ... trang trí chỗ ấy”. Hai chính hành cúng dường: như kinh nói “thụ trì giới

bảy ngày,... cho đến,... tâm bình đẳng”. Ba ba nghiệp cúng dường: như kinh nói “kĩ nhạc, ca hát, khen ngợi, ... cho đến,diễn nói chỉ dạy”.

3.2.4.2.2.2. Được lợi ích

Được ba lợi ích: Một những mong muốn được toại ý: như kinh nói “tùy theo mong muốn, ... cho đến, ... được con trai, con gái”. Hai tiêu trừ những điều chán ghét: như kinh nói “nếu lại có người, ... cho đến, ... cũng đều được giải thoát” Ba hủy giới, lìa khổ: ở đây lại có hai việc: Một hủy giới ngay trong đời này, sợ sẽ chịu khổ: như kinh nói “Lại nữa, Mạn-thù-thất-lợi,... cho đến, ... không bị sinh vào ba đường ác”.

Ở đây nói bốn trăm giới của Bồ-tát. Bởi vì, đức Như Lai nói rộng, nói hẹp là tùy theo trình độ tiếp thu của chúng sinh, nên có chỗ chia ra, có chỗ hợp lại khác nhau. Như kinh *Phương đẳng* nói bốn giới trọng, hai mươi tám giới khinh. Luận *Du-già* nói bốn giới trọng, bốn mươi tám giới khinh. Kinh *Phạm võng* nói mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh. Chúng ta thấy, giới được nói trong các kinh, luận vừa nêu ấy có sự bất đồng. Nhưng chỉ có bản dịch đời Tống này nói hai mươi bốn giới. Bản dịch đời Tùy nói một trăm lẻ bốn giới. Qua đây, đủ thấy trong các bản tiếng Phạn cũng có sự bất đồng.

Hai hủy giới trong đời trước, mang thân người nữ, chịu khổ khi sinh nở: như kinh nói “hoặc có người nữ,... cho đến,... đoạt tinh khí của người ấy”.

Văn kinh:

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với tôn giả A-nan, như Ta đã khen ngợi tất cả công đức của Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia, và đó cũng chính là hành xử sâu xa của chư Phật, rất khó có thể hiểu được.

Tôn giả A-nan bạch Phật! Bạch đại đức Thế Tôn, con không sinh tâm nghi ngờ với những Khế kinh do Như Lai nói. Vì sao? Vì tất cả thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp của Như Lai đều thanh tịnh. Thế Tôn, mặt trời, mặt trăng có thể rơi xuống, núi chúa Diệu Cao có thể sụp đổ, nhưng những lời chư Phật không có sự sai khác.

Thế Tôn, có những chúng sinh tin căn không đầy đủ, nên khi nghe nói đến hành xử sâu xa của chư Phật thì liền suy nghĩ: ‘Làm gì chỉ niệm danh hiệu của một Đức Phật Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai mà đạt được nhiều công đức thù thắng như vậy?’ Chẳng những không tin như vậy mà chúng còn sinh tâm phỉ báng. Vì vậy mà chúng bị ở mãi trong cảnh đêm dài tăm tối, bị mất nhiều lợi lạc, bị rơi vào các đường ác và bị luân hồi sinh tử không dừng dứt.

A-nan, sở hành sâu xa của chư Phật ấy rất khó tin hiểu. Nay ông có thể tin hiểu thì biết rằng đều là nhờ thần lực của Như Lai. A-nan, tất cả Thanh văn, Độc giác và những Bồ-tát chưa lên đến bậc Sơ địa v.v.. đều không thể tin hiểu đúng như thật; chỉ trừ hàng Bồ-tát nhất sinh sở hệ.

Này A-nan, khó được thân người, tin kính, tôn trọng Tam bảo cũng khó; nhưng nghe được danh hiệu của Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai lại càng khó hơn.

Này A-nan, vô lượng Bồ-tát hành, vô lượng phương tiện thiện xảo, vô lượng quảng đại nguyện của đức Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia, nếu Ta nói trong một kiếp hay hơn một

kiếp thì thời lượng kiếp có thể mau hết, chứ những hành nguyện, những phương tiện thiện xảo của Đức Phật kia không ai có thể nói hết được.

Giải thích:

3.2.4.2.3. Huy hoại tín tâm, mất lợi ích

Đoạn kinh này có bốn ý: Một lời Phật là chắc thật: như kinh nói “*nư Ta khen ngợi,... cho đến,... những gì chư Phật nói không có gì khác*”. Hai hủy báng bị suy tôn: như kinh nói “*có các chúng sinh,... cho đến, ...bị luân hồi sinh tử không dừng dứt*”. Ba kính tin, được lợi ích: như kinh nói “*Đức Phật nói với tôn giả A-nan,...cho đến,... người bị rơi vào đường ác, chắc chắn không có việc đó*”. Bốn khuyên chúng sinh tin nhận: như kinh nói “*Này A-nan,... cho đến,...không ai có thể nói hết được*”.

Văn kinh:

Bấy giờ, trong chúng có một vị Bồ-tát tên là Cứu Thoát, đứng dậy, kéo y để lộ vai phải, gồi phải chạm đất, cúi người, chấp tay thưa Phật: “Đại đức Thế Tôn, vào thời kì tượng pháp, có những chúng sinh bị các hoạn nạn làm khổ sở, như bệnh tật liên miên, gầy yếu, không ăn uống được, môi họng khô rang, mắt thấy toàn màu đen, tướng chết hiện ra, cha mẹ, người thân, bạn bè quen biết vây quanh khóc lóc. Người bệnh kia vẫn còn nằm tại chỗ, mà thấy sứ giả Diêm-ma dẫn thần thức của họ đến trước mặt Diêm-ma pháp vương. Khi ấy có vị thần tên là Câu Sinh, là vị thần theo dõi những việc làm của tất cả chúng sinh. Tùy chúng sinh hoặc gây tội, hoặc làm phúc vị ấy đều ghi chép đầy đủ. Vị thần ấy đem những ghi chép ấy trình lên Diêm-ma pháp vương. Bấy giờ, vị Diêm-ma pháp vương kia mới hỏi những người ấy và tính toán những việc người ấy đã làm, rồi tùy theo chúng gây tội hay tạo phúc mà xử đoán.”

Bấy giờ, người thân và bạn bè của người bệnh kia, nên khuyến khích họ quy y với Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai và thỉnh chúng tăng đọc tụng kinh này, đốt đèn bảy tầng, treo thần phan tục mạng năm sắc, hoặc liên trong lúc ấy, làm cho thần thức người kia được tỉnh lại giống như đang nằm mộng, hiểu biết rõ ràng. Hoặc trải qua bảy ngày, hai mươi một ngày, ba mươi lăm ngày, bốn mươi chín ngày làm cho thần thức người kia tỉnh lại, giống như vừa tỉnh mộng, đều tự nhớ biết nghiệp thiện, nghiệp bất thiện và quả báo phải chịu. Vì thấy biết rõ quả báo của nghiệp, cho nên, dù cho bị tổn tính mạng cũng không dám tạo các nghiệp ác nữa.

Vì thế, những tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân v.v.. đều nên thụ trì danh hiệu của đức Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai và tùy khả năng của mình cung kính, cúng dường.

Giải thích:

3.2.4.2.4. Chỉ dạy cách giúp đỡ chúng sinh trong thời kì tượng pháp

3.2.4.2.4.1. Giúp đỡ việc làm

Như kinh nói “*vào thời kì tượng pháp,...cho đến,...mà xử đoán họ*”. Diêm-ma đòi Đường dịch là Tỉnh tức. Có nghĩa là giúp cho người biết rõ tội và giúp họ đừng không làm các việc ác. Vì ý nghĩa này, nên dù Diêm-ma thuộc cảnh giới của quỷ nhưng vẫn được gọi là pháp vương. Vì nghiệp lực nên trong ý thức người bệnh hiện ra bốn tướng phần: sứ giả của Diêm-ma, thần thức của người đã chết, Diêm-ma vương, thần Câu sinh. Truyền thuyết rằng, bản thức và

thân nên gọi là thần Câu Sinh. Vì thường huân tập nên nói là ghi chép đầy đủ. Vì tiêu biểu cho pháp vương nên nói là trao cho. Do oai lực của nghiệp mà trông giống như hiện thân tướng. Kinh *Tịnh độ tam-muội* ghi: “Một vị thần tên Đồng Sinh, một tên Đồng Danh và một thần tên Câu Sinh.”

3.2.4.2.4.2. Giúp đỡ lợi ích thù thắng

Như kinh nói, “*Bấy giờ, người thân, bạn bè của người bệnh kia,... cho đến, ... không dám tạo các nghiệp ác nữa*”.

Ở đây có năm trợ duyên: quy y Phật, thỉnh Tăng, chuyển pháp, thắp đèn và treo phan. Đèn là ánh sáng. Phan là tướng soái. Vì cứu giúp chúng sinh bị chìm trong tối tăm nên phải cần đến phan và đèn. Bảy lớp năm sắc: không có chỗ nào nói cho biết nguyên nhân vì sao làm bảy lớp năm sắc. Nếu lấy nghĩa suy ra thì đó là điều phục bảy chi tội và phân chia làm năm phương. Hoặc có người làm việc đó thì thần thức của người ấy được trở lại như cũ. Vì xác định nghiệp nên nói là ‘hoặc hữu’ (hoặc có). Nói hoặc trải qua bảy ngày, cho đến bốn mươi chín ngày, đó là phỏng theo thọ mạng của trung hữu,¹⁶¹ mỗi thọ mạng tồn tại trong vòng bảy ngày. Nhưng có thuyết cho rằng, ba thọ mạng sau mỗi thọ mạng cách nhau mười bốn ngày. Vì mục đích nêu rõ chứng cứ, mới nói như vậy, chứ kì thật thần thức không lìa thân. Những người lưu truyền kinh này đều nói, ‘Kì thật thần thức chưa từng lìa khỏi thân’.

Văn kinh:

Bấy giờ, tôn giả A-nan hỏi Bồ-tát Cứu Thoát: “Thiện nam tử, phải cung kính, cúng dường Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia như thế nào? Còn phan tục mạng và đèn phải làm thế nào?”

Bồ-tát Cứu Thoát nói: “Đại đức, nếu có người bệnh nào muốn khỏi bệnh khổ thì người thân phải giúp người ấy thụ trì tám phần trai giới trong bảy ngày bảy đêm, sắm sửa đồ ăn, thức uống và những vật dụng khác tùy theo khả năng cúng dường bố-sô tăng. Đồng thời, ngày đêm sáu thời lễ bái, hành đạo, cúng dường Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai, đọc tụng kinh này bốn mươi chín biến, thắp bốn mươi chín ngọn đèn. Lại phải tạo bảy hình tượng đức Như Lai kia, trước mỗi tượng đều đặt bảy ngọn đèn, mỗi ngọn lớn như bánh xe và thắp sáng suốt bốn mươi chín ngày đêm để tắt. Lại phải may phan năm sắc, dài bốn mươi chín gang tay và phải phóng sinh các loài vật đến bốn mươi chín ngày.”

Có thể thoát khỏi các khổ nạn, không bị chết ngang và không bị các ác quỷ bắt bớ.

Lại nữa, đại đức An-nan, các vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi khi có những tai nạn xảy ra, như: nạn dân chúng bị bệnh dịch, nạn bị nước khác xâm lăng, nạn trong nước bị phản loạn, nạn sao biến đổi quái lạ, nạn mặt trời mặt trăng che nhau, nạn mưa gió không đúng mùa, nạn quá mùa không mưa. Bấy giờ, những vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi kia nên sinh khởi tâm từ bi với tất cả chúng sinh, ân xá cho

¹⁶¹ **Trung hữu** 中有: trung hữu là thời kì giữa một nháy mắt sau khi thân trước vừa chết (tử hữu) cho đến trước một sát-na thu sinh thân sau (sinh hữu).

tội nhân và theo pháp cúng dường đã nói ở trước cúng dường Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai. Nhờ căn lành này và do sức bản nguyện của đức Như Lai làm cho trong nước được yên ổn, mưa gió đúng mùa, lúa thóc được mùa và tất cả chúng sinh không có bệnh dịch, được an vui. Đồng thời, trong nước không có thần được-xoa bạo ác v.v.. làm khổ não chúng sinh, tất cả các hiện tượng xấu đều ẩn mất. Ngoài ra, tuổi thọ, sức khỏe, bệnh tật, quyền lực của những vị quốc vương đã làm lễ quán đỉnh thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi kia đều được thuận lợi.

Nếu các hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, thái tử, vương tử, đại thần, phụ tướng trong cung và thế nữ, bách quan, lê dân bị các bệnh khổ và bị những khổ nạn khác, cũng nên tạo lập thần phan năm màu, thấp đèn Tục minh, phóng sinh các loài vật, tung các loại hoa, đốt các loại hương quý, thì được lành bệnh và thoát khỏi các khổ nạn.

Giải thích:

3.2.4.2.5. Hỏi-trả lời và giải thích các nạn

3.2.4.2.5.1. Hỏi và trả lời

a. Hỏi

Bấy giờ, tôn giả A-nan hỏi Bồ-tát Cứu Thoát: “Thiện nam tử, phải cung kính, cúng dường Thế Tôn Được Sư Lưu-ly Quang Như Lai kia như thế nào? Còn phan tục mạng và đèn phải làm thế nào?” Là phần hỏi.

b. Trả lời

- Trả lời về nạn bệnh: như kinh nói, “Bồ-tát Cứu Thoát nói, ... cho đến,... nói rộng rãi”. Những điều nói ở đây là căn cứ vào giới hạn bệnh tật, giả như không đầy đủ nhưng không phải không có lợi ích thù thắng. Như trước kinh nói, “cúng dường tùy theo khả năng của mình”. Kinh Pháp xã¹⁶² ghi: “Người nghèo cúng một ngọn đèn cũng đạt được sở nguyện.”

Trước mỗi tượng Phật đặt bảy ngọn đèn: sư Tĩn Mại nói: “Trước tượng Phật đặt một chỗ ngồi, làm bảy luân đăng, hình giống như bánh xe. Trước mỗi mỗi tượng đặt một chỗ ngồi và đều đặt một luân đăng; trên mỗi mỗi luân đăng đều đặt bảy ngọn đèn nhỏ.”

- Trả lời về nạn đất nước, có hai trường hợp: nạn trong lãnh thổ và nạn trong dòng tộc.

Như kinh nói “Lại nữa, A-nan,... cho đến,...thoát khỏi các khổ nạn”. Như trong văn kinh nói, có thể hiểu được.

Vua đã làm lễ quán đỉnh: Khi vua nước lớn lên ngôi thì vua các nước nhỏ, các quần thần đều lấy nước ở bốn biển lớn rưới lên đỉnh đầu nhà vua.

Trong nước an ổn: là trừ được nạn thứ hai và thứ ba.

Mưa hòa, gió thuận, lúa thóc được mùa: là trừ được nạn thứ sáu, thứ bảy.

Không có bệnh dịch, không có thần được-xoa: là trừ được nạn thứ nhất.

Tướng xấu ẩn mất: là trừ được nạn thứ bốn, thứ năm.

Nạn vua và quyền thuộc của vua, giống như văn kinh, có thể hiểu được.

¹⁶² Kinh Pháp xã 法社經: Kinh, 1 quyển, theo truyền thuyết do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào thời Tây Tấn, Trung Quốc.

Văn kinh:

Bấy giờ, tôn giả A-nan hỏi Bồ-tát Cứu Thoát: “Thiện nam tử, vì sao mạng sống đã hết mà còn có thể kéo dài thêm được?”

Bồ-tát Cứu Thoát trả lời: “Đại đức! Đại đức, há không nghe Như Lai nói có chín trường hợp chết ngang sao? Vì thế, nên Đức Phật khuyên chúng ta nên may phan Tục mạng, thấp đèn Tục mình, làm các việc phúc đức; vì làm các việc phúc đức nên sau khi thọ mạng này chấm dứt thì không bị trải qua các khổ hoạn.”

Bồ-tát Cứu Thoát nói, nếu có những chúng sinh tuy chỉ bệnh nhẹ, nhưng vì không có thầy thuốc, không có người chăm sóc; giả sử, có gặp thầy thuốc nhưng vì cho uống nhầm thuốc nên bệnh không đáng chết mà bị chết ngang. Lại có chúng sinh tin theo những lời nói dối về họa-phúc của những thầy tà ma, ngoại đạo, bắt lương ở đời, rồi sinh sợ hãi, động tâm, không tự chủ; xem bói để tìm hiểu mối họa; sát hại các loài vật để giải bày với thần mình, kêu gọi yêu quái, xin được ban phúc, che chở, vì muốn kéo dài tuổi thọ; nhưng rốt cuộc không thể đạt được. Vì ngu si, mê muội, tin theo tà kiến điên đảo, nên bị chết ngang, rơi vào địa ngục, không có kì hạn ra khỏi. Đó gọi là trường hợp chết ngang đầu tiên.

Thứ hai bị giết bởi pháp luật của nhà vua. Ba là vì đam mê săn bắn, chơi bời, ham dâm, nghiện rượu, buông thả vô độ, phi nhân đoạt tình khí, nên bị chết ngang. Bốn là bị lửa thiêu chết. Năm là bị chết đuối. Sáu là bị các thú dữ ăn thịt. Bảy là chết vì bị rơi xuống vực thẳm. Tám là chết vì bị đầu độc, bị trù ẻo, yểm chú và quỷ khởi thi v.v... Chín là chết chết đói, chết khát.

Đó là chín trường hợp chết ngang mà Như Lai nói; ngoài ra, còn có vô lượng trường hợp chết ngang khác, khó có thể nói hết được.

Lại nữa, A-nan, Diễm-ma vương kia là vị đứng đầu trong việc ghi chép tên tuổi ở thế gian. Nếu những chúng sinh nào bất hiếu, ngũ nghịch, phá hoại, sỉ nhục Tam bảo, hoại phép vua-tôi, hủy tín giới, thì Diễm-ma pháp vương kia kiểm sát tội nặng-nhẹ mà phạt chúng. Vì thế, nay Ta khuyên các chúng sinh thấp đèn, may phan, phóng sinh, tu phúc để thoát khỏi khổ ách và không gặp các nạn.

3.2.4.2.5. 2. Giải thích các nạn

Giải thích các nạn có năm trường hợp: nạn, quyết, trung, giải, kết.

Ý nghĩa của quyết: chín trường hợp chết ngang đều bất định nghiệp,¹⁶³ tức nghiệp¹⁶⁴ và giống như quả đẳng lưu.¹⁶⁵ Nếu có người làm việc lành bổ sung cho phúc đức thì tuổi thọ được kéo dài.

¹⁶³ **Bất định nghiệp** 不定業: nghiệp dẫn đến có thụ quả báo thiện hay ác hãy còn chưa quyết định hoặc là đã quyết định thụ quả báo nhưng chưa quyết định thời gian. So với định nghiệp thì bất định nghiệp thuộc về nghiệp nhẹ.

¹⁶⁴ **Tức nghiệp** 宿業 (S: Pūrvakarma): nghiệp nhân thiện ác đã tạo tác ở đời quá khứ. Nhưng nói chung thường dùng Tức nghiệp để chỉ nghiệp nhân ác và dùng Tức thiện để chỉ nghiệp nhân thiện.

¹⁶⁵ **Quả đẳng lưu** 等流果 (S: Nisyaṇḍaphala): quả có đồng tính chất với nhân, là một trong năm quả. Tức quả có được từ Đồng loại nhân, như nhân lành kết quả lành, nhân ác kết quả ác, nhân vô kí kết quả vô kí.

Không bao giờ được: sát sinh thì tuổi thọ ngắn ngủi, ăn thịt thì nhiều bệnh. Vậy, đoạn mạng người khác có thể kéo dài tuổi thọ đã có sẵn được sao? Tuy chỉ mắc bệnh nhẹ nhưng vì nghiệp tổn diệt thọ mạng nên bị chết ngang và rơi vào địa ngục. Đó là những ý ở đây muốn nói.

Ý nghĩa của kết: nếu không thể kéo dài tuổi thọ thì phụ thuộc vào diễm-ma. Như trong văn kinh có thể hiểu được.

Văn kinh:

Bấy giờ, có mười hai vị đại tướng được-xoa ngồi trong pháp hội. Mười hai vị đó là: đại tướng Tì-la, đại tướng Phạt-chiết-la, đại tướng Mê-xí-la, đại tướng An-đề-la, đại tướng Át-nễ-la, đại tướng San-đề-la, đại tướng Nhân-đạt-la, đại tướng Ba-di-la, đại tướng Ma-hô-la, đại tướng Chân-đạt-la, đại tướng Chiêu-đỗ-la, đại tướng Tì-yết-la.

Mười hai đại tướng được-xoa ấy mỗi vị có bảy nghìn được-xoa làm quyền thuộc, cùng lúc đồng thanh bạch Phật: “Thế Tôn, nay chúng con nhờ oai lực của Phật được nghe danh hiệu của đức Thế Tôn Được Sư Luru-ly Quang Như Lai, nên không còn sợ bị sinh vào đường ác. Chúng con mãi mãi đều cùng một lòng, trọn đời quy y Phật, Pháp, Tăng và hứa sẽ che chở, làm việc đem đến nghĩa lợi, lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh. Dù ở bất cứ nơi nào, như trong thôn, thành, quốc, ấp, trong rừng vắng, nếu có người lưu truyền kinh này, hoặc có người thụ trì danh hiệu của đức Được Sư Luru-ly Quang Như Lai và cung kính cúng dường thì quyền thuộc của chúng con sẽ bảo vệ những người ấy, làm cho họ đều thoát khỏi tất cả khổ nạn. Nếu có ai mong cầu điều gì thì chúng con đều giúp cho họ mãn nguyện. Nếu có người mắc bệnh nặng, cầu khỏi bệnh thì cũng nên đọc tụng kinh này và lấy chỉ năm màu kết tên của chúng con; đợi sau khi khỏi bệnh rồi thì mới mở kết ra.

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi các đại tướng được-xoa: Quý thay! Quý thay! Các đại tướng được-xoa, nếu các ông muốn báo đáp ân đức của Thế Tôn Được Sư Luru-ly Quang Như Lai thì phải thường xuyên làm lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh.

Giải thích:

3.2.5. Đại tướng được-xoa đạt được lợi ích và báo ơn thành tựu

Trong mục này có ba ý: Một các kinh gia¹⁶⁶ nêu tên. Hai các đại tướng được-xoa thệ nguyện. Ba đức Như Lai khen ngợi, chấp nhận. Giống như trong văn kinh, có thể hiểu được.

Văn kinh:

Bấy giờ, tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, pháp môn này gọi tên là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?

Đức Phật nói với tôn giả A-nan: Pháp môn này gọi là Được Sư Luru-ly Quang Như Lai bản nguyện công đức, cũng gọi là Thập nhị thần tướng nhiều ích hữu tình kết nguyện thần chú, và cũng gọi là Bát trù nhất thiết nghiệp chương.

¹⁶⁶ **Kinh gia** 經家: những vị đệ tử tụng lại giáo pháp của Phật đã nói để kết tập thành kinh điển. thông thường chỉ tôn giả A-nan và tôn giả Ca-diếp.

Các ông nên thụ trì như thế.

Khi đức Bạc-già-phạm nói lời ấy xong, tất cả đại chúng như các vị đại Bồ-tát, đại Thanh văn, quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, trời, rồng, được-xoa, Kiện-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, nhân, phi nhân v.v... nghe Đức Phật nói như thế đều rất vui mừng, tin thụ và phụng trì.

Giải thích:

3.3. Nghe danh hiệu hoan hỉ thực hành

Kinh nói “các ông nên thụ trì như thế” là trả lời thắc mắc thứ hai. Nên thụ trì như cách giải thích ‘ba tên gọi’ đã nói ở trên.

KINH DƯỢC SƯ

BỒN NGUYỆN CÔNG ĐỨC

(ÂM - NGHĨA)

Dịch giả: THÍCH HUYỀN DUNG

Hán dịch: Ngài Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG

Việt dịch: THÍCH HUYỀN DUNG

KINH DƯỢC SƯ

LƯU LY QUANG NHƯ LAI

BỒN NGUYỄN CÔNG ĐỨC

(ÂM NGHĨA)

(Tái bản lần thứ bảy)

PL: 2553 – DL: 2009



NAM MÔ DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG PHẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Có người cho rằng Đạo Phật là đạo chán đời. Bao nhiêu nỗi khổ như sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ buộc ràng nhân loại từ hạng nghèo hèn cho đến bậc tôn quý giàu sang, không ai tránh được cái vòng luẩn quẩn ấy. Và cũng bởi cái vòng sinh, lão, bệnh, tử luân chuyển vô cùng kia, Đức Thích Ca đã vứt bỏ thân thế, đoạn tình ân ái hẹp hòi để đi tìm chơn lý giải thoát. Khi đã thành đạo Bồ đề, trải 49 năm chu du thuyết pháp, Ngài đã tùy căn cơ của chúng sinh, khi quyền, khi thật nói ra vô lượng pháp môn để cứu độ muôn loài thoát khổ, được vui. Như vậy, Đức Phật Tổ của chúng ta vì chán đời đi tu để tìm phương cứu đời, thì sự chán đời ấy khác hẳn sự chán đời của kẻ phàm phu chỉ có biết cách quyền sinh để trốn đời mà không khi nào trốn được.

Có người cho rằng Đạo Phật là một đạo chết, không làm ích lợi gì cho ai. Phải, Đạo Phật là đạo chết đối với những ai có một tấm lòng chết, nghĩa là không chịu nương theo ánh sáng trí huệ, từ bi của chư Phật để tìm con đường sống đầy thôi.

Phật đã nói gì với chúng ta? Tất cả nỗi vui, khổ đều do tâm niệm tạo nên. Có tâm niệm ác sẽ gây nghiệp ác và chịu quả báo ác; có tâm niệm lành sẽ gây nghiệp lành và được hưởng quả an vui.

Cảnh giới tịch yên vui và cảnh giới địa ngục khổ não chỉ ở trước mắt chúng ta. Thế mà nhân loại dường như không để ý đến nền giáo pháp nhiệm mầu ấy, lại cứ đi tìm hạnh phúc và xây lâu đài hạnh phúc trên cát mộng đầu đầu.

Chúng ta phải công nhận loài người thông minh quá, tài trí quá, nhưng cố giữ những cố tật: tham, sân, si, sát, đạo, dâm, vọng thì dầu thông minh, tài trí đến đâu cũng không thể làm cho thế giới yên vui được.

Thật vậy, lịch sử thế giới đã chứng kiến biết bao cuộc cải cách vĩ đại và nền khoa học thực nghiệm đã tiến đến trình độ quá cao, thế mà nhân loại chưa bao giờ hưởng được hạnh phúc hoàn toàn.

Đạo Phật dạy người tu tập cho mình tâm, kiến tánh, thông hiểu mọi sự, mọi vật trong vũ trụ, thêm vào đó những đức tính từ bi, hỷ, xả, làm cho người đời thuần thực, biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, không xâm lấn nhau, cùng nhau chung sống trong cảnh hoà vui êm đẹp.

Trong bộ kinh này, Đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu cho chúng ta cái thế giới Tịnh Lưu Ly của Phật Dược Sư cùng những công hạnh và nguyện lực rộng lớn của Ngài. Phải chăng đó là những phương thức tối diệu để chỉ cách cho ta tự tạo lấy một cảnh giới huy hoàng mà trong đó chúng ta sẽ tìm được niềm vui bất diệt? Huống chi trong pháp tạng có nói; "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức", nghĩa là cả ba cõi đều do tâm tạo ra, muôn pháp đều do nơi thức mà có. Như thế, thì nhân loại có thể tự mình thay đổi thế giới đang say cuồng này trở thành thế giới Tịnh Lưu Ly cũng được chứ khó chi.

Vì lẽ ấy, chúng tôi nghĩ nên cho ra đời bản dịch cuốn Kinh Dược Sư, một cánh hoa tươi đẹp trong rừng hoa Tam Tạng kinh điển. Chúng tôi mong sao, các tín đồ khi đọc xong cuốn Kinh dịch nghĩa này đều khởi lòng tin vững chắc, tin lời nói của Như Lai, làm theo phương pháp của Như Lai.

Trong việc dịch Kinh này, chúng tôi xin cầu nguyện Tam Bảo chứng minh lòng chân thành của chúng tôi và trông mong ở lượng khoan hồng của các bậc cao minh miễn thứ và bố chính cho những chỗ sai lầm.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Trường Phật học Mai Sơn

Mùa Hạ năm Kỷ Sửu (1949)

THÍCH HUYỀN DUNG

NGHI THỨC TỤNG NIỆM NIỆM HƯƠNG

(Thắp đèn đốt hương trầm xong, đứng
ngay ngắn chấp tay để ngang ngực một
niệm)

TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN

Án lam toá ha. (3 lần)

TỊNH TAM NGHIỆP CHƠN NGÔN

Án ta phạ bà phạ, truật đà ta phạ đạt mạ ta phạ, bà phạ truật
độ hám.

(3 lần)

(Chủ lễ thắp ba cây hương quỳ, ngay
thẳng cầm hương ngang, trán niệm bài
cúng hương)

CÚNG HƯƠNG TÁN PHẬT

Nguyện thử diệu hương vân,
Biển mãn thập phương giới,
Cúng dường nhứt thiết Phật,
Tôn pháp chư Bồ tát,
Vô biên Thanh-văn chúng,
Cập nhứt thiết Thánh Hiền
Duyên khởi quang minh đài,

**Xứng tánh tác Phật sự,
Phổ huân chư chúng sanh,
Giai phát Bồ đề tâm,
Viễn ly chư vọng nghiệp,
Viên thành Vô thượng đạo.**

(Xá 3 xá rồi đọc bài kỳ nguyện)

KỲ NGUYỆN

Tư thời đệ tử chúng đẳng phúng tụng kinh chú, xưng tán hồng danh, tập thử công đức, nguyện thập phương thường trú Tam Bảo; Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Đại Bi hội thượng Phật Bồ Tát, từ bi gia hộ Phật tử... pháp danh... phiền não đoạn diệt, nghiệp chướng tiêu trừ, thường hoạch kiết tường, vĩnh ly khổ ách. Phổ nguyện: âm siêu dương thối, hải yển hà thanh, pháp giới chúng sanh, tề thành Phật đạo.

(Đứng dậy cầm hương lên lư rồi chắp tay đứng thẳng và niệm)

TÁN PHẬT

Pháp vương Vô thượng tôn
 Tam giới vô luân thất
 Thiên nhơn chi Đạo sư
 Tứ sanh chi Từ phụ
 Ư nhứt niệm quy y
 Năng diệt tam kỳ nghiệp
 Xưng dương nhược tán thán
 Ưc kiếp mạc năng tận.

QUÁN TƯỞNG

Năng lễ sở lễ tánh không tịch,
 Cảm ứng đạo giao nan tư nghị,
 Ngã thử đạo tràng như đế châu,
 Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
 Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
 Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Chí tâm đánh lễ: Nam mô tận hư không biến pháp giới,
 quá, hiện, vị lai thập phương chư Phật, Tôn pháp, Hiền
 Thánh Tăng, thường trú Tam Bảo.

(1 lạy)

Chí tâm đánh lễ: Nam mô Ta bà Giáo chủ Bốn Sư Thích
 Ca Mâu Ni Phật, Đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí

**Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp
Chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát.** *(1 lạy)*

**Chí tâm đánh lễ: Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới
đại từ đại bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại
Thế Chí Bồ Tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh
Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.** *(1 lạy)*

(Đứng ngay vô chuông mõ và tụng)

TÁN DƯƠNG CHI

Dương chi tịnh thủy,
 Biến sái tam thiên,
 Tánh không bát đức lợi nhơn thiên,
 Pháp giới quảng tăng diên,
 Diệt tội tiêu khiên,
 Hoả diệm hoá hồng liên,
 Nam Mô Thanh Lương Địa Bồ Tát. (3 lần)

TỤNG CHÚ ĐẠI BI

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát. (3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà-la-ni.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án, tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tóa.

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông, a rị da bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cẩn trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dụng, tát bà tát đa, na ma bà dà, ma phạt đạt đậu, đát diệt tha. Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dụng, cu lô cu lô, kiết mông độ lô độ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra

da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm Phậ ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phậ ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cần trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ, ta bà ha. Ma ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ, thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết, tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà ly thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da bà lô yết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

Án tất điện đô, mạn đa ra, bát đà dạ, ta bà ha. (3 lần)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phậ. (3 lần)

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai Chơn thiệt nghĩa.

Nam Mô Dược Sư Hải Hội Phậ Bồ Tát. (3 lần)

TÁN PHẬT

Đông phương giáo chủ,
 Thập nhị nguyện vương,
 Tứ cửu kim đăng diệu đàn tràng,
 Thất thất diễn chơn thường,
 Đánh lễ tán dương,
 Tiêu tai thọ diên trường.

Nam Mô Dược Sư Hải Hội Phật Bồ Tát. *(3 lần)*

Ta bà phi thị cửu cư thành,
 Dự hướng không môn chuyển đại Kinh,
 Nhị lục nguyện vương tiêu tội cấu,
 Tam thiên hoá Phật giám kiên thành,
 Nam diêm phúc quả ư trung tú,
 Tây trúc liên hoa thử tế hình,
 Giải kết tiêu tai tăng diên thọ,
 Phúc cơ mạng vị bảo khương ninh.

DƯỠC SƯ

LƯU LY QUANG NHƯ LẠI

BỒN NGUYỄN CÔNG ĐỨC KINH

(Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch)

Như thị ngã văn, nhưt thời Bạc Già Phạm, du hoá chư quốc, chí Quảng Nghiêm thành, trụ nhạc âm thọ hạ, dữ đại Bí sô chúng bát thiên hơn câu, Bồ Tát Ma-ha-tát tam vạn lục thiên, cập quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, Thiên long bát bộ, hơn, phi hơn đẳng, vô lượng đại chúng, cung kính vi nhiều, nhi vị thuyết pháp.

Nhĩ thời, Mạn Thù Thất Lợi Pháp vương tử, thừa Phật oai thần, tùng toà nhi khởi, thiên đản nhất kiên, hữu tất trước địa, hướng Bạc Già Phạm, khúc cung hiệp chưởng, bạch ngôn: "Thế Tôn, duy nguyện diễn thuyết, như thị tương loại, chư Phật danh hiệu, cập bốn đại nguyện thù thắng công đức, linh chư văn giả, nghiệp chướng tiêu trừ, vị dục lợi lạc, tượng pháp chuyển thời chư hữu tình cố".

Nhĩ thời Thế Tôn, tán Mạn Thù Thất Lợi đồng tử ngôn: "Thiện tai! Thiện tai! Mạn Thù Thất Lợi, nhữ dĩ đại bi khuyến thỉnh ngã thuyết chư Phật danh hiệu, bốn nguyện công đức, vị bạt nghiệp chướng sở triền hữu tình, lợi ích an lạc, tượng pháp chuyển thời, chư hữu tình cố. Nhữ kim để thính, cực thiện tư duy, đương vị nhữ thuyết".

Mạn Thù Thất Lợi ngôn: "Duy nhiên, nguyên thuyết, ngã đẳng nhạo văn".

Phật cáo Mạn Thù Thất Lợi: Đông phương khứ thử quá thập Căn-già-sa đẳng Phật độ, hữu thế giới danh Tịnh Lưu Ly, Phật hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Bạc Già Phạm.

Mạn Thù Thất Lợi, bĩ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, bốn hạnh Bồ Tát đạo thời, phát thập nhị đại nguyện, linh chư hữu tình, sở cầu giai đắc.

Đệ nhứt đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc A-nậu đa-la tam-miệu tam Bồ đề thời, tự thân quang minh, xī nhiên chiếu diệu, vô lượng vô số vô biên thế giới, dĩ tam thập nhị đại trượng phu tướng, bát thập tùy hình trang nghiêm kỳ thân, linh nhứt thiết hữu tình, như ngã vô dị.

Đệ nhị đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, thân như lưu ly, nội ngoại minh triệt, tịnh vô hà uế, quang minh quảng đại, công đức nguy nguy, thân thiện an trụ, diệm võng trang nghiêm, quá ư nhứt nguyệt. U minh chúng sanh, tất mong khai hiểu, tùy ý sở thú tác chư sự nghiệp.

Đệ tam đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, dĩ vô lượng vô biên trí huệ phương tiện, linh chư hữu tình, giai đắc vô tận sở thọ dụng vật, mặc linh chúng sanh hữu sở pháp thiếu.

Đệ tứ đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, nhược chư hữu tình hành tà đạo giả, tất linh an trú Bồ đề đạo trung, nhược hành Thịnh văn, Độc giác thừa giả, giai dĩ Đại thừa nhi an lập chi.

Đệ ngũ đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, nhược hữu vô lượng vô biên hữu tình, ư ngã pháp trung, tu hành phạm hạnh, nhứt thiết giai linh đắc bất khuyết giới, cụ tam tụ giới. Thiết hữu huỷ phạm, văn ngã danh dĩ, hoàn đắc thanh tịnh, bất đoạ ác thú.

Đệ lục đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, nhược chư hữu tình, kỳ thân hạ liệt, chư căn bất cụ, xú lậu ngoan ngu, manh lung ám á, loạn tích bối lữ, bạch lại điên cuồng, chủng chủng bệnh khổ, văn ngã danh dĩ, nhứt thiết giai đắc đoạn chính hiệt huệ, chư căn hoàn cụ, vô chư tật khổ.

Đệ thất đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, nhược chư hữu tình, chúng bệnh bức thiết, vô cứu, vô quy, vô y, vô dược, vô thân, vô gia, bần cùng đa khổ, ngã chi danh hiệu, nhứt kinh kỳ nhĩ chúng bệnh tất trừ, thân tâm an lạc, gia thuộc tư cụ, tất giai phong túc, nãi chí chứng đắc Vô thượng Bồ đề.

Đệ bát đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, nhược hữu nữ nhơn, vi nữ bá ác chi sở bức não, cực sanh yếm ly, nguyện xả nữ thân, văn ngã danh dĩ, nhứt thiết giai đắc chuyển nữ thành nam, cụ trượng phu tướng, nãi chí chứng đắc Vô thượng Bồ đề.

Đệ cửu đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, linh chư hữu tình xuất ma quuyến vọng, giải thoát nhứt thiết ngoại đạo triền phược. Nhược đoạ chủng chủng ác kiến trù lâm, giai đương dẫn nhiếp, trí ư chánh kiến, tiệm linh tu tập chư Bồ Tát hạnh, tốc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Đệ thập đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, nhược chư hữu tình, vương pháp sở gia, phược lục tiên thát, hệ bế lao ngục, hoặc đương hình lục, cập dư vô lượng tai nạn lăng nhục, bi sầu tiền bức, thân tâm thọ khổ, nhược văn ngã danh, dĩ ngã phước đức oai thần lực cố, giai đắc giải thoát, nhứt thiết ưu khổ.

Đệ thập nhứt đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời nhược chư hữu tình, cơ khát sở nảo, vị cầu thực cố, tạo chư ác nghiệp, đắc văn ngã danh, chuyên niệm thọ trì, ngã đương tiên dĩ thượng diệu ẩm thực, bảo túc kỳ thân, hậu dĩ pháp vị, tất cánh an lạc nhi kiến lập chi.

Đệ thập nhị đại nguyện: Nguyên ngã lai thế, đắc Bồ đề thời, nhược chư hữu tình, bần vô y phục, mân manh hàn nhiệt, trú dạ bức nảo, nhược văn ngã danh, chuyên niệm thọ trì, như kỳ sở hảo, tức đắc chủng chủng thượng diệu y phục, diệc đắc nhứt thiết, bảo trang nghiêm cụ, hoa man đồ hương, cổ nhạc chúng kỹ tùy tâm sở ngoạn, giai linh mãn túc.

Mạn Thù Thất Lợi, thị vi bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng giác, hành Bồ Tát đạo thời, sở phát thập nhị vi diệu thượng nguyện. Phục thứ, Mạn Thù

Thất Lợi! Bĩ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, hành Bồ Tát đạo thời, sở phát đại nguyện, cập bĩ Phật độ, công đức trang nghiêm, ngã nhược nhứt kiếp nhược nhứt kiếp dư, thuyết bất năng tận. Nhiên bĩ Phật độ, nhứt hướng thanh tịnh, vô hữu nữ nhân, diệc vô ác thú, cập khổ âm thanh, lưu ly địa, kim thẳng giới đạo, thành khuyết cung các, hiên song la võng, giai thất bửu thành, diệc như Tây phương Cực lạc thế giới, công đức trang nghiêm, đẳng vô sai biệt. Ư kỳ quốc trung, hữu nhị Bồ Tát Ma-ha-tát. Nhứt danh Nhựt Quang Biến Chiếu, nhị danh Nguyệt Quang Biến Chiếu, thị bĩ vô lượng vô số Bồ Tát chúng chi thượng thủ, thứ bổ Phật xứ, tất năng trì bĩ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Chánh pháp bảo tạng. Thị cố Mạn Thù Thất Lợi, chư hữu tín tâm, thiện nam tử thiện nữ nơn đẳng, ưng đương nguyện sanh bĩ Phật thế giới.

Nhĩ thời Thế Tôn, phục cáo Mạn Thù Thất Lợi đồng tử ngôn: Mạn Thù Thất Lợi, hữu chư chúng sanh, bất thức thiện ác, duy hoài tham lã, bất tri bố thí, cập thí quả báo, ngu si vô trí, khuyết ư tín căn, đa tụ tài bảo, cần gia thủ hộ, kiến khát giả lai, kỳ tâm bất hỷ, thiết bất hoạch dĩ, nhi hành thí thời, như cát thân nhục, thâm sanh thống tích. Phục hữu vô lượng khan tham hữu tình, tích tập tư tài, ư kỳ tự thân, thượng bất thọ dụng, hà hưởng năng dĩ phụ mẫu thê tử, nô tỳ tác sử, cập lai khát giả, bĩ chư hữu tình, từng thử mạng chung, sanh ngạ quỷ giới, hoặc bàng sanh thú. Do tích nơn gian, tăng đắc tạm văn: Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh cố, kim tại ác thú, tạm đắc ức niệm, bĩ Như Lai danh.

Tức ư niệm thời, từng bỉ xứ một, hoàn sanh nhơn trung, đắc túc mạng niệm, uý ác thú khổ, bất lạc dục lạc, hảo hành huệ thí, tán thán thí giả. Nhứt thiết sở hữu, tất vô tham tích. Tiệm thứ thượng năng dĩ đầu mục, thủ túc, huyết nhục, thân phần, thí lai cầu giả, huống dư tài vật.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi, nhược chư hữu tình, tuy ư Như Lai, thọ chư học xứ, nhi phá thi la. Hữu tuy bất phá thi la, nhi phá quỹ tắc. Hữu ư thi la, quỹ tắc, tuy đắc bất hoại, nhiên hủy chánh kiến. Hữu tuy bất hủy chánh kiến, nhi khí đa văn, ư Phật sở thuyết: Khế Kinh thâm nghĩa, bất năng giải liễu. Hữu tuy đa văn, nhi tăng thượng mạn, do tăng thượng mạn, phú tế tâm cố, tự thị phi tha, hiềm báng Chánh pháp, vi ma bạn đảng. Như thị ngu nhơn tự hành tà kiến, phục linh vô lượng câu chi hữu tình, đọa đại hiểm khanh. Thử chư hữu tình, ưng ư địa ngục, bàng sanh quỷ thú, lưu chuyển vô cùng. Nhược đắc văn thử Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, tiện xả ác hạnh, tu chư thiện pháp, bất đọa ác thú. Thiết hữu bất năng xả chư ác hành, tu hành thiện pháp, đọa ác thú giả, dĩ bỉ Như Lai bốn nguyện oai lực, linh kỳ hiện tiền tàm văn danh hiệu, từng bỉ mạng chung, hoàn sanh nhơn thú, đắc chánh kiến tinh tấn, thiện điều ý lạc, tiện năng xả gia, thú ư phi gia, Như Lai pháp trung, thọ trì học xứ, vô hữu hủy phạm, chánh kiến đa văn, giải thâm thâm nghĩa, ly tăng thượng mạn, bất báng Chánh pháp, bất vi ma bạn, tiệm thứ tu hành, chư Bồ Tát hạnh, tốc đắc viên mãn.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi, nhược chư hữu tình, khanh tham tật đố, tự tán huỷ tha, đương đọa tam ác thú

trung, vô lượng thiên tuế, thọ chư kịch khổ. Thọ kịch khổ dĩ, từng bĩ mạng chung, lai sanh nhơn gian, tác ngu, mã, đà, lư, hằng bị tiên thát, cơ khát bức não, hựu thường phụ trọng, tùy lộ nhi hành, hoặc đắc vi nhơn, sanh cư hạ tiện, tác nhơn nô tỳ, thọ tha khu dịch; hằng bất tự tại. Nhược tích nhơn trung, tăng văn Thế Tôn, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, do thử thiện nhơn, kim phục ức niệm chí tâm quy y, dĩ Phật thần lực, chúng khổ giải thoát, chư căn thông lợi, trí huệ đa văn, hằng cầu thắng pháp, thường ngộ thiện hữu, vĩnh đoạn ma quyến, phá vô minh xác, kiệt phiền não hà, giải thoát nhứt thiết sanh, lão, bệnh, tử, ưu sầu khổ não.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi, nhược chư hữu tình, hảo hỷ quai ly, cánh tương đấu tụng, não loạn tự tha, dĩ thân ngữ ý, tạo tác tăng trưởng, chủng chủng ác nghiệp, triển chuyển thường bị bất nhiều ích sự, hồ tương mưu hại, cáo triệu sơn lâm, thọ trủng đẳng thần, sát chư chúng sanh, thủ kỳ huyết nhục, tế tự Dược xoa, La sát bà đẳng, thư oán nhơn danh, tác kỳ hình tượng, dĩ ác thú thuật, nhi chú trớ chi, yểm my cổ đạo, chú khởi thi quỷ, linh đoạn bĩ mạng, cập hoại kỳ thân. Thệ chư hữu tình, nhược đắc văn thử Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, bĩ chư ác sự tất bất năng hại. Nhứt thiết triển chuyển giai khởi từ tâm, lợi ích an lạc, vô tổn não ý cập hiềm hận tâm, các các hoan duyệt. Ư tự sở thọ, sanh ư hỷ túc, bất tương xâm lăng, hồ vi nhiều ích.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi, nhược hữu tứ chúng; Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba sách-ca, Ô-ba tư-ca, cập dư tịnh tín, thiện nam tử, thiện nữ nhơn đẳng, hữu năng thọ trì bát

phần trai giới hoặc kinh nhứt niên, hoặc phục tam ngoạt, thọ trì học xứ, dĩ thử thiện căn, nguyện sanh Tây phương Cực lạc Thế giới Vô Lượng Thọ Phật. Sở thính văn Chánh pháp, nhi vị định giả, nhược văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, lâm mạng chung thời, hữu bát đại Bồ Tát, kỳ danh viết: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát. Thị bát đại Bồ Tát thừa không nhi lai, thị kỳ đạo lộ, tức ư bỉ giới, chủng chủng tạp sắc chúng bửu hoa trung, tự nhiên hoá sanh, hoặc hữu nhơn thử sanh ư thiên thượng, tuy sanh thiên thượng, nhi bốn thiện căn, diệt vị cùng tận, bất phục cánh sanh, chư dư ác thú. Thiên thượng thọ tận, hoàn sanh nhơn gian, hoặc vi Luân vương thống nhiếp tứ châu, oai đức tự tại, an lập vô lượng, bá thiên hữu tình, ư thập thiện đạo, hoặc sanh Sát đế ly, Bà la môn, cư sĩ đại gia, đa nhiều tài bảo, thương khố doanh vật, hình tướng đoan chánh, quyến thuộc cụ túc, thông minh trí huệ, đồng kiện oai mãnh như đại lực sĩ. Nhược thị nữ nhơn, đắc văn Thế Tôn, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, chí tâm thọ trì, ư hậu bất phục cánh thọ nữ thân.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi! Bỉ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đắc Bồ đề thời, do bốn nguyện lực, quán chư hữu tình, ngộ chúng bệnh khổ, sáu loan cần tiêu, huỳnh nhiệt đẳng bệnh, hoặc bị yểm mị, cổ độc sở trúng, hoặc phục đoản mạng, hoặc thời hoạch tử, Dục linh thị đẳng, bệnh khổ tiêu trừ, sở cầu nguyện mãn, thời bỉ Thế Tôn, nhập Tam-ma-địa,

danh viết: Trừ diệt nhứt thiết chúng sanh khổ não. Ký nhập định dĩ, ư nhục kế trung, xuất đại quang minh, quang trung diễn thuyết, đại Đà-la-ni viết:

"Nam mô bạc già phạt đế, bệ sát xã, lủ lô bệ lưu ly bác lạc bà, hắc ra xà giả. Đát tha yết đế đa gia, a ra hắc đế. Tam miệu tam bột đà gia, đát diệt tha. Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã, tam một yết đế toá ha".

Nhĩ thời, quang trung thuyết thử chú dĩ, đại địa chấn động, phóng đại quang minh, nhứt thiết chúng sanh, bịnh khổ giai trừ, thọ an ổn lạc. Mạn Thù Thất Lợi! Nhược kiến nam tử nữ nhơn, hữu bịnh khổ giả, ưng đương nhứt tâm vị bĩ bịnh nhơn, thường thanh tịnh tảo thấu, hoặc thực, hoặc dược, hoặc vô trùng thủy, chú nhứt bá bát biến, dữ bĩ phục thực, sở hữu bịnh khổ, tất giai tiêu diệt; nhược hữu sở cầu, chí tâm niệm tụng, giai đắc như thị vô bịnh diên niên, mạng chung chi hậu, sanh bĩ thế giới, đắc bất thối chuyển, nãi chí Bồ đề. Thị cố, Mạn Thù Thất Lợi! Nhược hữu nam tử nữ nhơn, ư bĩ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chí tâm ân trọng, cung kính cúng dường giả, thường trì thử chú, vật linh phế vong.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi! Nhược hữu tịnh tín nam tử nữ nhơn, đắc văn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, sở hữu danh hiệu, văn dĩ tụng trì, thần tước xĩ mộc, tảo thấu thanh tịnh, dĩ chư hương hoa thiêu hương, đồ hương, tác chúng kỹ nhạc, cúng dường hình tượng, ư thử kinh điển. Nhược tự thọ, nhược giáo nhơn thọ, nhứt tâm thọ trì, thính văn kỳ nghĩa, ư bĩ pháp sư ưng

tu cúng dường, nhứt thiết sở hữu tư thân chi cụ, tất giai thí dữ, vật linh pháp thiếu, như thị tiện mong chư Phật hộ niệm, sở cầu nguyện mãn, nãi chí Bồ đề.

Nhĩ thời, Mạn Thù Thất Lợi đồng tử bạch Phật ngôn: "Thế Tôn, ngã đương thệ ư Tượng pháp chuyển thời, dĩ chủng chủng phương tiện, linh chư tịnh tín thiện nam tử thiện nữ nơn đẳng đắc văn Thế Tôn Dược Sư Quang Như Lai danh hiệu, nãi chí thụy trung, diệc dĩ Phật danh, giác ngộ kỳ nhĩ. Thế Tôn, nhược ư thử kinh, thọ trì đọc tụng, hoặc phục vị tha diễn thuyết khai thị, nhược tự thọ, nhược giáo nơn thọ, cung kính tôn trọng, dĩ chủng chủng hoa hương, đồ hương, mặt hương, thiêu hương, hoa man, anh lạc, phan cái, kỹ nhạc, nhi vi cúng dường, dĩ ngũ sắc thái, tác nang thành chi, tảo sái tịnh xứ, phụ thuyết cao toà, nhi dụng an xử. Nhĩ thời, tứ Đại Thiên Vương, dữ kỳ quyến thuộc, cập dữ vô lượng bá thiên Thiên chúng giai nghê kỳ sở, cúng dường thủ hộ. Thế Tôn! Nhược thử Kinh bảo lưu hành chi xứ, hữu năng thọ trì, dĩ bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bốn nguyện công đức, cập văn danh hiệu, đương tri thị xứ, vô phục hoạch tử, diệc phục bất vi, chư ác quỷ thần, đoạt kỳ tinh khí, thiết dĩ đoạt giả, hoàn đắc như cố, thân tâm an lạc".

Phật cáo: Mạn Thù Thất Lợi! Như thị, như thị, như nhữ sở thuyết, Mạn Thù Thất Lợi, nhược hữu tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nơn đẳng dục cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai giả, ưng tiên toà lập bỉ Phật hình tượng, phu thanh tịnh toà, nhi an xử chi, tán chủng chủng

hoa, thiêu chủng chủng hương, dĩ chủng chủng tràng phan, trang nghiêm kỳ xứ; thất nhật thất hạ, thọ bát phần trai giới, thực thanh tịnh thực, tảo dụng hương khiết trước tâm tịnh y, ưng sanh vô cấu trước tâm, vô nộ hại tâm, ư nhứt thiết hữu tình, khởi lợi ích an lạc, từ bi hỷ xả, bình đẳng chi tâm, cổ nhạc ca tán, hữu nhiều Phật tượng, phục ưng niệm bĩ Như Lai bốn nguyện công đức, độc tụng thữ kinh, tư duy kỳ nghĩa diễn thuyết khai thị, tùy sở nhạo cầu, nhứt thiết giai toại, cầu trường thọ đắc trường thọ, cầu phú nhiều đắc phú nhiều, cầu quan vị đắc quan vị, cầu nam nữ đắc nam nữ; nhược phục hữu nhơn, hốt đắc ác mộng, kiến chư ác tướng, hoặc quái diệu lai tập, hoặc ư trụ xứ, bá quái xuất hiện, thữ nhơn nhược dĩ, chúng diệu tư cụ, cung kính cúng dường bĩ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai giả, ác mộng ác tướng, chư bất kiết tương, giai tất ẩn một, bất năng vi hoạn, hoặc hữu thủy hỏa, đao độc huyền hiểm, ác tướng sư tử, hổ lang, hùng bi, độc xà, ác yết, ngô công, do diên, mãn mãn đẳng bố, nhược năng chí tâm ức niệm bĩ Phật, cung kính cúng dường, nhứt thiết bố úy, giai đắc giải thoát; nhược tha quốc xâm nhiễu, đạo tặc phản loạn, ức niệm cung kính bĩ Như Lai giả, diệt giai giải thoát.

Phục thứ, Mạn Thù Thất Lợi, nhược hữu tịnh tín thiện nam tử thiện nữ nhơn đẳng, nãi chí tận hình, bất sự dư thiên, duy đương nhứt tâm, quy Phật, Pháp, Tăng, thọ trì cấm giới nhược ngũ giới, thập giới, Bồ Tát tứ bát giới, Bí-sô nhị bá ngũ thập giới, Bí-sô-ni tam bá tứ bát giới. Ư sở thọ trung, hoặc hữu hủy phạm, bố đọa ác thú, nhược năng

chuyên niệm bỉ Phật danh hiệu, cung kính cúng dường giả, tất định bất thọ tam ác thú sanh hoặc hữu nữ nhơn, lâm đương sản thời, thọ ư cực khổ, nhược năng chí tâm xưng danh lễ tán, cung kính cúng dường, bỉ Như Lai giả, chúng khổ giai trừ, sở sanh chi tử, thân phần cụ túc, hình sắc đoan chánh, kiến giả hoan hỷ, lợi căn thông minh, an ổn thiếu bệnh, vô hữu phi nhơn đoạt kỳ tinh khí.

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo A Nan ngôn: "Như ngã xưng dương bỉ Thế Tôn, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, sở hữu công đức thử thị chư Phật, thậm thâm hành xứ, nan khả giải liễu, nhữ vi tín phủ?" A Nan bạch ngôn: "Đại đức Thế Tôn, ngã ư Như Lai sở thuyết Khế Kinh, bất sanh nghi hoặc, sở dĩ giả hà? Nhứt thiết Như Lai thân, ngữ, ý nghiệp, vô bất thanh tịnh. Thế Tôn, thử nhứt nguyệt luân khả linh đoạ lạc, diệu cao sơn vương, khả sử khuynh động, chư Phật sở ngôn, vô hữu dị dã. Thế Tôn, hữu chư chúng sanh, tín căn bất cụ, văn thuyết chư Phật thậm thâm hành xứ, tác thị tư duy vân hà đản niệm Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nhứt Phật danh hiệu, tiện hoạch nhĩ sở công đức thắng lợi? Do thử bất tín, phản sanh phỉ báng, bỉ ư trường dạ, thất đại lợi lạc, đoạ chư ác thú, lưu chuyển vô cùng". Phật cáo A Nan: "Thị chư hữu tình nhược văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, chí tâm thọ trì bất sanh nghi hoặc, đoạ ác thú giả, vô hữu thị xứ. A Nan! Thử thị chư Phật thậm thâm sở hành, nan khả tín giải, nhữ kim năng thọ, đương tri giai thị Như Lai oai lực. A Nan, nhứt thiết Thịnh văn, Độc giác, cập vị đẳng địa chư Bồ Tát đẳng, giai tất bất năng như thật tín giải,

duy trừ Nhứt sanh sở hệ Bồ Tát. A Nan! Nhơn thân nan đắc, ư Tam Bảo trung, tín kính tôn trọng, diệc nan khả đắc, văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, phục nan ư thị. A Nan! Bỉ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, vô lượng Bồ Tát hạnh, vô lượng thiện xảo phương tiện, vô lượng quảng đại nguyện, ngã nhược nhứt kiếp, nhược nhứt kiếp dư, nhi quảng thuyết giả, kiếp khả tốc tận, bỉ Phật hạnh nguyện thiện xảo phương tiện, vô hữu tận dã".

Nhĩ thời, chúng trung hữu nhứt Bồ Tát Ma-ha-tát, danh viết Cứu Thoát tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, khúc cung hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: "Đại Đức Thế Tôn, Tượng pháp chuyển thời, hữu chư chúng sanh, vi chủng chủng hoạn chi sở khốn ách, trường bệnh luy sấu, bất năng ẩm thực, hầu thần càn táo, kiến chư phương ám, tử tướng hiện tiền, phụ mẫu thân thuộc, bằng hữu tri thức đề khắp vi nhiễu, nhiên bỉ tự thân, ngoạ tại bốn xứ, kiến diêm ma sứ, dẫn kỳ thần thức, chí vu Diêm ma pháp vương chi tiền, nhiên chư hữu tình, hữu câu sanh thần, tùy kỳ sở tác, nhược tội nhược phước, giai cụ thơ chi, tận trì thọ dữ Diêm ma pháp vương.

Nhĩ thời bỉ vương, thôi vấn kỳ nhơn, toán kế sở tác, tùy kỳ tội phước nhi xử đoán chi. Thời bỉ bệnh nhơn thân thuộc tri thức, nhược năng vị bỉ, quy y Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thỉnh chư chúng Tăng, chuyển độc thử Kinh, nhiên thất tăng chi đảnh, huyền ngũ sắc tục mạng thần phan, hoặc hữu thị xứ, bỉ thức đắc hoàn, như tại mộng trung, minh liễu tự kiến, hoặc kinh thất nhứt, hoặc nhị thập nhứt nhứt,

hoặc tam thập ngũ nhứt, hoặc tứ thập cửu nhứt, bỉ thức hoàn thời, như từng mộng giác, giai tự ức tri thiện bất thiện nghiệp, sở đắc quả báo. Do tự chứng kiến, nghiệp quả báo cố, nãi chí mạng nạn, diệc bất tạo tác chư ác chi nghiệp, thị cố, tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nơn đẳng giai ưng thọ trì, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, tùy lực sở năng, cung kính cúng dường".

Nhĩ thời, A Nan vấn Cứu Thoát Bồ Tát viết: "Thiện nam tử ưng vân hà cung kính cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai? Tục mạng phan đẳng phục vân hà tạo?" Cứu Thoát Bồ Tát ngôn: "Đại đức, nhược hữu bệnh nơn dục thoát bệnh khổ, đương vị kỳ nơn, thất nhứt thất dạ, thọ trì bát phần trai giới, ưng dĩ ẩm thực cập dư tư cụ, tùy lực sở biện, cúng dường Bí-sô Tăng, trú dạ lục thời, lễ bái, cúng dường bỉ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, độc tụng thữ Kinh; tứ thập cửu biến, nhiên tứ thập cửu đẳng, tạo bỉ Như Lai hình tượng thất xu, nhứt nhứt tượng tiền, các trí thất đẳng, nhứt nhứt đẳng lượng, đại như xa luân, nãi chí tứ thập cửu nhứt, quang minh bất tuyệt, tạo ngũ sắc thái phan, trường tứ thập cửu trích thủ, ưng phóng tạp loại chúng sanh, chí tứ thập cửu, khả đắc quá độ nguy ách chi nạn, bất vị chư hoạch ác quỷ sở trì.

Phục thứ A Nan, Nhược Sát-đế-lợi, quán đánh vương đẳng, tai nạn khởi thời, sở vị nơn trung tật dịch nạn, tha quốc xâm bức nạn, tự giới phản nghịch nạn, tinh tú biến quái nạn, nhứt nguyệt bạc thực nạn, phi thời phong vũ nạn, quá thời bất vũ nạn, bỉ Sát-đế-lợi; quán đánh vương đẳng,

nhĩ thời, ưng ư nhứt thiết hữu tình, khởi từ bi tâm, xá chư hệ bế, y tiền sở thuyết cúng dường chi pháp, cúng dường bĩ Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai; do thử thiện căn, cập bĩ Như Lai bốn nguyện lực cố, linh kỳ quốc giới, tức đắc an ổn, phong vũ thuận thời, cốc giá thành thực, nhứt thiết hữu tình vô bệnh, hoan lạc, ư kỳ quốc trung, vô hữu bạo ác Dược xoa đẳng thần, não hữu tình giả, nhứt thiết ác tướng, giai tức ẩn một, nhi Sát đế lợi, quán đánh vương đẳng, thọ mạng sắc lực, vô bệnh tự tại, giai đắc tăng ích.

A Nan! Nhược đế hậu phi chủ, chư quân vương tử, đại thần phị tướng, trung cung thể nữ, bá quan lê thứ, vị bệnh sở khổ, cập dư ách nạn, diệc ưng tạo lập ngũ sắc thần phan, nhiên đẳng tục minh, phóng chư sanh mạng, tán tạt sắc hoa, thiêu chúng danh hương, bịnh đắc trừ dữ, chúng nạn giải thoát.

Nhĩ thời, A nan vấn Cứu Thoát Bồ Tát ngôn: "Thiện nam tử vân hà dĩ tận chi mạng, nhi khả tăng ích?"

Cứu Thoát Bồ Tát ngôn: "Đại Đức! Nhữ khởi bất văn Như Lai; thuyết hữu cứu hoạch tử da? Thị cố khuyến tạo tục mạng phan đẳng, tu chư phước đức, dĩ tu phước cố, tận kỳ thọ mạng, bất kinh khổ hoạn. A Nan vấn ngôn: "Cứu hoạch vân hà?". Cứu Thoát Bồ Tát ngôn: Nhược chư hữu tình đắc bịnh tuy khinh, nhiên vô y dược cập khán bịnh giả, thiết phục ngộ y, thọ dĩ phi dược, thật bất ưng tử nhi tiện hoạch tử. Hựu tín thể gian tà ma ngoại đạo, yêu nghiệt chi sự vọng thuyết họa phước tiện sanh khủng động, tâm bất tự chánh bốc vấn mịch họa, sát chủng chủng chúng sanh, giải tấu thần

minh, hô chư vọng lượng, thỉnh khất phước hựu, dục ký diên niên, chung bất năng đắc. Ngu si mê hoặc, tín tà đảo kiến, toại linh hoạnh tử, nhập ư địa ngục, vô hữu xuất kỳ, thị danh sơ hoạnh; nhĩ giả, hoạnh bị vương pháp chi sở tru lục; tam giả, điền lập hy hý, đam dâm thị tửu, phóng dật vô độ, hoạnh vi phi nhơn đoạt kỳ tinh khí; tứ giả, hoạnh vi hoả phần; ngũ giả, hoạnh vi thuỷ nịch; lục giả, hoạnh vi chủng ác thú sở hám; thất giả, hoạnh đoạ sơn nhai; bát giả, hoạnh vi độc dược, yểm đảo chú trớ, khởi thi quỷ đẳng chi sở trung hại; cửu giả, cơ khát sở khổ; bất đắc ẩm thực, nhi tiện hoạnh tử, hữu thử cửu chủng; ky dư phục hữu vô lượng chư hoạnh, nan khả cụ thuyết.

Phục thứ A Nan: Bỉ Diêm ma vương, chư lĩnh thế gian danh tịch chi ký. Nhược như hữu tình, bất hiểu ngũ nghịch, phá nhục Tam Bảo, hoại quân thần pháp, huỷ ư tín giới, Diêm ma pháp vương, tùy tội khinh trọng, khảo nhi phạt chi. Thị cố ngã kim khuyến chư hữu tình nhiên đăng tạo phan, phóng sanh tu phước, linh độ khổ ách, bất tạo chúng nạn.

Nhĩ thời, chúng trung hữu thập nhị Dược Xoa đại tướng, câu tại hội toạ, sở vị:

Cung-Tỳ-La đại tướng,

Phạt-Chiếc-La đại tướng,

Mê-Xỉ-La đại tướng,

An-Xỉ-La đại tướng,

Ngạch-Nễ-La đại tướng,

San-Đế-La đại tướng,

Nhơn-Đạt-La đại tướng,

Ba-Di-La đại tướng,

Ma-Hổ-La đại tướng,

Chơn-Đạt-La đại tướng,

Chiêu-Đỗ-La đại tướng,

Tỳ-Yết-La đại tướng.

Thủ thập nhị Dược Xoa đại tướng, nhứt nhứt các hữu thất thiên Dược xoa, dĩ vi quyến thuộc, đồng thời cử thỉnh bạch Phật ngôn: "Thế Tôn ngã đẳng kim giả, mông Phật oai lực, đắc văn Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, bất phục cánh hữu ác thú chi bố, ngã đẳng tương suất, giai đồng nhất tâm nãi chí tận hình quy Phật, Pháp, Tăng, thệ đương hà phụ nhứt thiết hữu tình, vi tác nghĩa lợi, nhiều ích an lạc. Tùy ư hà đẳng thôn thành quốc ấp, không nhân lâm trung, nhược hữu lưu bố thử kinh hoặc phục thọ trì Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai danh hiệu, cung kính cúng dường giả, ngã đẳng quyến thuộc vệ hộ thị nhơn, giai sử giải thoát nhứt thiết khổ nạn, chư hữu nguyện cầu, tất linh mãn túc. Hoặc hữu tậ ách, cầu độ thoát giả, diệc ưng đọc tụng thử Kinh, dĩ ngũ sắc lữ, kiết ngã danh tự, đắc như nguyện dĩ, nhiên hậu giải kiết".

Nhĩ thời Thế Tôn tán chư Dược Xoa đại tướng ngôn:

"Thiện tai! Thiện tai! Đại Dược Xoa tướng, nhữ đẳng niệm báo Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ân đức giả, thường ưng như thị lợi ích an lạc nhứt thiết hữu tình".

Nhĩ thời, A Nan bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Đương hà danh thử pháp môn? Ngã đẳng vân hà phụng trì?".

Phật cáo A Nan: "Thử pháp môn danh thuyết Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bốn nguyện công đức, diệt danh thuyết thập nhị thần tướng, nhiều ích hữu tình, kiết nguyện thần chú, diệt danh Bạt trừ nhứt thiết nghiệp chướng, ưng như thị trì".

Thời Bạc Già Phạm, thuyết thị ngữ dĩ, chư Bồ-Tát Ma-ha-tát, cập đại Thịnh-văn, quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thiên, Long, Dược-xoa, Kiền-đặc phước, A-tố-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô lạc-già, nhơn, phi nhơn đẳng, nhứt thiết đại chúng văn Phật sở thuyết giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

Nam Mô Dược Sư Hội Thượng Phật Bồ Tát. *(tam biến)*

DƯỢC SƯ QUÁN ĐÁNH CHƠN NGÔN

Đam mô bạc già phật đẽ, bệ sát xả lũ lô thích lưu ly
bác lặc bà, hắc ra xà giả. Đát tha yết đa gia, a ra hắc đế.
Tam miệu tam bột đà gia, đát diệt tha. Án, bệ sát thệ, bệ
sát thệ, bệ sát xả, tam một yết đế toá ha. (3 lần)

Giải kiết, giải kiết, giải oan kiết
Giải liễu đa sanh oan hoà nghiệp
Tỷ tâm địch lự, phát kiên thiên
Kim đối Phật tiền cầu giải kiết,
Dược Sư Phật, Dược Sư Phật
Tiêu tai diên thọ Dược Sư Phật,
Tuỳ tâm mãn nguyện Dược Sư Phật.

(3 lần)

TÁN

Thập nhị Dược xoa đại tướng,
Trợ Phật tuyên dương,
Ngũ sắc thể lũ kiết kỳ danh,
Tuỳ nguyện tất viên thành,
Oan nghiệp băng thanh,
Phước thọ vĩnh khương ninh.

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát-nhã-Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, Tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, thị cố không trung; vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo, vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề Tát đỏa y Bát-nhã Ba-la mật-đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn. Tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

Cổ tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cổ thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết: Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha.

Nguyên trú kiết tường, dạ kiết tường
 Trú dạ lục thời, hằng kiết tường,
 Nhứt thiết thời trung, kiết tường giả,
 Nguyên chư Thượng Sư, ai nhiếp thọ.
 Nguyên trú kiết tường, dạ kiết tường,
 Trú dạ lục thời, hằng kiết tường,
 Nhứt thiết thời trung, kiết tường giả,
 Nguyên chư Tam Bảo, ai nhiếp thọ
 Nguyên trú kiết tường, dạ kiết tường,
 Trú dạ lục thời, hằng kiết tường,
 Nhứt thiết thời trung, kiết tường giả,
 Nguyên chư Hộ Pháp thường ủng hộ.

Nam mô Đông phương Giáo chủ Tiêu Tai Diên Thọ
 Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật.

Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật *(108 lần)*

Nam mô Nhứt Quang Biến Chiếu Bồ Tát *(3 lần)*

Nam mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát *(3 lần)*

Nam mô Thập nhị Dược Xoa Đại Thần Tướng *(3 lần)*

Nam mô Dược Sư Hải Hộ Phật Bồ Tát *(3 lần)*

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Đằng mờ tam mãn đa, mẫu đà nẫm. A bát ra để, hạ
đa xá ta nằng nẫm. Đát diệt tha. Ân, khô khô, khô hế, khô hế,
hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát
ra nhập phạ ra, để sắc sá, để sắc sá, sắc trí rị, sắc trí rị, ta
phấn tra, ta phấn tra, phiến để ca thất rị duệ, ta phạ ha.

TÁN

Tiêu tai thần chú,
Chí diệu chí linh,
Phước tính chủ thọ bảo khương ninh,
Bốn mang đặc hoà bình,
La kế kim tinh,
Ắt diệu hoá kiết tường.
Nam mô Tiêu Tai Giáng Kiết Tường Bồ Tát *(3 lần)*

HỒI HƯỚNG

Cầu an công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước giai hồi hướng,
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh,
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.
Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não
Nguyện đặc trí huệ chơn minh liễu,
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ,

Thế thế thường hành Bồ Tát đạo.
 Nguyên sanh Tây phương Tịnh độ trung,
 Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
 Bất thối Bồ tát vi bạn hữu.
 Nguyên dĩ thử công đức,
 Phổ cập ư nhứt thiết,
 Ngã đẳng dữ chúng sanh,
 Giai cộng thành Phật đạo.

TAM QUY Y

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát Vô thượng tâm. (1 lạy)

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải. (1 lạy)

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)

KINH DƯỢC SƯ

BỒN NGUYỆN CÔNG ĐỨC

(PHẦN DỊCH NGHĨA)

DƯỠC SƯ

LƯU LY QUANG NHƯ LAI

BỒN NGUYỄN CÔNG ĐỨC KINH

Ta nghe như vậy: một thuở nọ, Đức Bạc Già Phạm đi châu du giáo hoá các nước, đến thành Quảng Nghiêm, ở nghỉ dưới cây Nhạc Âm, cùng với tám ngàn vị Đại Bí Sô, ba vạn sáu ngàn vị Đại Bồ Tát, các hàng quốc vương, đại thần, Ba-la-môn, các hàng cư sĩ, thiên long bát bộ cùng nhơn, phi nhơn, cả thảy đại chúng nhiều vô lượng, đồng vây quanh Phật cung kính thỉnh Ngài thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, ông Mạn Thù Thất Lợi pháp vương tử nhờ oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y để bày vai bên hữu và gối bên mặt quỳ sát đất, khếp nép chấp tay hướng về phía Phật bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn cúi mong Ngài nói rõ những danh hiệu, những bốn nguyện rộng lớn cùng những công đức thù thắng của chư Phật để cho những người đang nghe pháp nghiệp chướng tiêu trừ và để cho chúng hữu tình ở đời tượng pháp được nhiều lợi lạc về sau".

Đức Thế Tôn khen ông Mạn Thù Thất Lợi đồng tử rằng: "Hay thay! Hay thay! Mạn Thù Thất Lợi! Ông lấy lòng đại bi yêu cầu Ta nói những danh hiệu và bốn nguyện công đức của chư Phật là vì muốn cho chúng hữu tình khỏi bị nghiệp chướng ràng buộc, lợi ích an vui, trong đời tượng pháp về sau. Nay ông nên lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà

nói".

Ông Mạn Thù Thất Lợi bạch rằng: "Dạ, mong Thế Tôn nói, chúng con xin nghe".

Phật bảo ông Mạn Thù Thất Lợi: "Ở phương Đông, cách đây mười Căn-già-sa cõi Phật, có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly, Đức giáo chủ cõi ấy hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Ứng Chánh đẳng giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Bạc Già Phạm.

Này Mạn Thù Thất Lợi, Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, khi còn tu hạnh đạo Bồ Tát có phát mười hai nguyện lớn, khiến cho chúng hữu tình cầu chi được nấy.

Nguyện thứ nhất: Ta nguyện đời sau, khi đứng đặng đạo Chánh đẳng Chánh giác, thân Ta có hào quang sang suốt, rực rỡ chiếu khắp vô lượng, vô số, vô biên thế giới, khiến cho tất cả chúng hữu tình đều có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, cùng tám chục món tùy hình trang nghiêm như thân của Ta vậy.

Nguyện thứ hai: Ta nguyện đời sau, khi đặng đạo Bồ đề, thân Ta như ngọc lưu ly, trong ngoài sáng suốt, tinh sạch hoàn toàn, không có chút nhơ bợn, ánh quang minh chói lợi khắp nơi, công đức cao vòi vọi và an trú giữa tầng lưới dệt bằng tia sáng, tỏ hơn vầng nhật nguyệt. Chúng sanh trong cõi u minh đều nhờ ánh sáng ấy mà tâm trí được mở mang và tùy ý muốn đi đến chỗ nào để làm các sự nghiệp gì cũng đều được cả.

Nguyện thứ ba: Ta nguyện đời sau, khi đặng đạo Bồ đề, dùng trí huệ phương tiện vô lượng vô biên độ cho chúng hữu tình, khiến ai nấy đều có đủ các vật dụng, chớ không cho ai phải chịu sự thiếu thốn.

Nguyện thứ tư: Ta nguyện đời sau, khi đặng đạo Bồ đề nếu có chúng hữu tình tu theo tà đạo, thì Ta khiến họ quay về an trụ trong đạo Bồ đề, hoặc có những người tu hành theo hạnh Thịnh văn, Độc giác thì Ta cũng lấy pháp Đại thừa mà dạy bảo cho họ.

Nguyện thứ năm: Ta nguyện đời sau, khi đặng đạo Bồ đề, nếu có chúng hữu tình nhiều vô lượng, vô biên ở trong giáo pháp của Ta mà tu hành theo hạnh thanh tịnh thì Ta khiến cho tất cả đều giữ được giới pháp hoàn toàn đầy đủ cả tam tụ tịnh giới. Giả sử có người nào bị tội huỷ phạm giới pháp mà khi đã nghe được danh hiệu Ta thì trở lại được thanh tịnh, khỏi sa vào đường ác.

Nguyện thứ sáu: Ta nguyện đời sau khi chứng được đạo Bồ đề, nếu có chúng hữu tình nào thân hình hèn hạ, các căn không đủ, xấu xa, khờ khạo, tai điếc, mắt đui, nói năng ngọng lịu, tay chân tật nguyền, lác lủi, điên cuồng, chịu tất cả những bệnh khổ ấy mà khi đã nghe danh hiệu Ta thì liền được thân hình đoan chánh tâm tánh khôn ngoan, các căn đầy đủ, không còn những bệnh khổ ấy nữa.

Nguyện thứ bảy: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ đề nếu có chúng hữu tình nào bị những bệnh hiểm nghèo, không ai cứu chữa, không ai để nương nhờ, không

gặp thầy, không gặp thuốc, không bà con, không nhà cửa, chịu nhiều nỗi nghèo hèn khốn khổ, mà hễ danh hiệu Ta đã nghe lọt vào tai một lần thì tất cả bệnh hoạn khổ não đều tiêu trừ, thân tâm an lạc, gia quyến sum vầy, của cải sung túc, cho đến chứng được đạo quả Vô thượng Bồ đề.

Nguyện thứ tám: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ đề, nếu có những phụ nữ nào bị trăm điều hèn hạ khổ sở của thân gái làm cho buồn rầu, bực tức, sanh tâm nhàm chán, muốn bỏ thân ấy mà hễ nghe danh hiệu Ta rồi thì tất cả đều được chuyển thân gái thành thân trai, có đủ hình tướng trượng phu, cho đến chứng được đạo quả Vô thượng Bồ đề.

Nguyện thứ chín: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ đề thì khiến cho những chúng hữu tình ra khỏi vòng lưới ma nghiệp, được giải thoát tất cả sự ràng buộc của ngoại đạo. Nếu có những kẻ sa vào rừng ác kiến, Ta nhiếp dẫn họ trở về với chánh kiến và dần dần khiến họ tu tập theo các hạnh Bồ Tát đặng mau chứng đạo Chánh đẳng Bồ đề.

Nguyện thứ mười: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ đề, nếu có chúng hữu tình nào mà pháp luật nhà vua gia tội phải bị xiềng xích, đánh đập, hoặc bị giam giữ trong chốn lao tù, hoặc bị chém giết, hoặc bị nhiều tai nạn nhục nhã, thân tâm chịu những nỗi khổ, buồn rầu, bứt rứt, hễ nghe đến danh hiệu Ta thì nhờ sức oai thần phước đức của Ta đều được giải thoát tất cả những nỗi ưu khổ ấy.

Nguyện thứ mười một: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ đề, nếu có chúng hữu tình nào bị sự đói khát hoành hành, đến nỗi vì tìm miếng ăn phải tạo các nghiệp dữ, mà hễ nghe danh hiệu Ta rồi chuyên niệm thọ trì thì trước hết Ta dùng các món ăn uống ngon lạ ban bố cho thân họ được no đủ và sau Ta mới đem pháp vị nhiệm màu kiến lập cho họ cái cảnh giới an lạc hoàn toàn.

Nguyện thứ mười hai: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ đề, nếu có chúng hữu tình nào nghèo đến nỗi không có áo che thân, bị muỗi mòng cắn đốt, nóng lạnh dãi dầu, ngày đêm khổ bức, hễ nghe đến danh hiệu Ta mà chuyên niệm thọ trì thì Ta khiến cho được như ý muốn: Nào các thứ y phục tốt đẹp, nào tất cả các bảo vật trang nghiêm, nào tràng hoa, phấn sáp bát ngát mùi thơm và trống nhạc cùng những điệu ca múa, tùy tâm muốn thưởng thức món nào cũng được thoả mãn cả.

Này Mạn Thù Thất Lợi, đó là mười hai lời nguyện nhiệm màu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng giác phát ra trong khi tu hành đạo Bồ Tát.

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai kia khi còn tu hạnh đạo Bồ Tát phát những lời nguyện rộng lớn và những công đức trang nghiêm ở cõi Ngài, dầu Ta nói mãi một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể nào hết được. Nhưng Ta có thể nói ngay rằng cõi Phật kia một bề thanh tịnh, không có đàn bà, cũng không có đường dữ và cả đến tiếng khổ cũng không.

Ở cõi ấy đất toàn bằng chất lưu ly, đường đi có dây bằng vàng, giếng làm ranh giới, còn thành quách cung điện, mái hiên, cửa sổ cho đến các lớp lưới bao phủ cũng toàn bằng đồ thất bảo làm ra. Thật chẳng khác gì những công đức trang nghiêm ở cõi Tây phương Cực Lạc vậy.

Cõi Phật ấy có hai vị đại Bồ Tát là Nhựt Quang Biến Chiếu và Nguyệt Quang Biến Chiếu, chính là hai bậc thượng thủ trong vô lượng, vô số Bồ Tát và lại là những bậc sắp bổ xứ làm Phật. Hai vị này đều giữ gìn kho báu Chánh pháp của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

Mạn Thù Thất Lợi, vì thế những kẻ thiện nam tín nữ nào có lòng tin vững chắc thì nên nguyện sanh về thế giới của Ngài.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại bảo ông Mạn Thù Thất Lợi đồng tử rằng: "Có những chúng sanh không biết điều lành dữ, cứ ôm lòng bòn xén tham lam, không biết bố thí mà cũng không biết quả báo của sự bố thí là gì, ngu si vô trí, thiếu hẳn đức tin, lại ham chứa chất của cải cho nhiều, đêm ngày bo bo gìn giữ, thấy ai đến xin, lòng đã không muốn, nhưng nếu cực chẳng đã phải đưa của ra thì đau đớn mẩn tiếc, dường như cắt thịt cho người vậy. Lại có vô lượng chúng hữu tình tham lẫn, chỉ lo tích trữ của cải cho nhiều mà tự mình không dám ăn tiêu, còn nói chi đến sự đem của ấy thí cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ và những kẻ nghèo hèn đến xin. Những kẻ tham lẫn ấy khi chết bị đoạ vào đường ngạ quỷ hay bàng sanh. Mặc dầu ở trong ác thú, nhưng nhờ đời trước, sống trong cõi nhơn gian đã từng nghe qua danh hiệu của Đức Dược Sư

Lưu Ly Quang Như Lai mà hay lại còn nhớ niệm đến danh hiệu Ngài thì liền từ cõi ấy thoát sanh trở lại làm người. Khi đã được làm người lại nhớ đến kiếp sống trong đường ngạ quỷ, súc sanh, biết sợ sự đau khổ nên không ưa đắm dục lạc mà còn muốn tự mình làm việc bố thí, khen ngợi người khác làm việc bố thí, không tham tiếc món gì và lần lần có thể đem cả đầu, mắt, tay, chân hay máu thịt của phần thân mình mà bố thí cho những kẻ đến xin cũng được, huống chi của cải là những vật thừa.

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi, trong chúng hữu tình nếu có những người nào thọ các giới của Phật để tu học mà lại phá giới, hoặc có kẻ không phá giới mà lại phá phép tắc, hoặc có kẻ tuy chẳng phá giới và phép tắc mà lại huỷ hoại chánh kiến, hoặc có kẻ tuy không huỷ hoại chánh kiến mà lại bỏ sự đa văn nên không hiểu được nghĩa lý sâu xa trong kinh Phật nói, hoặc có kẻ tuy đa văn mà có thói tăng thượng mạn, do thói tăng thượng mạn ấy che lấp tâm tánh, cố chấp cho mình là phải, người khác là quấy, chê bai Chánh pháp, kết đảng với ma. Những kẻ ngu si ấy tự mình đã làm theo tà kiến mà lại còn khiến cho vô số ức triệu chúng hữu tình cũng bị sa vào hố nguy hiểm. Những chúng hữu tình ấy bị trôi lăn trong các đường địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh không khi nào cùng. Nhưng nếu nghe được danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì họ liền bỏ những hạnh dữ tu theo các pháp lành, khỏi bị đọa vào vòng ác thú nữa. Giả sử có người không thể bỏ những hạnh dữ và không tu theo những pháp lành mà phải bị đọa vào vòng ác thú thì

cũng nhờ oai lực, bốn nguyện của Đức Dược Sư khiến cho họ, khi tạm nghe được danh hiệu Ngài, liền từ nơi ác thú mạng chung, trở sanh vào cõi người, được tinh tấn tu hành trong sự hiểu biết chơn chánh, khéo điều hoà tâm ý, bỏ tục xuất gia thọ trì và tu học theo giáo pháp của Như Lai, đã không huỷ phạm lại thêm chánh kiến đa văn, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, lìa được thói tăng thượng mạn, không chê bai Chánh pháp, không bè bạn với ma, dần dần tu hành theo hạnh Bồ Tát chóng được viên mãn.

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi, nếu chúng hữu tình có tánh tham lam tật đố, hay khen mình chê người thì sẽ bị đọa trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, phải chịu nhiều sự đau đớn khổ sở, trải qua không biết mấy nghìn năm mới hết. Khi đã mãn sự đau khổ kia, liền từ nơi đó mạng chung, sanh lại cõi người phải làm thân trâu, ngựa, lừa, lạc đà, thường bị người hành hạ, đánh đập và bị đói khát dày vò, lại phải đi đường xa chở nặng, cực nhọc muôn phần; còn như mayặng làm thân người thì lại bị sanh vào hạng hạ tiện, phải làm tôi tớ cho kẻ khác, mãi bị họ sai sử không khi nào được chút thông thả tự do. Nếu nhưng nhơn, vật ấy đời trước khi còn trong nhơn đạo đã từng nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì do cái nhơn lành ấy, ngày nay nhớ lại, chí tâm quy y Ngài, nhờ thần lực của Ngài gia bị mà thoát khỏi mọi sự khổ não, các căn thông lợi, trí huệ sáng suốt, lại thêm đa văn, hằng cầu thắng pháp, thường gặp bạn lành, đời đời dứt hẳn lưới ma, đập nát vỏ vô minh, tát cạn sông phiền não mà được giải thoát khỏi

nạn sanh, lão, bệnh, tử và những nỗi đau khổ lo buồn.

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi, nếu chúng hữu tình có tánh ưa sự ngang trái chia lìa, tranh đấu kiện cáo lẫn nhau, làm não loạn cho mình và người, đem thân, khẩu, ý tạo thêm mãi những ác nghiệp, xoay qua trở lại, thường làm những việc không nhiều ích để mưu hại lẫn nhau, hoặc cáo triệu những thần ở núi rừng, cây, mả, để hại người hoặc giết chúng sanh lấy huyết thịt cúng tế quỷ Dược xoa và quỷ La sát để cây quỷ hại người, hoặc biên tên họ và làm hình tượng của người cừu oán rồi dùng phép chú thuật tà ác mà trừ ẻo cho chết, hoặc theo lối ếm đối và dùng những đồ độc, hoặc dùng chú pháp hại mạng người. Nếu chúng hữu tình bị những tai nạn ấy mà nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì các thứ tà ác kia không thể hại được. Tất cả những kẻ ác tâm kia đều trở lại khởi lòng từ, làm việc lợi ích an vui cho kẻ khác, không còn ý tổn não và tâm hiềm giận, hai bên hoà hảo với nhau. Và đối với vật thọ dụng của ai thì người ấy tự vui mừng biết đủ, không xâm lấn của nhau mà lại còn giúp đỡ lẫn nhau nữa.

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi, nếu trong hàng tứ chúng: Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca và những kẻ thiện nam, tín nữ đều có thọ trì tám phần trai giới, hoặc trong một năm, hoặc mỗi năm ba tháng, vâng giữ giới pháp làm nơi y chỉ tu học, rồi đem căn lành này nguyện sanh về chỗ Phật Vô Lượng Thọ, ở thế giới Cực lạc Tây Phương đặng nghe Chánh pháp; nhưng nếu chưa quyết định mà nghe được danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì khi mạng chúng sẽ

có tám vị đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát từ trên không trung đi đến đưa đường chỉ lối cho, thì liền được vãng sanh trong những hoa báu đủ màu. Hoặc nếu có kẻ, nhơn nguyện lực của Đức Dược Sư mà được thác sanh lên cõi Trời và mặc dầu sanh lên cõi trời nhưng nhờ cái căn lành sẵn có ấy chưa hết thì không còn sanh lại những đường ác nữa. Khi tuổi thọ ở cõi Trời đã mãn, sanh lại trong cõi người, thì hoặc làm đến bậc Luân vương, thống nhiếp cả bốn châu thiên hạ, oai đức tự tại, giáo hoá cho vô lượng trăm ngàn chúng hữu tình theo con đường thập thiện, hoặc sanh vào giòng Sát-đế-ly, Bà-la-môn hay cư sĩ đại gia, của tiền dư dật, kho đụn tràn đầy, tướng mạo đoan trang, quyến thuộc sum vầy, lại được thông minh trí huệ, dũng mãnh oai hùng như người đại lực sĩ. Còn nếu có người phụ nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mà hết lòng thọ trì danh hiệu ấy thì đời sau sẽ không làm thân gái nữa.

Này Mạn Thù Thất Lợi! Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai kia khi đã chứng được đạo Bồ đề do ức bốn nguyện mà Ngài quan sát biết chúng hữu tình gặp phải các thứ bệnh khổ như da vàng, gầy ốm, cảm nhiệt, thương hàn, hoặc trúng phải những thứ ếm đối, đồ độc, hoặc bị hoạn tử, hoặc bị chết non. Muốn những chứng bệnh đau khổ ấy được tiêu trừ và lòng mong cầu của chúng hữu tình được mãn nguyện, Ngài liền nhập định, kêu là định: "Diệt trừ tất cả

khổ não chúng sanh". Khi Ngài nhập định, từ trong nhục kế phóng ra luồng ánh sáng lớn, trong luồng ánh sáng ấy nói chú đại đà-la-ni:

Nam mô bạc già phạt đế, bệ sát-xã, lủ lô thích lưu ly bác lạc bà, hắc ra xà giả. Đát tha yết đa gia, a ra hắc đế. Tam miệu tam bột đà gia, đát diệt tha. Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã, tam một yết đế toá ha.

Lúc ấy trong luồng ánh sáng diễn chú này rồi, cả đại địa rung động phóng ra ánh đại quang minh làm cho tất cả chúng sanh dứt hết bệnh khổ, hưởng được an vui.

Này Mạn Thù Thất Lợi! Nếu thấy những người nào đang mắc bệnh khổ thì phải tắm gội cho sạch sẽ và vì họ nhứt tâm tụng chú này 108 biến, chú nguyện trong đồ ăn, trong thuốc uống hay trong nước không vì trùng mà cho họ uống, thì những bệnh khổ ấy đều tiêu diệt.

Nếu có ai mong cầu việc gì mà chí tâm tụng niệm chú này thì đều được như ý muốn. Đã không bệnh lại thêm sống lâu, sau khi mạng chung được sanh về thế giới Tịnh Lưu Ly, không còn thoái chuyển, rồi dần dần tu chứng đến đạo quả Bồ đề.

Vậy nên, Mạn Thù Thất Lợi, nếu có những người nào hết lòng ân cần tôn trọng, cung kính cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì phải thường trì tụng chú này đừng lãng quên.

Lại nữa, nếu có những kẻ tịnh tín nam nữ nào được

nghe rồi tụng trì danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh đẳng giác, mỗi sớm mai, súc miệng, đánh răng, tắm gội sạch sẽ, xong lại thắp hương, rải dầu thơm, các món kỹ nhạc để cúng dường hình tượng còn đối với Kinh điển này thì tự mình hay dạy người khác chép ra, rồi giữ một lòng thọ trì và suy nghĩ nghĩa lý. Đối với vị Pháp sư giảng nói Kinh pháp thì phải nên cúng dường tất cả những vật cần dùng dùng để thiếu thốn. Hết lòng như vậy thì nhờ chư Phật hộ niệm được mãn nguyện mọi sự mong cầu cho đến chứng đặng đạo quả Bồ đề nữa.

Lúc bấy giờ, Mạn Thù Thất Lợi đồng tử bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, con thề qua thời kỳ Tượng pháp sẽ dùng đủ chước phương tiện khiến cho những thiện nam tín nữ có lòng tin trong sạch được nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cả đến trong giấc ngủ của họ con cũng dùng danh hiệu của Đức Phật này, thức tỉnh nơi tai cho họ rõ biết.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu ai thọ trì đọc tụng Kinh này, hoặc đem giảng nói, bày tỏ cho người khác, hoặc tự mình hay dạy người biên chép Kinh này hết lòng cung kính tôn trọng, dùng những bông thơm, dầu thơm, các thứ hương đốt, tràng hoa, anh lạc, phướn lọng cùng âm nhạc hát múa mà cúng dường hoặc dùng hàng ngũ sắc làm đầy đựng Kinh này, rồi quét dọn một nơi sạch sẽ, thiết lập một cái toà cao mà để lên, thì lúc ấy có bốn vị Thiên vương quyến thuộc và cùng vô lượng trăm ngàn thiên chúng ở các cõi Trời khác đều đến đó mà cúng dường và thủ hộ.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu Kinh này lưu hành đến chỗ nào có người thọ trì và nghe được danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì nhờ công đức bốn nguyện của Ngài mà chỗ ấy không bị nạn hoặch tử, cũng không bị những ác quỷ, ác thân đoạt lấy tinh khí, và dầu có bị đoạt lấy đi nữa, cũng được hoàn lại, thân tâm yên ổn khỏe mạnh như thường."

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi: "Phải, phải, thiết đúng như lời ông nói. Nay Mạn Thù Thất Lợi! Nếu có những người tịnh tín thiện nam, tín nữ nào muốn cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì trước phải tạo lập hình tượng Ngài, đem để trên toà cao chưng dọn sạch sẽ các thứ rồi rải bông, đốt các thứ hương, dùng các thứ tràng phan trang nghiêm chỗ thờ ấy trong bảy ngày bảy đêm, phải thọ tám phần trai giới, ăn đồ thanh trai, tắm gội và y phục chỉnh tề, giữ long thanh tịnh, không giận dữ, không sát hại, đối với tất cả loài hữu tình phải khởi tâm bình đẳng, đủ cả tâm từ, bi, hỷ, xả, làm cho họ được lợi ích an vui, đánh nhạc ca hát ngợi khen và do phía hữu đi nhiều quanh tượng Phật, lại phải nghĩ nhớ công đức bốn nguyện và đọc tụng Kinh này, suy nghiệm nghĩa lý mà diễn nói khai thị cho người khác biết. Làm như vậy thí mong cầu việc chi cũng đều được toại ý như cầu sống lâu được sống lâu, cầu giàu sang được giàu sang, cầu quan vị được quan vị, cầu sanh con trai, con gái thì sanh được con trai, con gái.

Lại nếu có người nào trong giấc ngủ thấy những điềm chiêm bao dữ, còn khi thức thấy những ác tướng như chim

đến đậu nơi vườn nhà, hoặc chỗ ở hiện ra trăm điều quái dị mà người ấy dùng những của báu cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai thì những ác mộng, ác tướng và những điềm xấu ấy thảy đều ẩn hết, không còn phải lo sợ gì nữa.

Nếu gặp tai nạn nguy hiểm như nạn nước, lửa, gươm, đao, thuốc độc và các cầm thú dữ gây sự sợ hãi như: voi, sư tử, cọp, sói, gấu, rắn độc, bò cạp, rít, sên, lằn muối, mà hết lòng nhớ niệm và cung kính cúng dường Đức Dược Sư thì được thoát khỏi những sự sợ hãi ấy hoặc nếu bị nước khác xâm lăng, nhiễu hại, trộm cướp rối loạn mà nhớ niệm và cung kính Đức Phật Dược Sư thì cũng được thoát khỏi những nạn ấy.

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi, nếu có thiện nam tín nữ nào từ khi phát tâm thọ giới cho đến ngày chết, không thờ những vị Trời nào, chỉ một lòng nương theo Phật, Pháp, Tăng, thọ trì giới cấm hoặc 5 giới, 10 giới, Bồ Tát 10 giới trọng, 48 giới khinh, Tỳ kheo 250 giới, Tỳ kheo ni 348 giới, nếu có ai huỷ phạm những giới pháp đã thọ sợ đoạ vào ác thú, hễ chuyên niệm và cung kính cúng dường Đức Phật Dược Sư thì quyết định không thọ sanh trong ba đường ác. Lại nếu có người phụ nữ nào đương lúc sanh sản phải chịu sự cực khổ đau đớn mà xưng danh hiệu, lễ bái và hết lòng cung kính cúng dường Đức Phật Dược Sư thì khỏi những sự đau khổ ấy mà sanh con ra cũng được vuông tròn, tướng mạo đoan trang, lợi căn thông minh, an ổn ít bệnh hoạn, ai thấy cũng vui mừng và không bị quỷ cướp đoạt tinh khí".

Lúc ấy, Đức Thích Ca cũng bảo ông A Nan rằng: "Theo như Ta đã xưng dương những công đức của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đó là công hạnh rất sâu xa của chư Phật, khó hiểu thấu được, vậy ông có tin chăng?" Ông A Nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn, đối với Khế Kinh của Như Lai nói, không bao giờ con sanh tâm nghi hoặc. Vì sao vậy? Vì những nghiệp thân, khẩu, ý của các Đức Như Lai đều thanh tịnh. Bạch Đức Thế Tôn, mặt trời mặt trăng có thể rơi xuống, núi Diệu Cao có thể lay động, nhưng những lời của chư Phật nói ra không bao giờ sai được. Bạch Đức Thế Tôn, nếu có những chúng sanh nào tin căn không đầy đủ, nghe nói đến những công hạnh sâu xa của chư Phật thì nghĩ rằng: "Làm sao chỉ niệm danh hiệu của một Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mà được nhiều công đức thắng lợi ngàn ấy", vì sự không tin đó, trở sanh lòng huỷ báng nên họ phải mất nhiều điều lợi ích, mãi ở trong cảnh đêm dài tăm tối và lại còn bị đoạ lạc trong các đường ác thú, lưu chuyển không cùng".

Phật lại bảo ông A Nan: "Những chúng hữu tình ấy nếu nghe danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chí tâm thọ trì, không sanh lòng nghi hoặc mà đoạ vào ác thú thì thật vô lý vậy.

Này A Nan, đó là công hạnh rất sâu nhiệm của chư Phật, khó tin, khó hiểu mà nay ông lãnh thọ được thì biết rằng đó là nhờ oai lực của Như Lai vậy.

Này A Nan, tất cả các hàng Thánh văn, Độc giác và các bậc Bồ Tát chưa lên đến bậc Sơ địa đều không thể tin hiểu

đúng như thật, chỉ trừ những bậc Nhứt sanh sở hệ Bồ Tát, mới tin hiểu được mà thôi.

Này A Nan, thân người khó đặng, nhưng hết lòng tin kính tôn trọng ngôi Tam Bảo còn khó hơn, huống chi nghe được danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai lại còn khó hơn nữa.

Này A Nan, Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai tu không biết bao nhiêu hạnh Bồ Tát, dùng không biết bao nhiêu phương tiện khéo léo, phát không biết bao nhiêu nguyện rộng lớn, nếu Ta nói ra trong một kiếp hay hơn một kiếp thì kiếp số có thể mau hết, chớ những hạnh nguyện và những phương tiện khéo léo của Đức Phật kia không khi nào nói cho hết được.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội có một vị đại Bồ Tát tên là Cứu Thoát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y để bày vai bên hữu, gối bên mặt quỳ sát đất cúi mình chấp tay bạch Phật rằng: "Bạch Đại Đức Thế Tôn, đến thời kỳ tượng pháp có những chúng sanh bị nhiều hoạn nạn khốn khổ, tật bệnh luôn luôn, thân hình gầy ốm, ăn uống không được, môi cổ khô ran, mắt thấy đen tối, tướng chết hiện ra, cha mẹ, bà con, bè bạn quen biết vây quanh khóc lóc. Thân người bệnh vẫn còn nằm đó mà đã thấy sứ giả đến dẫn thần thức đem lại trước mặt vua Diêm Ma pháp vương, rồi liền khi ấy vị thần Câu Sanh, đem sổ ghi tội phước của người đó dựng lên vua Diêm Ma.

Lúc ấy, vua phán hỏi rồi kê tính những tội phước của

người kia đã làm mà xử đoán. Nếu trong lúc đó những bà con quen biết, vì người bệnh ấy, quy y với Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và thỉnh chúng Tăng đọc tụng Kinh này, đốt đèn bảy từng, treo thần phan tục mạng năm sắc thì hoặc liền trong lúc ấy, hoặc trải qua bảy ngày, hai mươi một ngày, ba mươi lăm ngày, bốn mươi chín ngày, thần thức người kia được trở lại như vừa tỉnh giấc chiêm bao, tự mình nhớ biết những nghiệp lành, nghiệp dữ và sự quả báo đã thọ. Bởi chính đã rõ thấy nghiệp báo như vậy, nên dầu có gặp phải những tai nạn nguy hiểm đến tánh mạng cũng không dám tạo những nghiệp ác nữa. Vậy nên những tịnh tín thiện nam tín nữ đều phải một lòng thọ trì danh hiệu và tùy sức mình cung kính cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai".

Lúc bấy giờ, ông A Nan hỏi Cứu Thoát Bồ Tát rằng: "Này thiện nam tử, nên cung kính cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai như thế nào? Còn đèn và phan tục mạng phải làm cách sao?"

Cứu Thoát Bồ Tát nói: "Thưa Đại Đức, nếu có người bệnh nào, muốn khỏi bệnh khổ thì quyến thuộc họ phải thọ trì tám phần trai giới trong bảy ngày, bảy đêm, tùy theo sức mình sắm sửa đồ ăn uống và các thứ cần dùng khác cúng dường chư Tăng, ngày đêm sáu thời, lễ bái cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đọc tụng Kinh này bốn mươi chín biến và thắp bốn mươi chín ngọn đèn, lại tạo bảy hình tượng Đức Dược Sư, trước mỗi hình tượng để bảy ngọn đèn, mỗi ngọn lớn như bánh xe, đốt luôn trong bốn

mười chín ngày đêm dừng cho tắt; còn cái thần phan thì làm bằng hàng ngũ sắc bề dài bốn mươi chín gang tay và phải phóng sanh bốn mươi chín thứ loài vật thì người bệnh ấy qua khỏi ách nạn, không còn bị hoạn tử và bị các loài quỷ nhiều hại.

Lại nữa, A Nan nếu trong giòng Sát-đế-lỵ có những vị quốc vương đã làm lễ quán đảnh mà gặp lúc có nạn, nhân dân bị bệnh dịch, bị nước khác xâm lăng, bị nội loạn, hay bị nạn tinh tú biến ra nhiều điềm quái dị, nạn nhứt thực, nguyệt thực, mưa gió trái mùa, hay bị nạn quá thời tiết không mưa, thì lúc ấy các vị quốc vương kia phải đem lòng từ bi thương xót tất cả chúng hữu tình, ân xá cho tội nhờn bị giam cầm, rồi y theo pháp cúng dường đã nói trước mà cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì do căn lành này và nhờ sức bốn nguyện của Đức Dược Sư khiến trong nước liền được an ổn, mưa hoà gió thuận, lúa thóc được mùa, tất cả chúng hữu tình đều vui vẻ, không bệnh hoạn, không có thần Dược Xoa bạo ác nào hại lê dân. Tất cả ác tướng ấy đều ẩn mất và các vị quốc vương kia được sống lâu sức mạnh, không bệnh hoạn, mọi việc đều thêm lợi ích.

Này A Nan, nếu các hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, thái tử, vương tử, đại thần, phụ tướng, thể nữ trong cung, bá quan và thứ dân mà bị bệnh khổ cùng những ách nạn khác thì cũng nên tạo lập thần phan năm sắc, chong đèn sáng luôn, phóng sanh các loài vật, rải hoa đủ sắc, đốt các thứ danh hương để cúng dường Đức Phật Dược Sư, sẽ được lành bệnh và thoát khỏi các tai nạn".

Lúc ấy, ông A Nan hỏi Cứu Thoát Bồ Tát rằng: "Thiện nam tử! Tại sao cái mạng đã hết mà còn sống thêm được?". Cứu Thoát Bồ Tát nói: "Này Đại đức, Đại đức há không nghe Như Lai nói có chín thứ hoạn tử hay sao? Vậy nên ta khuyên người làm phan và đèn tục mạng, tu các phước đức và nhờ tu các phước đức ấy nên suốt đời không bị khổ sở hoạn nạn".

Ông A Nan hỏi: "Chín thứ hoạn tử là những thứ chi?". Cứu Thoát Bồ Tát trả lời: "Một là nếu có chúng hữu tình nào bị bệnh tuy nhẹ, nhưng không thầy, không thuốc, không người săn sóc, hay giá có gặp thầy lại cho uống lầm thuốc, nên bệnh không đáng chết mà lại chết ngang. Lại đang lúc bệnh mà tin theo những thuyết hoạ phước vu vơ của bọn tà ma ngoại đạo, yêu nghiệt trong đời, sanh lòng rung sợ không còn tự chủ đối với sự chơn chánh, đi bói khoa để tìm hiểu mối hoạ rồi giết hại loài vật để tấu với thần minh, vái van cùng vọng lượng để cầu xin ban phước, mong được sống lâu, nhưng rốt cuộc không thể nào được. Bởi si mê lầm lạc, tin theo tà kiến điên đảo nên bị hoạn tử, đoạ vào địa ngục đời đời không ra khỏi, hai là bị phép vua tru lục; ba là sa đảm sự chơi bời, săn bắn, đam mê tửu sắc, buông lung vô độ, bị loài quỷ đoạt mất tinh khí; bốn là bị chết thiêu; năm là bị chết đắm; sáu là bị các thú dữ ăn thịt; bảy là bị sa từ trên núi cao xuống; tám là bị chết vì thuốc độc, ếm đối, rửa nộ, trù ẻo, và bị quỷ tử thi làm hại; chín là bị đói khát khốn khổ mà chết.

Đó là chín thứ hoạn tử của Như Lai nói. Còn những

thứ hoạnh tử khác nhiều vô lượng không thể nói hết được.

Lại nữa, A Nan, vua Diêm Ma kia là chủ lãnh ghi chép sổ bộ, tên tuổi tội phước trong thế gian. Nếu có chúng hữu tình nào ăn ở bất hiếu, ngũ nghịch, huỷ nhục ngôi Tam Bảo, phá hoại phép vua tôi, huỷ phạm điều cấm giới thì vua Diêm Ma pháp vương tùy tội nặng nhẹ mà hành phạt. Vì thế ta khuyên chúng hữu tình nên thấp đèn làm phan, phóng sanh, tu phước khiến khỏi được các khổ ách, khỏi gặp những tai nạn".

Lúc bấy giờ, trong hành đại chúng có mười hai vị Dược Xoa đại tướng đều ngồi trong hội, như:

Cung-Tỳ-La đại tướng,

Phạt-Chiếc-La đại tướng,

Mê-Suý-La đại tướng,

An-Đế-La đại tướng,

Át-Nể-La đại tướng,

San-Đế-La đại tướng,

Nhơn-Đạt-La đại tướng,

Ba-Di-La đại tướng,

Ma-Hổ-La đại tướng,

Chơn-Đạt-La đại tướng,

Chiêu-Đỗ-La đại tướng,

Tỳ-Yết-La đại tướng.

Mười hai vị đại tướng này mỗi vị đều có bảy ngàn Dược Xoa làm quyến thuộc đồng cất tiếng bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay chúng con nhờ oai lực của Phật mà được nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, không còn tâm sợ sệt trong các đường ác thú nữa. Chúng con cùng nhau, đồng một lòng trọn đời quy y Phật, Pháp, Tăng, thề sẽ gánh vác cho chúng hữu tình làm việc nghĩa lợi đưa đến sự nhiều ích an vui. Tuỳ nơi nào hoặc làng xóm, thành, nước, hoặc trong rừng cây vắng vẻ, nếu có Kinh này lưu bố đến, hay có người thọ trì danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và cung kính cúng dường Ngài, thì chúng con cùng quyến thuộc đồng hộ vệ người ấy thoát khỏi tất cả các ách nạn và khiến họ mong cầu việc chi cũng đều được thoả mãn. Nếu có ai bị bệnh hoạn khổ ách, muốn cầu cho khỏi thì cũng nên đọc tụng Kinh này và lấy chỉ ngũ sắc gút danh tự chúng con, khi đã được như lòng mong cầu thì mới mở gút ra".

Lúc ấy, Đức Phật Thích Ca khen các vị Dược Xoa đại tướng rằng: "Hay thay! Hay thay! Đại Dược Xoa tướng, các ông nghĩ muốn báo đáp ân đức của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang nên mới phát nguyện làm những việc lợi ích an vui cho tất cả chúng hữu tình như vậy".

Đồng thời, ông A Nan lại bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, pháp môn này gọi tên là gì? Và chúng con phải phụng trì bằng cách nào?".

Phật bảo A Nan: "Pháp môn này gọi là Thuyết Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bốn nguyện công đức, cũng gọi là thuyết Thập nhị thần tướng nhiều ích hữu tình kiết nguyện thần chú và cũng gọi là Bát trừ nhứt thiết nghiệp chướng. Cứ nên đúng như vậy mà thọ trì".

Khi Đức Bát Già Phạm nói lời ấy rồi, các hàng đại Bồ Tát, các đại Thanh Văn, cùng quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, Thiên, Long, Dược Xoa, Kiên-thất-bà, A-tổ-lạc, Yết-lộ-trà, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô lạc-dà, người cùng các loài quỷ thần, tất cả đại chúng đều hết sức vui mừng và đồng tin chịu vâng làm.

Nam Mô Dược Sư Hải Hội Phật Bồ Tát *(3 lần)*

DƯỢC SƯ QUÁN ĐẢNH CHƠN NGÔN

Nam mô bậc già phật đế, bệ sát xã, lủ lô thích lưu ly bác lạc bà, hắc ra xà giả. Đát tha yết đa gia, a ra hắc đế. Tam miệu tam bột đà gia, đát diệt tha. Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã, tam một yết đế toá ha. *(3 lần)*

Giải kiết, giải kiết, giải oan kiết,
 Nghiệp chướng bao đời đều giải hết,
 Rửa sạch lòng trần, phát tâm thành kính,
 Đối trước Phật đài cầu xin giải kiết.
 Dược Sư Phật, Dược Sư Phật.
 Tiêu tai diên thọ Dược Sư Phật

Tuỳ tâm mãn nguyện Dược Sư Phật. (3 lần)

BÀI TÁN DƯỢC XOA

Mười hai đại tướng Dược Xoa

Giúp Phật tuyên dương,

Chỉ ngũ sắc gút tên kia.

Tuỳ nguyện đều được viên thành

Oan nghiệp dứt sạch, phước thọ mãi khương ninh.

BÁT NHÃ TÂM KINH

Tâm trí huệ thình thình rộng lớn

Sáng trong ngần chẳng bợn mảy trần

Lầu lầu một tánh thiên chân

Bao trùm muôn loại chẳng phân Thánh phàm.

Vận tâm ấy lặng trong sáng suốt

Cõi bờ kia một bước đến nơi

Trái lòng tròn đủ xưa nay

Công thành quả đứng tỏ bày đích đang.

Hàng Bồ Tát danh Quan Tự Tại

Khi tham thiền vô ngại đến trong,

Thấm vào trí huệ mở thông,

Soi thấy năm uẩn đều không có gì.

Độ tất cả không chi khổ ách,

Trong thức tâm hiện cảnh sắc ra,

Sắc, Không chung ở một nhà,

Không chẳng khác Sắc, Sắc nào khác không.

Ấy Sắc tướng cũng đồng Không tướng,

Không tướng y như tượng Sắc kia,

Thọ, Tướng, Hành, Thức phân chia,
 Cũng lại như vậy, tổng về Chơn không.
 Toà sắc tướng nhơn ông tạm đó,
 Các pháp kia tướng nọ luống trơn
 Chẳng sanh, chẳng diệt thường chơn,
 Chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng sòn, chẳng thêm.
 Có ấy nên cội trên không giới,
 Thể lâu lâu vô ngại thường chơn,
 Vốn không năm uẩn ấm thân,
 Sáu căn chẳng có, sáu trần cũng không.
 Thấy rõng không mà không nhãn giới,
 Biết hoàn toàn thức giới cũng không,
 Tánh không sáng suốt đại đồng,
 Vô minh chẳng có mưa hồng hết chi.
 Vẫn không có thân gì già chết,
 Huống chi là hết chết già sao,
 Tứ đế cũng chẳng có nào,
 Không chi là trí, có nào đắc chi.
 Do vô sở đắc, ly tất cả,
 Nhơn pháp kia đều xả nhị không.
 Vận lòng trí huệ linh thông
 Bờ kia mau đến, tâm không ngại gì.
 Không quái ngại, có chi khủng bố,
 Tức xa lìa mộng tưởng đảo điên.
 Tâm không, rốt ráo chư duyên,
 Niết bàn quả chứng chơn nguyên hoàn toàn.
 Tam thể Phật, y đàn Bát Nhã,
 Đáo Bồ đề chứng quả chánh nhơn

Cho hay Bát nhã là hơn,
 Pháp môn tối thắng cõi nhơn mau về.
 Thiết thần chú linh tri đại lực,
 Thiết thần chú đúng bực quang minh,
 Ấy chú Tối thượng oai linh,
 Ấy chú Vô đẳng thình thình oai thần.
 Trừ tất cả nguyên nhân các khổ,
 Thức tỉnh lòng giác ngộ vô sư,
 Thiên nhiên chơn thiết bất hư,
 An lam thần chú chơn như thuyết rằng:
 Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề, tát bà ha.

(3 lần)

Nguyên ngày an lành, đêm an lành
 Đêm ngày sáu thời thường an lành
 Tất cả các thời đều an lành
 Xin nguyện Từ Bi thường gia hộ

Nam mô Đông phương Giáo chủ Tiêu Tai Diên Thọ
 Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật.

Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật. (108 lần)

Nam mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát. (3 lần)

Nam mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát. (3 lần)

Nam mô Thập nhị Dược Xoa đại thần tướng. (3 lần)

Nam mô Dược Sư Hải Hội Phật Bồ Tát. (3 lần)

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Năng mờ tam mãn đa, mẫu đà nắm. A bát ra để, hạ đa xá ta năng nắm. Đát diệt tha. Án, khô khô, khô hế, khô hế, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, để sắc sá, để sắc sá, sắc trí rị, sắc trí rị, ta phần tra, ta phần tra, phiên để ca thất rị duệ, ta phạ ha.

Tiêu tai thần chú

Chí diệu chí linh

Phước tín chủ thọ bảo khương ninh

Bốn mạng đắc hoà bình

La kết kim tinh

Ắt diệu hoá kiết tường

Nam mô Tiêu tai Giáng kiết tường Bồ Tát. (3 lần)

HỒI HƯỚNG

Cầu an công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước giai hồi hướng,
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh,
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

Nguyện tiêu tam chương, trừ phiền não,
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ tát đạo.

**Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ tát vi hạn lữ.**

**Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhứt thiết,
Ngã đẳng dữ chúng sanh,
Giai cộng thành Phật đạo.**

TAM QUY Y

**Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại
đạo, phát Vô thượng tâm. (1 lạy)**

**Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập
Kinh tạng, trí huệ như hải. (1 lạy)**

**Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại
chúng, nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)**

THÍCH NGHĨA

Lời của Ngài A Nan thuật lại. Sau khi Phật nhập diệt, đại chúng nhóm họp để kiết tập lại những lời Phật nói, do Ngài A Nan trùng tuyên lại những lời chính Ngài đã nghe rõ.

Bạc Già Phạm: Bạc Già, Hán dịch là phước trí. Phạm là đầy đủ phước trí, tức chỉ cho Phật.

Bí-sô: Nghĩa cũng như chữ Tỷ khru.

Bồ Tát: Nói cho đủ là Bồ-đề tát đoả. Bồ-đề là giác; Tát Đoả là hữu tình. Bồ Tát nghĩa là vị đã tự mình giác ngộ và tìm phương giáo hoá cho loài hữu tình đồng được giác ngộ.

Thiên long bát bộ: Thiên-long, Dược xoa, Kiền-thất-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la già.

Mạn Thù Thất Lợi cũng như Văn Thù Sư Lợi Hán dịch là Diệu Cát Tường. Pháp Vương Tử: Pháp Vương tức chỉ cho Phật, tử là con, ý nói Ngài Văn Thù từ nơi giáo pháp của Phật tu hành mà chứng ngộ, nên gọi là con đấng Pháp Vương.

Thế Tôn: đấng tôn quý nhất trong thế gian và xuất thế gian, tức chỉ cho Phật.

Tượng pháp: Giáo pháp của Phật trụ thế chia làm 3 thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp. Từ khi Phật ra đời cho đến 1000 năm sau là thời kỳ Chánh pháp. Sau thời kỳ Chánh pháp 1000 năm là thời kỳ Tượng pháp. Thời kỳ chúng ta là thời kỳ Mạt pháp.

Hữu tình: những loài có tình thức cảm giác

Căn-già-sa: cũng gọi là Hằng-hà sa, ý nói cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng (Gange).

Như Lai: chỉ cho bậc thực hành theo đạo như thật mà chứng thành Phật quả.

Ứng cúng: xứng đáng hưởng sự cúng dường của người và trời cùng Hiền Thánh.

Chánh đẳng giác: hiểu biết tất cả các pháp một cách chơn chánh và bình đẳng.

Minh Hạnh viên mãn: minh là Trí huệ, hạnh là công hạnh, nghĩa là trí huệ viên mãn.

Thiện Thệ: khéo qua, khéo đi trên con đường bát chánh qua Niết bàn và khéo trở lại đường sanh tử để độ chúng sanh.

Thế Gian Giải: Trí hiểu biết thông suốt cả mọi sự vật trong thế gian và xuất thế gian.

Vô Thượng Sĩ: không còn ai trên nữa.

Điều Ngự Trượng Phu: có đủ những tài năng khôn khéo điều khiển và ngự phục mọi loài chúng sanh vào con đường thiện.

Thiên Nhơn Sư: đấng Đạo sư của trời và người.

Phật: bậc hoàn toàn giác ngộ.

Bạc-già pham: đấng đầy đủ phước trí. Ấy là mười hiệu của Phật.

Chánh Đẳng Chánh Giác: nói cho đủ là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác: tức là chỉ cho Phật trí, nghĩa là trí huệ của Phật vô thượng, rõ biết tất cả chơn lý một cách chơn chánh và bình đẳng.

Đạo Bồ đề: tức chỉ cho quả vị Phật.

Tà đạo: những phái tu theo lối sai lầm không đúng với sự thật lý của tứ đế và nhân quả.

Thinh văn: Thinh là thính giáo, văn là nghe: hạng này do nghe pháp Tứ đế của Phật mà chứng nhập Niết bàn (thuộc về Tiểu thừa).

Độc giác: Vị này tu hành trong đời không có Phật, quán pháp như duyên mà giác ngộ, có phần hơn bậc Thinh văn, nhưng cũng còn liệt vào hàng Tiểu thừa.

Pháp Đại thừa: những giáo pháp rất sâu xa huyền diệu có thể đưa chúng sanh chứng đến quả Phật.

Tam tỳ tịnh giới: 1) Nhiếp luật nghi giới: thu nhiếp tất cả giới luật và oai nghi của Phật chế ra; 2) Nhiếp thiện pháp giới: thu nhiếp tất cả thiện pháp; 3) Nhiêu tích hữu tình giới: hay làm việc lợi ích cho chúng hữu tình.

Các văn: mắt, tai, mũi, miệng, lưỡi.

Ác kiến: sự hiểu biết điên đảo, không đúng với lẽ chơn thật.

Chánh kiến: sự hiểu biết chơn chánh, không điên đảo tà nguy.

Ngạ quỷ: chỉ các loài quỷ bị sự đói khát hành phạt.

Bàng sanh: chỉ các loài cầm thú súc sanh.

Đa văn: học rộng nghe nhiều.

Chánh pháp: đạo pháp chơn chánh.

Ô-ba sách-ca: nghĩa cũng như Ưu-bà-tắc, Hán dịch là Cận sự nam là những người đàn ông thường gần gũi ngôi Tam Bảo để phụng sự và cúng dường.

Ô-ba tư-ca: nghĩa cũng như chữ Ưu-bà-di, Hán dịch là Cận sự nữ, là những người đàn bà thường gần gũi ngôi Tam Bảo để phụng sự và cúng dường.

Tám phần trai giới: 1) Không sát sanh; 2) Không trộm cắp; 3) Không dâm dục; 4) Không nói dối; 5) Không uống rượu; 6) Không trang điểm; 7) Không hát múa đàn địch; 8) Không nằm ngồi giường cao rộng tốt. Tám món này thuộc về giới và không ăn quá Ngọ thuộc về trai (Bát quan trai).

Bốn châu: 1) Nam-thiệm bộ-châu; 2) Tây-ngưu hoá-châu; 3) Đông-thắng thần-châu 4) Bắc-cu lô-châu.

Thập thiện: 1) Không sát sanh; 2) Không trộm cắp; 3) Không tà hạnh; 4) Không nói dối; 5) Không nói lời thù dật; 6) Không nói lời độc ác; 7) Không nói lời chia rẽ; 8) Không tham lam; 9) Không giận

dữ; 10) Không si mê.

Nhục kế: một quý tướng (vô kiến đánh tướng trong 32 tướng tốt của Phật). Nhục là thịt; kế là búi tóc. Nhục kế là núm thịt nổi cao lên trên đỉnh Phật giống như đùm tóc búi.

Ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Núi Diệu Cao: núi Tu Di rất cao và vững chắc.

Nhứt sanh sở hệ Bồ Tát: vị Bồ Tát chỉ còn một đời nữa được bồ xứ làm Phật.

Diêm-ma pháp vương: kẻ làm chủ phân xử tội nhơn ở cảnh giới cực khổ (Địa ngục) cũng là chúng sanh còn ở trong vòng luân hồi như bao nhiêu chúng sanh khác do tự nghiệp và cộng nghiệp của loài hữu tình gây tạo tội ác; giống như vị quốc vương...tuy là chủ một nước và cũng là do toàn dân tôn lên; trong nước sung sướng thì vị ấy sung sướng, nước cực khổ loạn lạc thì vị ấy cũng chịu cực khổ, tuy ít hơn mặc dầu, nên chia làm hai thứ. Có phước thì một ngày cũng chịu khổ nước đồng sôi rót vào miệng ba lần, còn vô phước thì do cộng nghiệp chúng sanh tạo ra, tuy phân xử các tội nhơn mà vẫn không tránh khỏi hình phạt theo ác nghiệp tự nhiên hiện tiền.

Câu sanh thần: có hai thuyết cạn sâu khác nhau. Theo thuyết cạn thì mỗi người sanh ra năm, tháng, ngày, giờ không giống nhau, đều có thần tùy đó sanh ra một lượt. Ấy là thuyết để đối trị bệnh đoạn kiến của phàm phu ngoại đạo. Còn theo thuyết sâu xa hơn thì đâu phải thật có vị thần câu sanh, bất quá do ngũ uẩn nhân duyên hoà hợp tạo thành mà ngũ uẩn vốn không thật tánh chỉ duy thức biến hiện. Vậy thần câu sanh tức là A-lại-da thức, vì thức này cất chứa tất cả chủng tử lành dữ mà thọ sanh trong vòng luân hồi sanh tử. Vậy nên, khi học Kinh này cần phải hiểu thâm ý là Diêm-ma pháp vương hay thần Câu-sanh đều do ngũ uẩn hợp thành duy thức biến hiện, chứ không phải ngoài thức, ngoài vọng nghiệp chúng sanh mà tự có được.

Thần phan tục mạng: ý nói mạng nhơn gần chết ma do công đức cúng dường phan này, thì được khỏi chết.

Ngũ nghịch: 1) Giết cha; 2) Giết mẹ; 3) Giết A-la-hán; 4) Làm cho thân Phật ra máu, hay huỷ phá tượng Phật; 5) Phá hoà hiệp Tăng.